

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HUANG XIAO LONG
(HOÀNG HIẾU LONG)

NGHIÊN CỨU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP
TRONG TIẾNG VIỆT VÀ ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG HÁN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HUANG XIAO LONG
(HOÀNG HIẾU LONG)

NGHIÊN CỨU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP
TRONG TIẾNG VIỆT VÀ ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG HÁN

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu

Mã số: 9229020.03

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch hội đồng đánh giá

Luận án tiến sĩ

Người hướng dẫn khoa học

GS. TS Trần Trí Dõi

PGS. TS Nguyễn Thị Phương Thủy

PGS. TS Đào Thị Thanh Lan

Hà Nội - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm

Tác giả luận án

Huang Xiao Long (Hoàng Hiểu Long)

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Thủy và PGS. TS. Đào Thị Thanh Lan, người hướng dẫn tận tình và nghiêm túc, cho tôi nhiều sự giúp đỡ và hướng dẫn trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận án.

Trong quá trình học tập tại Việt Nam, tôi luôn nhận được nhiều sự giúp đỡ của các thầy cô giáo của Khoa Ngôn ngữ học - trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQGHN, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới mọi thầy cô giáo.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới lãnh đạo của Học viện Ngoại ngữ, trường Đại học Quảng Tây đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi sang học Việt Nam.

Trong quá trình hoàn thành luận án, tôi luôn nhận được nhiều sự giúp đỡ. Nhất là GS. Kỳ Quảng Mưu, GV. Ths. Phan Năng Mai tìm giúp tôi nhiều tài liệu tham khảo, và những người thân và bạn bè ghi âm giúp tôi thu thập dữ liệu khẩu ngữ, ủng hộ tôi hoàn thành luận án. Còn bạn Dư Khởi Thành, Triệu Lưu – học trò cũ của tôi, từng giúp tôi nhiều việc trong thời điểm đại dịch covid – 19. Vì thế, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các đồng nghiệp, học trò và người thân, bạn bè của tôi.

Cuối cùng, tôi xin tỏ lòng biết ơn với gia đình, luôn động viên tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận án. Nhất là chồng tôi, là một bác sĩ ICU với công việc bận rộn, nhưng vẫn thay giúp tôi tuân thủ hiệu đạo, săn sóc bố mẹ hai bên, ủng hộ tôi học tiến sĩ.

Tác giả luận án

Huang Xiao Long (Hoàng Hiếu Long)

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- B: Bỏ ngữ
- D1: Danh từ hoặc đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất.
- D2: Danh từ hoặc đại từ nhân xưng ở ngôi thứ hai.
- D3: Danh từ hoặc đại từ nhân xưng ở ngôi thứ ba.
- HĐCK: Hành động cầu khiến
- HĐCKGT: Hành động cầu khiến gián tiếp
- HĐCKTT: Hành động cầu khiến trực tiếp
- P: Phần biểu thị lỗi sự tình (nội dung mệnh đề lô gíc).
- PNCK: Phát ngôn cầu khiến
- PNCKGT: Phát ngôn cầu khiến gián tiếp
- PNCKTT : Phát ngôn cầu khiến trực tiếp
- Tct: Từ cảm thán/ tiểu từ tính thái.
- N: Danh từ
- Nxb: Nhà xuất bản
- V: Động từ
- V(p): Vị từ, động từ có thể có phân phụ
- Vt: Vị từ tính chất/ trạng thái.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 2.1: Ý nghĩa và mức độ cầu khiến trong tiếng Việt.....	51
Bảng 2.2: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.1	54
Bảng 2.3: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.1 .	54
Bảng 2.4: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.2	56
Bảng 2.5: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.2 .	56
Bảng 2.6: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.3	58
Bảng 2.7: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.3 .	58
Bảng 2.8: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.4	59
Bảng 2.9: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.4 .	59
Bảng 2.10: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.5.....	61
Bảng 2.11: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.5	61
Bảng 2.12: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.6.....	63
Bảng 2.13: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.6	64
Bảng 2.14: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.7.....	65
Bảng 2.15: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.7	66
Bảng 2.16: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.8.....	67
Bảng 2.17: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.8	68
Bảng 2.18: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.9.....	70
Bảng 2.19: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.9 .	70
Bảng 2.20: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.10.....	71
Bảng 2.21: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.10	72
Bảng 2.22: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.11.....	73
Bảng 2.23: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.11	73
Bảng 2.24: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.12.....	74

Bảng 2.25: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.12.....	74
Bảng 2.26: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.2.1.....	76
Bảng 2.27: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.2.1..	76
Bảng 2.28: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.2.2.....	78
Bảng 2.29: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.2.2..	78
Bảng 2.30: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.3.....	80
Bảng 2.31: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.3	80
Bảng 2.32: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.1.....	82
Bảng 2.33: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.1..	82
Bảng 2.34: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.2.....	84
Bảng 2.35: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.2..	84
Bảng 2.36: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.3.....	86
Bảng 2.37: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.3..	86
Bảng 2.38: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.2.....	87
Bảng 2.39: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.2	87
Bảng 2.40: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.1.....	89
Bảng 2.41: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.1..	89
Bảng 2.42: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.1.....	90
Bảng 2.43: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.2.....	91
Bảng 2.44: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.2..	91
Bảng 2.45: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.2.....	92
Bảng 2.46: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.3.....	93
Bảng 2.47: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.3..	94
Bảng 2.48: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.3.....	94
Bảng 2.49: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.4.....	95
Bảng 2.50: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.4..	96

Bảng 2.51: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.4.....	96
Bảng 2.52: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.5.....	97
Bảng 2.53: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.5..	98
Bảng 2.54: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.5.....	98
Bảng 2.55: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.6.....	99
Bảng 2.56: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.6	100
Bảng 2.57: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.6.....	100
Bảng 2.58: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.7.....	101
Bảng 2.59: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.7	102
Bảng 2.60: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.7.....	102
Bảng 2.61: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.8.....	104
Bảng 2.62: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.8	104
Bảng 2.63: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.8.....	104
Bảng 2.64: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.9.....	106
Bảng 2.65: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.9	106
Bảng 2.66: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.9.....	106
Bảng 2.67: Sự thể hiện hình thức và mức độ cầu khiến trong PNCKGT tiếng Việt	107
Bảng 3.1 Ý nghĩa và mức độ cầu khiến trong tiếng Hán.....	112
Bảng 3.2: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.1	115
Bảng 3.3: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.1..	115
Bảng 3.4: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.2	116
Bảng 3.5: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.2..	117
Bảng 3.6: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.3	118
Bảng 3.7: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.3..	119
Bảng 3.8: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.4	120
Bảng 3.9: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.4..	121

Bảng 3.10: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.5.....	122
Bảng 3.11: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.5	122
Bảng 3.12: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.6.....	123
Bảng 3.13: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.6	124
Bảng 3.14: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.7.....	125
Bảng 3.15: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.7	125
Bảng 3.16: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.8.....	126
Bảng 3.17: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.8	127
Bảng 3.18: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.9.....	128
Bảng 3.19: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.9	128
Bảng 3.20: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.10.....	129
Bảng 3.21: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.10.....	129
Bảng 3.22: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.11.....	131
Bảng 3.23: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.11.....	131
Bảng 3.24: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.12.....	133
Bảng 3.25: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.12.....	133
Bảng 3.26: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.13.....	134
Bảng 3.27: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.13.....	135
Bảng 3.28: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.14.....	135
Bảng 3.29: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.14.....	136
Bảng 3.30: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.15.....	137
Bảng 3.31: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.15.....	137

Bảng 3.32: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.16.....	138
Bảng 3.33: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.16.....	139
Bảng 3.34: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.17.....	140
Bảng 3.35: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.17.....	140
Bảng 3.36: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.18.....	141
Bảng 3.37: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.18.....	141
Bảng 3.38: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.2.1.....	142
Bảng 3.39: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.2.1.....	143
Bảng 3.40: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.2.2.....	144
Bảng 3.41: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.2.2.....	144
Bảng 3.42: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.1.....	145
Bảng 3.43: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.1.....	145
Bảng 3.44: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.2.....	147
Bảng 3.45: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.2.....	147
Bảng 3.46: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.3.....	148
Bảng 3.47: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.3.....	148
Bảng 3.48: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.1.....	150
Bảng 3.49: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.1.....	150
Bảng 3.50: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.2.....	151
Bảng 3.51: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.2.....	151
Bảng 3.52: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.2.....	152
Bảng 3.53: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.3.....	153
Bảng 3.54: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.2.....	154
Bảng 3.55: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.2 ..	154

Bảng 3.56: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.1.....	155
Bảng 3.57: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.1	156
Bảng 3.58: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.1.....	156
Bảng 3.59: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.2.....	157
Bảng 3.60: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.2	157
Bảng 3.62: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.3.....	159
Bảng 3.63: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.3	159
Bảng 3.64: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.3.....	159
Bảng 3.65: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.4.....	161
Bảng 3.66: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.4	161
Bảng 3.67: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.4.....	161
Bảng 3.68: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.5.....	162
Bảng 3.69: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.5	163
Bảng 3.70: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.5.....	163
Bảng 3.71: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.6.....	164
Bảng 3.72: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.6	164
Bảng 3.73: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.6.....	164
Bảng 3.74: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.7.....	165
Bảng 3.75: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.7	166
Bảng 3.76: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.7.....	166
Bảng 3.77: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.8.....	167
Bảng 3.78: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.8	167
Bảng 3.79: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.8.....	168
Bảng 3.80: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.9.....	169
Bảng 3.81: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.9.....	169
Bảng 3.82: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.9.....	169
Bảng 3.83: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.10.....	170

Bảng 3.84: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.10.....	171
Bảng 3.85: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.10.....	171
Bảng 3.86: Sự thể hiện hình thức và mức độ cầu khiến trong PNCKGT tiếng Hán	172
Bảng 4.1: Liệt kê tình huống sử dụng thực tế về PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt.....	174
Bảng 4.2: Liệt kê tình huống sử dụng thực tế về PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Hán.....	175
Bảng 4.3: Đối chiếu ý nghĩa và mức độ cầu khiến của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán	177
Bảng 4.4: Đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán	180
Bảng 4.5: Đối chiếu mức cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.1	181
Bảng 4.6: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.2....	184
Bảng 4.7: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.3....	186
Bảng 4.8: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.4....	188
Bảng 4.9: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.5....	190
Bảng 4.10: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.6..	193
Bảng 4.11: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.7..	196
Bảng 4.12: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.8..	199
Bảng 4.13: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.9..	201
Bảng 4.14: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.10	204
Bảng 4.15: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.11	207
Bảng 4.16: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.12	209
Bảng 4.17: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.2.1..	212
Bảng 4.18: Đối chiếu mức độ cầu khiến trong phát ngôn trong mục 4.3.2.2	214
Bảng 4.19: Đối chiếu mức độ cầu khiến trong phát ngôn trong mục 4.3.3..	217
Bảng 4.20: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.1..	220

Bảng 4.21: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.2..	222
Bảng 4.22: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.3..	225
Bảng 4.23: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.2.....	228
Bảng 4.24: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.1..	230
Bảng 4.25: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.1	230
Bảng 4.26: Đối chiếu nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng chiến lược biểu hiện HĐCK trong mục 4.4.3.1	232
Bảng 4.27: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.2..	234
Bảng 4.28: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.2	235
Bảng 4.28: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.3..	238
Bảng 4.29: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.3	238
Bảng 4.30: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.4..	242
Bảng 4.31: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.4	242
Bảng 4.32: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.5..	244
Bảng 4.33: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.5	245
Bảng 4.34: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.6..	248
Bảng 4.35: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.6	248
Bảng 4.36: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.7..	252
Bảng 4.37: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.7	253
Bảng 4.38: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.8..	257
Bảng 4.39: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.8	257
Bảng 4.40: Đối chiếu vị thế xã hội của người nói của phát ngôn trong mục 4.4.3.8.....	259
Bảng 4.41: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.9..	262
Bảng 4.42: Đối chiếu mức hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.9	262

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài:.....	4
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	5
3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án:	5
4. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu nghiên cứu:.....	6
5. Đóng góp và ý nghĩa của luận án:.....	8
6. Bố cục của luận án:	8
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI	10
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	10
1.1.1. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở phương Tây	10
1.1.2. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở Việt Nam	11
1.1.3. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở Trung Quốc.....	15
1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài	18
1.2.1. Lý thuyết hành động ngôn từ	18
1.2.2. Lý luận về hành động ngôn từ gián tiếp.....	21
1.2.3. Cầu khiến và phát ngôn cầu khiến	24
1.2.4. Những lý thuyết liên quan đến hành động cầu khiến gián tiếp.....	35
1.2.5. Một số vấn đề cơ bản về đối chiếu ngôn ngữ	42
1.6. Tiểu kết	46
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT	48
2.1. Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt	48
2.2. Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiếp	50

2.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Việt	52
2.3.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi	53
2.3.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật	75
2.3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán.....	78
2.4. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt	80
2.4.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi	81
2.4.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán.....	86
2.4.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán.....	88
2.6. Tiểu kết	107
Chương 3: ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG HÁN	109
3.1. Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Hán	109
3.2. Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiế.	111
3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Hán	113
3.3.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi	114
3.3.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật	141
3.3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán.....	144
3.4. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Hán	149
3.4.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi	149
3.4.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán.....	153
3.4.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán.....	154
3.5 Tiểu kết	172
Chương 4: ĐỐI CHIẾU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT VỚI TIẾNG HÁN	174
4.1. Đối chiếu tình huống sử dụng thực tế về phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán	174
4.2. Đối chiếu ý nghĩa và mức độ cầu khiến của phát ngôn cầu khiến gián tiếp	

trong tiếng Việt với tiếng Hán	177
4.3. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước của tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán	180
4.3.1. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán	181
4.3.2. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật trong tiếng Việt với tiếng Hán	211
4.3.3. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán	216
4.4. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán	219
4.4.1. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán	219
4.4.2. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán với chức năng cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán	227
4.4.3. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán	229
4.5 Tiểu kết	264
KẾT LUẬN	267
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	270
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	271
DANH MỤC NGUỒN TƯ LIỆU TRÍCH DẪN	275
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đầu tiên, hành động cầu khiến gián tiếp (HĐCKGT) là một loại hành động nói luôn được nảy sinh trong cuộc giao tiếp hàng ngày. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp (PNCKGT) không có những dấu hiệu đặc trưng rõ rệt như các vị từ ngôn hành, các tiểu từ mang ý nghĩa cầu khiến hoặc ngữ điệu để thể hiện hành động cầu khiến (HĐCK), chưa được nghiên cứu sâu sắc như phát ngôn cầu khiến trực tiếp (PNCKTT), dễ thấy rằng đây là một “chỗ trống” trong nghiên cứu PNCKGT. Và lại, là một phương tiện giao tiếp, cách sử dụng PNCKGT cũng là một môn nghệ thuật rất quan trọng. Nếu dùng ngôn từ thoả đáng thì vừa đạt được ý muốn của người nói, lại làm cho người nghe hài lòng tiếp nhận. Trái lại, sẽ gây nhiều điều không thuận lợi trong giao tiếp, thậm chí là hiểu nhầm ý muốn của đối phương hoặc gây mâu thuẫn.

Thứ hai là trong cuộc giao tiếp giao văn hóa, chúng ta càng phải lưu ý đến sự khác biệt về văn hóa của hai bên. Mặc dù Việt Nam và Trung Quốc là hai nước châu Á, đều thuộc về vùng văn hóa Đông Á nhưng chuẩn mực xã hội và phong tục tập quán của hai nước vẫn có điểm khác, tư duy của nhân dân hai nước cũng có một vài khác biệt. Khi chúng ta thực hiện giao tiếp giao văn hóa, nếu không chú ý đến những sự khác biệt này trong nền văn hóa hai nước, có thể tạo ra một kết quả là thực hiện giao tiếp thất bại, hoặc không thể đạt được hiệu quả giao tiếp như ý muốn của mình.

Thứ ba, chúng ta cần tìm hiểu những sự khác biệt về ngôn ngữ, về nền văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, để tránh khỏi sự di chuyển tiêu cực về ngữ dụng khi thực hiện giao tiếp. Chẳng hạn, khi người Trung Quốc nêu ra hoặc tiếp nhận PNCKGT bằng tiếng Việt, nên nói thế nào mới thể hiện được sự lịch sự và tôn trọng. Chúng ta học và nghiên cứu ngoại ngữ không những cần học những kiến thức về ngữ pháp, mà còn phải học thêm kiến thức về dụng học, biết rõ được thì thực hiện hoặc tiếp nhận những HĐCKGT bằng tiếng nước ngoài phải tuân theo chuẩn mực xã hội gì, thói quen gì về ngôn từ. Cho nên, chúng tôi nghĩ, khi giảng dạy ngoại ngữ, môn ngữ dụng học nên là một môn học đáng được lưu ý.

Cuối cùng, nghiên cứu đối chiếu về PNCKGT của tiếng Việt và tiếng Hán, cũng như nghiên cứu đối chiếu ngữ dụng của tiếng Việt và tiếng Hán còn nhiều điểm nóng đáng được chúng tôi lưu ý. Cho nên, chúng tôi làm luận án “Nghiên cứu PNCKGT trong tiếng Việt và đối chiếu với tiếng Hán”, để tìm hiểu quy luật về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, hy vọng có đóng góp cho người học tiếng Việt hoặc tiếng Hán.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trong luận án là những PNCKGT của tiếng Việt và tiếng Hán, gồm cả kiểu PNCKGT quy ước và phi quy ước.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là những PNCKGT xảy ra trong hội thoại, ngay cả trong những hội thoại sáng tạo (trong tác phẩm) và trong những hội thoại tự nhiên (trong cuộc sống hàng ngày). Hai loại dữ liệu đều là dữ liệu chính phục vụ cho nghiên cứu. Những dữ liệu trong tác phẩm văn học vì có sửa chữa trước khi xuất bản, có thể chính xác hơn về mặt diễn đạt. Còn những dữ liệu trong cuộc sống hàng ngày được nêu ra một cách tự nhiên, có thể có chỗ không chính xác về diễn đạt, về ngữ pháp.

Ba bình diện được đặt trọng tâm nghiên cứu là cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những PNCKGT được nêu trong giao tiếp, nhận diện, miêu tả và tìm ra đặc điểm về cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng của PNCKGT trong tiếng Việt, tìm ra đặc điểm của chúng, sau đó đối chiếu với hiện tượng ngôn ngữ này trong tiếng Hán, để tìm hiểu các nhân tố tạo ra sự giống nhau và khác nhau về PNCKGT ở hai ngôn ngữ này. Việc phân tích và tổng kết các nhân tố tạo ra sự khác nhau của PNCKGT trong hai ngôn ngữ nhằm mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ và công việc dịch thuật nói chung, và giúp ích cho người học tiếng Việt hoặc

tiếng Hán giảm bớt rào cản trong cuộc giao tiếp giao văn hóa.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án sẽ hướng đến giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Tổng quan các nghiên cứu đã có về cầu khiến và cầu khiến gián tiếp, xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu cho luận án;
- Thu thập, khảo sát, miêu tả và phân tích các kiểu PNCKGT trong tiếng Việt, và tìm ra đặc điểm và quy luật hoạt động của chúng;
- Thu thập, khảo sát, miêu tả và phân tích các kiểu PNCKGT trong tiếng Hán, và tìm ra đặc điểm và quy luật hoạt động của chúng;
- Phân loại, miêu tả và phân tích các kiểu PNCKGT tiếng Việt và tiếng Hán, rồi đối chiếu PNCKGT trong hai ngôn ngữ Việt – Hán ở 3 bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, để rút ra điểm giống nhau và khác nhau ở hai ngôn ngữ.

4. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu và phương pháp thu thập ngữ liệu

4.1.1 Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích phân loại, miêu tả các loại PNCKGT của tiếng Việt trong các ngôn cảnh cụ thể từ mặt cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, và đối chiếu với PNCKGT trong tiếng Hán, rút ra điểm giống nhau và khác nhau của chúng, tìm hiểu nhân tố tạo điểm khác nhau của chúng, để giúp ích cho người học / giảng dạy ngoại ngữ. Cụ thể luận án sử dụng những phương pháp và thủ pháp sau:

Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ: đây là một phương pháp nghiên cứu rất quan trọng được áp dụng trong luận án. Trên cơ sở miêu tả đặc điểm của các loại PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, luận án sau đó đối chiếu các loại PNCKGT tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, để xác định những điểm giống nhau và khác nhau của hai ngôn ngữ này.

Phương pháp phân tích ngôn cảnh: nhờ có ngôn cảnh, ý nghĩa của lời sẽ không bị mơ hồ như câu. Một lời nói mới có thể đồng thời biểu đạt nhiều ý nghĩa khác

nhau, bao gồm ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn. Trong luận án, khi phân tích ngôn cảnh, chúng tôi kết hợp các yếu tố trong ngôn cảnh như vị thế của người nói và người nghe, thời gian, không gian, phép xã giao trong xã hội, bối cảnh giao tiếp, v.v ..., để thao tác suy ý đúng ý nghĩa cầu khiến được hàm ẩn trong phát ngôn.

Thủ pháp thống kê: thống kê, phân tích và xử lý ngữ liệu và các số liệu điều tra bằng phương pháp thống kê, để tính số lượng của các loại PNCKGT, số lượng của các mức độ cầu khiến trong mỗi loại PNCKGT, đối chiếu tần số sử dụng của mỗi loại PNCKGT trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán...

4.1.2 Phương pháp thu thập ngữ liệu

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích hội thoại, để nhận diện các PNCKGT trong hội thoại. Sau đó, chúng tôi thu thập và xử lý ngữ liệu trong luận án. Phương pháp thu thập ngữ liệu trong luận án, chủ yếu có 4 loại:

1) Nhờ người thân và bạn bè ghi âm các hội thoại xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, sau đó chúng tôi gỡ băng, để nhận diện và xử lý các PNCKGT.

2) Ghi lại và xử lý PNCKGT các hội thoại trong xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, hoặc cuộc giao tiếp từ người khác trong cuộc sống hàng ngày.

3) Đọc tác phẩm văn học, ghi lại những PNCKGT có trong tác phẩm văn học.

4) Đọc các những nghiên cứu trước đó của các học giả, ghi lại những PNCKGT có trong đó.

4.2. Tư liệu nghiên cứu

Nguồn tư liệu là những hội thoại chứa PNCKGT, và những hội thoại ấy luôn có trong tác phẩm hoặc cuộc sống hàng ngày. Vì thế, khi tiến hành thu thập tư liệu nghiên cứu, chúng tôi dùng cách quan sát, ghi chép, ghi âm để ghi lại những PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán. Nguồn tư liệu chủ yếu có 4 loại:

1) Nhờ người thân và bạn bè ghi âm các hội thoại xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, chúng tôi nghe lại và thu thập các PNCKGT tiếng Việt và tiếng Hán trong băng ghi âm. Ở phần này, tổng thời gian ghi âm về hội thoại tiếng Việt khoảng 365 phút, thu thập được 129 PNCKGT tiếng Việt. Về hội thoại tiếng Hán khoảng 373 phút, thu thập được 90 PNCKGT tiếng Hán. Loại tư liệu này là những PNCKGT tự nhiên.

2) Khi chúng tôi giao tiếp với người khác, hoặc nghe cuộc giao tiếp từ người

khác trong cuộc sống hàng ngày, luôn gặp được PNCKGT một cách tự nhiên, chúng tôi thường ghi lại. Loại tư liệu này cũng là những PNCKGT tự nhiên. Ở phần này, chúng tôi thu thập được 9 PNCKGT tiếng Việt và 67 PNCKGT tiếng Hán.

3) Thu thập những PNCKGT có trong tác phẩm văn học. Phần tư liệu này là những PNCKGT được tác giả viết trong tác phẩm, chúng vốn từ cuộc sống hàng ngày, có tính điển hình. Ở phần này, chúng tôi thu thập được 487 PNCKGT tiếng Việt và 646 PNCKGT tiếng Hán.

4) Thu thập những PNCKGT được sử dụng trong những nghiên cứu trước đó của các học giả. Phần tư liệu này vừa có phần nguồn từ cuộc sống, cũng có phần là nguồn từ tác phẩm. Loại tư liệu này cũng là những PNCKGT tự nhiên. Ở phần này, chúng tôi thu thập được 73 PNCKGT tiếng Việt và 39 PNCKGT tiếng Hán.

5. Đóng góp và ý nghĩa của luận án

Việc nghiên cứu đối chiếu ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng của PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán mang ý nghĩa thực tế về mặt lý luận và thực tiễn.

Về lý luận: Nghiên cứu của chúng tôi giúp hoàn thiện việc nghiên cứu ngữ pháp, ngữ nghĩa về PNCKGT, bổ sung thêm quan điểm mới mẻ trong việc nghiên cứu ngữ dụng của HĐCKGT của dân tộc Việt và dân tộc Hán, nhất là trong công việc nghiên cứu, đối chiếu sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tư duy giữa dân tộc Việt và dân tộc Hán.

Về thực tiễn: Luận án góp phần tìm hiểu đặc điểm và quy luật về ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng của PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, giúp ích cho người học tiếng Việt / tiếng Hán và người sử dụng song ngữ sử dụng chính xác PNCKGT, khắc phục những hiện tượng chuyển di tiêu cực trong cuộc giao tiếp xuyên văn hóa, đạt được hiệu quả tốt trong giao tiếp thực tế.

Đồng thời, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng có thể ứng dụng trong công việc giảng dạy ngoại ngữ, giúp đỡ người học tiếng Việt / tiếng Hán thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, giúp người giảng dạy tiếng Việt / tiếng Hán biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo cho các chương trình giảng dạy ngôn ngữ thứ hai.

6. Bố cục của luận án

Trừ phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có cấu trúc gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài

Chương này trình bày tình hình nghiên cứu về cầu khiến và cầu khiến gián tiếp từ các góc độ nghiên cứu ở phương Tây, Việt Nam và Trung Quốc. Đồng thời, trình bày những cơ sở lý thuyết có liên quan, để triển khai nội dung của luận án.

Chương 2. Đặc điểm của phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Việt

Chương này miêu tả, phân tích đặc điểm các kiểu PNCKGT có quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt.

Chương 3. Đặc điểm của Khảo sát phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán

Miêu tả, phân tích đặc điểm các kiểu PNCKGT có quy ước và phi quy ước trong tiếng Hán.

Chương 4. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán

Chương này đối chiếu PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán ở mặt cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Chẳng hạn: đối chiếu các dạng thức của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán, đối chiếu ý nghĩa và mức cầu khiến của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán, lực ngôn trung trong PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán, phân tích một số nhân tố tạo ra những điểm khác nhau của PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán.

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

Chương này tổng quan các nghiên cứu ở phương Tây, Việt Nam và Trung Quốc từ các góc độ khác nhau. Đồng thời, luận án sẽ giới thiệu một số cơ sở lý thuyết như: lý thuyết hành động ngôn từ, hành động cầu khiến trực tiếp / gián tiếp, ngôn cảnh, giao tiếp giao văn hoá, vấn đề cơ bản về đối chiếu ngôn ngữ.

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở phương Tây

Cầu khiến là một hiện tượng ngôn ngữ phổ biến, thu hút được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu ngôn ngữ học. Ở thập kỷ 50 của thế kỷ XX, lý thuyết *hành động ngôn từ* lần đầu tiên được nêu ra bởi Austin. Dưới góc nhìn này, một số nghiên cứu về cầu khiến gián tiếp được các học giả phương Tây triển khai:

Nếu cần phân biệt kỹ kiểu loại của HĐCK, thì phải dựa trên phương pháp phân biệt hành động ngôn từ trực tiếp và gián tiếp trong công trình nghiên cứu của Searle, HĐCK nên được chia thành cầu khiến trực tiếp (hiển ngôn) và cầu khiến gián tiếp (hàm ngôn). Tác giả cho rằng, cầu khiến gián tiếp là “hành động ngôn từ gián tiếp, chính là thông qua thực thi một hành động ngôn trung khác, để thực hiện một hành động ngôn trung nào đó một cách gián tiếp” [56, tr.29]. Trong quá trình lý giải ý nghĩa cầu khiến trong PNCKGT, quá trình thao tác suy ý là không thể thiếu được. Điều này yêu cầu người nghe phải biết đến bối cảnh văn hóa trong cuộc giao tiếp và các thông tin khác ngoài ngôn ngữ, mới nắm bắt được ý muốn của người nói.

Searle (1975) chỉ ra, lịch sự là động cơ thứ nhất thúc đẩy người nói lựa chọn sử dụng chiến lược gián tiếp để biểu hiện ý muốn của mình. Và “phát ngôn phải theo quy tắc” cũng là một nguyên nhân chính làm cho người nói chọn dùng phương thức gián tiếp để biểu hiện ý muốn cầu khiến. [53, tr.11]

Có thể nói, những quan điểm của các học giả phương Tây có ảnh hưởng to lớn đến việc nghiên cứu HĐCKGT. Khi nghiên cứu về hành động / PNCKGT, đa số học giả Việt Nam và Trung Quốc lấy những lý thuyết liên quan của phương Tây làm

cơ sở, để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ trong tiếng Việt và tiếng Hán. Luận án xin trình bày những nội dung này trong phần tiếp theo.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở Việt Nam

Trong tiếng Việt, HĐCK được giới nghiên cứu Việt ngữ gọi bằng nhiều thuật ngữ khác nhau như: *cầu khiến / khuyến lệnh / điều khiển...*[12, tr.41], luận án này xin dùng thuật ngữ *cầu khiến*. Trong những nghiên cứu ở Việt Nam, PNCKGT chủ yếu được nghiên cứu ở bình diện ngữ dụng học.

Trong giáo trình “Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (Trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)” (2012), Đào Thanh Lan cho rằng, PNCKGT nên được phân loại theo hình thức câu như: phát ngôn hỏi – cầu khiến, phát ngôn trần thuật – cầu khiến, phát ngôn cảm thán – cầu khiến. PNCKGT lại có các kiểu biểu thức hỏi – cầu khiến đồng hướng và ngược hướng. Phát ngôn hỏi – cầu khiến đồng hướng *nhằm mục đích cầu khiến hành động nêu trong lời*, có dạng thức: *Hay + P?*; *P + chứ?*; *P + có được không / được không?*... Còn cầu khiến ngược hướng *nhằm mục đích cầu khiến ngăn cấm hành động đã nêu trong lời, hoặc yêu cầu thực hiện hành động ngược lại những hành động đã nêu trong lời hỏi* [Đào Thanh Lan, 2012, tr.207], bao gồm những dạng thức như: *Ai + P?*; *Sao / tại sao/ + P?*; *P + làm gì? / V+ gì?*. Kiểu trần thuật – cầu khiến có dạng thức *D1/ D3 + mong / muốn + V(p)*. Về phát ngôn cảm thán – cầu khiến, thì luôn chứa các từ cảm thán, hoặc từ ngữ có giá trị biểu cảm, đánh giá, mô hình tiêu biểu là: *D1 / D3 + Vt + Tck*. [20, tr.214 - 215]

Vũ Thị Thanh Hương phân tích tính gián tiếp và lịch sự trong PNCK tiếng Việt [11, tr.34 – 43]. Tác giả cho thấy, khi phân loại PNCKGT nên dựa vào hai tiêu chí: 1) Sự khác biệt về mặt hệ hình hay là mức trực tiếp / gián tiếp. 2) Sự khác biệt về mặt cú đoạn hay là sự vắng mặt / có mặt của các thành phần bổ trợ. PNCKGT trong tiếng Việt nên được phân thành hai loại lớn: 1) Gián tiếp bậc một – HĐCK không được biểu hiện trực tiếp bằng mệnh đề chính ở kiến trúc mệnh đề mà được suy ra gián tiếp nhờ tính quy ước của phương tiện biểu hiện. Các phương tiện quy ước được dùng để đánh dấu hành động gián tiếp luôn là nêu ra ý muốn (Mẹ muốn con dọn nhà.), hoặc là những phát ngôn hỏi dò về khả năng thực hiện (Con dọn nhà

hộ mẹ được không?), phát ngôn hỏi về lý do (Sao con không dọn nhà hộ mẹ đi?), hay điều kiện chuẩn bị (Chị còn tiền đây không?). 2) Gián tiếp bậc hai – HĐCK không được biểu hiện trực tiếp bằng mệnh đề chính ở kiến trúc mệnh lệnh hoặc được suy ra nhờ tính quy ước của các phương tiện biểu hiện mà được suy ra gián tiếp từ sự liên tưởng quy chiếu giữa sự vật, đặc trưng hay hành động được nói đến với ý định cầu khiến nhờ sự gợi ý của tình huống giao tiếp (Tôi hết mất tiền rồi! Ở đây nóng quá!) [11, tr.34 – 43]

Bùi Mạnh Hùng (1999) khẳng định rằng *cảnh báo* cũng là một tiểu loại thuộc nhóm HĐCK, nhằm mục đích ngăn chặn tiếp ngôn tránh khỏi những sự tình có thiệt hại. Trong tiếng Việt, cách thể hiện cảnh báo có hai cách: + Hàm ẩn. (a. Đoạn đường này dốc và khúc khuỷu.) + Tường minh. (a. Khéo ngã!). Tác giả quy nạp các đặc điểm của cảnh báo hàm ẩn (gián tiếp) trong tiếng Việt là: + Biểu thị một sự tình tiêu cực hoặc dẫn đến hậu quả xấu theo sự đánh giá thông thường. + Người nhận phát ngôn có can dự đến sự tình đó và có thể phải chịu hậu quả xấu nhưng không nhận thức được khả năng xảy ra hậu quả đó. + Hậu quả đó có thể được loại bỏ hoặc hạn chế người nhận có hành động thích hợp. [9, tr.33]

Nguyễn Văn Độ trong bài “Lời thỉnh cầu “Bóng gió” trong tiếng Anh và tiếng Việt” [3, tr.54-62], khẳng định rằng: *Thỉnh cầu “bóng gió” thuộc nhóm hành động gián tiếp không có quy ước mà nhằm mục đích thỉnh cầu*, lời thỉnh cầu “bóng gió” cũng là một loại PNCKGT. Ông phân loại lời thỉnh cầu “bóng gió” dựa theo lực ngôn trung (*illocutionary force*) và nội dung mệnh đề, phân chia độ mờ trong lực ngôn trung thành 3 loại: + Tìm hiểu sự cam kết của người nghe như: Bà có bằng lòng thì em mới dám hỏi. + Tìm hiểu tính khả thi: Nhà anh có gạo không? + Đưa nguyên do: Hôm qua mình vừa đến cửa hàng thì họ đóng cửa nên không mua được cuốn sách thầy yêu cầu mua. Cậu cho mình mượn cuốn của cậu tối nay thôi được không? Và tác giả xếp độ mờ như trên từ “tương đối tỏ” đến “hoàn toàn mờ” theo trật tự: loại tìm hiểu sự cam kết của người nghe > loại tìm hiểu tính khả thi > loại đưa nguyên do. [3, tr.54-62]

Dương Tuyết Hạnh (2006) nghiên cứu hiện tượng “*hành vi chủ hướng hàm ẩn*

trong tham thoại”. Trong những ngữ cảnh đặc thù, một số hành động dẫn nhập từ người nói được thể hiện bằng nhiều tiểu nhóm hành động như miêu tả, thông báo, đánh giá... có nghĩa hàm ẩn tương đương như nhờ vả, đề nghị, ra lệnh... [6, tr.5]. Những phát ngôn thể hiện hành động chủ hướng hàm ẩn trong tham thoại thực ra là PNCK với cách gián tiếp, có thể là hình thức trần thuật, cảm thán, hoặc là nghi vấn, nhằm mục đích gợi ý người nghe thực hiện hành động nào đó theo người nói. Yêu cầu người nghe kết hợp bối cảnh văn hóa cộng đồng và phép lịch sự, để suy ý đích ngôn trung của lời. Chẳng hạn: SP1: Me ơi. (Thỉnh cầu SP2 mở cửa cho) SP2: Mày sang chuông lợn nhà bác Thọ mà ngủ./ SP1: Bản viết tay hơi khó xem. Những phần tôi viết thêm, cô lưu ý... (Ra lệnh SP2 xử lý công việc ngay) SP2: Thưa giám đốc, tôi sẽ làm ngay. Nói chung là “Trong giao tiếp thường nhật, chúng ta truyền báo được nhiều hơn điều mình nói ra” [6, tr.6].

Chữ Thị Bích cũng có nghiên cứu vấn đề có liên quan đến những phát ngôn vừa thể hiện hành động *cho tặng*, vừa thể hiện *câu khiến gián tiếp*. [1] Tác giả cho rằng, những phát ngôn ấy có nhiều hình thức, và các yếu tố tạo thành những phát ngôn ấy cũng nhiều, bao gồm ngữ nghĩa của lời, ngữ cảnh, vị thế giao tiếp của người tham gia giao tiếp, v.v... Chẳng hạn: + *Cho tặng* dưới hình thức *thỉnh cầu*: - (Ngày nhà giáo 20/11) Em biết lúc này là không phải (mẹ của SP2 mới mất) nhưng đây là tấm lòng của em đối với cô. *Em mong cô nhận cho em*. (Trao quà) + *Cho tặng* dưới hình thức *xác tín*: Quà Nha Trang của em đây. *Một con ốc, một con tôm có đẹp không?!* Quả sinh nhật của mày đây. *Chắc chắn là mày sẽ thích. Tao lòng mãi mới được đây!.* + *Cho tặng* dưới hình thức *thông báo / trần thuật*, cũng mang tính cầu khiến: – *Thím đi siêu thị, thím thấy chiếc áo này đẹp quá.* + *Cho tặng* dưới hình thức *hỏi*, cũng mang tính cầu khiến: - *Này gọi đầu à? Minh còn một nửa gói clear cậu có dùng không?!* Bà Hoàn ơi! *Bà có ăn bầu không tôi cắt cho một nửa?* [1, tr.40-51]

Phạm Thị Như Hoa (2015) nghiên cứu, phân tích *hành động ngôn ngữ gián tiếp hỏi* – tranh biện được thực hiện bằng câu hỏi tu từ trong thơ Chế Lan Viên., thống kê được 7 loại hành động ngôn ngữ gián tiếp hỏi – tranh biện: *Hỏi ngược*

hướng– khuyên, hỏi ngược hướng – định hướng, hỏi ngược hướng – định nghĩa, hỏi ước – bộc lộ cảm xúc, hỏi ước – khẳng định, hỏi mỉa – phản bác, hỏi vắn – bác bỏ. Trong đó, loại phát ngôn hỏi ngược hướng– *khuyên* luôn chứa tình thái từ *ư* ở cuối câu, với mô hình: P + *ư*? Ví dụ: “- *Nêu tả tiếng cười ư?*” Loại phát ngôn sử dụng một chiến lược giao tiếp khôn khéo, chủ ngôn ở đây với vai giao tiếp bị động, phát ngôn chỉ là để người nói chỉ ra một sáng kiến hoặc tư tưởng, lực ngôn trung thông thường không mạnh mẽ. [8, tr. 69 - 77]

Nguyễn Thị Thuận, Nguyễn Thị Hồng Toan (2015) nghiên cứu hiện tượng *các hành động nói gián tiếp thực hiện bằng hành động hỏi* trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan. [26] Tác giả xác định lại nhóm hành động này bao gồm: yêu cầu, khuyên, gợi ý, nhắc nhở. Và nhóm hành động này có thể biểu hiện một cách gián tiếp bằng phát ngôn hỏi, như: “*Gọi vú ấy về đun nước bác xơi chứ?*”(yêu cầu gián tiếp); “*Nếu thế thì rồi mẹ đến nói chuyện cho người ta hiểu, chứ việc gì mà phải nghĩ ngợi?*” (khuyên gián tiếp). Các phát ngôn hỏi biểu hiện điều khiển gián tiếp với tần suất sử dụng từ cao đến thấp là: yêu cầu (31,4%)>khuyên (27,9%)>gợi ý (27,9%)>nhắc nhở (12,8%). [26, tr.14 -21]

Trong luận án (2019) của Lê Thị Tố Uyên [27], tác giả áp dụng lý luận của Đào Thanh Lan, cho rằng lời cầu khiến, lời trần thuật, lời hỏi đều có vai trò thể hiện cầu khiến như: ra lệnh, cấm đoán, đề nghị, dặn, xin/xin phép, cầu ... So với cầu khiến nguyên cấp và bán tường minh, HĐCK với biểu thức gián tiếp được trẻ em sử dụng nhiều hơn. So sánh với biểu thức hỏi – cầu khiến, thì biểu thức trần thuật – cầu khiến được sử dụng nhiều hơn. Trong khi đó, hành động đề nghị gián tiếp là tiểu loại được trẻ em sử dụng nhiều nhất, đó là phát ngôn mách nhằm mục đích tạo động cơ để thúc đẩy người nghe thực hiện hành động theo ý mình. Theo tác giả, lực ngôn trung và vị thế giao tiếp của người tham thoại là những nhân tố liên quan đến việc lựa chọn biểu thức cầu khiến. Còn về việc tiếp nhận HĐCK, các trẻ bình thường, thiếu năng ngôn ngữ, khiếm thính đều có khả năng tiếp nhận được PNCKTT, cũng suy ý được nội dung của PNCKGT. [27].

Xét từ những kết quả nghiên cứu như trên, đa số học giả Việt Nam nghiên cứu

PNCKGT từ góc độ ngữ dụng học. Còn kết quả nghiên cứu PNCKGT tiếng Việt và đối chiếu với tiếng Hán thì chỉ có một bài luận văn thạc sĩ của Phan Trịnh Vụ. Tác giả dựa theo “lý thuyết hành động ngôn từ gián tiếp” của Searle và kiến thức ngữ pháp và ngữ nghĩa học, phân chia PNCKGT trong tiếng Việt thành 3 loại hình như: 1) Hình thức phát ngôn hỏi – cầu khiến, 2) Hình thức phát ngôn trần thuật – cầu khiến, 3) Hình thức cảm thán – cầu khiến. Kết quả nghiên cứu về nghiên cứu PNCKGT tiếng Việt và đối chiếu với tiếng Hán còn ít.

1.1.3. Tình hình nghiên cứu phát ngôn cầu khiến gián tiếp ở Trung Quốc

Từ thế kỷ XX, nghiên cứu PNCKGT từ góc độ ngữ dụng đã trở thành một khuynh hướng trong lĩnh vực có liên quan. Coi “*cầu khiến*” là một hành động có chức năng điều khiển, chứ không phải là một loại hình câu đơn thuần, ý kiến này dần dần được đông đảo học giả chấp nhận, trở thành quan điểm chủ chốt trong giới nghiên cứu tiếng Hán.

Trong công trình của 高增霞 (Cao Tăng Hà) [38], tác giả cho rằng, *phát ngôn nghi vấn cầu khiến thực ra là một sản phẩm do sự kết hợp của PNCK và phát ngôn hỏi (nghi vấn)*. Tác giả còn nêu ra quan điểm – cường độ về chức năng cầu khiến của phát ngôn hỏi, phát ngôn hỏi cầu khiến và phát ngôn trần thuật có khác nhau. Nếu xếp theo mức độ cầu khiến, thì có bậc thang từ mạnh đến yếu là phát ngôn hỏi cầu khiến > phát ngôn hỏi (nghi vấn) > phát ngôn trần thuật. Nhưng nếu đơn thuần chỉ xếp theo chân trị của dấu hiệu hỏi (nghi vấn), thì lại có bậc thang từ mạnh đến yếu là phát ngôn hỏi (nghi vấn) > phát ngôn hỏi cầu khiến > lời trần thuật [38, tr.35-37].

王秀荣 (Vương Tú Vinh) từng có phân tích hai biểu thức lớn về HĐCK: biểu thức cầu khiến trực tiếp và gián tiếp. Trong đó, các biểu thức cầu khiến gián tiếp lại bao gồm các biểu thức hỏi (nghi vấn), biểu thức do danh từ hoặc phát ngôn chứa ngữ danh từ tạo nên, biểu thức trần thuật và biểu thức hỏi ngược hướng [51, tr.27-31].

托娅, 杨倩 (Thác Á, Dương Xuyên) dựa vào 6 nguyên tắc lịch sự của Leech, để miêu tả và phân tích các HĐCKGT trong lời quảng cáo. Tác giả có được kết quả

nghiên cứu là: sở dĩ lời quảng cáo có thể thúc đẩy được người tiêu dùng mua hàng là vì lời quảng cáo được áp dụng chiến lược biểu hiện cầu khiến gián tiếp, cho người dùng có dư địa để lựa chọn hàng hóa [44, tr.89-91].

Trong luận văn “Sự phân tích của cú pháp, ngữ dụng của phát ngôn hỏi ngược hướng với nghĩa cầu khiến” (2006) của 林娟延 (Lâm Quyên Diên) [41], có sự phân tích và nghiên cứu về phát ngôn hỏi - cầu khiến khá tỉ mỉ. Về sự phân loại của “V” trong cấu trúc “V 不 V”, tác giả nêu ra kết luận như sau: + Về loại hình của V (trong cấu trúc “V 不 V”), có 4 loại lớn như: động từ biểu phán đoán, động từ năng động, tính từ, động từ phổ quát. + Về tần số sử dụng, các cấu trúc “V 不 V”, “能不能……? (có thể ... ?)” và “……好不好? (...có tốt không / có được không?)” với số lượng nhiều nhất, vì những cấu trúc này có thể giảm bớt tính áp đặt trong ngữ khí, làm cho PNCK uyển chuyển hơn, dễ chấp nhận hơn. Vì thế, hỏi ngược hướng - cầu khiến có tính lịch sự cao hơn PNCKTT. + Về sự phân loại phát ngôn ngược hướng - cầu khiến theo ý nghĩa và tính áp đặt cầu khiến, thì có thể phân chia thành: thỉnh cầu, đề nghị, yêu cầu, khuyên nhủ, nhắc nhở, thúc giục. [44, 2006]

陈艳丽 (Trần Diễm Lệ) thông qua nghiên cứu PNCK phủ định với hình thức hàm ngôn trong tiếng Hán như “摔倒了! (Bị ngã rồi!)”, “洒了! (Nước đổ rồi!)”, “掉下去! (Rơi rồi!)”. Tác giả cho rằng, loại PNCK này có những đặc điểm chung là: + Không có dấu hiệu phủ định rõ rệt, ngữ nghĩa phủ định luôn được hàm ẩn trong các biểu thức khẳng định. + Thông qua nhấn mạnh những “kết quả tiêu cực” có thể dự kiến được, để đạt được hiệu quả giao tiếp “cảnh cáo và nhắc nhở”, biểu hiện những ý nghĩa cầu khiến như nhắc nhở, khuyến cáo hoặc ngăn chặn một cách gián tiếp. [35]

方文增 (Phương Văn Tăng) chuyên nghiên cứu về mối quan hệ giữa cảm thán và cầu khiến ở bình diện chức năng ngữ dụng. Tác giả cho rằng, phát ngôn cảm thán có thể thực thi hành động điều khiển, vì phát ngôn cảm thán có chức năng lời đặc biệt là *nhắc nhở*. Người nói có thể ẩn chứa một ý nghĩa nào đó trong hành động cảm thán, lại thông qua phát ngôn cảm thán để nêu ra ý nghĩa đó, gợi ý

người nghe suy ý và trả lời bằng hành động. Trong hành trình thực thi HĐCKGT, ngữ cảnh cụ thể cũng là một yếu tố không thể tách rời được. Người có vị thế xã hội thấp hơn có khuynh hướng sử dụng phát ngôn gián tiếp phổ biến hơn. Mà HĐCK cảm thán luôn được thực hiện trong những người tham gia hội thoại với quan hệ thân mật, hoặc trong quan hệ tạm thời như nhà chủ với khách hàng, người bán với người mua. Đồng thời, HĐCK cảm thán được thực hiện cũng yêu cầu người nói và người nghe có bối cảnh văn hóa giống nhau. [37]

宋红晶 (Tống Hồng Tinh nghiên cứu lực ngôn trung của PNCK trong luận văn thạc sĩ của mình. [46] Trong bài này, có phát ngôn được gọi là “PNCK uyển chuyển”, chúng chính là PNCKGT. Tác giả tóm lược hai yếu tố có thể ảnh hưởng tới lực ngôn trung: yếu tố về ngôn ngữ, và yếu tố ngoài ngôn ngữ. Các yếu tố về ngôn ngữ bao gồm: đại từ nhân xưng, động từ vị ngữ, trợ động từ, ngữ khí từ, v.v... Còn các yếu tố ngoài ngôn ngữ thì bao gồm: ngữ cảnh, mối quan hệ giữa người nói và người nghe, sự khác biệt ở vị thế xã hội giữa người nói và người nghe, và nghề nghiệp, tu dưỡng, tâm thái của người nói. PNCKGT tiếng Hán có 3 loại là: phát ngôn hỏi – cầu khiến, trần thuật – cầu khiến và cảm thán – cầu khiến. + Phát ngôn hỏi – cầu khiến có lực ngôn trung hơi yếu. + Phát ngôn trần thuật – cầu khiến có lực ngôn trung không yếu nhưng cũng không mạnh mẽ. + Phát ngôn cảm thán – cầu khiến có lực ngôn trung rất mạnh mẽ. Ngoài ra, việc sử dụng dạng thức ngược hướng để biểu hiện HĐCK cũng có được hiệu quả tăng cường lực ngôn trung của PNCKGT. [46]

Trong luận án của 尹相熙 (Doãn Tương Hi) (2013) cũng có phần nội dung là thảo luận sự phân loại của PNCKGT tiếng Hán. [53] Ông cho rằng, dựa theo lý luận hành động ngôn từ gián tiếp của Searle – phân loại PNCK thành quy ước và phi quy ước, PNCKGT trong tiếng Hán nên được chia thành hai mảng lớn: phát ngôn với chức năng cầu khiến và phát ngôn với mục đích cầu khiến. Lời với chức năng cầu khiến đã được quy ước hóa về mặt ngữ pháp, luôn có những khuôn kết cấu như “可以……吗? (có thể ...không?)”, “还是……(hay là ...)”. Lời với mục đích cầu khiến thì không có dấu hiệu đặc trưng ngữ pháp rõ rệt, phải dựa vào ngữ cảnh mới nắm bắt được nghĩa cầu khiến trong phát ngôn. [53]

Nói chung là ở Trung Quốc, bài nghiên cứu về cấu trúc ngữ pháp, sự phân loại của PNCKGT, chức năng ngữ dụng, lực ngôn ngữ của PNCKGT còn ít, bài nghiên cứu về “đối chiếu PNCKGT trong tiếng Hán với tiếng Việt” là không có. Cho nên vấn đề về “Nghiên cứu đối chiếu PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán” vẫn rất mới mẻ. Vì vậy, luận án của chúng tôi là một nghiên cứu mới, có tính thời sự.

1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài

Xét từ những kết quả nghiên cứu trước đó, chúng tôi đã biết được, vấn đề về nghiên cứu, đối chiếu PNCKGT liên quan đến nhiều lý luận cơ sở, chẳng hạn như lý thuyết hành động ngôn từ, đối chiếu ngôn ngữ... Trong phần này, luận án sẽ giới thiệu những cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài.

1.2.1. Lý thuyết hành động ngôn từ

Hành động ngôn từ (speech act) là một thuật ngữ được nêu ra sớm nhất trong hệ thống lý thuyết hành động ngôn ngữ. Kết hợp những sáng kiến của trường phái triết học phân tích nước Anh, J.Austin là người đầu tiên xây dựng nền tảng cho việc nêu ra lý thuyết *hành động ngôn từ*. Ở thập kỷ 70 của thế kỷ XX, lý thuyết *hành động ngôn từ* lần đầu tiên được nêu ra bởi Austin – một nhân vật tiêu biểu của học phái “Triết học phân tích ngôn ngữ hàng ngày Oxford”. Tiếp đó, lý thuyết này lại được Searle – học trò của Austin – nhà ngôn ngữ học Mỹ phát triển và hoàn thiện hơn. Từ đó, các lý luận có liên quan với lý thuyết hành động ngôn từ như hành động ngôn từ gián tiếp, phép lịch sự, thể diện cũng được nêu ra và phát triển dần.

1.2.1.1. Lý thuyết hành động ngôn từ của J.L.Austin.

Khi nghiên cứu về chiến lược biểu hiện hành động nói, thì không thể không nói đến lý thuyết *hành động ngôn từ* (*speech act theory*) của J.L.Austin được nêu ra trong công trình “How to do things with words”. Luận điểm “saying is doing (nói là làm)” là nội dung trọng tâm trong lý thuyết hành động ngôn từ do J.L.Austin đưa ra. Chẳng hạn, khi chúng tôi nêu phát ngôn “Hay là đi chơi công viên?”, thực ra chính là thực hiện một hành động đề nghị.

Trên cơ sở này, J.L.Austin cho rằng: khi con người sử dụng phát ngôn không chỉ nhằm mục đích miêu tả trạng thái của sự vật hoặc trình bày một sự tình nào đó, mà

còn thực hiện một hành động thông qua phát ngôn ấy. Vì thế, ở giai đoạn ban đầu, J.L.Austin nêu ra sự phân biệt của *phát ngôn trần thuật (constative utterances)* và *phát ngôn ngôn hành (performative utterances)*. Nhưng J.L. Austin lại phát hiện sự phân biệt này không hợp lý ở chỗ: trên thực tế, không phải là tất cả loại hình phát ngôn đều có thể đánh giá theo tiêu chí đúng / sai. Ở một số ngôn cảnh nhất định, phát ngôn trần thuật cũng có thể dùng để thực hiện một hành động nào đó. Bàn về bản chất, phát ngôn trần thuật cũng là loại hành động ngôn từ. Cho nên, J.L.Austin lại bỏ qua chiến lược lưỡng phân này. Nhưng một số quan điểm được J.L.Austin nêu ra trong giai đoạn này có nhiều đóng góp cho việc nghiên cứu của Searl sau này, chẳng hạn như *ba điều kiện thuận lợi (fecility conditions)* để thực hiện hành động ngôn từ.

Xét lại kết quả nghiên cứu của mình ở giai đoạn trước, và dựa vào lý thuyết hành động ngôn từ của mình, J.L.Austin lại chỉ ra, khi chúng ta thực hiện một phát ngôn nào đó, thì lúc nào cũng phải thực hiện ba hành động ngôn từ (cũng được gọi là hành động nói) gồm: hành động tạo ngôn, hành động ngôn trung và hành động dụng ngôn.

+ Hành động tạo ngôn (the locutionary act) là một loại hành động nói, là cơ sở của một phát ngôn. Con người sử dụng một chuỗi âm thanh tạo thành một phát ngôn có cấu trúc lời, có ý nghĩa và nội dung mệnh đề của lời. Hành động “nói ra một điều gì đó” nên được gọi là một hành động tạo ngôn.[31, tr.94] Hành động tạo ngôn bao gồm ba nội dung: *Hành động tạo âm thanh (phonetic act)*, *hành động giao tiếp (phatic act)*, *hành động biểu ý (rhetic act)* [48, tr.152-153] Hành động giao tiếp được thể hiện qua hành động âm thanh, một chuỗi âm thanh phải chứa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và ngữ điệu mới thực hiện được *hành động biểu ý*. Từ đó, mỗi một phát ngôn đều có hai loại ý nghĩa là *ý nghĩa ngôn tại (locutionary meaning)* và *ý nghĩa ngôn trung (illocutionary meaning)* [5, tr.381]

+ Hành động ngôn trung (the illocutionary act) là một loại hành động nói được thực hiện bằng một lực thông báo của một phát ngôn (lực ngôn trung) thể hiện mục đích giao tiếp nhất định của lời (đích ngôn trung) bằng cách trần thuật, hỏi, cầu khiến... [20, tr.35] Từ đó, đạt được mục đích giao tiếp của mình, chẳng hạn các hành động như tuyên bố, cảnh cáo, hứa hẹn... “Khi thực hiện một hành động ngôn trung, chính là thực hiện một hành động ngôn từ (an act in saying something)” [31, tr.99].

Hành động ngôn ngữ trung là cốt lõi trong lý thuyết hành động ngôn ngữ, được J.L.Austin quan tâm nhiều nhất, chúng lại được phân chia thành năm nhóm theo cường độ của lực ngôn ngữ: *hành động phán xử (verdictives)*, *hành động hành sử (exercitives)*, *hành động ước kết (commissives)*, *hành động ứng xử (behabitives)*, *hành động bày tỏ (expositives)*. [56, tr.10].

+ Hành động dụng ngôn (the perlocutionary act) là một loại hành động nói, là những kết quả hoặc hiệu lực được tạo ra nhờ nói cái gì đó[5]. [Nguyễn Thiện Giáp, 2008, tr.382] Thể hiện ở sự tác động hoặc hành vi của người nghe, sau khi nhận được phát ngôn từ người nói. Chẳng hạn: ở trong nhà, bố (người nói) bảo con “Con mua rượu đi”, con (người nghe) có thể chấp nhận HĐCK của bố mà đi ra ngoài mua rượu (có hiệu lực dương tính), cũng có thể từ chối câu khiến của bố và cứ làm bài ở nhà (có hiệu lực âm tính).

1.2.1.2. Lý thuyết hành động ngôn ngữ của Searle.

Trên cơ sở nghiên cứu của J.L.Austin, Searle – học trò của J.L.Austin, chỉnh lại, hoàn thiện và phát triển thêm lý thuyết hành động ngôn ngữ bởi J.L.Austin nêu ra. Searle nêu ra một số quan điểm có khác biệt với J.L.Austin:

+ Chỉnh lại cách phân loại hành động ngôn ngữ của J.L.Austin, Searle chủ trương phân loại hành động ngôn ngữ như: *hành động tạo phát ngôn (utterance act)*, *hành động tạo mệnh đề (propositional act)*, *hành động ngôn ngữ (illocutionary act)*, *hành động dụng ngôn (perlocutionary act)*. Trong đó, *hành động tạo phát ngôn* bao gồm *hành động tạo âm thanh (phonetic act)*, *hành động giao tiếp (phatic act)* bởi J.L.Austin nêu ra, *hành động tạo mệnh đề* thì tương đương với hành động *biểu ý (rhetic act)* được J.L.Austin chỉ ra. Vì Searle cho rằng, tất cả các phát ngôn đều có thể dùng để thực hiện một hành động nào đó, mà không tồn tại phát ngôn nào là không có lực ngôn ngữ, khi nghiên cứu hành động ngôn ngữ không nên tách riêng lực ngôn ngữ với ý nghĩa phát ngôn được [49 tr.146]

+ Searle phản đối cách phân loại hành động ngôn ngữ của J.L.Austin, cho thấy tiêu chí phân loại hành động ngôn ngữ của J.L.Austin chỉ là tùy theo động từ ngôn ngữ hành trong tiếng Anh, chứ không phải là phân chia hành động ngôn ngữ

thật trong phát ngôn[48, tr.163]. Vì thế, Searle đưa ra 12 phương diện về ý nghĩa hoặc hình thức của hành động ngôn ngữ. Trong 12 tiêu chí phân định hành động ngôn ngữ này, đích ngôn ngữ, hướng khớp ghép giữa lời và thực tại, trạng thái tâm lý được thể hiện là nội dung quan trọng nhất [48, tr.169 - 172]. Dựa vào những tiêu chí ấy, Searle phân chia lại hành động ngôn ngữ thành năm nhóm như: *Hành động tuyên bố (declarations act)*, *hành động biểu kiến (representatives act)*, *hành động biểu cảm (expressive act)*, *hành động điều khiển (directives act)*, *hành động ước kết (commissives act)*. [5, tr.383] Trong đó, *hành động điều khiển* lại được chia thành *hành động hỏi* và *HĐCK*.

So với cách phân loại hành động từ và hành động ngôn ngữ của J.L.Austin, cách phân loại của Searle càng hệ thống, khoa học hơn. Trong việc nghiên cứu, hoàn thiện và phát triển lý thuyết hành động ngôn ngữ, sự đóng góp của Searle không chỉ thể hiện ở đây – sau này Searle còn nêu ra lý luận *hành động ngôn ngữ gián tiếp (indirect speech act)*. Từ đó, hành động ngôn ngữ còn được phân biệt theo chiến lược chỉ ra lực ngôn ngữ trong phát ngôn. Có thể nói, sự phân biệt hành động ngôn ngữ trực tiếp với gián tiếp là nền tảng phân biệt câu khiến trực tiếp với gián tiếp, lại là một sự cống hiến lớn của Searle.

1.2.2. Lý luận về hành động ngôn ngữ gián tiếp

Trước khi trình bày lý luận về hành động ngôn ngữ gián tiếp, luận án xin nêu khái niệm về hành động từ trực tiếp một cách ngắn gọn, để phân biệt nó với hành động ngôn ngữ gián tiếp.

1.2.2.1. Hành động ngôn ngữ trực tiếp (hiển ngôn)

Theo Đào Thanh Lan, *hiển ngôn được hiểu là ý nghĩa trong phát ngôn được biểu thị một cách trực tiếp bằng ngôn ngữ ở lời hoặc ngữ cảnh*. [Đào Thanh Lan, 2012, tr.58] Về bản chất, *hành động ngôn ngữ trực tiếp (hiển ngôn)* cũng là một loại hành động nói, đích ngôn ngữ trong phát ngôn được thể hiện trực tiếp bằng dấu hiệu hình thức ngôn ngữ đặc trưng (cũng được hiểu như *phương tiện chỉ ra lực ngôn ngữ ở phần trước*).

1.2.2.2. Hành động ngôn từ gián tiếp (hàm ngôn)

Trước khi miêu tả lý luận về hành động ngôn từ gián tiếp, luận án xin cắt nghĩa một từ ngữ có liên quan - *phương tiện chỉ ra lực ngôn trung* trong phát ngôn. Như trên đã đề cập đến, phát ngôn trần thuật cũng có thể dùng để thực hiện hành động, cho nên *mọi phát ngôn đều là phát ngôn ngôn hành, hoặc là phát ngôn ngôn hành tường minh hoặc là phát ngôn ngôn hành hàm ẩn* [5, tr.386] *Phương tiện chỉ ra lực ngôn trung trong phát ngôn với nhiều cách thức, chúng được đánh dấu bằng đặc điểm cấu trúc của phát ngôn, ngữ điệu của phát ngôn và những từ ngữ đặc thù - dấu hiệu ngôn hành*[5, tr.386] Trong các phát ngôn ngôn hành tường minh, chiến lược chỉ ra lực ngôn trung có thể với dấu hiệu hình thức ngôn từ đặc trưng rất trực tiếp và rõ ràng, ví dụ các vị từ ngôn hành biểu ý điều khiển như *mời, khuyên, đề nghị, cho / cho phép, cấm...* Còn phát ngôn thể hiện hành động hàm ngôn là đích ngôn trung không được biểu hiện trực tiếp bằng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn của nó mà được biểu hiện gián tiếp thông qua phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung của hành động khác. [20, tr.58] Chẳng hạn, thông qua hỏi về khả năng thực hiện hành động “Anh có thể đóng cửa sổ được không?”, đề gợi ý người nghe đóng cửa sổ. Nói chung là *phương tiện chỉ ra lực ngôn* có thể giúp chúng tôi nhận diện đích ngôn trung trong phát ngôn một cách chính xác, cũng như biểu hiện hành động ngôn từ trực tiếp và gián tiếp trong ngoại ngữ theo chuẩn mực.

Nếu theo quan điểm ngữ pháp truyền thống, nghiên cứu câu / phát ngôn nên phân loại chúng theo mục đích giao tiếp. Căn cứ vào mục đích giao tiếp, câu tiếng Việt thường được chia thành 4 loại là: *câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh và câu cảm thán*. [5, tr.389] Theo 何兆熊 (Hà Triệu Hùng) [38], câu tiếng Hán thì được phân chia thành 3 loại là: *câu trần thuật, câu cầu khiến và câu hỏi*. [39, tr.120] Và các hình thức câu này còn biểu hiện ý muốn của người nói, tức là một hình thức - cú pháp có thể chứa nhiều ý nghĩa và đích ngôn trung khác nhau. Mỗi quan hệ giữa hình thức - cú pháp và chức năng của câu / phát ngôn không phải là lúc nào cũng một đối một. Ở ngôn cảnh nhất định, một số phát ngôn không chỉ chứa ý nghĩa tại lời, còn có thể biểu hiện ý nghĩa hoặc đích ngôn trung khác một cách gián tiếp. Vì

thể, phân biệt hành động ngôn từ trực tiếp với gián tiếp, xây dựng lại hệ thống về hành động ngôn từ gián tiếp một cách cụ thể và hình tượng hóa, là một công việc nghiên cứu có tính bức thiết. Đây là công việc chính trong việc nghiên cứu của Searle, cũng là sự đóng góp lớn nhất của Searle.

Đôi lập với hành động ngôn từ trực tiếp (hiển ngôn), *hành động ngôn từ gián tiếp (hàm ngôn)* cũng là một loại hành động nói, nhưng thông tin hàm ẩn nằm trong sau ngôn từ được suy ra sau khi thao tác suy ý dựa vào ngôn từ. Đích ngôn trung của hành động ngôn từ gián tiếp (hàm ngôn) là không thể biểu hiện trực tiếp bằng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung, mà chúng được biểu hiện qua phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung của hành động khác. [20, tr.58] Chẳng hạn: – Could you do it for me? (Anh có thể làm cho tôi không?). Thông qua hình thức hỏi dò, yêu cầu người nghe trả lời mình bằng hành động – thực hiện hành động làm cho tôi. Hiện tượng ngôn ngữ này có tính phổ quát, chúng luôn có hình thức biểu hiện riêng biệt của mình trong mỗi một ngôn ngữ, cũng có thể bộc lộ ra ngôn ngữ tư duy riêng biệt của dân tộc mình.

Thao tác suy ý là một quá trình tư duy để nhận biết được mục đích ngôn trung cuối cùng mà người nói bày tỏ trong phát ngôn. [20, tr.60] Ngôn cảnh, quy tắc điều khiển hành động ngôn từ, điều khiển lập luận, đều liên quan đến sự thao tác suy ý ấy. [20, tr.56]

Thao tác suy ý từ người nghe

Hiệu lực ở phát ngôn (literally force) → Lực ngôn trung (illocutionary force)

Sau khi nêu ra khái niệm về hành động ngôn từ gián tiếp, Searl còn tiến hành nghiên cứu sự phân loại của hành động ngôn từ gián tiếp. Searl cho rằng, hành động ngôn từ gián tiếp nên được phân thành hai loại: *hành động ngôn từ gián tiếp quy ước (conventional)* và *hành động ngôn từ gián tiếp phi quy ước (nonconventional)*: [53, tr.90].

+ *Hành động ngôn từ gián tiếp quy ước*: Trên cơ sở nghiên cứu của J.L.Austin - *ba điều kiện thuận lợi (fecility conditions)*, Searl lại đưa ra bốn điều kiện thành công (*felicity conditions*) như điều kiện nội dung mệnh đề, điều kiện chuẩn bị, điều

kiện chân thành và điều kiện căn bản [20, tr.39 - 40] Và tham chiếu những điều kiện này, hành động ngôn từ gián tiếp quy ước trong tiếng Anh lại được phân chia thành sáu loại như: 1) Phát ngôn nhằm hỏi về khả năng thực hiện A của người nói. 2) Phát ngôn biểu hiện người nói hy vọng người nghe thực hiện A. 3) Phát ngôn nhằm người nghe thực hiện A. 4) Phát ngôn nhằm hỏi về ý chí thực hiện A của người nghe. 5) Phát ngôn nêu nguyên nhân về thực hiện A. 6) Phát ngôn là kết hợp hai loại hình trong những biểu thức trên, hoặc là phát ngôn được đặt thêm một vị từ ngôn hành trong một biểu thức nào đó như trên. [48, tr.176-178]

+ Hành động ngôn từ gián tiếp phi quy ước. Khi biểu hiện loại hành động ngôn từ này, phát ngôn không có tính quy ước ở mặt cấu trúc ngữ pháp, cũng không có dấu hiệu ngôn hành gì. Cho nên, khi nêu ra hoặc suy ý những phát ngôn biểu hiện hành động ngôn từ gián tiếp, ngôn cảnh có vai trò rất quan trọng. [53, tr.90]. Nếu không dựa vào ngôn cảnh, thì người nghe thông thể thao tác suy ý được ý nghĩa và đích ngôn trung trong phát ngôn.

Nhìn từ cách phân nhóm hành động ngôn từ trực tiếp với gián tiếp của Searl, cách phân loại này cũng có thể áp dụng đến việc phân loại HĐCK (thuộc nhóm hành động điều khiển) thành HĐCK trực tiếp (HĐCKTT) và gián tiếp. Phương thức phân loại HĐCKGT thành hai loại: quy ước và phi quy ước, cũng có thể dùng để phân loại PNCKGT đáp ứng được bốn điều kiện thành công (*felicity conditions*) trong các ngôn ngữ. Nội dung này sẽ được luận án nêu tỉ mỉ hơn trong phần sau.

1.2.3. Cầu khiến và phát ngôn cầu khiến

Như phần trước đã nói, Searl đưa ra 12 tiêu chí, cải tiến cách phân loại của J.L.Austin, phân chia hành động ngôn trung thành năm nhóm như hành động biểu kiến (*representatives act*), hành động điều khiển (*directives act*), hành động ước kết (*commissives act*) ... Trong đó, hành động điều khiển bao gồm hành động hỏi và HĐCK.

1.2.3.1. Khái niệm của hành động cầu khiến / phát ngôn cầu khiến

Sau khi Searl hoàn chỉnh lại lý thuyết hành động ngôn từ, thì có một số học giả phương Tây triển khai việc nghiên cứu về HĐCK. Alston cho rằng điều khiển có

liên quan với các hành động chỉ dẫn người khác, bao gồm những loại hình như: ask (xin), request (yêu cầu), beseech (lạy), implore (van), tell (dặn), command (ra lệnh), enjoin (chỉ thị), order (mệnh lệnh), forbid (cấm đoán), advise (đề nghị / khuyên), recommend (đề nghị), suggest (đề nghị / kiến nghị). [55, tr. 10]

Katz và Postal (1964) từng đưa ra quan điểm: dùng chữ I để đại diện ngữ nghĩa của PNCK. Tư tưởng của tác giả có thể biểu hiện qua một cấu trúc *từ lớp vỏ đến lớp bên trong* như dưới đây:

PNCK: I (Biểu thỉnh cầu) Bạn sẽ đi. (lớp bên trong)

(ngữ nghĩa) “Tôi xin bạn đi.”

→ Từ “đi” là lớp vỏ

Cũng như tư tưởng của Katz và Postal, một quan điểm khác lại được Ross (1970) nêu ra, tác giả cho rằng: Lực ngôn trung của hành động ngôn trung nên được hiểu là đặc tính của “câu”, chứ không phải là đặc tính của “phát ngôn”. Ross còn ứng dụng phương pháp biến đổi ngữ pháp để phân tích các hành động ngôn trung. Nhưng cách phân tích này không được các học giả như Searle (1969), Sadock (1974), Allan (1986) chấp nhận. [55, tr. 10]

Tổng kết lại những nội dung trên, quan điểm phổ quát về *câu khiến* và PNCK của các học giả phương Tây là: *câu khiến* là một hành động ngôn từ, nhằm mục đích yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó trong tương lai. Chúng chứa lực ngôn trung cầu khiến, được phân loại dựa theo đích ngôn trung hoặc mức độ mạnh / yếu của lực ngôn trung như: ra lệnh, yêu cầu, thỉnh cầu, van lạy, cho phép, đề nghị, báo cáo luôn được biểu hiện qua hình thức lời nói - PNCK.

- Khái niệm của hành động cầu khiến / phát ngôn cầu kiến trong tiếng Việt

Ở Việt Nam, vấn đề nghiên cứu về HĐCK và PNCK là một điểm nóng được nhiều học giả quan tâm. Đã có nhiều nhà nghiên cứu tiêu biểu như Hoàng Trọng Phiến, Diệp Quang Ban, Đào Thanh Lan, Phạm Thuỳ Chi ... từng đưa sáng kiến của mình về cầu khiến từ nhiều góc độ khác nhau.

Nhìn từ góc ngữ dụng học, trong bài báo “*Phân tích sắc thái nghĩa cầu khiến*

của các động từ ra lệnh, cấm, cho phép, yêu cầu, đề nghị, khuyên, mời, chúc, xin trong câu tiếng Việt”(2004) [13], Đào Thanh Lan cho rằng: *Cầu khiến là một trong các mục đích giao tiếp của hoạt động nói năng, người nói thông qua phát ngôn để cầu khiến, yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó theo ý muốn của mình. Cầu khiến thuộc về phạm trù nghĩa tình thái của câu tồn tại song song với nghĩa miêu tả.* [13, tr.13-18]

Theo Đào Thanh Lan, HĐCK được hiểu trong lý thuyết hành động ngôn từ, là một kiểu hành động ngôn ngữ được thực hiện bằng lời nói nhằm cầu khiến người nghe thực hiện hành động theo sự mong muốn của người nói. [14, tr.28] Trong phần nội dung sau của bài này, Đào Thanh Lan còn nêu rõ khái niệm về cầu khiến trực tiếp và gián tiếp.

Đào Thanh Lan lại cho rằng: *“Lời cầu khiến gián tiếp là lời có mục đích cầu khiến (đích ngôn ngữ cầu khiến) được tạo ra bằng biểu thức của hành động ngôn ngữ khác với cầu khiến như: hỏi, trần thuật hoặc cảm thán trong ngữ cảnh cấu trúc nhất định cho phép người nghe nhận ra mục đích cầu khiến thông qua thao tác suy”.* [16, tr.10] Trong bài báo này, tác giả nhấn mạnh: Khi thảo luận ý nghĩa của lời hỏi - cầu khiến, không thể tách rời được ngữ cảnh của đối thoại. [15, tr. 10-19]

Cũng theo lý thuyết hành động ngôn ngữ, trong bài báo “Nhận diện hành động này / nài nỉ trong tiếng Việt” (2009) [16], Đào Thanh Lan chỉ ra: *Cầu khiến là một khái niệm chỉ hành động ngôn ngữ quát có ý nghĩa cầu (cầu, nhờ, chúc, xin...) hoặc ý nghĩa khiến (yêu cầu, ra lệnh, cấm, cho phép) hoặc vừa cầu vừa khiến (khuyên, đề nghị) để phân biệt với hành động hỏi trong lớp hành động chi phối theo sự phân loại của Searle*” [16, tr. 37].

Nếu xét theo ý nghĩa của lời và ngữ dụng học, hành động cầu khiến được cắt nghĩa như vậy trong Giáo trình “Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (Trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)” (2012) [20] của Đào Thanh Lan: là khái niệm tổng quát bao gồm các hành động ngôn ngữ có ý nghĩa “cầu” và các hành động ngôn ngữ có ý nghĩa “khiến”. Còn nội hàm của ý nghĩa cầu khiến thì cũng bao gồm ý nghĩa cầu (cầu, xin, nhờ vả, mời mọc, chúc tụng), ý nghĩa khiến (sai

khiến, ra lệnh, cảm đoán) hoặc vừa khiến vừa cầu (đề nghị, dẫn dò, khuyên bảo). Ý nghĩa cầu khiến của lời chính là một nội dung của hành động cầu khiến. [20, tr. 53]

Vũ Thị Thanh Hương (1999) cũng chủ trương dựa vào ngữ dụng học, để nhận diện lời cầu khiến một mặt dựa vào các quy tắc cấu tạo của nó, và mặt khác dựa vào mối quan hệ với các hành động khác trong chuỗi hội thoại, thậm chí với các hành động không được biểu hiện bằng lời [11, tr. 35]. Nhận diện phát ngôn, nhất là PNCKGT, không chỉ là vấn đề nghiên cứu thuộc về phạm trù hình thức – cú pháp. Cầu khiến gián tiếp có thể được hiểu là một “sản phẩm” của hình thức – cú pháp, lý thuyết hành động ngôn từ và ngôn cảnh. [11, tr. 34-43]

Nếu chỉ thuần túy xét từ góc độ dụng học, Cao Xuân Hạo cho rằng [7, tr.132]: “*Câu cầu khiến là câu có lực ngôn trung tác động đến ngôi thứ hai, yêu cầu ngôi này thực hiện một hành động đơn phương hay hợp tác.*”.

Cũng là theo quan điểm dụng học, PNCK được hiểu là *một loại câu phân chia theo mục đích nói, có dấu hiệu hình thức riêng nhằm yêu cầu, nhắc nhở, khuyên nhủ người nghe nên hay phải thực hiện / không thực hiện một việc gì đó.* [23, tr.9]

Trong luận văn thạc sĩ (2006) của mình, Phạm Thuỳ Chi tổng kết khái niệm của PNCK từ quan điểm của Searle: “*Là những phát ngôn mà người nói nói ra nhằm hướng người nghe đến việc thực hiện một hành động nào đó*” [2, tr. 28].

Xét từ dụng học, Nguyễn Thị Thanh Ngân trong luận án tiến sĩ của mình chỉ ra: “*Cầu khiến là đáp ứng các điều kiện thuận ngôn của nhóm câu khiến, được thực hiện chủ yếu bằng cách sử dụng (nói ra / phát ra) câu cầu khiến có sắc thái lý trí hoặc tình cảm (hoặc cả tình cảm và lý trí), khiến cho Sp2 (tác thể sự tình 2) có trách nhiệm thực hiện một hành động nào đó trong tương lai.* [23, tr.15]

Quan điểm này được Nguyễn Thị Hải ủng hộ. Nhờ cách giải nghĩa thuật ngữ *câu khiến* trong từ điển và quan niệm của Diệp Quang Ban, Nguyễn Thị Hải cho thấy: *Hành vi cầu khiến nên được giải thích trong lĩnh vực ngữ dụng học, gắn liền với thực tế giao tiếp, nhất là hoàn cảnh giao tiếp cụ thể* [5, tr.53]. Người nói phải tùy theo đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp, sử dụng đúng phát ngôn để đạt được mục đích giao tiếp – biểu hiện ý muốn của mình, hoặc là bắt người nghe thực hiện những điều được nêu trong phát ngôn. [5, tr.53-58.]

Các học giả Việt Nam đã nêu ra khái niệm về HĐCK và PNCK từ nhiều góc độ, nhất là từ góc độ lý thuyết hành động ngôn từ. Chúng tôi tổng kết được nhận thức chung là: 1) HĐCK *trong tiếng Việt* là một loại hành động ngôn trung, nhằm mục đích cầu khiến *Sp2* hoặc *Sp1* xin phép làm chuyện gì đó hoặc không làm chuyện gì đó. 2) Phát ngôn với mục đích này, thì là những PNCK. Nhìn từ góc độ ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng học, trong tiếng Việt, đích ngôn trung của PNCK luôn được thể hiện qua các phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung như: Các vị từ ngôn hành như *cấm, cho phép, đề nghị, xin, cầu...* Các tiểu từ, thán từ như *nào, nhé, ôi, hãy...* Một số khuôn kết cấu như *hay là...? / có ...không? / ... được không? / D1 muốn D2 + P...*, hoặc là ngữ điệu trong phát ngôn. Một số phát ngôn biểu hiện tình cảm, cảm giác của người nói, hoặc ngữ điệu.

- Khái niệm của hành động cầu khiến / phát ngôn cầu khiến trong tiếng Hán

Việc nghiên cứu truyền thống về PNCK tiếng Hán, luôn được triển khai ở bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa. Trong “中国语法要略(Lược yếu ngữ pháp Trung Quốc)” [43], 吕叔湘(Lã Thúc Tương) cho rằng: *Cầu khiến là một loại ngữ khí, nhằm mục đích chi phối hành động của chúng ta.* Nhưng khi vào thập kỷ 80 của thế kỷ XX, dần dần lại có một số học giả như 朱德熙 (Chu Đức Hy) [54], 石佩雯(Thạch Bội Vân) [47] nêu ra quan điểm: Nghiên cứu vấn đề cầu khiến / PNCK nên được xét từ chức năng của lời. Từ đó, nghiên cứu PNCKGT từ góc độ ngữ dụng đã trở thành một khuynh hướng trong lĩnh vực tương quan.

王秀荣 (Vương Tú Vinh) cho rằng “HĐCK” là một hành động ngôn từ “*làm cho người nghe từ một trạng thái hành động này chuyển đến một trạng thái hành động khác*”. Đồng thời, HĐCK là một hành động ẩn giấu hai giá trị, nó bao gồm hai ý nghĩa: *làm cho người nghe thực hiện hành động gì đó / làm cho người nghe không thực hiện hành động gì đó.* Chúng bao gồm nhiều ngữ nghĩa như: mệnh lệnh, đe dọa, đề nghị, mời, cảnh cáo, nhắc nhở, dặn bảo, khuyên nhủ, thỉnh cầu, khẩn cầu, van nài... [51, tr.27-31]. Đây là cách định nghĩa *cầu khiến* từ quan điểm lý thuyết hành động ngôn từ.

Kết hợp lý thuyết hành động ngôn từ và ngữ dụng học, 赵微 (Triệu Vi) phân chia hành động điều khiển (directives) thành hai mảng lớn là *hành động điều khiển theo nghĩa hẹp (imperative)* và *hành động điều khiển theo nghĩa rộng (directives)*. *Hành động điều khiển theo nghĩa hẹp (imperative)* bao gồm: *hy vọng, cảm đoán, mệnh lệnh, thỉnh cầu, cho phép, chửi và đề nghị*. Trong đó, *hành động cảm đoán và hy vọng* là loại HĐCK được thể hiện qua cách biểu hiện tình cảm của người nói, còn *mệnh lệnh, thỉnh cầu, cho phép, chửi và đề nghị* thì hành động điều khiển mang tính thực thi. [55, tr.19-40]

李圃 (Lý Phổ) nêu ra một sự phân tích rất có ý nghĩa, để phân biệt rõ ba khái niệm: HĐCK, *cấu trúc câu khiến*, PNCK. Lý Phổ cho thấy, về bản chất, HĐCK là một loại hành động vật lý, nó thực hiện chức năng cầu khiến qua phát ngôn. Theo đó, PNCK tiếng Hán gồm hai loại lớn: *cầu khiến trực tiếp* và *cầu khiến gián tiếp*. PNCK là phát ngôn để thực hiện HĐCK, là sự thể hiện của hành động ngôn từ bình diện ngôn ngữ. Và hệ thống cầu khiến trong ngôn ngữ, thì là một hệ thống do HĐCK, cấu trúc câu khiến và những nguyên tắc, nguyên lý tạo nên. [42, tr.132-135] Cách định nghĩa và miêu tả của 李圃 (Lý Phổ) cũng là dựa vào lý thuyết hành động ngôn từ.

Dưới quan điểm ngữ dụng học và cú pháp học, trong luận án tiến sĩ của mình, 尹相熙 (Doãn Tương Hi) nêu ra khái niệm về PNCK: Là *những chiến lược biểu hiện trong ngôn ngữ, để thể hiện các loại HĐCK và ý chí của người nói, yêu cầu người nghe làm / không làm một chuyện gì đó*. [53, tr.11]. Theo tác giả, PNCKTT là những PNCK có hình thức cầu khiến tường minh và ngữ dụng cầu khiến, còn PNCKGT là những PNCK không nhất định có hình thức cầu khiến tường minh nhưng có chức năng cầu khiến trong một số ngôn cảnh đặc thù. [53]

Trong luận án của mình, 王擎擎 (Vương Kinh Kinh) phân loại phát ngôn tiếng Hán thành ba loại hình lớn: *phát ngôn trần thuật, phát ngôn hỏi và phát ngôn điều khiển*. Ở đây, *điều khiển* được cắt nghĩa là: *hành động điều khiển* là một loại hành động ngôn từ để biểu hiện ý muốn của người nói – điều khiển người nghe thực hiện một

hành động nào đó. Có một điểm đáng được lưu ý, thuật ngữ “điều khiển” trong luận án là “điều khiển” theo nghĩa hẹp, tức là *cầu khiến*. Phát ngôn biểu hiện loại hành động ngôn từ này thì là đối tượng được thảo luận trong luận án. Và trong phát ngôn điều khiển thông thường bao gồm bốn yếu tố: người nói, dấu hiệu điều khiển, người nghe, nội dung điều khiển. Nói tóm lại, tác giả định nghĩa *cầu khiến* và *phát ngôn điều khiển* là xét từ ngữ dụng học và chức năng của lời, và phân loại phát ngôn điều khiển từ góc độ người nói, căn cứ vào mức độ mạnh yếu từ tính áp đặt điều khiển, chia lời điều khiển thành ba loại như lời cảnh cáo, lời mệnh lệnh và lời thỉnh cầu. [50]

Tóm lại, cũng là kết hợp quan điểm của các học giả Trung Quốc, luận án xin nêu ra quan điểm của mình: 1) Từ góc độ lý thuyết hành động ngôn từ, *cầu khiến* trong tiếng Hán cũng được hiểu là một hành động nói, *Sp1* nêu ra một chuỗi âm thanh để biểu hiện ý muốn của người nói – điều khiển *Sp2* hoặc *Sp1* xin phép thực hiện / không thực hiện một hành động nào đó. Về ý nghĩa, cầu khiến bao gồm *cấm đoán*, *mệnh lệnh*, *thỉnh cầu*, *cho phép*... 2) Còn PNCK thì là một hiện tượng ngôn ngữ, là chiến lược biểu hiện chức năng của lời và ý nghĩa cầu khiến trong lời. Về hình thức lời, có thể với hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán. Đích ngôn trung (cầu khiến) trong phát ngôn có thể biểu hiện: + Bằng các động từ ngôn hành như: 禁止 (cấm đoán), 命令 (mệnh lệnh), 建议 (đề nghị), 要求 (yêu cầu), 请求 (thỉnh cầu)... + Bằng một số khuôn kết cấu có quy ước như “还是+P? (hay là + P?)”, “可以.....吗? (có thể ...không?)”, “.....行不行? (...có được không?)”, “我希望你+ V. (D1 hy vọng D2 + V.)” + Bằng ngữ điệu hoặc các hành động ngôn từ thể hiện tình cảm, trạng thái tâm lý của người nói.

1.2.3.2. Phát ngôn biểu hiện hành động cầu khiến trực tiếp

Theo lý thuyết hành động ngôn từ của Searl, HĐCK cũng thuộc loại hành động ngôn từ. Hành động ngôn từ có loại hành động ngôn từ trực tiếp và gián tiếp, cho nên HĐCK cũng nên có loại HĐCKTT và HĐCKGT. Như vậy, phương thức biểu hiện HĐCKTT có khác nhau với phương thức biểu hiện HĐCKGT. Sau đây, luận án xin dùng từ “PNCKTT / PNCKGT” để miêu tả và thảo luận hiện tượng ngôn ngữ này.

Trước khi miêu tả phát ngôn biểu hiện PNCKGT, luận án xin nêu khái niệm về phát ngôn biểu hiện PNCKGT – tiền đề của phát ngôn biểu hiện cầu khiến gián tiếp.

- PNCKTT trong tiếng Việt

PNCKTT trong tiếng Việt là phát ngôn được nảy sinh trong cuộc thoại giao tiếp, là những phương thức biểu hiện HĐCKTT từ người nói đến người nghe. Trong tiếng Việt, PNCKTT có loại: + Lời cầu khiến tường minh, chứa vị từ ngôn hành / vị từ ngôn hành cầu khiến, chẳng hạn: - *Tôi yêu cầu anh tắt máy ngay. / Mời chị uống nước.* + Lời cầu khiến nguyên cấp: luôn chứa vị từ tình thái, hoặc có tiểu từ tình thái ở cuối câu, hoặc chứa cấu trúc vị từ + ngữ điệu, chẳng hạn: - *Hãy chăm chỉ làm bài./ Anh đi từ từ nhé.* + Lời cầu khiến bán nguyên cấp: chứa vị từ cầu khiến *nên/ cần/ phải* hoặc vị từ hành động *đề/ giúp/ hộ* như: - *Em mua hộ chị ít rau.* + Lời cầu khiến bán tường minh: chứa các vị từ cầu khiến bán tường minh như *mong/ muốn* hoặc vị từ cầu khiến bán tường minh *cần*, chẳng hạn: - *Tôi mong anh thông cảm. / Con cần uống thuốc.*[20, tr.75-187]

- PNCKTT trong tiếng Hán

So với hình thức của lời, chức năng của PNCK càng được các học giả quan tâm nhiều hơn. Nhìn từ góc độ chức năng lời và hình thức của lời, PNCKTT trong tiếng Hán là: *Phát ngôn với chức năng để làm cho người nghe thực hiện hoặc không thực hiện một hành động nào đó, hoặc là để người nói và người nghe cùng thực hiện hoặc không thực hiện một hành động nào đó.* [53, tr.13] Về mặt hình thức, chúng có thể thông qua các vị từ cầu khiến như: 禁止 (cấm đoán), 要求 (yêu cầu), 建议 (đề nghị), 请 (mời), 请求 (thỉnh cầu)..., hoặc là các trợ động từ như 应该 (nên)+V., 必须 (phải)+V., hoặc là các mô hình chứa các trợ từ ngữ khí ở cuối câu như: P+吧。 (P+ đi.) / P (v.) + 呀。 (P (v.) + nhé), để biểu hiện mục đích cầu khiến một cách rõ rệt. Chẳng hạn: - 禁止吸烟。(Cấm hút thuốc) / - 你应该起床了。(Con phải thức dậy rồi.) / - 去吃饭吧。(Đi ăn cơm đi.). [54, tr.41 - 44]

1.2.3.3. Phát ngôn biểu hiện hành động cầu khiến gián tiếp

Trong phần 1.3.2 đã trình bày, HĐCK có phân biệt HĐCKTT và HĐCKGT. Như vậy, chiến lược biểu hiện HĐCKTT có khác với chiến lược biểu hiện

HĐCKGT. Phương thức biểu hiện HĐCK là một hiện tượng ngôn ngữ, là phát ngôn được nêu ra bởi con người, bao gồm phương thức hỏi, trần thuật và cảm thán. Trong một vài ngôn cảnh, những phát ngôn với 3 phương thức này có thể biểu hiện HĐCK một cách gián tiếp. Sau đây, dựa vào quan điểm của Đào Thanh Lan, luận án xin dùng từ “*phát ngôn cầu khiến trực tiếp / gián tiếp*” để khảo sát hiện tượng ngôn ngữ này

- PNCKGT trong tiếng Việt

Đào Thanh Lan từng nêu ra khái niệm về HĐCKTT và gián tiếp trong giáo trình “Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)”. Tác giả cho thấy, từ góc độ dụng học, HĐCKGT “có hàm ý cầu khiến là HĐCK hàm ngôn, tức là ý nghĩa cầu khiến gián tiếp được suy ý qua hành động dẫn khác”. [20, tr.60]

Trong bài báo “*Cách biểu hiện HĐCKGT bằng câu hỏi – cầu khiến*” [15], Đào Thanh Lan không chỉ có trình bày khái niệm của cầu khiến, mà còn có nêu ra khái niệm của cầu khiến trực tiếp và cầu khiến gián tiếp khá rõ, cho rằng: *Khi HĐCK được bày tỏ một cách gián tiếp thông qua một hành động ngôn ngữ trung khác như hỏi, trần thuật mà có đích cầu khiến, thì là cầu khiến gián tiếp.* [14, tr.28-32]

Vì thế, PNCKGT trong tiếng Việt nên được hiểu là: *Trong một số ngôn cảnh hạn định, những phát ngôn với đích ngôn ngữ trung là cầu khiến được biểu hiện qua các biểu thức như hỏi dò, trần thuật hoặc cảm thán.* PNCKTT luôn có mô hình cú pháp hoặc phương tiện chỉ dẫn lực ngôn ngữ trung rất đặc trưng, làm cho người nghe rất dễ hiểu được mục đích cầu khiến trong phát ngôn. So với PNCKTT, người nghe khi nhận diện cầu khiến gián tiếp thì phức tạp hơn. Mượn quan điểm của Đào Thanh Lan, khi nhận diện PNCKGT trong tiếng Việt, người nghe phải thực hiện hai bước: 1) Xác định hành động ngôn ngữ trung trong lời tường minh qua phương tiện chỉ dẫn hành động ngôn ngữ trung của lời tường minh. 2) Kết hợp với ngôn cảnh, người nghe thực hiện thao tác suy ý qua từ ngữ được thể hiện trong lời tường minh, để xác định đích ngôn ngữ trung gián tiếp trong phát ngôn. [20, tr.190] Trong các bước suy ý đích

cầu khiến trong PNCKGT, ngôn cảnh là một yếu tố quan trọng mà không thể tách rời được. Khi nhận diện hình thức hỏi – cầu khiến, lại phải chú ý phân biệt hướng cầu khiến, phán đoán chuẩn hướng cầu khiến trong phát ngôn là hướng ngoại hay hướng nội.

PNCKGT trong tiếng Việt có nhiều dạng thức, để biểu hiện HĐCK (một loại hành động ngôn từ) một cách gián tiếp. Vì thế, trong luận án, khi tiến hành phân loại và miêu tả các dạng thức biểu hiện HĐCKGT, luận án chủ trương dựa vào cách phân loại hành động ngôn từ gián tiếp của Searl, phân chia PNCKGT trong tiếng Việt thành hai mảng lớn: 1) PNCKGT có quy ước. 2) PNCKGT phi quy ước.

Nhìn từ mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, PNCKGT *có quy ước* đa số có hình thức hỏi, trần thuật. Chúng có những dạng thức tiêu biểu là : “... *được không?*”/ “*Sao / sao lại / tại sao + p?*”/ “*Hay / Hay là + P?*”/ “*D1 / D3 + mong / muốn V (p)*...” Còn loại PNCKGT *phi quy ước* thông thường không có dấu hiệu PNCK cụ thể, chúng luôn là những phát ngôn biểu hiện tình cảm, sự đánh giá từ người nói. Khi suy ý ý nghĩa hàm ẩn trong loại phát ngôn này, yêu cầu người nghe kết hợp các yếu tố như nội dung hội thoại, môi trường hội thoại, vị thế xã hội giữa người nói và người nghe... để nhận diện đích cầu khiến trong phát ngôn, chẳng hạn: - *Con khóc thì xấu gái lắm!* (Dọa cháu gái, hy vọng người nghe đừng khóc.) / - *Lạnh quá!* (Gợi ý người nghe đi đóng cửa sổ.) [20, tr.191 - 213]

Về sự phân loại và miêu tả các loại dạng thức của PNCKGT tiếng Việt, luận án xin nêu kỹ hơn trong Chương 2 của luận án.

- PGCKGT trong tiếng Hán

Nếu theo nghĩa rộng, trong ngôn cảnh hạn chế, tất cả phát ngôn có chức năng cầu khiến và đáp ứng được bốn điều kiện thành công (*felicity conditions*) đều có thể được coi là PNCKGT. Nếu miêu tả một cách chính xác hơn, PNCKGT tiếng Hán được nêu như sau: Trong một số ngôn cảnh nhất định, phát ngôn được người nói sử dụng để nêu ra mục đích cầu khiến của mình qua chiến lược hỏi dò, trần thuật hoặc cảm thán một cách gián tiếp, nhằm mục đích làm cho người nghe (hoặc người nói

đồng hành với người nghe) làm hay không làm chuyện gì đó. Cũng như PNCKGT trong tiếng Việt, đích ngôn trung trong PNCKGT tiếng Hán là hàm ngôn trong phát ngôn, cho nên yêu cầu người nghe phải kết hợp các yếu tố trong cảnh huống giao tiếp cụ thể (nhất là nội dung hội thoại, chuẩn mực xã hội) để thực hiện thao tác suy ý mục đích câu khiến trong phát ngôn của người nói. [53, tr.90]

Sự phân loại PNCKGT trong tiếng Hán, cũng là một điểm nóng được các nhà nghiên cứu quan tâm. Trong luận án của chúng tôi, việc nghiên cứu PNCKGT được triển khai ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng học, vì thế, luận án phân loại PNCKGT tiếng Hán theo cách phân loại hành động ngôn từ gián tiếp của Searl, phân chia PNCKGT thành hai loại hình lớn: 1) Loại PNCKGT *có quy ước*, luôn chứa những dấu hiệu đặc trưng hỏi như “……好吗?” / “要不……?” / “……行不行?”, hoặc là một số dấu hiệu đặc trưng về hình thức trần thuật như: “D3 想 / 想要 D2 + V。” / “V + 一下。” / “让你 + P。”. Chẳng hạn: - 我们出去走走, 好吗? (Chúng ta ra ngoài đi dạo một lát, được không?) / - 小黄妹妹, 依依想让你陪她去大门口拿奶茶。(Em Tiểu Hoàng ơi, bé Y Y muốn được em Hoàng đi cùng, sang cổng chính để lấy trà sữa). 2) Loại PNCKGT *phi quy ước*, loại hình này trong tiếng Hán cũng luôn được coi là *phát ngôn kiểu chức năng - cầu khiến*. Loại phát ngôn này không có dấu hiệu đặc trưng hoặc khuôn kết cấu biểu hiện cầu khiến gián tiếp cố định, nhưng vẫn có đích ngôn trung là cầu khiến trong phát ngôn. Có thể là tình trạng tâm lý, cảm giác của người nói, có thể là sự đánh giá, cảm giác, thái độ về các yếu tố trong ngôn cảnh hội thoại, thậm chí là những phát ngôn mang tính đe dọa. Loại PNCKGT này đa số có hình thức trần thuật hoặc cảm thán, ít có hình thức hỏi. Kiểu PNCKGT yêu cầu người nghe phải biết được tâm lý của người nói, hiểu được chuẩn mực xã hội, mới suy ý được mục đích cầu khiến trong phát ngôn. [53, tr.92 -115] Chẳng hạn: - 这条裙子好漂亮! Chiếc váy này đẹp quá! (Gợi ý người nghe mua váy cho mình.) / - 你要是不去上学, 我就打断你的腿。Nếu con không đi học, mẹ sẽ đánh gãy chân con. (Áp đặt người nghe đi học.)

Vì việc phân loại và miêu tả PNCKGT tiếng Hán là một công trình lớn, và lại ở giới nghiên cứu tiếng Hán còn có nhiều quan điểm khác nhau về việc phân loại này. Luận án sẽ trình bày tỉ mỉ phần nội dung này trong chương 3 của Luận án.

1.2.4. Những lý thuyết liên quan đến hành động cầu khiến gián tiếp

1.2.4.1. Ngôn cảnh

Ngôn cảnh là một khái niệm lý luận, các loại yếu tố tạo nên ngôn cảnh được rút ra từ mọi cảnh huống giao tiếp cụ thể sẽ ảnh hưởng tới người tham gia hoạt động ngôn ngữ, tiếp đó quyết định hình thức của phát ngôn, sự thích hợp của phát ngôn và ý nghĩa của phát ngôn.[33, tr.572] *Ngôn cảnh (context)* được hiểu là: môi trường về ngôn ngữ, dành cho con người sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, để thực hiện các hành động giao tiếp. [48, tr.21] Quan điểm này tương tự với cách giải thích từ *context* của Yule: “Đó là môi trường vật lý chứa tình huống hiện thực để phát ngôn xuất hiện và hiểu được.”[18, tr.32]

Có một số học giả phương Đông cũng có chỉ ra quan điểm của mình về ngữ cảnh. Chẳng hạn, 张弓 (Trương Cung) cho rằng: “Ngôn cảnh nên là tổng hợp của tình huống xã hội, môi trường thiên nhiên, nội dung được đề cập trước / sau phát ngôn.” [37, tr.2]. 王春德 (Vương Xuân Đức) cho rằng: “Ngôn cảnh được tạo nên bởi các yếu tố khách quan như thời gian, địa điểm, trường hợp, đối tượng giao tiếp và các yếu tố chủ quan như người nói, vị thế xã hội, tư tưởng, tính cách, nghề nghiệp, tu dưỡng, tình huống đang gặp, tâm tình.” [37, tr.4]. 赵德珠 (Triệu Đức Châu) cho rằng: “Ngôn cảnh là môi trường được người nói sử dụng phát ngôn, tức là môi trường tạo nên phát ngôn. Nói một cách rộng rãi hơn, tất cả nhân tố có thể ảnh hưởng đến người ta hiểu ý nghĩa trong phát ngôn đều nên được coi là ngôn cảnh.” [37, tr.5].

Nói chung, ngôn cảnh là nhân tố quan trọng khi chúng tôi nhận diện và nghiên cứu các kiểu phát ngôn, nhất là các phát ngôn có ý nghĩa hàm ẩn. Và ngôn cảnh lại chia ra *ngôn cảnh tình huống (context of situation)* và *ngôn cảnh văn hoá (context of culture)*, luận án sẽ miêu tả hai loại ngôn cảnh này trong phần sau của chương này.

- Các yếu tố về ngôn cảnh

Khi chúng ta nêu ra một PNCKGT, thực ra cũng là thực hiện một hành động giao tiếp. Một cuộc giao tiếp được thực hiện hữu hiệu hay không, phải dựa vào các yếu tố trong môi trường giao tiếp của chúng ta.

- **Các yếu tố khách quan:** chủ yếu bao gồm thời gian, địa điểm xảy ra hội thoại, chủ đề hội thoại, môi trường về cảnh huống giao tiếp. [48, tr.23]

+ Thời gian và địa điểm xảy ra hội thoại: Cuộc giao tiếp luôn được thực hiện trong thời gian và địa điểm nhất định. Khi chúng ta nhận diện ý nghĩa của phát ngôn cầu khiến, phải kết hợp thời gian, không gian xảy ra hội thoại, mới hiểu đúng được ý nghĩa của phát ngôn trong mỗi cuộc giao tiếp khác nhau. [48, tr.24 -25] Ví dụ:

- 你怎么不戴口罩? (Sao em không đeo khẩu trang?)

- 不好意思，忘了。这就戴上。(Xin lỗi, em quên. Đeo ngay lên đây.)

Hội thoại này xảy ra ở cổng chính của một khu tập thể Nam Ninh vào lúc tháng 2 năm 2020. Ở thời điểm đó, dịch covid – 19 đang lây lan nghiêm trọng ở khắp nơi của Trung Quốc, mỗi khu đô thị, khu tập thể đều yêu cầu cư dân phải đeo khẩu trang khi ra vào. Phát ngôn của anh bảo vệ (người nói) mang tính bắt buộc, còn chứa ý phê bình, yêu cầu người nghe đeo khẩu trang ngay một cách nghiêm túc. Vì thế, phát ngôn này không phải là một lời hỏi bình thường, mà là một phát ngôn hỏi – cầu khiến, có tính áp đặt rất cao.

+ Chủ đề hội thoại: Khi chúng tôi thực hiện giao tiếp, luôn đề cập đến nhiều chủ đề, mà những chủ đề ấy có thể chỉ người, cũng có thể chỉ một sự kiện hoặc một đồ đạc gì đó. [48, tr.25 -27] Chẳng hạn khi một gia đình vừa ăn cơm vừa nói chuyện và đánh giá về món ăn trong bữa cơm, thì chủ đề hội thoại trong cảnh huống này là các món ăn. Và những phát ngôn được nêu ra trong tình huống này như: “这道菜好辣啊! (Món này cay quá!)”, “粥太烫了, 吃不得。 (Cháo nóng quá, không ăn được đâu.)”, “这炒青菜看起来不错, 但是摆得太远了, 我夹不到。 (Món rau xào này nhìn ngon lắm, nhưng để xa quá, tôi không gắp được.)”, có ý nghĩa cầu khiến là “Món này cay, khuyên mọi người chú ý khi ăn.”, “Cháo vẫn nóng, nhắc người thân ăn từ từ hoặc tạm thời không ăn.”, “Món rau để xa quá, nhờ người ta lấy giúp cho.”.

+ Trường hợp: “Trường hợp” ở đây bao gồm nhiều yếu tố, trừ thời gian, địa điểm và nội dung mệnh đề trong phần trước từng trình bày, mà còn có yếu tố về môi trường giao tiếp như thời tiết, thời đoạn, không khí trong giao tiếp ... Vì thế, *trường hợp* nên được hiểu là khái niệm tổng hợp về nhiều yếu tố trong cảnh huống giao tiếp, là một tình huống để một số người thảo luận chủ đề hội thoại cụ thể bằng chiến lược gì nhằm một mục đích giao tiếp gì đó. [48, tr.27]. Khi giao tiếp, phát ngôn của mọi người phải phù hợp với trường hợp. Và trường hợp luôn có nhiều thay đổi, một phát ngôn được nêu ra một cách thỏa đáng trong trường hợp A, nhưng nhất định thích hợp được nêu ra trong trường hợp B. Ví dụ, trường hợp A là hai mẹ con trao đổi trong nhà vào lúc tám giờ tối, con bảo “*Mẹ ơi, con đói, con lạnh.*”, nhằm mục đích nhắc mẹ nấu ăn cho. Còn trường hợp B là mẹ đang bận về công việc trong văn phòng lúc 4 giờ chiều, ở trường hợp B con giục “*Mẹ ơi, con đói, con lạnh.*” thì là một phát ngôn không thỏa đáng.

- **Các yếu tố về người tham thoại (yếu tố chủ quan):** vị thế xã hội, nghề nghiệp và tu dưỡng cá nhân, tâm tình cá nhân.

+ Vị thế xã hội: Theo nghĩa rộng, “vị thế” ở đây chỉ địa vị, tư thế hoặc mối quan hệ với người khác trong cả gia đình và xã hội của mọi người tham gia hội thoại. Trong hội thoại, vị thế xã hội của người nói và người nghe sẽ ảnh hưởng đến việc biểu hiện mục đích câu khiến và việc nhận diện đích câu khiến. [48, tr.29] Vị thế xã hội có thể tạo thành bởi nhiều nhân tố, chẳng hạn như: nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính, trình độ văn hóa, chức vụ, quyền lực, quan hệ huyết thống, v.v...

Đã nói đến vị thế xã hội, thì phải phân biệt khái niệm này với *vị thế giao tiếp*: 1) Vị thế xã hội chỉ địa vị, tư thế của người này so với người khác trong xã hội, còn vị thế giao tiếp là chỉ địa vị, tư thế của một người nào đó trong bối cảnh cụ thể của cuộc giao tiếp mà người đó tham gia. 2) Vị thế xã hội được tạo thành bởi các nhân tố: nghề nghiệp, chức vụ, tuổi tác, quan hệ huyết thống. Còn vị thế giao tiếp được tạo thành bởi các nhân tố: vị thế xã hội và mục đích phát ngôn. [20, tr.65]

Khi giao tiếp với người khác, người có vị thế xã hội cao hơn luôn có quyền sử dụng PNCK với lực ngôn trung mạnh mẽ hơn. Nhưng trong một số trường hợp đặc

thù như thực hiện hành động *nhờ*, *xin* người nghe làm việc gì đó, mặc dù người nói có vị thế xã hội cao hơn người nghe, cũng hay sử dụng những PNCK với lực ngôn trung ôn hòa, không mang tính áp đặt.

+ Nghề nghiệp và tu dưỡng cá nhân: Đây là nhân tố quan trọng có liên quan đến việc biểu hiện mục đích cầu khiến nói riêng và biểu hiện ý nghĩa phát ngôn trong cuộc giao tiếp nói chung. [48, tr.34] Chẳng hạn đều là yêu cầu người nghe đeo khẩu trang, bác sĩ hoặc giáo viên thì hay dùng những PNCK như: - 为配合防疫工作, 请戴好口罩。(Để phối hợp công việc chống dịch, xin hãy đeo khẩu trang lên.) / - 记得戴口罩哦。(Nhớ đeo khẩu trang nhé.) Còn các nhân viên bảo vệ ở cơ quan hoặc công an đang trực ban thì sẽ nói nghiêm túc hơn: - 戴好口罩! (Đeo khẩu trang cẩn thận!) / - 你口罩哪去了? (Khẩu trang của chị đâu rồi?). Như vậy được biết, nghề nghiệp và tu dưỡng của cá nhân sẽ quyết định được người nói chọn dùng chiến lược biểu hiện gì để nêu ra ý muốn của mình.

+ Tâm tình, tư tưởng của cá nhân: Đây là những nhân tố mang tính chủ quan rất cao, nhất là khi biểu hiện ý muốn của người nói. [48, tr.32] Chẳng hạn, khi làm khách ở nhà người ta, chủ nhà pha chè mời khách uống, những khách tuổi cao và chịu ảnh hưởng văn hóa phương Đông sẽ nhận tâm ý của chủ nhà, và đáp lại một cách khách sáo và khiêm tốn: - 给你们家添麻烦了, 这茶叶真好, 谢谢啦。(Làm phiền chị nhiều quá, chè này ngon lắm, cảm ơn!). Còn những người trẻ, nhất là người trẻ từng du học, công tác ở các nước phương Tây lâu, tư tưởng và ý thức dần dần được Tây hoá, có lẽ trả lời như kiêu: - 谢谢阿姨, 不过我不喜欢喝茶, 有冰可乐或者其他冰饮料吗? (Cảm ơn cô nhiều, nhưng cháu không thích chè, nhà cô có coca lạnh hoặc đồ uống lạnh không?), biểu lộ sở thích của mình một cách dứt khoát, thậm chí gợi ý chủ nhà lấy cho mình đồ uống theo sở thích của mình. Cùng trong một cảnh huống giao tiếp, người với tư tưởng khác nhau sẽ có cách đáp trả khác nhau.

- Ngôn cảnh tình huống

Ngôn cảnh tình huống (*context of situation*) chỉ ngôn cảnh của hiện tượng ngôn ngữ hoặc môi trường cụ thể của ngôn ngữ, hoặc của một văn bản, “là thế giới

xã hội và tâm lý mà trong đó, ở một thời điểm nhất định người ta sử dụng ngôn ngữ.” [5, tr.369] Kiểu định nghĩa này tương tự với kiểu định nghĩa về *ngôn cảnh* của Lyons. Ngôn cảnh tình huống bao gồm thời gian, địa điểm, nội dung của một cuộc giao tiếp cụ thể, mức độ chính thức của môi trường giao tiếp (cũng được hiểu là *bối cảnh giao tiếp*), phép xã giao trong xã hội, mối liên quan giữa người nói và người nghe, vị thế tương đối của người nói và người nghe trong cuộc giao tiếp, vai trò của cá nhân được thể hiện trong cuộc giao tiếp, v.v... Nó còn bao gồm: “sự chấp nhận của người nói và người nghe về tất cả các quy ước, niềm tin và tiền đề được coi là đương nhiên của các thành viên trong cộng đồng của người nói và người nghe”. [5, tr.370].

Theo học giả Trung Quốc 刘焕辉 (Luu Hoán Huy), ngôn cảnh tình huống là điều kiện tạo ra ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn. Và ý nghĩa hàm ẩn được người ta nhận ra, phải “nhờ một số trường hợp nhất định, một số thời gian và không gian nhất định, mới có được những ý nghĩa hàm ẩn ấy. Trái lại, khi trường hợp có khác, ngôn cảnh tình huống có thay đổi, cùng chung một hình thức phát ngôn thì sẽ có ý nghĩa khác nhau.” [40, tr.192]. Nói chung là ngôn cảnh tình huống chỉ tình huống cụ thể khi hành động ngôn từ được xảy ra.

- *Ngôn cảnh văn hoá*

Ngôn cảnh văn hoá (context of culture) lần đầu tiên được nêu ra bởi nhà nhân chủng học Anh B. Malinowski, đây là một khái niệm có phân biệt với ngôn cảnh tình huống. Văn hóa là một hệ thống biểu ý của con người, còn ngôn cảnh văn hóa chỉ các loại tín hiệu có ảnh hưởng đến giao tiếp và thẩm mỹ trong cái hệ thống biểu ý này. Và văn hóa cũng làm ngôn cảnh cho ngôn ngữ với tư cách là một hệ thống. Ngôn cảnh văn hóa bao gồm hàng loạt nhân tố văn hóa như phong tục, tập quán, giá trị quan, chuẩn mực hành vi trong xã hội, sự kiện lịch sử, những tri thức tự nhiên và xã hội, chính trị và kinh tế. Nói tóm lại, ngôn cảnh văn hóa chỉ bối cảnh văn hóa xã hội mà người nói đang sinh sống, thể hiện đặc điểm của nền văn hóa sử dụng ngôn ngữ. [48, tr.34-37]

Từ vựng có vai trò thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc. Tức là từ ngữ

không chỉ có tác dụng là thể hiện ngữ nghĩa của từ, mà còn đóng vai thể hiện cách cảm nhận thế giới gắn liền với đặc sắc văn hóa của dân tộc. Cho nên, biết rõ ngôn cảnh văn hóa có thể giúp chúng ta suy ý được ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn. Chẳng hạn, trong tiếng Hán có lời chứa hàm ngôn là: “ - 整天迟到, 小心老板请你吃炒鱿鱼。 (Suốt ngày đến muộn, cẩn thận sếp mời anh ăn món mực xào.) ”. 炒鱿鱼 (Món mực xào) trong tiếng Hán không chỉ có nghĩa là món mực xào, mà còn có nghĩa hài hước là “bị thất nghiệp”. Khi nhận diện phát ngôn này, nếu không kết hợp với ngôn cảnh văn hóa, sẽ không biết được ý nghĩa *nhắc nhở* và *khuyến nhủ* trong phát ngôn – đừng đến muộn nữa, kẻo bị thất nghiệp.

1.2.4.2. Giao tiếp giao văn hóa

- Nghiên cứu ngữ dụng giao văn hóa

Trong các tài liệu tham khảo, thuật ngữ *giao văn hóa* luôn được biểu hiện bằng hai từ tiếng Anh “*inter - cultural*” hoặc “*cross - cultural*”. “*Inter - cultural*” được các nhà nhân chủng học hay sử dụng hơn, còn “*cross - cultural*” được các nhà ngôn ngữ học và đối chiếu ngôn ngữ học sử dụng nhiều hơn. Vì thế, “*giao tiếp giao văn hoá (cross – cultural communication)*” trong ngôn ngữ học có nghĩa là: “Cuộc giao tiếp giữa hai người giao tiếp với bối cảnh ngôn ngữ hóa. ” [39, tr. 245] Trên cơ sở này, thuật ngữ “nghiên cứu ngữ dụng giao văn hóa (*cross – cultrual pragmalinguistics*)” được nhiều học giả đến từ các nước không thuộc nền văn hóa phương Tây nêu ra. Thuật ngữ này có nghĩa là: Trên cơ sở của các lý luận ngữ dụng học, so sánh – đối chiếu hình thức, cấu trúc và ý nghĩa của phát ngôn trong các ngôn ngữ khác nhau, nhất phải nghiên cứu sâu sắc về nội hàm và văn hóa trong ngôn ngữ, chú trọng tìm hiểu văn hóa khác được thể hiện trong ngữ dụng của lời nói và chiến lược khéo léo dùng ngôn từ. Nội dung chính trong nghiên cứu ngữ dụng giao văn hóa chủ yếu có ba điểm như sau:

+ Nghiên cứu ngôn ngữ - ngữ dụng học trong giao tiếp giao văn hóa: Nghiên cứu sự khác nhau về chức năng ngữ dụng của những hình thức ngôn ngữ tương tự hoặc tương đương với nhau trong những nền văn hóa khác nhau, hoặc là nghiên cứu chiến lược biểu hiện hành động ngôn từ trong những nền văn hóa khác nhau.

+ Nghiên cứu ngữ dụng xã hội học trong giao tiếp giao văn hóa: Nghiên cứu và giải thích điểm khác nhau về các tham số ngữ dụng trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. Hoặc là nghiên cứu, tìm hiểu những con người đến từ bối cảnh văn hóa khác nhau, đôi khi chúng thực hiện giao tiếp có tuân theo nguyên lý hội thoại của Grice hoặc phép lịch sự của Leech hay không, và phân biệt có điểm khác nhau gì.

+ Nghiên cứu ngữ dụng học trong hệ thống ngôn ngữ về việc thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (interlanguage pragmatics): Nghiên cứu hệ thống ngôn ngữ về việc thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, hoặc là khi người ta giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai. [39, tr. 245]

Có một điểm cần phải lưu ý, nếu theo nghĩa rộng, *giao văn hóa* ở đây không chỉ bao gồm cuộc giao tiếp giao văn hóa quốc tế, cuộc giao tiếp giao văn hóa chủng tộc, cuộc giao tiếp giao văn hóa dân tộc, mà còn gồm những cuộc giao tiếp giữa những người khác nhau nhưng có bối cảnh văn hóa cùng chung, chẳng hạn những người với tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ giáo dục, vị thế xã hội khác nhau.

- Nghiên cứu hành động ngôn từ giao văn hóa.

Việc nghiên cứu hành động ngôn từ giao văn hóa thuộc về phạm trù “Nghiên cứu ngôn ngữ - ngữ dụng học trong giao tiếp giao văn hóa” được nêu trong phần nội dung trước.

Một hành động ngôn từ có thể biểu hiện qua nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Nhưng trong những ngôn ngữ khác nhau, chiến lược biểu hiện hành động ngôn từ cùng chung có thể có khác. [39, tr.251] Chẳng hạn, đều là thực hiện hành động hàn huyên khi hai người quen gặp nhau trên phố ngẫu nhiên, người Trung Quốc hay nói: “ - 吃了吗? (Ăn chưa?) ”, người Việt thì thường hỏi: “Đi đâu? / Đi đâu đấy? ”

Trong những ngôn ngữ khác nhau, yếu tố tạo thành cùng một hành động ngôn từ cũng có khác. Ví dụ hành động biểu hiện xin lỗi trong tiếng Hán gồm hai yếu tố: 1) Sự hối hận của người nói đối với một chuyện nào đó. 2) Hứa hẹn người nói sẽ chịu trách nhiệm về chuyện ấy. Nhưng trong tiếng Nhật, hành động xin lỗi thì không bao gồm yếu tố thứ hai trên đây. [39, tr. 251]

Trong những nền văn hóa khác nhau, chiến lược biểu hiện hành động ngôn từ cùng chung cũng có thể có chút khác biệt. Ví dụ, đều là thực hiện hành động nhằm

yêu cầu người nghe làm một chuyện gì đó, tùy theo vị thế xã hội của người nói và người nghe mà có thể dùng các từ *invite, suggest, request, command*, v.v... trong tiếng Anh. Nhưng trong tiếng Hán, từ vựng biểu hiện “yêu cầu người nghe làm một chuyện gì đó” thì rất có hạn. [39, tr. 251] Thông thường người ta chỉ dùng từ “请 (xin)” / “恳请 (khẩn cầu)”, đều là những từ vựng đe dọa thể diện của người nói.

Trong việc nghiên cứu hành động ngôn từ giao văn hóa, những hành động có liên quan đến “lịch sự” và “thể diện” luôn được các học giả quan tâm nhiều hơn, chẳng hạn hành động *thỉnh cầu, xin lỗi, từ chối*. Nghiên cứu hành động ngôn từ giao văn hóa có năm nội dung chính như sau:

+ Nghiên cứu sự khác biệt về chiến lược biểu hiện cùng một loại hành động ngôn từ trong nền văn hoá khác nhau, ví dụ phát ngôn cầu khiến, các động từ tình thái.

+ Nghiên cứu sự khác biệt về chiến lược thường dùng để biểu hiện cùng một loại hành động ngôn từ trong nền văn hóa khác nhau.

+ Khi thực hiện một hành động ngôn từ nào đó, sự khác biệt về những từ ngữ được sử dụng kèm theo như các từ ngữ thể hiện lịch sự, kính ngữ, điều này cũng đáng được quan tâm và nghiên cứu.

+ Thống kê phạm vi và tần số sử dụng của cùng loại hành động ngôn từ trong những nền văn hóa khác nhau, và nghiên cứu sự khác biệt của chúng.

+ Nghiên cứu sự khác biệt về suy ý cùng loại hành động ngôn từ trong những nền văn hóa khác nhau. [39, tr. 252]

1.2.5. Một số vấn đề cơ bản về đối chiếu ngôn ngữ

1.2.5.1. Khái niệm đối chiếu trong ngôn ngữ học

“So sánh là một thao tác suy ý phổ quát của loài người”. [10] [Bùi Mạnh Hùng, 2008, tr. 95] Hoạt động so sánh là hoạt động đối chiếu “một cái này với một cái khác nhằm tìm ra mối quan hệ và liên hệ giữa chúng”. Trong ngôn ngữ học, *so sánh* thường được dùng với ý nghĩa chung để chỉ phương pháp hoặc cách tiếp cận nghiên cứu, lấy đối tượng là ít nhất hai loại ngôn ngữ. Sự tiếp cận đối tượng theo cách này được gọi là *ngôn ngữ học so sánh (Comparative Linguistics)*. Dựa vào đối tượng, mục đích và cách thức tiến hành nghiên cứu, ngôn ngữ học so sánh luôn

được phân thành ngành nhỏ như: *Ngôn ngữ học so sánh lịch sử (Comparative Historical Linguistics)*, *loại hình học (Typological Linguistics)*, *ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)*, *ngôn ngữ học tiếp xúc (Contact Linguistics,..* [29, tr. 17 -18]

Thuật ngữ *đối chiếu* được dịch từ *Contrastive* trong tiếng Anh. *Đối chiếu ngôn ngữ* là việc so sánh ít nhất hai ngôn ngữ (cũng có thể nhiều hơn), để xác định những điểm giống nhau và điểm khác nhau của các ngôn ngữ. Về căn bản, trong ngôn ngữ học đối chiếu, cách thức so sánh đứng trên quan điểm đồng đại.

1.2.5.2. Các quy tắc và việc nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ

- Các quy tắc nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ

Trong quá trình nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ, luận án cần phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản như sau:

+ Bảo đảm các phương tiện trong hai ngôn ngữ đối chiếu được miêu tả một cách đầy đủ, chính xác và sâu sắc trước khi tiến hành đối chiếu, để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa chúng. [10, tr. 131]

+ Khi tiến hành nghiên cứu đối chiếu, phải đặt những phương tiện đối chiếu trong hai ngôn ngữ thành hệ thống, chứ không thể chỉ chú ý đến các phương tiện được đối chiếu một cách tách biệt.

+ Cần phải xem xét lại các phương tiện được đối chiếu trong cả hệ thống ngôn ngữ lẫn hoạt động giao tiếp, chứ không thể tách biệt các phương tiện được đối chiếu trong hoạt động giao tiếp.

+ Phải bảo đảm tính nhất quán trong việc vận dụng các khái niệm và mô hình lý thuyết để miêu tả các ngôn ngữ được đối chiếu. [10, tr. 136]

+ Phải tính đến mức độ gần gũi về loại hình giữa các ngôn ngữ cần đối chiếu. [10, tr. 145]

- Các bước thực tiễn đối chiếu ngôn ngữ học

Các bước phân tích đối chiếu ngôn ngữ có thể phân chia thành hai bước miêu tả và đối chiếu nói chung, và cũng có thể phân chi tiết hơn thành ba bước như: 1) Miêu tả. 2) Xác định những nội dung có thể đối chiếu với nhau. 3) Đối chiếu. [10, tr. 151]

Trên cơ sở miêu tả và xác định được nội dung đối chiếu, thực tiễn bước đối

chiếu – bước quan trọng nhất trong việc nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ. Theo Krzesowski (1990) , bước này có thể dùng thuật ngữ *comparison proper (so sánh đích thực)* để biểu thị. [10, tr. 156] Khi đối chiếu “cái tương đương” trong hai ngôn ngữ, có thể có được ba khả năng là:

+ Yếu tố X trong ngôn ngữ A có thể đồng nhất về một số phương tiện nào đó với cái tương đương trong ngôn ngữ B.

+ Yếu tố X trong ngôn ngữ A có thể có sự khác biệt về một số phương tiện nào đó với cái tương đương trong ngôn ngữ B.

+ Yếu tố X trong ngôn ngữ A không có cái tương đương trong ngôn ngữ B. [10, tr. 156]

1.2.5.3. Những bình diện đối chiếu ngôn ngữ được sử dụng trong luận án

Theo lý thuyết hành động ngôn từ, khi nêu ra một phát ngôn thì là thực hiện một hành động, và hành động này là một hành động tạo lời, nó sử dụng chất liệu ngôn ngữ để tạo thành một phát ngôn. PNCKGT thuộc phạm trù này. “Nghiên cứu, đối chiếu câu theo thuyết hành động ngôn ngữ là một trong những bình diện hấp dẫn và mới mẻ hiện nay.” [26, tr. 191] Phạm vi lý thuyết này liên quan với kết học (Syntax) và dụng học (Pragmatics) – gồm dụng học liên văn hoá (Intercultural Pragmatics) và dụng học giao văn hoá (Cross – Cultural Pragmatics).

Vì thế, trong luận án, khi nghiên cứu đối chiếu PNCKGT – một loại hành động ngôn từ trong tiếng Việt với tiếng Hán, nên đối chiếu chúng từ bình diện cấu trúc – ngữ nghĩa và bình diện chức năng dụng học.

- Nghiên cứu đối chiếu câu ở bình diện cấu trúc – ngữ nghĩa

Bình diện cấu trúc – ngữ nghĩa của câu là một sự cụ thể hóa bình diện câu xét theo mục đích phát ngôn và theo cấu trúc – chức năng. “Cấu trúc – ngữ nghĩa của câu được hiểu là mối quan hệ hai cấu trúc và ngữ nghĩa trong câu liên hệ quyện chặt nhau.” [26, tr. 195]. Xác định câu / lời theo cấu trúc – ngữ nghĩa tức là xác định câu / lời theo hình thức câu và nội dung (nghĩa) tương ứng của nó, cho nên có thể nói là “có cấu trúc nào thì có nghĩa đó” [26, tr. 196]. Sự cụ thể hóa là khuôn hình câu với các loại nghĩa xác định.

Cấu trúc – ngữ nghĩa của câu thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa cấu trúc hình thức và nội dung của câu, bao gồm mối quan hệ giữa cú pháp và ngữ nghĩa của câu. Cấu trúc câu được xác định từ quan hệ các thành phần chức năng của câu, mỗi khuôn hình cấu trúc đều có một nội dung nghĩa xác định. Các lớp nghĩa của câu / lời được thể hiện bằng quan hệ cú pháp, trật tự các thành phần câu theo một khuôn hình đã có xác định. Còn ngược lại, sự khác nhau của các khuôn hình khác nhau cũng có thể phản ánh được sự khác nhau về nghĩa. Lớp nghĩa câu thể hiện tường minh nhất tại các cấu trúc và khuôn hình nghĩa biểu hiện. [26, tr. 197]

Phương pháp đối chiếu này được ứng dụng trong chương 4 của luận án, để triển khai đối chiếu cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ của PNCKGT tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán. Kết quả đối chiếu của công việc rất thực tế trong việc học và giảng dạy ngôn ngữ. “Đối chiếu câu ở bình diện này có nhiều ưu thế và lợi ích đáng được chúng ta chú ý, khai thác.” [26, tr. 197]

- Nghiên cứu đối chiếu câu ở bình diện chức năng dụng học

PNCKGT là một loại câu chức năng, nó được phân biệt theo mục đích phát ngôn – làm cho người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó trong mọi hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Khi chúng tôi nghiên cứu PNCKGT, không thể tách rời được các nhân tố có liên quan với chức năng dụng học của câu như: bối cảnh giao tiếp, hiệu dụng của lời, hiệu quả giao tiếp...

Nói về tổng thể, việc nghiên cứu, đối chiếu phát ngôn ở bình diện chức năng dụng học có thể triển khai ở hai mặt: dạng thức biểu hiện của câu và ngữ dụng – ngữ nghĩa của câu. Tức là chúng tôi có thể lấy những dạng thức biểu hiện tương tự của phát ngôn trong hai ngôn ngữ để làm cơ sở đối chiếu, sau đó đối chiếu những phát ngôn có dạng thức biểu hiện tương tự trong ngôn ngữ khác có điểm gì giống nhau và khác nhau về chức năng ngữ dụng. Và ngược lại, cũng có thể xuất phát từ ngữ dụng – ngữ nghĩa của phát ngôn, để đối chiếu những phát ngôn với ngữ dụng – ngữ nghĩa tương tự có dạng thức biểu hiện gì trong ngôn ngữ khác. [52, tr. 181]

Khi thực hiện việc nghiên cứu đối chiếu chức năng dụng học, có một điểm cần phải lưu ý: do sự khác biệt của bối cảnh văn hóa của các ngôn ngữ, chiến lược biểu

hiện cùng một hành động ngôn từ có thể có khác nhau.

Để nghiên cứu đối chiếu chức năng dụng học của câu kỹ hơn, có thể kết hợp mấy điểm nội dung như sau:

1) Những phát ngôn với cấu trúc tương tự như nhau có thể biểu hiện hành động ngôn từ khác nhau trong loại ngôn ngữ khác.

Trong luận án, phương pháp đối chiếu này được sử dụng để đối chiếu tình hình sử dụng PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán, ý nghĩa và mức độ cầu khiến của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán.

2) Mỗi một ngôn ngữ đều có quy luật riêng về hình thức biểu hiện ngữ pháp, ngữ nghĩa và nội dung mệnh đề của lời. Điều này ở mặt biểu hiện ngữ dụng trong lời nói và trường hợp, phạm vi sử dụng lời nói cũng vậy. Vì thế, khi nghiên cứu, đối chiếu chức năng ngữ dụng của phát ngôn và nội dung hội thoại trong hai ngôn ngữ, chúng tôi cần phải kết hợp các nhân tố về ngôn cảnh xảy ra phát ngôn, bao gồm những nhân tố như: cảnh huống giao tiếp cụ thể, thái độ và ý muốn của người nói, vị thế xã hội của người nói và người nghe, thói quen sử dụng chiến lược biểu hiện cầu khiến độc đáo trong ngôn ngữ của mình, v.v...

Trong luận án, phương pháp đối chiếu này được sử dụng để đối chiếu lực ngôn trung trong PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán,, một số nhân tố có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng PNCKGT.

1.6 Tiểu kết:

Vấn đề về hành động ngôn từ nói chung và HĐCKGT nói riêng, đã được nhiều học giả trên thế giới quan tâm đến. Nhưng kết quả nghiên cứu về đối chiếu PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán chưa được nghiên cứu đầy đủ, tạm thời chỉ tìm thấy được một luận văn thạc sĩ nghiên cứu về vấn đề này từ bình diện ngữ pháp , ngữ nghĩa. Vì thế, việc nghiên cứu PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán là một khoảng trống, nhất là nghiên cứu đối chiếu PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán từ bình diện cấu trúc ngữ pháp , ngữ nghĩa và dụng học.

Các cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu như lý thuyết hành động ngôn từ và hành động ngôn từ gián tiếp, khái niệm về HĐCKGT và PNCKGT,

ngôn cảnh, và đối chiếu ngôn ngữ được miêu tả trong chương này, là căn cứ để chúng tôi tiến hành thu thập, xử lý ngữ liệu, và miêu tả, phân tích các dạng thức của PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, tiếp đó là đối chiếu chúng ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và dụng học.

PNCKGT không chỉ có vai giao tiếp, cũng là sự phản ánh của của ngôn cảnh tình huống cụ thể và ngôn cảnh văn hóa – xã hội. Chúng tôi hy vọng rằng, những phát hiện mới trong luận án có được một số công hiến như: 1) Giúp ích cho người học tiếng Việt hoặc tiếng Hán, nhận diện đúng PNCK của người ta một cách rõ ràng. 2) Đóng góp cho việc giảng dạy ngoại ngữ và phiên dịch, nhất là trong việc giảng dạy giao tiếp giao văn hóa, hoặc việc biên soạn giáo trình về lĩnh vực này. 3) Thúc đẩy sự giao tiếp giao văn hóa trong hiện thực được thực hiện thuận lợi hơn nói chung, và các hoạt động liên quan tới song ngữ như phiên dịch, giao tiếp hàng ngày nói riêng.

Chương 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT

Luận án thu thập, phân loại, phân tích và đưa ra nhận xét về các tiểu loại PNCKGT trong tiếng Việt. Chúng tôi thu thập được 698 PNCKGT tiếng Việt. Trong đó, PNCKGT quy ước (*conventional*) có 296 phiếu, PNCKGT phi quy ước (*nonconventional*) có 402 phiếu. Trong mục 2.3 và 2.4, luận án sẽ phân loại các dạng thức PNCKGT tiếng Việt, và lấy một số ví dụ để miêu tả, phân tích kỹ các kiểu loại phát ngôn cầu khiến.

2.1. Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt

Trong phần trước, luận án đã trình bày *thuyết hành động ngôn từ gián tiếp (indirect speech act)* của Searl – trên cơ sở lý thuyết hành động ngôn từ (*speech act theory*) của J.L.Austin, tức là hành động ngôn từ gián tiếp nên được phân chia thành hai mảng lớn như: *hành động ngôn từ gián tiếp quy ước* và *hành động ngôn từ gián tiếp phi quy ước*. . [49, tr.158] HĐCKGT thuộc nhóm hành động ngôn từ gián tiếp, vì thế, các phát ngôn biểu hiện HĐCKGT cũng nên được chia thành hai loại lớn như PNCKGT *quy ước* và PNCKGT *phi quy ước*.

PNCKGT quy ước có tính quy ước với những cấu trúc hoặc dạng thức điển hình, khi người nghe thao tác suy ý đích ngôn trung trong phát ngôn, thông thường không cần dựa vào ngôn cảnh giao tiếp quá nhiều. Trừ dựa vào ngôn cảnh cụ thể, tiêu chí về phân loại và nhận diện PNCKGT phi quy ước là hình thức – cú pháp, nhất là những đặc trưng ngữ pháp. Về hình thức lời, PNCKGT quy ước đa số là những lời hỏi, lời trần thuật chứa cấu trúc hoặc dạng thức cố định.

Còn PNCKGT phi quy ước thì không có tính quy ước, thông thường không có dấu hiệu hoặc dạng thức điển hình. Khi nhận diện, thao tác suy ý chúng phải kết hợp chặt chẽ với ngôn cảnh, kể cả nội dung mệnh đề của hội thoại. Nếu không thì người nghe sẽ không hiểu ý hàm âm trong phát ngôn được, hoặc sử dụng PNCKGT không đúng mức, tạo ra sự giao tiếp không thể thành công được. So với PNCKGT *quy ước*, khi suy ý ý nghĩa của PNCKGT phi quy ước càng cần phải dựa vào ngôn cảnh hơn.

Tức là khi nhận diện PNCKGT phi quy ước, ngôn cảnh là yếu tố quan trọng nhất. Chẳng hạn, đều là phát ngôn “Anh đói rồi”, khi đặt trong ngôn cảnh khác nhau sẽ có được ý nghĩa hàm ẩn khác nhau. Trong ngôn cảnh A là hai vợ chồng đang ở nhà, chồng nêu ra phát ngôn “Anh đói rồi”, nghĩa tường minh là trình bày sự cảm giác “đói rồi”, mà ý nghĩa được hàm ẩn trong phát ngôn là “đã đến giờ ăn cơm, em cần phải nấu ăn rồi”. Nhưng nếu trong ngôn cảnh B là hai vợ chồng đang dạo phố và mua sắm, người chồng thấy mệt thấy chán không muốn đi nữa, nêu phát ngôn “Anh đói rồi”, thì ý nghĩa hàm ẩn ở đây là ngăn chặn hành động dạo phố và mua sắm của vợ, khác với phát ngôn “Anh đói rồi” trong ngôn cảnh A. Trong một hội thoại có điều kiện nảy sinh phát ngôn cầu khiến, chẳng hạn như những nhân tố như thoại trường, người tham thoại, mối quan hệ của người nói và người nghe, chủ đề hội thoại... “Các nhân tố trong ngôn cảnh đều có ảnh hưởng to lớn để tạo lập và lĩnh hội phát ngôn trong hội thoại”. [5, tr.393]. Về hình thức lời, PNCKGT phi quy ước có thể là lời hỏi, lời trần thuật hoặc lời cảm thán.

Về hình thức câu, HĐCKGT có thể biểu hiện một cách gián tiếp qua hành động ngôn ngữ khác như: hỏi, trần thuật hoặc cảm thán. Xét tỉ lệ sử dụng PNCKGT qua biểu thức hỏi, trần thuật và cảm thán, thì giáo trình “Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)” của Đào Thanh Lan đã nhận định: trong tiếng Việt, PNCKGT với biểu thức hỏi phổ biến hơn biểu thức trần thuật và cảm thán.

Như vậy, PNCKGT quy ước có thể có hình thức hỏi, hình thức trần thuật và hình thức cảm thán. Chúng thường có những dạng thức tiêu biểu như sau.

Lưu ý: những phần nội dung trong dấu ngoặc là phần ngôn cảnh, phát ngôn được in nghiêng mới là PNCKGT được chúng tôi nêu ví dụ.

1) – (Chị ơi, hết mắt bò rồi.) *Chị ăn phở gà được không?* (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Đề nghị người nghe ăn phở gà.

2) – *Me muốn con chăm chỉ học bài.* (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Khuyến người nghe chuyên tâm làm bài, đừng vừa học vừa chơi.

3) – Lạnh quá! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Xin người nghe đóng cửa sổ lại.

PNCKGT phi quy ước cũng có thể có hình thức hỏi, hình thức trần thuật và hình thức cảm thán, chúng có mấy thí dụ như:

4) Chú Tám đưa tay ngoắt Tân:

– (Ê, nhà trung phong số một!) Lại đây chú mày mời ly đá chanh, chiu không cưng? < Trước vòng chung kết- Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Mời người nghe cùng đi uống đá chanh.

5) – Mẹ ơi, hôm nay có bạn đánh con. Con chẳng biết tên, có bạn mặc áo vàng, có bạn mặc áo trắng và có bạn mặc áo gấu đánh con. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: hy vọng mẹ trừng phạt mấy đứa đánh đập mình.

6) Ba tôi hăm he:

– Mày mà còn đánh cắp thức ăn trong tủ lạnh nữa là tao chặt tay mày nghe, cu Mùi! < Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Cấm đoán hành động không tốt của người nghe.

Trong phần sau, chúng tôi sẽ miêu tả và phân tích các dạng thức của PNCKGT tiếng Việt. Ở đây, chúng tôi xin thống nhất lại việc sử dụng thuật ngữ, dùng các từ *phát ngôn hỏi – cầu khiến, phát ngôn trần thuật – cầu khiến, phát ngôn cảm thán – cầu khiến* để chỉ các HĐCKGT được biểu hiện qua hành động hỏi, trần thuật và cảm thán.

2.2. Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiếp

Bất cứ là PNCKGT quy ước hay là PNCKGT phi quy ước, đều có thể biểu hiện các hành động ra lệnh, cấm đoán, thúc giục, cho phép, đề nghị, khuyên nhủ, rủ / mời, nhờ vả, xin phép, v.v... qua các hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán một cách gián tiếp. Theo Đào Thanh Lan, “*Ý nghĩa cầu khiến của lời chính là nội dung HĐCK.*”, “*Nội hàm của ý nghĩa cầu khiến bao gồm ý nghĩa cầu (cầu xin, nhờ vả, mời mọc, chúc tụng), ý nghĩa khiến (sai khiến, ra lệnh, cấm đoán) hoặc vừa khiến vừa cầu (đề nghị, dặn dò, khuyên bảo)*”. [19, tr.53] Tức là HĐCK có thể chia thành

ba loại, loại cầu, loại khiến và loại vừa cầu vừa khiến. Chúng tôi xin nhấn mạnh, đây cũng là quy tắc quan trọng trong luận án, khi thực hiện miêu tả đặc điểm của các kiểu PNCKT và đối chiếu các kiểu PNCKT.

Nếu căn cứ vào lực ngôn trung cầu khiến, thì có thể phân loại các kiểu HĐCK theo mức độ cầu khiến cao hay thấp. Theo quan điểm của Đào Thanh Lan [19, tr.54], kết quả phân loại như bảng 2.1:

Bảng 2.1: Ý nghĩa và mức độ cầu khiến trong tiếng Việt

TT	Hành động cầu khiến	Mức độ cầu khiến	Nội dung lệnh	Hình thức biểu đạt điển hình
1	Ra lệnh	Khiến cao nhất	Làm	Vnh = ra lệnh; hãy, đi
2	Cấm	Khiến cao nhất	Không làm	Vnh = cấm; không được
3	Cho/Cho phép	Khiến cao	Làm	Vnh = cho / cho phép; hãy, đi
4	Yêu cầu	Khiến cao	Làm	Vnh = yêu cầu; hãy, đi
5	Đề nghị	Khiến trung bình, cầu thấp	Làm	Vnh = đề nghị; hãy, nào / nhé
6	Dặn	Khiến thấp, cầu thấp	Làm	Vnh = nhé
7	Khuyến	Khiến thấp	Làm/không làm	Vnh = khuyến; nên / không nên
8	Rủ	Cầu thấp	Làm	Vnh=nhé, có...không
9	Mời	Cầu trung bình	Làm	Vnh = mời;nhé, có...không
10	Nhờ	Cầu cao	Làm	Vnh = nhờ; với
11	Chúc	Cầu cao	Làm	Vnh = chúc,nhé
12	Xin/ Xin phép	Cầu cao	Làm	Vnh = xin / xin phép; nhé

13	Cầu	Cầu rất cao	Làm	Vnh = cầu; với
14	Nài	Cầu rất cao	Làm	Vnh = xin, van, lạy; với
15	Van	Cầu rất cao	Làm	Vnh = van; với
16	Lạy	Cầu cao nhất	Làm	Vnh = lạy; với

(Ghi chú: Vnh = vị từ ngôn hành; hãy, đi, nhé, với...= từ có vai trò làm phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung cầu khiến)

(Nguồn: Đào Thanh Lan (2012), *Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội. tr.54)

Xét từ kết quả phân loại của tác giả Đào Thanh Lan, hành động ra lệnh, cấm, cho/cho phép thuộc loại hành động khiến, với mức khiến cao, có tính áp đặt cao. Hành động đề nghị, dặn, khuyên thuộc loại hành động với tính áp đặt trung bình. Còn hành động rủ, mời, nhờ, chúc, xin/xin phép, cầu, nài, van, có mức khiến thấp và tính cầu cao, tính áp đặt giảm dần. Cầu khiến trực tiếp là tiền đề của cầu khiến gián tiếp, cách phân loại mức độ cầu khiến này tương ứng với cầu khiến gián tiếp.

Trong phần sau, chúng tôi sẽ miêu tả và phân tích PNCKGT trong tiếng Việt ở bình diện cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, giải thích kỹ các ngữ liệu từ vĩ độ cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và mức độ cầu khiến của chúng.

2.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Việt

Đặc điểm của PNCKGT quy ước trong tiếng Việt chủ yếu có: 1) Có những cấu trúc đặc trưng như “*có ... không?*”, “*P + có được không? / được không?*”, “*Hay + P?*”, “*D1 / D3 muốn D2 + V.*” ... 2) Người nghe thao tác suy ý đích ngôn trung trong những phát ngôn này dễ hơn, có thể dựa vào các hình thức - cú pháp của câu để suy ý được mục đích giao tiếp của người nói. Nhưng trong quá trình thao tác suy ý, vẫn không thể tách rời được ngôn cảnh, chỉ là mức độ phải dựa vào ngôn cảnh thấp hơn khi suy ý các PNCKGT phi quy ước.

Trong ngữ liệu của chúng tôi, PNCKGT quy ước (conventional) có 296 phiếu. Kết hợp với kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, chúng tôi phân chia chúng thành 15 tiểu loại. Trong đó, phát ngôn hỏi – cầu khiến có 12 tiểu loại, tổng

cộng có 250 phiếu. Phát ngôn trần thuật – cầu khiến có 2 tiểu loại, có 28 phiếu. Phát ngôn cảm thán – cầu khiến có 1 tiểu loại, có 18 phiếu.

2.3.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi

Trong phần trước, chúng tôi đã miêu tả khái niệm về phát ngôn hỏi – cầu khiến gián tiếp, là HĐCK được bày tỏ bằng hành động hỏi, tức là đích ngôn trung (đích cầu khiến) được thể hiện qua những cấu trúc hỏi dò. Người nói có thể sử dụng biểu thức này để nêu ra mục đích cầu khiến của mình một cách gián tiếp. Sau đây, chúng tôi sẽ miêu tả, phân tích các biểu thức điển hình với hình thức phát ngôn hỏi – cầu khiến trong tiếng Việt ở bình diện cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa.

2.3.1.1. Dạng thức “có ... không?”

Từ “có” khi dùng trong câu tạo “*có ... không*” “biểu thị ý nghĩa muốn hỏi về điều muốn được khẳng định là như thế (hay là trái lại).” [24, tr.195]. Trong phát ngôn hỏi – cầu khiến với cấu trúc “*có + P + không?*” / “*có + P+ hay +không?*”, phần “*P*” luôn là những động từ hoặc câu chứa những cụm động từ. Cấu trúc này mang ý nghĩa hỏi, từ “*có*” có vai trò nhấn mạnh phần “*P*”, tức là cường điệu hành động được nêu trong phát ngôn. Ví dụ:

7) – (Con ơi,) con có cho mẹ vào không? (Khẩu ngữ)

8) Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

– Có đi hay không? < Truyện Ngán - Nguyễn Công Hoan >

Trong câu 7), quan hệ người nói và người nghe là hai mẹ con. Người nói là người bậc trên, có vị thế xã hội cao hơn người nghe. Khi muốn vào phòng của con, người nói muốn thể hiện sự bình đẳng, sự thân thiết với người nghe, hy vọng ý muốn của mình được người nghe dễ tiếp nhận, cho nên lựa chọn sử dụng chiến lược hỏi - “*có + P + không?*” để biểu hiện mục đích cầu khiến với người nghe. Còn trong câu 8), người nói (ngài) nhăn mặt, có vẻ không hài lòng, cho nên to tiếng nêu ra phát ngôn “*Có đi hay không?*”. Nhưng khác với cấu trúc “*có + P + không?*”, cấu trúc “*có + P + hay + không?*” không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa hỏi dò hoặc là cho người nghe lựa chọn phương án, mà còn mang sắc thái đe dọa, ép buộc. Vì thế, người nghe khi tiếp nhận PNCKGT “*Có đi hay không?*”, chỉ cần thực hiện một hành động - “*đi*” (*P*) thôi.

Trong cứ liệu của chúng tôi, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuần túy có dạng thức “*có + P + không?*” có 29 phiếu. Các trường hợp biểu hiện các mức HĐCK như bảng 2.2:

Bảng 2.2: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	4	11,54%
Yêu cầu	3	7,69%
Ngăn	1	3,85%
Đề nghị	6	23,07%
Khuyến	1	3,85%
Dặn	1	3,85%
Rủ	4	15,38%
Mời	5	19,23%
Xin / xin phép	3	11,54%

Vì thế, phát ngôn hỏi cầu khiến có dạng thức “*có + P+ không?*” (gồm biến thể “*có + P + hay + không?*”) có 29 phiếu. Biểu hiện những hành động với các mức cầu khiến như bảng 2.3:

Bảng 2.3: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	9	31,03%
Mức cầu khiến trung bình	8	27,59%
Mức cầu cao	12	41,38%

Nói chung, trong đa số trường hợp, khi nhận diện và thao tác suy ý các phát ngôn hỏi - cầu khiến chứa cấu trúc *có + P + không?* / *có + P+ hay +không?*, chúng tôi nên lưu ý phần “*P*” trong cấu trúc, để hiểu đúng ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn, và thực hiện đúng hành động theo ý muốn của người nói, nhất là khi gặp những phát ngôn mang sắc thái mệnh lệnh và tính áp đặt cao. Tuy nhóm phát ngôn này đa số biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao, nhưng

trường hợp biểu HĐCK với mức khiến cao không ít, cũng có nhiều phát ngôn với lực ngôn trung mạnh.

2.3.1.2. *Dạng thức “P + chứ?”*

Trong “Từ điển tiếng Việt”, “*chứ*” là một trợ từ trong tiếng Việt. “*Khi dùng trong đối thoại, thường ở cuối câu hoặc cuối đoạn câu.*”, “*Từ biểu thị ý ít nhiều đã khẳng định về điều nêu ra để hỏi, tựa như chỉ là để xác định thêm.*” [24, tr.190] Cấu trúc “**P + chứ?**” là một hình thức hỏi điển hình, nó cũng gánh vai biểu hiện ý nghĩa cầu khiến được. PNCKGT có dạng thức “**P + chứ?**” có thể biểu hiện hành động rủ, mời, đề nghị... Ví dụ:

9) – Phải, tôi cũng biết vậy.

– *Thế thì nên trình quan biết chứ?*

– Ô anh em còn phải dạy ông quan hay sao?...

<Cấm chợ – Nguyễn Công Hoan>

10) – (Chị lại đi tâm bô rồi!) *Tuần sau mình cũng ăn lẩu chứ?* (Khẩu ngữ)

Câu ví dụ 9) chứa vị từ ngôn hành “nên” trong câu, nhưng có từ “*chứ*” đặt ở cuối câu. Và lại, về mặt hình thức câu, câu này vẫn là một câu hỏi, cho nên câu 1) là một phát ngôn hỏi – cầu khiến chính thống. “*Thế thì nên trình quan biết chứ?*”, phần “**P**” trước từ “*chứ*” đặt ở cuối câu hỏi nên được lưu ý hơn, vì phần này mới là phần biểu hiện ý nghĩa cầu khiến trong câu. Vì vậy, “*Thế thì nên trình quan biết chứ?*” có thể được hiểu là nên “trình quan biết”, dùng hình thức hỏi để biểu hiện hành động đề nghị một cách gián tiếp. Câu 10) xảy ra trong hội thoại giữa hai người bạn, người nói và người nghe có quan hệ bình đẳng, vị thế xã hội như nhau. Khi người nói nhìn thấy người nghe gửi ảnh ăn phở bẻ bẻ trên wechat (ứng dụng nhắn tin đa chức năng), người nói thấy ngưỡng mộ và muốn hẹn người nghe tuần sau cùng ăn chơi. Xét từ cấu trúc ngữ pháp, cốt trợ từ “*chứ*” đặt ở cuối câu hỏi, thì câu này dễ được người nghe thấu hiểu ý nghĩa trong phát ngôn là “Tuần sau mình cũng ăn lẩu”. Trong ví dụ này, cấu trúc “**P + chứ?**” biểu hiện hành động rủ, có tính áp đặt thấp. Dạng thức “**P + chứ?**” dùng để biểu hiện hành động rủ cũng luôn được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.

Trong 26 phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + chứ?**”, trường hợp biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.4:

Bảng 2.4: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	1	3,85%
Giục	2	7,70%
Đề nghị	9	34,62%
Dặn	2	7,70%
Khuyên	4	15,35%
Rủ	3	11,54%
Mời	2	7,70%
Xin / xin phép	3	11,54 %

Theo bảng phân loại mức độ cầu khiến của tác giả Đào Thanh Lan, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + chứ?**” biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau có dạng thức phân bố như bảng 2.5:

Bảng 2.5: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	3	11,54%
Mức cầu khiến trung bình	15	57,69%
Mức cầu cao	8	30,77%

Vì thế, đặc điểm của nhóm phát ngôn này là trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao rất ít, đa số phát ngôn với tính áp đặt không cao, sắc thái ôn hòa.

2.3.1.3. Dạng thức “... được không?”

Từ “được” trong “Từ điển tiếng Việt” có nhiều cách giải thích. Khi kết hợp với từ “không” tạo thành cấu trúc hỏi “... **được không?**”, thì từ “được” ở đây nên được cắt nghĩa là “Đạt tiêu chuẩn, đạt yêu cầu, làm cho có thể hài lòng, có thể đồng ý.” [24, tr.190]. Còn ý nghĩa của cấu trúc “... **được không?**” chính là hỏi ý kiến có đồng ý làm hoặc không làm chuyện gì đó hay không với người nghe. Khi áp dụng trong phát ngôn hỏi – cầu khiến, cấu trúc này không phải là cấu trúc hỏi thuần túy,

nó có thể mang ý nghĩa cầu khiến, yêu cầu đối thoại thực hiện hành động một cách uyển chuyển. Ví dụ:

11) – Sáng mai mẹ về gửi cái váy, được không? (Khẩu ngữ)

12) – Xuống dưới nhà mở cửa cho chị, được không? (Xuống dưới nhà mở cửa cho chị nhé!)

– Dạ, vâng! (Khẩu ngữ)

Xét từ *lý thuyết thể diện (face)* của Brown và Levinson, trong giao tiếp thực tế, có những hành động có thể đe dọa đến thể diện dương tính của người nghe. Vì thế, về việc thao tác suy cầu 11), khi người nghe (với vị thế xã hội cao hơn người nói) suy ý ý nghĩa trong phát ngôn của người nói (có vị thế xã hội thấp hơn) nên biết được phát ngôn với dấu hiệu hỏi – “... **được không?**” này không phải là hỏi về ý kiến chủ quan của mình, mà là người nói (con gái của mình) nhờ mẹ mua váy và gửi váy cho con. Nhưng sợ chuyện này sẽ làm phiền người nghe, thiệt hại đến lợi ích của người nghe, và người bậc dưới muốn cầu khiến người bậc trên làm chuyện gì đó, có thể đe dọa đến thể diện của người nghe. Vì vậy, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “..., **được không?**” thể hiện hành động nhờ / xin của người nói, với lực ngôn trung nhẹ. Câu 12) được nêu ra từ chị gái (tuổi lớn hơn) với em gái (ít tuổi hơn). Người nói (chị gái) quên chìa khóa trong nhà, muốn dặn người nghe (em gái) xuống nhà mở cửa cho. Sở dĩ dùng hành động “dặn” ở đây, là vì người nói (chị gái) cũng biết mình đã làm phiền người nghe (em gái) chạy xuống nhà một lượt, khi mình nêu ra ý muốn không thể với thái độ quá ép buộc. Và lại, ngữ khí trong lời tiếp theo của chị gái “Xuống dưới nhà mở cửa cho chị nhé!” cũng chứng tỏ rằng người nói (chị gái) hy vọng thông qua dấu hiệu hỏi “... **được không?**” với lực ngôn trung không mạnh để nêu ra ý muốn của mình một cách gần gũi với người nhà, chứ không mệnh lệnh trực tiếp.

Phát ngôn hỏi - cầu khiến có dạng thức “... **được không?**” thường được dùng để biểu hiện các hành động không ép buộc. Trong tư liệu của luận án, PNCKGT có dạng thức “... **được không?**” có 20 phiếu, trường hợp biểu hiện các HĐCK khác nhau như bảng 2.6:

Bảng 2.6: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Đề nghị	2	10,00%
Khuyến	2	10,00%
Dặn	2	10,00%
Rủ	1	5,00%
Mời	1	5,00%
Nhờ	4	20,00%
Xin / xin phép	6	30,00%
Câu	2	10,00%

Như vậy, tình hình của phát ngôn hỏi - cầu khiến có dạng thức “... **được không?**” biểu hiện các HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau là như bảng 2.7:

Bảng 2.7: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	6	30,00%
Mức cầu cao	14	70,00%

Trường hợp phát ngôn hỏi - cầu khiến có dạng thức “... **được không?**” biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Vì thế, chúng tôi cho rằng, nhóm PNCKGT này luôn với lực ngôn trung không mạnh, mang sắc thái ôn hòa.

2.3.1.4. Dạng thức “... có được không?”

Về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “... **có được không?**” rất giống có dạng thức “... **được không?**”. Trong “Từ điển tiếng Việt”, từ “có” có thể “biểu thị ý nghĩa muốn hỏi về điều muốn được khẳng định là như thế (hay là trái lại).” [24, tr.195] Chúng tôi sẽ triển khai việc miêu tả và phân tích phát ngôn hỏi cầu khiến có dạng thức “... **có được không?**”

13) – (Đi tranh đấu với tụi quân Nhật), *Phi đi ngay bây giờ có được không?*

< Võ Bờ -Nguyễn Đình Thi >

14) – *Mẹ ơi, con muốn xem tivi, có được không?*

(Khẩu ngữ)

Trong câu 13), cấu trúc “**có được không?**” ở đây không với ngữ điệu mạnh mẽ. Việc “đi tranh đấu với tội quân Nhật” là một công việc khẩn trương và rất cần thiết, cho nên người nói hy vọng người nghe (Phi) có thể “đi ngay”, mà cấu tạo “**có được không?**” ở cuối câu 13) có ý nghĩa hỏi dò, nhằm mục đích thể hiện sự yêu cầu này với thái độ vừa chân thành lại vừa quyết liệt. Trong câu 14), người nói (con) nêu ra nguyện vọng của mình với người nghe (mẹ) qua dạng thức “**DI + muốn + V + có được không?**”. Từ “**muốn**” dẫn ra ý muốn của người nói = xin phép mẹ cho xem ti vi, cấu trúc “**có được không?**” ở cuối câu vừa có vai trò thể hiện sự tôn trọng với người bậc trên (mẹ) vừa có vai trò tăng thêm tính cầu trong phát ngôn.

Xét từ ngữ liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “... **có được không?**” có 7 phiếu. Dựa vào tình hình cụ thể để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.8:

Bảng 2.8: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.4

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	1	14.28%
Yêu cầu	1	14.28%
Đề nghị	1	14.28%
Khuyên	1	14.28%
Mời	1	14.28%
Xin phép	1	14.28%
Nhờ	1	14.28%

Như vậy, kiểu PNCK này được sử dụng để biểu hiện các nhóm hành động với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.9:

Bảng 2.9: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.4

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	28,57%
Mức cầu khiến trung bình	2	28,57%
Mức cầu cao	3	42,86%

So sánh dạng thức “... **được không?**”, dạng thức “... **có được không?**” với mức cầu khiến cao hơn. Dạng thức “... **được không?**” toàn biểu hiện những

HĐCK với mức cầu khiến trung bình hoặc mức cầu cao, nhưng dạng thức “... **có được không?**” có 28,57% phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức khiến cao.

2.3.1.5. Dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**”

Từ “*có thể*” trong “Từ điển tiếng Việt” được cắt nghĩa: “*Có khả năng hoặc điều kiện, chủ quan hoặc khách quan, làm việc gì.*” [24, tr.196]. Từ “*có thể*” đặt trong phát ngôn hỏi – cầu khiến nên có dạng thức trọn vẹn là “**D2 + có thể + P + không / được không?**”, nhưng đôi khi thực hiện giao tiếp, chủ thể “**D2**” thường bị giản lược, chuyển thành mô hình ngắn gọn như “**Có thể + P + không / được không?**”. Mô hình này với đặc trưng hỏi rõ rệt, người nói thông qua câu hỏi xem người nghe có khả năng thực hiện việc gì đó hay không, để biểu hiện đích ngôn trung – cầu khiến người nghe làm hay không làm việc gì đó. Ví dụ:

15) – (Chị ơi, em nói thật là thế, em là người học ngoại ngữ, không biết môn toán học ở đâu). Chị có thể dạy em làm bài môn này không? (Khẩu ngữ)

16) – Có thể lấy hết sườn này giúp chị không? (Sườn ngon mà.) Khẩu ngữ

Câu 15) là phát ngôn được phát ra trong hội thoại giữa hai chị em quen thuộc. Ngôn cảnh cụ thể là: Người nói (em gái Việt Nam học tiếng Trung) khi học cao học chuyển học ngành kinh tế, phải học môn bắt buộc – toán học. Nhưng người nói không có kiến thức về môn học này, định xin người nghe (chị gái Trung Quốc học tiếng Việt) giúp đỡ. Người nghe lớn hơn em gái mười tuổi, với lại việc dạy làm bài tiểu luận về chuyên ngành kinh tế rất khó (vì liên quan đến tri thức về môn toán học), người nói càng muốn thể hiện lịch sự và sự cẩn thận khi xin người nghe dạy làm bài tiểu luận, cho nên phát ngôn có cấu trúc “**Có thể + P + không**” để biểu hiện mục đích của chính mình. Ở đây, phần “**P**” – “*dạy em làm bài môn này*” là thông tin quan trọng nhất trong cả phát ngôn. Từ “*có thể*” và hình thức hỏi có vai trò thể hiện sự cẩn thận của người nói. Ngôn cảnh của câu 16) này là trời tối dần, mà người nói (chị bán thịt ở chợ) còn nhiều thứ chưa được bán hết. Khi người nghe (em gái = khách hàng) mua sườn, người nói như tìm được cứu tinh vậy, cố gắng nhờ người nghe mua hết sườn của nhà mình, để mình bán hết hàng và được về nhà sớm. Dù người nói với tuổi tác cao hơn người nghe, nhưng biết được việc này không thể ép

buộc người nghe (khách hàng) được, chỉ có thể dùng ngôn từ thể hiện thái độ nhún nhường là nhờ người nghe mua hết, tương ứng với hành động nhờ. Người nghe khi suy ý phát ngôn hỏi – cầu khiến này có thể kết hợp với câu tiếp theo của người nói “Sườn ngon mà.”, để biết được ý muốn của người nói là nhờ người nghe mua giúp hàng, và ý nghĩa của phát ngôn với cấu trúc **“Có thể + P + không / được không?”** chỉ còn lại phần **“P”** là trọng điểm mà thôi. Người nói dùng hình thức hỏi để biểu hiện hành động nhờ, ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn hỏi – cầu khiến này là “Em mua hết sườn giúp chị”. Sở dĩ dùng dạng thức hỏi **“có thể + P + không?”** biểu hiện hành động nhờ, chẳng qua là muốn giảm bớt tính ép buộc trong phát ngôn, cho người nghe dễ tiếp nhận ý kiến của người nói thôi.

Trong số liệu thu thập của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“Có thể + P + không / được không?”** có 18 phiếu. 18 phát ngôn này có thể biểu hiện các HĐCK với mức độ trung bình hoặc mức cầu cao, cụ thể là như bảng 2.10:

Bảng 2.10: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.5

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Đề nghị	1	5,56%
Mời	3	16,67%
Nhờ	4	22,22%
Xin / xin phép	10	55,55%

Căn cứ vào bảng 2.1, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“Có thể + P + không / được không?”** dùng để biểu hiện các nhóm hành động với mức cầu khiến khác nhau, thì sẽ có được kết quả như bảng 2.11:

Bảng 2.11: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.5

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	1	11,11%
Mức cầu cao	17	88,89%

Những số liệu như trên đã chứng tỏ, trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Vì thế, phát ngôn hỏi – cầu khiến

có dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” luôn thể hiện tính lịch sự, và tính áp đặt không cao.

2.3.1.6. Dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**”

Trong “Từ điển tiếng Việt”, trường hợp từ “sao” đặt ở câu hỏi thường có nghĩa là “Dùng để chỉ nguyên nhân không biết rõ của điều đã xảy ra.” [24, tr.848]. Là từ gần nghĩa của từ “sao”, từ “sao lại” và “tại sao” cũng có nghĩa là chỉ nguyên nhân, nhất là khi đặt ở đầu câu hỏi. Nhưng đôi khi sử dụng trong phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**”, các từ “sao”, “sao lại”, “tại sao” không phải chỉ là hỏi về nguyên nhân, chúng có vai trò và ý nghĩa là cầu khiến người nghe làm hoặc không làm chuyện gì đó. Ví dụ:

17) Họ dỡ tranh quăng xuống sân rào rào. Ninh chạy về:

– Ô hay! Sao các ông phá nhà tôi? < Tuyên Tập - Nam cao >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn người nghe phá nhà của mình.

18) Nhạc thấy thằng Tân ngồi bất động, vẻ mặt rầu rĩ pha lẫn hậm hực, anh nheo mắt hỏi:

– Sao em không vỗ tay? Bàn thắng vừa rồi không đẹp hả.

< Trước vòng chung kết – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Khuyên người nghe vỗ tay.

Có một hiện tượng cần phải lưu ý, trong một số trường hợp, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” có thể chuyển thành những lời ngược hướng, mà lực ngôn trung trong loại phát ngôn này hơi mạnh mẽ. Sau đây, chúng tôi xin miêu tả và phân tích một số thí dụ về phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” và “**Sao / sao lại / tại sao + không + p?**”:

19) Bố nói: “Sao vút đồ lung tung thế? Cái ghế là để mẹ ngồi để mẹ làm việc chứ. Sao lại để quần áo?” (Khẩu ngữ)

20) Tôi thấy nó ngồi lom khom một chỗ, sẫm soi cái gì đó trong tay.

– Mà ngồi làm gì đó, sao không hái cỏ gà đi, Tường?

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn hỏi – cầu khiến trong câu 19) với mô hình “**Sao lại + P (v)?**”, được

nêu ra bởi người nói (bố) khi nhìn thấy quần áo để lung tung trên ghế. Trong ngôn cảnh này, cấu trúc “**Sao lại + P (v)?**” không nhằm mục đích hỏi về nguyên nhân, mà là dẫn ra ý nghĩa không bằng lòng từ người nói, phê bình và cảm người nghe (con) để quần áo trên ghế. Khi nhận diện cả phát ngôn “Sao lại để quần áo?”, người nghe (con) nên kết hợp với lời nói khác trong hội thoại từ người nói, cảm nhận được sự không bằng lòng của người nói, thì sẽ hiểu được từ “**sao lại**” trong phát ngôn có ý phê bình hành động của phần “**P (v)**”. Phát ngôn này nhằm mục đích cảm đoán hành động để quần áo trên ghế của các con, và yêu cầu người nghe chỉnh lại sai lầm của mình. Vì thế, phát ngôn hỏi – cầu khiến này thực ra là biểu hiện hành động cảm đoán, mang tính áp đặt cao. Câu 20) là phát ngôn hỏi – cầu khiến với mô hình “**Sao + D2 + không + P (v)?**”. Phát ngôn này được nêu ra giữa hai người bạn bằng tuổi nhau, với quan hệ rất thân với nhau. Người nói (tôi) thấy người nghe (Tường) cứ ngồi lom khom một chỗ, hình như không có việc gì cần làm. Vì không muốn bạn Tường với cử chỉ lười biếng thế, cho nên người nói nêu phát ngôn hỏi – cầu khiến “sao không hái cỏ gà đi, Tường?”, nhằm mục đích đề nghị bạn đi lao động, đi làm việc giúp nhà. Chính vì hai người có vị thế xã hội như nhau, cho nên người nói dùng chiến lược hỏi để nêu ra ý muốn của mình một cách nhẹ nhàng, không muốn ép buộc bạn thân của mình. Vì thế, phát ngôn hỏi – cầu khiến này biểu hiện hành động đề nghị, chứ không phải hành động ra lệnh hoặc yêu cầu, có mức cầu khiến trung bình, không có tính áp đặt.

Trong ngữ liệu trong luận án, phát ngôn - hỏi cầu khiến có dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” (gồm dạng thức phủ định “**Sao / sao lại / tại sao + không + p?**”) có 57 phiếu. Trong đó, tình hình được dùng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.12:

Bảng 2.12: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.6

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	3	5,26%
Cảm	13	22,81%

Yêu cầu	6	10,53%
Ngăn	14	24,56%
Đề nghị	7	12,28%
Khuyên	5	8,77%
Dặn	4	7,02%
Mời	4	7,02%
Xin / xin phép	1	1,75%

Xét từ mức độ cầu khiến từ cao đến thấp, phát ngôn - hỏi cầu khiến có dạng thức “*Sao / sao lại / tại sao + p?*” (gồm dạng thức phủ định “*Sao / sao lại / tại sao + không + p?*”) biểu hiện các nhóm hành động như bảng 2.13:

Bảng 2.13: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.6

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	36	63,16%
Mức cầu khiến trung bình	16	28,07%
Mức cầu cao	5	8,77%

2.3.1.7. Dạng thức “*Làm gì / Làm gì mà ... thế?*”

“*Làm gì*” / “*Làm gì mà*” đặt ở đầu câu có nghĩa hỏi, dẫn ra nội dung hỏi dò ở đằng sau. Và từ “*mà*” có nghĩa “*Biểu thị điều sắp nêu ra là không phù hợp với điều vừa nói đến, có gì trái với lẽ thường.*” [24, tr.604] Vì thế, phát ngôn hỏi có dạng thức “*Làm gì / Làm gì mà ... thế?*” thường là những phát ngôn ngược hướng, luôn mang sắc thái phản bác và có lực ngôn trung mạnh mẽ hơn. Ở đây, có cần lưu ý, nội dung đứng sau cấu tạo “*Làm gì mà ...*” có thể là những cụm tính từ, cũng có thể là lời nói mang tính hình dung hoặc lời nói thể hiện tình trạng tâm lý và tình cảm của người nói. Chẳng hạn:

21) Đập chạy về, nó vồ lấy bà, nhưng trông thấy đùm xôi ở tay Ninh, lại bỏ bà ra để vồ lấy đùm xôi. Ninh hất tay nó ra, mắng:

– *Làm gì thế?* < Tuyển Tập - Nam Cao >

22) Nhìn thẳng Tường loay hoay đi tới đi lui, tôi chép miệng:

– *Mày làm gì như con lật đật vậy, Tường?*

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Trong câu 21), kết hợp ngôn cảnh thì dễ biết được đây là một phát ngôn mắng mỏ. Ý nghĩa mắng mỏ đã được bộc lộ rất rõ, nhưng trong phát ngôn cũng có phản ánh ý muốn cầu khiến của người nói (Ninh). Cấu tạo **“Làm gì”** dẫn ra nội dung mắng mỏ là hành động “vò lấy đùm xôi”, và nội dung ấy được biểu hiện bằng một từ “thế”, lại thể hiện tình cảm bực bội của người nói. Cho nên, phát ngôn hỏi – cầu khiến này nhằm mục đích cảm đoán hành động “vò lấy đùm xôi” của người nghe, với lực ngôn trung mạnh mẽ. Câu 22) được nêu trong hội thoại giữa hai bạn thân, hai người giao tiếp có vị thế xã hội như nhau. Người nghe (Trường) quá lo âu, lại có hành động “loay hoay đi tới đi lui”. Người nói nhìn thấy thế mà không chịu được, và muốn trấn an người bạn của mình, thì nêu ra phát ngôn – hỏi này. Cấu tạo **“Làm gì”** dẫn ra nội dung miêu tả ở phần sau **“như con lật đật vậy”**, ý nghĩa tường minh là chê người nghe (kết hợp về mặt “chép miệng” của người nói), và nội dung cầu khiến gián tiếp là người nói hy vọng người nghe bình tĩnh lại, đừng suy nghĩ nhiều quá. Xét từ từ xưng hô “mày” và vẻ mặt của người nói thì biết được hai người có quan hệ rất thân mật, cho nên cử chỉ và nói năng mới tùy ý như vậy. Vì thế, phát ngôn hỏi này được dùng để biểu hiện hành động khuyên nhủ, mang sắc thái chê.

Tính từ ngữ liệu trong luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“Làm gì / Làm gì mà ... thế?”** có 4 phiếu. Trường hợp được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.14:

Bảng 2.14: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.7

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	1	25,00%
Yêu cầu	1	25,00%
Đề nghị	1	25,00%
Khuyên	1	25,00%

Xét từ mức cầu khiến của các loại hành động, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“Làm gì / Làm gì mà ... thế?”** biểu hiện các nhóm HĐCK như bảng 2.15:

Bảng 2.15: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.7

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	50,00%
Mức cầu khiến trung bình	2	50,00%
Mức cầu cao	0	0%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là 0 phiếu, vì phát ngôn trong nhóm này đa số là những phát ngôn hỏi ngược hướng hoặc chất vấn, luôn thể hiện sắc thái không hài lòng, với lực ngôn trung rất mạnh mẽ, luôn biểu hiện hành động cấm đoán, yêu cầu.

2.3.1.8. Dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?”

Từ “gì” có thể “*biểu thị ý phủ định dưới vẻ nghi vấn, người nói làm như muốn hỏi mà không cần trả lời, vì ý bác bỏ ý khẳng định.*” [24, tr.381] Từ “**gì**”, “**làm gì**” và “**cái gì**” ở đây có nghĩa gần nhau, khả năng kết hợp ngữ pháp và chức năng trong lời cũng như nhau. Nhưng không giống dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**”, trong dạng thức “**... làm gì / gì / cái gì?**”, cấu tạo “**...gì**”, “**...làm gì**” và “**...cái gì**” mang ý nghĩa hỏi được đặt ở cuối câu hoặc giữa câu, và luôn đứng sau các động từ, cụm động từ hoặc lời nói biểu hiện động tác. Như vậy, trong dạng thức này, từ nghi vấn “**gì**”, “**làm gì**” và “**cái gì**” có vai trò bác bỏ động tác hoặc nội dung ở phần trước. Nhờ hình thức này, dạng thức mới có ý nghĩa cầu khiến gián tiếp, luôn biểu hiện hành động cấm, ngăn, khuyên. Ví dụ:

23) Mới thoát trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

Ai kia? *Ai ngồi làm gì kia?*

Chó nó ra, nó lòi mớ ra cho đấy? Sao mà bạo thế?

< Tuyền Tập - Nam Cao >

24) (Trời đã dừng mưa, đồ uống cũng dùng hết. Nhìn thấy cô giáo vội vàng về nhà, chủ quán nhìn thấy thì hỏi.)

– *Cô về làm gì vội?* Đã không mưa nữa rồi.

(Khẩu ngữ)

Câu 23) là một phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**... làm gì?**”, được nêu

ra trong trường hợp người nói nhìn thấy có người ngồi trước nhà mình nhưng không nhìn rõ được là ai đang ngồi đó, cứ tưởng là kẻ ăn mày thì cau mặt không cho người nghe ngồi ở ngoài nhà, muốn xua đuổi người nghe. Khi thao tác suy ý PNCKGT này, động từ “*ngồi*” đặt trước từ “*làm gì*” là hành động người nghe bị người nói bác bỏ và phản đối. Vì không ai thích có kẻ ăn mày ngồi trước nhà mình, cho nên kết hợp với ngữ cảnh, phát ngôn “*Ai ngồi làm gì kia?*” ở đây có hai ý nghĩa: + Hỏi dò về là người nào đang ngồi đó. + Phản đối và cảm đoán hành động của người nghe. Về câu 24), ngữ cảnh xảy ra phát ngôn là trận mưa đã hết, nhưng người nói (chủ quán) nhìn thấy người nghe (khách hàng đang uống sinh tố trong quán) vẫn vội vàng dọn đồ đạc của mình mà muốn đi về, muốn khuyên người nghe ở lại lâu hơn, thì nêu phát ngôn hỏi: “*Cô về làm gì vội?*”. Kết hợp ngữ cảnh và lời tiếp theo của người nói – “*Đã không mưa rồi.*”, có thể thao tác suy ý được hai ý nghĩa trong phát ngôn này là: + Cấu tạo “*... làm gì?*” đã bác lại hành động “*về*” mà người nghe đang thực hiện. + Bổ sung thêm điều kiện “*đã hết mưa*”, muốn khuyên người nghe không cần về nhà vội vàng thế, mà ở lại quán uống thêm đồ uống hoặc ăn tráng miệng gì, thế là mình cũng có thể kiếm tiền thêm nữa. Phát ngôn “*Cô về làm gì vội?*” của người nói có nghĩa ngăn chặn hành động về của người nghe, biểu hiện hành động khuyên của người nói, nhưng không có tính áp đặt, mà có vai trò thể hiện sự nhiệt tình của chủ quán.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “*... làm gì / gì / cái gì?*” có 34 phiếu. Phát ngôn thuộc nhóm này có thể biểu hiện nhiều loại HĐCK như cảm đoán, giục giã, khuyên nhủ, v.v... Tình hình cụ thể như bảng 2.16:

Bảng 2.16: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.8

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cảm	6	17,65%
Giục	1	2,94%
Ngăn	10	29,41%
Khuyên	15	44,12%
Mời	1	2,94%

Van	1	2,94%
-----	---	-------

Nếu dựa vào loại hành động với mức cầu khiến từ cao đến thấp, thì tình hình của phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “... *làm gì / gì / cái gì?*” được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK như bảng 2.17:

Bảng 2.17: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.8

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	17	50,00%
Mức cầu khiến trung bình	15	44,12%
Mức cầu cao	2	5,88%

Có thể thấy, đặc trưng của dạng thức “... *làm gì / gì / cái gì?*” là biểu ý bác bỏ, phản đối những thông tin trước cấu tạo hỏi “... *làm gì?*” / “*gì?*” / “*cái gì?*”. Vì thế, phát ngôn thuộc nhóm này có nhiều trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến cao và trung bình, với lực ngôn trung mạnh. Mà trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao rất ít, chỉ có 2 phiếu.

2.3.1.9. Dạng thức “*Hay / Hay là ...*”

Xét về vị trí của từ “*hay*” và “*hay là*” trong mô hình “*Hay / Hay là ...*”, chúng được đặt ở đầu câu. Xét từ ý nghĩa của từ, từ “*hay*” có nhiều nghĩa, sự cắt nghĩa phù hợp với trường hợp trong dạng thức này nên là “*Từ biểu thị quan hệ tuyển chọn giữa hai điều được nói đến, có điều này thì không có điều kia, và ngược lại.*” [24, tr.426] Và từ “*hay là*” cũng có nhiều nghĩa, một là giống ý nghĩa của từ “*hay*” trong dạng thức này, một khi dùng ở đầu câu hoặc đầu phân câu, có nghĩa “*Biểu thị điều sắp nêu ra là một giải pháp người nói nghĩ là nên, nhưng không khẳng định mà muốn được biết ý kiến của người đối thoại.*” [24, tr.426]. Như vậy, phát ngôn có dạng thức “*Hay ...*” và dạng thức “*Hay là ...*”, đều có nghĩa là hỏi dò và thương lượng với người nghe, hy vọng được người nghe tiếp nhận ý kiến của người nói. Chúng tôi sẽ lấy một số ví dụ minh họa như sau:

25) – *Hay là đem ra chợ bán đi?*

– Con không bán đâu. U già rồi sống được bao nhiêu lâu nữa. Để ăn cho nó

biết mùi.

< Đát làng- Nguyễn Thị Ngọc Tú>

26) Tường có vẻ không bị tôi khuyết phục. Nó nhìn lên cảnh phượng đỏ rực bên kia đường:

– Hay mình hái nhụy hoa phượng chơi trò đá gà đi, anh.

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>

Phát ngôn hỏi – cầu khiến ở câu 25) có dạng thức cụ thể là “**Hay là + P + đi?**”, còn được kết hợp với tiểu từ tình thái “**đi**”. Từ “**Hay là**” ở đầu câu dẫn ra nội dung đề nghị cụ thể “**P**” – đem ra chợ bán. Còn tiểu từ tình thái “**đi**” trong phát ngôn có vai trò bổ sung tính khiến, thể hiện sắc thái giục giã từ người nói, hy vọng người nghe tiếp nhận ý kiến của mình ngay. Từ “**Hay là**” đóng góp giữ thể diện của người nghe, không ép buộc người nghe nhất định phải chấp nhận hành động đề nghị của người nói. Và người nghe cũng trình bày lý do không bán đồ, từ chối sự đề nghị của người nói một cách uyển chuyển. Phát ngôn hỏi – cầu khiến ở câu 26) có dạng thức cụ thể là “**Hay + P + đi + từ xưng hô.**”. Nội dung đề nghị của người nói được nêu ra bởi từ “**Hay**” ở đầu câu, hy vọng mọi người cùng thực hiện phần “**P**” - hái nhụy hoa phượng chơi trò đá gà, vì thế đây là một HĐCKGT đồng hướng. Mặc dù trong phát ngôn bằng văn tự không có dấu hỏi, nhưng không thể phủ định đây là một phát ngôn với hình thức câu hỏi. Vì người nói ít tuổi hơn người nghe, với vị thế xã hội thấp hơn, cho nên khi nêu ra ý kiến đề nghị với người nói rất cẩn thận, biểu hiện hành động đề nghị qua chiến lược hỏi, sử dụng thêm tiểu từ tình thái “**đi**”, dùng từ xưng hô “**anh**” ở cuối câu, để thể hiện sự cẩn thận và kính trọng của người nói. Khi biểu hiện hành động đề nghị, cẩn thận giống như nêu sự xin phép với người nghe vậy, không có tính áp đặt.

Xét lại ngữ liệu của luận án, PNCKGT có dạng thức “**Hay / Hay là ...**” tổng cộng có 22 phiếu. Trong 22 phát ngôn này, sự biểu hiện các loại HĐCK được phân bố như bảng 2.18:

Bảng 2.18: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.9

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Đề nghị	15	68,18%
Khuyên	1	4,55%
Rủ	5	22,72%
Xin phép	1	4,55%

Như vậy, những phát ngôn này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến từ cao đến thấp là như bảng 2.19:

Bảng 2.19: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.9

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	16	72,73%
Mức cầu cao	6	27,27%

Dạng thức “**Hay / Hay là ...**” mang ý nghĩa hỏi dò và thương lượng, trường hợp biểu hiện hành động đề nghị chiếm nhiều nhất. Cho nên, nhóm phát ngôn này đa số là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, với lực ngôn trung vừa phải.

2.3.1.10. Dạng thức “**P + không / chẳng?**”

Từ “**không**” trong dạng thức này có nghĩa là “*biểu thị ý hỏi về điều có hay không có, phải hay không phải.*” [24, tr.510]. Từ “**chẳng**” khi dùng ở cuối câu, có nghĩa là “*Biểu thị ý muốn hỏi, tỏ ra còn nửa tin nửa ngờ.*” [Hoàng Phê, 2003, tr.138]. Xét từ ngữ liệu của luận án, dạng thức “**P + không / chẳng?**” có ý hỏi, nhằm mục đích gợi ý người nghe làm hoặc không làm một chuyện gì đó. Trong trường hợp này, “**P**” là một câu hoàn toàn, có nghĩa xác định điều có hay không hoặc điều đang ở trạng thái gì. Chẳng hạn:

27) Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rết. Có lần tôi ái ngại quá, bảo anh:

– Ôm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không? (Mình ôm, ai nữ nói)? < Tuyển Tập – Nam Cao >

28) Mấy hôm sau, tôi lại nhắn cho con Tuấn một tin nhắn mới. Cũng góp từ mẫu tin chú Nhiên gửi cô Linh:

“Chiều nay chúng ta lại rai một chút chãng?” (Buồn ơi là sầu).”

< Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ – Nguyễn Nhật Ánh >

Câu 27) xảy ra trong hội thoại giữa hai người làm việc có cùng một nhà chủ, đều là giai cấp bị áp bức, bóc lột. Hai người giao tiếp có vị thế xã hội bằng nhau, luôn thông cảm cho nhau. Vì thế, thấy người nghe (anh) ốm khó chịu quá vẫn đi làm, thì người nói nêu phát ngôn khuyên: **“Ốm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không?”**. Phát ngôn có dạng thức **“P + không?”**, **“P”** là một câu biểu thị hành động – nằm nhà đắp chiếu mà ngủ, từ **“không”** có ý nghĩa hỏi về việc có thực hiện hành động này hay không. Khi suy ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn, tình lược từ **“không”** mang ý nghĩa hỏi dò, nội dung trong **“P”** thì là nội dung khuyên nhủ bởi người nói nêu ra. Vì vậy, phát ngôn ở đây biểu hiện hành động khuyên nhủ, mang sắc thái ái ngại và đồng tình. Câu 28) là phát ngôn nêu từ lòng người nói bằng cách biểu hiện là tin nhắn. Người nói (chú Nhiên) và người nghe (cô Linh) đang yêu nhau, thường gửi tin nhắn cho người nghe để rủ người nghe gặp mặt và hẹn hò. Phát ngôn không chỉ là biểu hiện hành động rủ của người nói, mà còn thông báo chương trình hẹn hò là đi ăn chút xíu đồ ăn vặt ở ngoài. Cho nên từ **“chãng”** ở đây có nghĩa là xác định lại thái độ của người nghe, thông qua hình thức hỏi để rủ người nghe, không có tính ép buộc.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“P + không?”** có 20 phiếu. Trong 20 phát ngôn hỏi này, tình hình được sử dụng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.20:

Bảng 2.20: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.10

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Yêu cầu	2	10,00%
Khuyên	5	25,00%
Rủ	7	35,00%
Mời	3	15,00%
Xin / xin phép	2	10,00%
Lạy	1	5,00%

Vì vậy, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức **“P + không?”** biểu hiện các

nhóm HĐCK với mức cầu khiến từ cao đến thấp có tình hình như bảng 2.21:

Bảng 2.21: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.10

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	10,00%
Mức cầu khiến trung bình	5	25,00%
Mức cầu cao	13	65,00%

Đặc điểm của nhóm phát ngôn này là biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao nhiều, nhất là hành động rủ. Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao rất ít, chỉ có 2 phiếu. Vì thế, nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung nhẹ, hầu hết không có tính áp đặt.

2.3.1.11. Dạng thức “... gì mà...”

Trong “Từ điển tiếng Việt”, “*gì mà*” được cắt nghĩa là “Tổ hợp biểu thị ý bác bỏ dứt khoát một nhận định, một ý kiến nào đó của người đối thoại, cho là không có căn cứ.” [24, tr.381] Tổ hợp này có thể kết hợp với động từ hoặc tính từ, thông thường được sử dụng trong câu hỏi hoặc câu biểu cảm. Khi biểu hiện HĐCK, luôn biểu hiện HĐCK như ngăn, khuyên, ví dụ:

29) Cháu bảo: Cháu uống ít rượu thôi, sợ lắm.

Chú nói: Sợ gì mà sợ? (Rượu này uống ngon mà thấy bô). (Khẩu ngữ)

Câu 29) là một lời khuyên uống rượu. Khi gia đình đoàn tụ liên hoan, người nghe (cháu gái) chỉ uống ít rượu, người nói (chú) động viên cháu gái uống thêm để làm cho bầu không khí liên hoan càng náo nhiệt hơn. Trong mô hình của phát ngôn, tổ hợp “*gì mà*” gánh vai trò bác lại từ “*sợ*” biểu hiện trạng thái tâm lý của người nghe. Kết hợp với nội dung trong câu tiếp theo, người nói còn đưa ra lý do khuyên uống rượu, làm cho phát ngôn có dạng thức “... *gì mà*...” càng có sức thuyết phục. Phát ngôn hỏi – cầu khiến này biểu hiện hành động khuyên, và sắc thái của người nói có chút ép buộc.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn có dạng thức “... *gì mà*...” chỉ có 5 phiếu, tình hình được dùng để biểu các hiện HĐCK như bảng 2.22:

Bảng 2.22: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.1.11

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ngăn	2	40,00%
Yêu cầu	1	20,00%
Khuyên	2	40,00%

Như vậy, PNCKGT có dạng “... *gì mà...*” biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến từ cao đến thấp được thể hiện như bảng 2.23:

Bảng 2.23: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.11

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	3	60,00%
Mức cầu khiến trung bình	2	40,00%
Mức cầu cao	0	0%

Có một điểm đáng chú ý, trong 5 phiếu này có 3 phiếu có sử dụng dấu cảm thán ở cuối câu, nhưng chúng tôi cho rằng vì cấu trúc “... *gì mà...*” có nghĩa là nghi vấn, mặc dù có trường hợp là sử dụng dấu cảm thán nhưng đó chỉ vì thể hiện ngữ điệu bác lại mạnh thôi, chúng vẫn nên được coi là lời hỏi.

2.3.1.12. Một số phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến

Phát ngôn hỏi ngược hướng là loại phát ngôn sử dụng hình thức hỏi để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Theo ngữ liệu của luận án, chúng tôi phát hiện, trong tiếng Việt có hiện tượng ngôn ngữ biểu hiện HĐCK qua hình thức hỏi ngược hướng. Và một số phát ngôn hỏi ngược hướng này là có quy ước, chúng có cấu trúc đặc trưng hỏi ngược hướng rõ rệt như “... *hay sao?*” / “*Chả lẽ / chẳng lẽ...?*”, nhưng số lượng rất ít. Trong phần trước, những phát ngôn hỏi – cầu khiến được trình bày cũng có một số là phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước, chúng có thể có cấu trúc “*Sao... ?*”, “... *hay không?*”. Nhưng không phải tất cả phát ngôn hỏi chứa những cấu trúc ấy đều là phát ngôn hỏi ngược hướng, cho nên không đặt trong mục này để miêu tả. Phát ngôn thuộc nhóm này có ví dụ như sau:

30) Nghĩa chạy lại, giằng bút ra, nói:

– Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao?

<Tôi cũng không hiểu tại làm sao – Nguyễn Công Hoan>

Câu 30) được xảy ra trong ngôn cảnh là hai người giao tiếp có vị thế xã hội bằng nhau, người nói (Nghĩa) thấy người nghe làm việc quá tranh thủ đến mức không có giao tiếp chút nào với mọi người trong nhà, thì nêu phát ngôn để ngăn cấm hành động viết của người nghe (Anh) – giằng bút ra. Trong phát ngôn, dấu hỏi được thay thế bằng dấu cảm thán, để biểu cảm bác bỏ của người nói một cách rõ rệt. Cấu tạo “... **hay sao**” ở cuối câu đã chứng tỏ rằng đây là một phát ngôn hỏi ngược hướng, dùng hình thức phủ định biểu hiện ý nghĩa “tôi phải bắt anh và ăn cắp anh dăm phút”. Người nói hy vọng nhờ phát ngôn và hành động của mình để ngăn hành động làm việc chăm chú của người nói, tiếp đó yêu cầu người nói tạm dừng việc làm mà nói chuyện với mọi người vài phút cho vui thôi. Vì thế, phát ngôn này biểu hiện hành động ngăn bằng cách hỏi ngược hướng, mang tính áp đặt hơi cao, và có vai trò biểu cảm.

Trong 8 phát ngôn hỏi ngược hướng này, tình hình được sử dụng để biểu hiện các loại HDCK như bảng 2.24:

Bảng 2.24: Sự biểu hiện các loại HDCK trong nhóm 2.3.1.12

HDCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ngăn	5	62,50%
Yêu cầu	2	25,00%
Khuyến	1	12,50%

Những phát ngôn này biểu hiện hành động với mức khiếm cao hoặc mức cầu khiến trung bình như bảng 2.25:

Bảng 2.25: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.1.12

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiếm cao	7	87,50%
Mức cầu khiến trung bình	1	12,50%
Mức cầu cao	0	0%

Nhóm phát ngôn này là những phát ngôn hỏi ngược hướng, khi biểu hiện HDCK là thông qua hình thức hỏi để bác lại hành động của người nghe. Cho nên,

trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện hành động ngăn là nhiều nhất, có 87,50% phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, luôn với lực ngôn trung rất mạnh.

2.3.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật

Cũng như phát ngôn hỏi – cầu khiến gián tiếp, phát ngôn trần thuật – cầu khiến là HĐCK được bày tỏ qua hình thức trần thuật, đích ngôn trung được thể hiện qua chiến lược trần thuật một cách gián tiếp. Sau đây, chúng tôi sẽ miêu tả và phân tích các dạng thức phát ngôn trần thuật – cầu khiến trong tiếng Việt ở bình diện cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa.

2.3.2.1. Dạng thức “*D1 muốn / mong D2 + P*”

Từ “*muốn*” có nghĩa là “*cảm thấy sự đòi hỏi, về tâm lý, tình cảm hay sinh lý, làm một việc gì hoặc có cái gì.*” [24, 2003, tr.651] Từ “*mong*” có nghĩa là “*Có nguyện vọng rằng, có ước muốn rằng. (Thường dùng không có chủ ngữ, để nói lên điều mong ước của mình với người khác)*” [24, 2003, tr.636]. Trong phát ngôn trần thuật – cầu khiến có dạng thức “*D1 muốn / mong D2 + P*”, *D1* chỉ người nói (thể hiện bằng các đại từ nhân xưng ngôi một), *D2* chỉ người nghe (thể hiện bằng các đại từ nhân xưng ngôi hai), từ “*muốn*” và “*mong*” đều có giá trị là nêu ra nguyện vọng của người nói. Cả mô hình có dạng thức “*D1 muốn / mong D2 + P.*” có nghĩa bày tỏ nguyện vọng, ý muốn của người nói với người nghe, để cầu khiến người nghe thực hiện nguyện của vọng của người nói. Thí dụ;

31) – Mẹ muốn con chăm chỉ học bài. (Khẩu ngữ)

32) – À, con muốn mẹ mua một cái váy hè cho Hiền ý. (Khẩu ngữ)

Trong câu 31), *D1* = mẹ, là người nêu ra phát ngôn. *D2* = con, là người nghe, người tiếp nhận phát ngôn của người nói. Ngôn cảnh của câu 29) là người nói thấy người nghe khi học bài có lúc chơi đồ chơi, có lúc chạy đi chạy lại. Cho nên người nói nêu ra phát ngôn để nhắc người nghe qua hình thức nêu ra nguyện vọng của mình với người nghe. Trong phát ngôn, từ “*muốn*” dẫn ra nguyện vọng cụ thể của người nói – con (mình) chăm chỉ học bài, gợi ý người nghe thực hiện nguyện vọng của mình - chăm chỉ học bài. Mục đích cầu khiến hàm ẩn trong phát ngôn là khuyên

nhủ con chăm chỉ học bài, có vai trò nắn lại hành động sai lầm của con. Và phát ngôn này không có lực ngôn trung mạnh mẽ, sẽ không gây sự phản kháng của người nghe, làm cho người nghe dễ hiểu đúng được ý muốn của người nói và tiếp nhận nội dung khuyên nhủ của người nói. Vì vậy, đây là một phát ngôn trần thuật – cầu khiến biểu hiện hành động khuyên nhủ, với mức cầu khiến trung bình. Câu 32) phù hợp với mô hình “***D1 muốn / mong D2 + P***”, ***D1***=người nói (con gái), ***D2***=người nghe (mẹ). Nguyên vọng của người nói được dẫn ra bởi từ “***muốn***” trong phát ngôn, hy vọng người nghe thực hiện hành động mua váy giúp bạn. Khi trao đổi với mẹ, mặc dù con gái có thể dùng từ, dùng ngữ điệu hơi tùy ý, nhưng người nghe (mẹ) là người bậc trên, hành động ngôn trung của phát ngôn nên được hiểu là hành động nhờ. Và hành động nhờ này được xảy ra chân thực, không có tính ép buộc, mà thậm chí có chút sắc thái làm nũng đặc thù của con gái.

Xét lại ngữ liệu của luận án, PNCK– trần thuật có dạng thức “***D1 muốn / mong D2 + P***” có 9 phiếu. Chúng có thể biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.26:

Bảng 2.26: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.2.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Đề nghị	1	11,11%
Khuyên	3	33,34%
Rủ	1	11,11%
Xin / xin phép	2	22,22%
Nhờ	2	22,22%

Như vậy, PNCK– trần thuật có dạng thức “***D1 muốn / mong D2 + P***” được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 2.27:

Bảng 2.27: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.2.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	4	44,44%.
Mức cầu cao	5	55,56%

Nhóm phát ngôn trần thuật – cầu khiến này thông qua biểu lộ nguyên vọng

của người nói một cách gián tiếp, để gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó, cho nên lực ngôn trung trong những phát ngôn này luôn vừa phải, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu.

2.3.2.2. Dạng thức “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*”

Dạng thức này giống dạng thức “*D1 muốn / mong D2 + P*”, đều là người nói (*D1/D3*) nêu ra nguyện vọng, mà hy vọng được người nghe thực hiện hành động ấy, nhưng trong dạng thức “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*” thì *D2* đã bị tính lược. Còn khác với PNCK chính danh chứa từ *mong / muốn*, lời trần thuật – cảm thán chứa động từ *mong / muốn* khi dùng để bày tỏ nguyện vọng của người nói với người nghe, người nghe thao tác suy ý hàm ý câu khiến rồi thực hiện nguyện vọng của người nói, trong trường hợp này mô hình “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*” là PNCKGT. Ví dụ:

33) – Em ơi, hôm nay tỷ giá đổi tiền nhân dân tệ là bao nhiêu nhỉ? Chi muốn đổi tiền. (Khẩu ngữ)

34) – Không bác ạ. Chẳng lẽ tôi với bác, mà bác có việc, tôi lại đợi bác cho uống rượu rồi mới giúp bác hay sao?

– Không phải thế, nhưng tôi muốn mời chú uống chén rượu cho vui.

< Tuyển Tập - Nam Cao >

Ngôn cảnh của câu 33) là hai người đang trao đổi trong một hiệu vàng bạc ở Phố Hàng Bạc, Hà Nội. Khi bước vào cửa hàng, người nói (chị) hỏi tỷ giá đổi tiền với người nghe (em) trước, rồi nêu ra yêu cầu đổi tiền của mình qua dạng thức “*D1 muốn / mong + V (P)*”, hy vọng được hưởng phục vụ mà mình yêu cầu. Trong giao dịch, khách hàng thường có vị thế xã hội cao hơn người bán. Nhưng giọng nói của người mua không to cũng không mạnh, làm cho người nghe chịu tiếp nhận ý muốn của người nói một cách vừa lòng. Vì thế, mặc dù hành động yêu cầu là một loại HĐCK với tính khiến cao, nhưng phát ngôn của người nói ở đây không mang sắc thái ép buộc. Câu 34) là một lời mời uống rượu rất thường dùng. Phát ngôn này được nêu ra trong tình huống giao tiếp từ người nói (người bậc dưới), nhằm mục đích mời người nghe (người bậc trên) uống rượu, dùng dạng thức “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*” để biểu hiện mục đích cầu khiến của mình bằng cách uyển chuyển.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn có dạng thức “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*” có 19 phiếu. Phát ngôn được sử dụng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.28:

Bảng 2.28: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.2.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Yêu cầu	5	26,32%
Ngăn	2	10,53%
Khuyên	2	10,53%
Xin / xin phép	9	47,36%
Câu	1	5,26%

Như vậy, dạng thức “*D1 / D3 muốn / mong + V (P)*” được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như 2.29:

Bảng 2.29: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.2.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	36,84%
Mức cầu khiến trung bình	2	10,52%
Mức cầu cao	10	52,64%

Trong những phát ngôn thuộc nhóm này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao chiếm tỷ lệ lớn nhất, sau đó là trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao. Cho nên lực ngôn trung trong phát ngôn có thể rất mạnh, cũng có thể rất nhẹ nhàng. Còn sắc thái trong phát ngôn cũng thế, hoặc là mang tính áp đặt cao, hoặc là ôn hòa mà không có tính ép buộc.

2.3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán

Trong phần trước, chúng tôi đã trình bày, phát ngôn cảm thán – cầu khiến gián tiếp chỉ HĐCK được thể hiện bằng hành động cảm thán. Trong PNCK – cảm thán quy ước, đích ngôn trung trong phát ngôn được thể hiện qua những phương thức cảm thán chứa từ tình thái như “*lắm*”, “*quá*” ở cuối câu. Từ “*lắm*” có nghĩa là “*Có số lượng được đánh giá là lớn, nhiều.*” [24, tr.548]. Từ “*quá*” có nghĩa là “*Đến mức độ vượt ra ngoài giới hạn cho phép.*” hoặc “*Đến mức độ được đánh giá là cao hơn hẳn mức bình thường.*” [Hoàng Phê, 2003, tr.797].

Trong trường hợp phó từ chuyên phụ cho vị từ về nghĩa mức độ, thì có dạng thức là “**quá** ngây thơ” [20, tr.101]. Còn ở trường hợp phó từ “**lắm**”, “**quá**” chuyển xuống sau vị từ thì khi đó phó từ kiêm thêm nghĩa tình thái. Chẳng hạn: “Cô ấy dễ tính quá!” là câu cảm thán. [20, tr.102 -103]. Như vậy, phát ngôn cảm thán – cầu khiến quy ước cũng là những phát ngôn tình thái, biểu hiện sự cảm thán... Sau đây, chúng tôi sẽ nêu ví dụ để miêu tả và phân tích kiểu phát ngôn cảm thán – cầu khiến này .

35) – Máy tính kêu to lắm!

– Mẹ cứ kệ, để con xử lý cho.

(Xử lý ngay.)

(Khẩu ngữ)

36) – Ôi, đau em quá!

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Trong câu 35), Người nói và người nghe (con gái) đang gọi điện trò chuyện, máy tính của người nghe đột ngột lên tiếng ồn và to tiếng lắm, làm cho người nói ở bên đó khó chịu, thì nêu sự cảm giác của mình trong giây phút đó – máy tính làm ồn và to tiếng quá, muốn người nghe xử lý vấn đề này. Từ “**lắm**” ở đây không chỉ số lượng nhiều, mà là biểu hiện tình thái về tiếng ồn ào của máy tính. Vì thế, câu cảm thán này biểu hiện hành động yêu cầu của người nói qua chiến lược biểu hiện tình thái, mang tính khiến cao. Trong ngôn cảnh của câu 36), một đám trẻ con đang chơi, người nghe (anh trai) ném đá vô ý đánh trúng đầu của em trai (người nói), phát ngôn trong câu 36) là sự phản ánh chân thực của người nói. Phát ngôn có dạng thức “**P + quá!**” vừa có ý nghĩa là người nói kêu đau đớn – cảm giác của bản thân, vừa có ý xin người nghe kiểm tra vết thương giúp mình và xử lý cho. Trong tình huống này, mặc dù người nói quá đau lại kinh khủng vì đội ngột bị thương, nhưng không có ý trách người nghe, chỉ với thái độ bảo mình bị thương mà hy vọng được người nghe cứu hộ. Cho nên phát ngôn cảm thán – cầu khiến này biểu hiện hành động nhờ từ người nói, không mang tính ép buộc.

Xét lại ngữ liệu của luận án, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có quy ước có 18 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.30:

Bảng 2.30: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.3.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	1	5,55%
Yêu cầu	3	16,67%
Ngăn	3	16,67%
Khuyên	5	27,78%
Dặn	1	5,55%
Nhờ	2	11,11%
Xin / xin phép	3	16,67%

Vì vậy, trường hợp phát ngôn cảm thán – cầu khiến có quy ước được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 2.31:

Bảng 2.31: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.3.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	38,89%
Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%
Mức cầu cao	5	27,78%

Xét từ số liệu thống kê như trên, nhóm PNCKGT này có thể biểu hiện nhiều loại HĐCK với mức cầu khiến khác nhau. Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao khá nhiều, mà trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao cũng không ít.

2.4. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt

Trong mục 2.1 của chương 2, chúng tôi đã lấy ví dụ để minh họa những PNCKGT *quy ước* trong tiếng Việt. Trong mục này, chúng tôi sẽ trình bày và phân tích những PNCKGT *phi quy ước* trong tiếng Việt.

Trong ngữ liệu của chúng tôi, PNCKGT *phi quy ước* có 402 phiếu. Xét từ hình thức câu, phần này có phát ngôn hỏi – cầu khiến 61 phiếu, phát ngôn trần thuật – cầu khiến 239 phiếu, phát ngôn cảm thán – cầu khiến 102 phiếu. Xét về hình thức câu và chức năng - ngữ nghĩa của lời, chúng tôi phân chia chúng thành 13 tiểu loại. Sau đây, chúng tôi sẽ miêu tả và phân tích một số câu ví dụ tiêu biểu của từng tiểu loại.

2.4.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi

2.4.1.1. Một số phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước với chức năng cầu khiến

Trong mục 2.3.1.12 của chương 2, luận án đã miêu tả, phát ngôn hỏi ngược hướng là kiểu phát ngôn sử dụng hình thức hỏi để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Trong ngữ liệu của luận án, trừ phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước, trong tiếng Việt còn nhiều phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước. Những phát ngôn hỏi ngược hướng không quy ước này cũng có chức năng như nhau với phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước, dùng hình thức hỏi để biểu hiện ý nghĩa khẳng định, còn gánh vai trò biểu hiện HĐCK. Ví dụ:

37) Tôi cho bắc rạp, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đồng ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: *“Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?”*

< Tướng về hưu – Nguyễn Huy Thiệp >

38) Tôi nói:

– Sau này u có chết chỉ nhờ anh chị cho cỗ ván, thế là mãn nguyện.

Con Bách không nghe:

– (Con là phận gái, chả báo hiếu được bà ngày nào.) *Bà để con nuôi bà lúc sống chả hơn u?*

< Nờ Nờn – Nguyễn Công Hoan >

Trong ngôn cảnh của câu 37), chủ mời các ông thợ mộc đến nhà làm việc giúp lễ tang, nhưng bà chủ không tin cậy các ông thợ mộc, bảo ông Cơ giám thị các ông, dự phòng người ta lấy đồ nhà mình. Hành động “loay hoay bên đồng ván” của người nghe (ông Cơ) làm cho người nói (ông thợ mộc) biết được mình không được chủ tin cậy, cho nên không vui. Vì thế, người nói nêu phát ngôn **“Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?”**, để biểu lộ tình cảm không vui của mình, và ngăn cấm hành động giám thị của người nghe. Đây cũng là một cách phản kháng được biểu hiện qua phát ngôn hỏi ngược hướng, cho nên phát ngôn này biểu hiện hành động ngăn, với lực ngôn trung rất mạnh. Câu 38) là một điển hình về sử dụng hình thức hỏi để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Dựa vào ngôn cảnh của hội thoại, là người nói (con Bách) thương mẹ, hy vọng người nghe (mẹ) ở lại mà sống chung với vợ chồng con gái mình, được hưởng phúc con cháu lúc già dần. Trong phát ngôn của người nói, ngữ điệu của con

gái tràn đầy chân tình. Và lại, sử dụng phát ngôn hỏi để biểu hiện hành động khuyên nhủ của mình cũng giống như một sự thương lượng, dễ xúc động tâm hồn của người nghe, tăng cường sức thuyết phục, rồi đạt được thành công trong giao tiếp. Phát ngôn trong câu 38) có ý nghĩa hỏi dò ý kiến của người nghe, có mục đích giao tiếp là khuyên nhủ người nghe ở lại với vợ chồng con gái, không mang tính ép buộc, với lực ngôn trung vừa phải.

Trong ngữ liệu của luận án, PNCKGT phi quy ước có 18 phiếu. Trường hợp biểu hiện các HĐCK của chúng như bảng 2.32:

Bảng 2.32: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	1	5,56%
Cấm	1	5,56%
Giục	1	5,56%
Yêu cầu	2	11,11%
Ngăn	3	16,66%
Khuyên	8	44,44%
Mời	1	5,56%
Xin / xin phép	1	5,56%

Như vậy, trường hợp nhóm phát ngôn này được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.33:

Bảng 2.33: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	44,44%
Mức cầu khiến trung bình	8	44,44%
Mức cầu cao	2	11,11%

Cũng như phát ngôn hỏi ngược hướng quy ước với chức năng cầu khiến, phát ngôn phi quy ước cũng luôn biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao như cấm, giục, yêu cầu... Nhóm phát ngôn này cũng có nhiều trường hợp là biểu hiện những hành động với mức cầu khiến trung bình, còn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu

cao chỉ có 2 phiếu. Cho nên nhóm phát ngôn này cũng với lực ngôn trung mạnh.

2.4.1.2. Hỏi về tình hình sự kiện, người nói hoặc đồ vật

Loại phát ngôn này thuộc nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến, thông qua hành động hỏi về tình hình về sự kiện, trạng thái của người hoặc đồ vật, để nêu ra ý nghĩa cầu khiến một cách gián tiếp. Cũng có một ít phát ngôn là hỏi về nguyên nhân sự kiện, hoặc hỏi nguyên nhân với người nói. Chúng tôi sẽ nêu ví dụ minh họa như sau. Ví dụ:

39) Điện thoại của ban chỉ huy hỏi dồn thêm...

– Alô! Alô! Pháo binh đã tới chưa? ... Đến đâu rồi?... Sao thế?...

< Tuyển Tập - Nam Cao >

40) Chủ tịch đưa bàn tay úp sấp ra phía trước, gật đầu:

– Được rồi. Các đồng chí khác?

Các đội viên tranh nhau kể. Đại khái toàn là những câu nói nặng, những cử chỉ cục cằn.

< Tuyển Tập - Nam Cao >

Câu ví dụ 39) được xảy ra trên chiến trường, tình hình chiến đấu đang có nhu cầu khẩn trương về pháo binh. Trong chiến đấu, một giây phút thì có thể quyết định được thắng bại, cho nên ban chỉ huy gọi điện nhiều lần để yêu cầu phái pháo binh viện trợ với thái độ thúc giục. Người nói thông qua hỏi về “bên người nghe đã phái pháo binh viện trợ chưa?” và “pháo binh đang lên viện trợ đến chỗ nào?” để thể hiện sự khẩn trương trên chiến trường, tiếp đó đạt được mục đích giao tiếp của mình – giục pháo binh nhanh đến chiến trường. Phát ngôn của người nói biểu hiện hành động giục, với sắc thái vội vàng. Phát ngôn hỏi – cầu khiến trong câu 40) để được người nghe suy ý ra ý nghĩa hàm ẩn. Trong hội trường, người nói (chủ tịch) muốn thể hiện sự công bằng và thái độ tích cực về chuyện lắng nghe ý kiến, mời hết đồng chí này lại sang đồng chí khác. Đôi khi lắng nghe hết ý kiến của một đồng chí, thì nêu phát ngôn hỏi “**Các đồng chí khác?**” để chỉ thị đồng chí khác bắt đầu phát biểu ý kiến của mình. Khi người nghe thao tác suy ý phát ngôn này, kết hợp chủ đề hội thoại và lược thoại, dễ suy ý được là “người chủ tịch đang mời chúng mình phát biểu ý kiến”, cho nên thực hiện hành động là “các đội viên tranh nhau kể”. Phát

ngôn hỏi này biểu hiện hành động mời, không mang tính ép buộc, và thể hiện sự ôn hòa và sự thân thiết của chủ tịch.

Trong ngữ liệu của luận án, loại phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 12 phiếu. Trường hợp của kiểu phát ngôn này được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.34:

Bảng 2.34: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	1	8,33%
Giục	3	25,00%
Yêu cầu	2	16,67%
Đề nghị	1	8,33%
Khuyên	1	8,33%
Dặn	1	8,33%
Rủ	1	8,33%
Mời	1	8,33%
Xin / xin phép	1	8,33%

Như vậy, tình huống về phát ngôn nhóm này khi biểu hiện HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.35:

Bảng 2.35: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	6	50%
Mức cầu khiến trung bình	3	25,00%.
Mức cầu cao	3	25,00%.

Nhóm phát ngôn này với hình thức hỏi, nhưng có nhiều trường hợp là biểu hiện những HĐCK với mức khiến cao như giục, yêu cầu, và trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao cũng tương đối ít. Vì thế, nhóm phát ngôn này cũng luôn với lực ngôn trung mạnh, nhiều trường hợp có thể mang tính áp đặt.

2.4.1.3. Hỏi về thái độ, cảm giác của người nghe

Đây vẫn là một nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến, nội dung hỏi luôn là thái độ,

cảm giác hoặc ý kiến chủ quan từ người nghe về một sự kiện nào đó hoặc một thứ gì đó. Thông qua hỏi dò những nội dung này, để gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện một hành động cụ thể. Người nghe có quyền tự suy nghĩ làm hay không làm, nhưng ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn người nói luôn ảnh hưởng đến hành động của người nghe. Chúng tôi lại nêu một số ví dụ để minh họa loại phát ngôn này. Ví dụ:

41) – Hôm nọ bố luộc lại nó chín như mới. Hôm nọ mẹ cũng luộc lại nó chín như mới.

– Không, con rán thôi. Còn chấm đường nữa.

– Ừ, rán có sợ nhiều mỡ không?

– Không, bình thường, sợ gì ạ?

(Khẩu ngữ)

42) Chú Tám đưa tay ngoắt Tân:

– (Ê, nhà trung phong số một!) Lại đây chú mày mời ly đá chanh, chiu không cung? < Trước vòng chung kết- Nguyễn Nhật Ánh >

Trong tình huống giao tiếp của câu 41), người nói (mẹ) không muốn người nghe (con gái) ăn nhiều đồ rán, và hỏi người nghe thái độ và cảm giác về đồ rán. Phát ngôn của người nói không chỉ có ý nghĩa tường minh là hỏi về thái độ và cảm giác từ người nghe, mà còn truyền đạt ý muốn khuyên nhủ của mình – hy vọng người nghe không ăn bánh chung rán, vì ăn quá nhiều mỡ vào có hại cho sức khỏe. Lại vì người nói cũng biết con gái của mình đã lớn, có ý kiến riêng của mình, cho nên khi khuyên nhủ người bậc dưới (người nghe) đã sử dụng một chiến lược giao tiếp ôn hòa, làm cho người nghe dễ tiếp nhận. Vì thế, chiến lược hỏi mà chứa hàm ý “nên sợ ăn nhiều mỡ” được người nói chọn dùng để biểu hiện ý muốn khuyên nhủ của mình, mà không mang tính áp đặt. Trong tình huống giao tiếp của câu 42), quan hệ giữa người nói và người nghe rất gần gũi và thân mật. Cho nên khi hai người giao tiếp cũng nói năng thả lỏng và tùy ý, tuy người nói (chú Tám) lớn tuổi hơn người nghe (Tân), với vị thế xã hội cao hơn. Người nói có mục đích mời người nghe cùng uống đá chanh, sử dụng hành động “đưa tay ngoắt Tân” và phát ngôn hỏi thái độ “chiu không cung” để thể hiện sự thân thiện và thái độ nhiệt tình, làm cho

người nghe khó từ chối hành động mời mọc của người nói. Nhất là từ “cung” trong ngôn cảnh này, thể hiện sự yêu thương trong phát ngôn, đóng vai lôi kéo người nghe thực hiện hành động theo ý muốn của người nói.

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi này không nhiều lắm, chỉ có 8 phiếu. Trường hợp được sử dụng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.36:

Bảng 2.36: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.1.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Đề nghị	1	12,50%
Khuyến	4	50%
Mời	3	37,50%

Như vậy, trường hợp nhóm phát ngôn này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.37:

Bảng 2.37: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.1.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	5	62,50%.
Mức cầu cao	3	37,5%

Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến này, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức trung bình chiếm nhiều nhất, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Vì thế, nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung vừa phải, hầu hết không mang tính áp đặt.

2.4.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán

Đặc điểm lớn nhất về phát ngôn cảm thán là ngữ điệu được thể hiện rất mạnh. Khác với phát ngôn cảm thán - cầu khiến có quy ước trong mục 2.3.3, phát ngôn cảm thán trong nhóm này không có dấu hiệu đặc trưng như “... quá/ lắm/ thế”, phải nhờ dấu cảm thán ở cuối câu và ngữ điệu cảm thán trong phát ngôn, mới nhận diện được chúng. Dựa vào ngôn cảnh giao tiếp và chủ đề hội thoại, những phát ngôn cảm thán phi quy ước này cũng có thể gánh vai cầu khiến, được gọi là phát ngôn cảm thán phi quy ước – cầu khiến. Chẳng hạn:

43) (Bà hát bài ca cho em bé.)

Mẹ: Bà hát hay lắm! *Hoan hô!*

(Khẩu ngữ)

Ngôn cảnh của câu 43) là khi mẹ gọi điện qua mạng với bà ngoại, bà ngoại hát bài ca cho em bé nghe. Nhờ cơ hội này, người nói (mẹ) muốn giáo dục người nghe (em bé) biết cảm ơn, biết tán dương người ta, thì nêu phát ngôn “**Hoan hô!**” bằng giọng điệu tràn đầy vui vẻ và phấn khởi, để người nghe bắt chước phát ngôn và giọng điệu cảm thán của mình, hoặc vỗ tay cho bà ngoại. Dù người nghe vẫn bé, nhưng trí óc của em bé đã đủ điều kiện thao tác được ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn của người nói. Chuyện không khéo là có lẽ người nghe chưa đến mức quá phấn khởi, không biết bắt chước lời nói. Người nói là mẹ của người nghe, nhưng đôi khi đào tạo em bé đã rất cố gắng thể hiện sự tận tâm, để không đe dọa đến thể diện của người nghe. Cho nên lời cảm thán này thực ra là biểu hiện hành động mời của người nói, không ép buộc.

Trong ngữ liệu của luận án, nhóm phát ngôn cảm thán phi quy ước này có 8 phát ngôn. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.38:

Bảng 2.38: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	3	37,50%
Cấm	1	12,50%
Giục	2	25,00%
Yêu cầu	1	12,50%
Mời	1	12,50%

Như vậy, nhóm phát ngôn cảm thán phi quy ước này được dùng để biểu hiện những HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.39:

Bảng 2.39: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	87,50%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	1	12,50%

2.4.3. Phát ngôn câu khiến gián tiếp phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán

2.4.3.1. Biểu lộ tình trạng tâm lý, cảm giác, sự đánh giá

Về hình thức câu, kiểu phát ngôn này đa số là phát ngôn trần thuật, cũng có thể là phát ngôn cảm thán, hoặc một đoạn lời nói. Mà những đoạn lời nói được chúng tôi coi như là phát ngôn trần thuật dài. Người nói thông qua chiến lược biểu hiện tình trạng tâm lý, cảm giác hoặc sự đánh giá của mình, hy vọng người nghe cảm nhận được tâm trạng và cảm giác của mình trong lời nói, để gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó. Những tình trạng tâm lý, cảm giác hoặc sự đánh giá của người nói, có thể là tích cực, cũng có thể là tiêu cực. Kiểu PNCKGT này giao quyền lực quyết định cho người nghe, thông thường với mức câu khiến trung bình, không ép buộc. Ví dụ:

44) Vừa xuống tới sàn nhà, tôi lại leo ngược trở lên, đứng cạnh nó:

-- (Thấy chưa!) Rất dễ! <Tôi là BêTô – Nguyễn Nhật Ánh>

45) Được gọi đến lấy tiền, Pha hớn hờ. Nhưng bà Nghị nói:

-- Vợ mày lười lắm, cả ngày chỉ hát, chứ không làm, tao không bằng lòng cho mày với nó làm một chổ. < Bước đường cùng – Nguyễn Công Hoan >

Trong câu 44), người nói coi con chó là thành viên trong gia đình, cho nên “người nghe” ở đây là con chó BêTô. Dựa vào ngôn cảnh, người nói (chủ của con chó) huấn luyện người nghe (con chó) hoàn thành một động tác mới, để khuyến khích con chó được chiều của mình thì nêu ra sự đánh giá cao về cái động tác ấy – “**Rất dễ**”. Đồng thời, người nói cũng thị phạm động tác ấy cho người nghe, cho người nghe bắt chước hành động của người nói. Là vì người nói là chủ, người nghe là con chó do người nói nuôi, cho nên mục đích huấn luyện và ý muốn khuyên của người nói làm cho người nghe không thể từ chối được, mặc dù phát ngôn này không mang sắc thái ép buộc lắm. Trong câu 45), ngôn cảnh của hội thoại là vợ chồng chị Pha đều làm việc ruộng cho nhà bà Nghị, chị Pha hay hát ca dao khi hai vợ chồng cùng làm việc, làm cho bà Nghị chán, cứ cho rằng chị Pha chỉ hát mà không chuyên chú làm việc. Vì thế, người nói (bà Nghị) nêu phát ngôn với người nghe (anh Pha)

bày tỏ sự không bằng lòng của mình, cho thấy hành động hát của chị Pha sẽ làm cho chị Pha không thể chuyên chú làm việc, nên phải cấm hai vợ chồng làm cùng ở một chỗ, phát ngôn cũng có ý muốn là đuổi việc chị Pha. Vì người nói là chủ, có quyền lực và vị thế xã hội cao tuyệt đối so với người nghe, phát ngôn này thể hiện mục đích cầu khiến là cấm đoán, với tính áp đặt cao.

Trong bảng ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn này có 72 phát ngôn, phân biệt được dùng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.40:

Bảng 2.40: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ra lệnh	1	1,39%
Cấm	3	4,17%
Yêu cầu	3	4,17%
Ngăn	9	12,50%
Đề nghị	3	4,17%
Khuyên	34	47,22%
Rủ	2	2,77%
Mời	5	6,94%
Xin / xin phép	12	16,67%

Như vậy, loại PNCKGT này khi biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau có dạng phân bố như bảng 2.41:

Bảng 2.41: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	16	22,22%
Mức cầu khiến trung bình	37	51,39%
Mức cầu cao	19	26,39%

Về mặt hình thức, trong nhóm phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.42:

Bảng 2.42: Sự phân bố các hình thức câu trong nhóm 2.4.3.1

Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Lời hỏi	5	6,94%
Lời trần thuật	47	65,28%
Lời cảm thán	20	27,78%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức trung bình chiếm nhiều nhất, tiếp đó là trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Vì thế, lực ngôn trung của nhóm phát ngôn này không mạnh. Về hình thức câu, trường hợp lời hỏi và lời trần thuật nhiều hơn lời cảm thán.

2.4.3.2. Trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật

Về kiểu PNCKGT này, giải thích cụ thể hơn là: Trong một số ngôn cảnh nhất định, một vài phát ngôn phản ánh sự thật, hoặc bày tỏ sự kiện với thái độ / đánh giá trung tính, hoặc là miêu tả tình trạng của các thứ trong thế giới khách quan, thậm chí là một số thành ngữ / tục ngữ bàn về đạo lý được công nhận, đều có thể có chức năng là gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động nào đó. Những lời nói này có mô hình là “*D1/D2/D3 + P*”, “*Đại từ + P*” hoặc là “*... là ...*”, v.v... Chẳng hạn:

46) – Đây là thuốc uống Can - xi của mẹ. (Con không uống được.) (Khẩu ngữ)

47) – Hết đau cái con khi! – Tôi mắng Tường và nghe mũi mình cay cay.

– Em hết đau thật mà. – Tường nói, lẩn tránh ánh mắt của tôi.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Dựa vào ngôn cảnh của câu 46), người nói (mẹ) nhìn thấy người nghe (con gái) tay cầm lấy chai thuốc uống Can-xi của mẹ, sợ người nghe tò mò về thuốc uống và cứ uống thuốc luôn, thì nêu ra phát ngôn chấm dứt hành động của người nghe. Trong phát ngôn của người nói, đại từ “đây” chỉ chai thuốc, giải thích rõ sự thật khách quan cho người nghe biết được “Trong chai này là thuốc của mẹ, mà em bé thì không thể uống thuốc của người lớn, vì thuốc người lớn có thể có hại cho con.” Người nghe biết được đạo lý này thì sẽ mất lòng tò mò, trả lại chai thuốc cho mẹ, từ

đó người nói đạt được mục đích giao tiếp trong phát ngôn của người nói – ngăn cấm hành động uống thử thuốc của mẹ. Phát ngôn từ người nói mang tính khiếm cao, không cho người nghe từ chối, và người nghe cũng không nên từ chối sự cầu khiến này của người nói. Còn phát ngôn “Em hết đau thật mà.” trong câu 47) phù hợp với mô hình “*D1/D2/D3 + P*”. Trong ngôn cảnh này, người nói (em Tường) bị thương vì người nghe (tôi), nhưng người nói không trách người nghe, khi khỏi lại bảo người nghe biết ngay, làm cho người nghe càng thấy xấu hổ và hối hận, còn thấy “mũi cay cay”. Người nói cường điệu lại trạng thái của mình – đã hết đau thật, nhằm mục đích khuyên người nghe bình tĩnh lại, đừng lo âu cho mình, cứ yên tâm chơi với mình như thường. Vì vậy, phát ngôn của người nói biểu hiện hành động khuyên, mang ý nghĩa an ủi người nghe, thể hiện sự lương thiện của người nói.

Chúng tôi thu thập được 111 PNCKGT với kiểu này, chúng được dùng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 2.43:

Bảng 2.43: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	2	1,80%
Giục	2	1,80%
Ngăn	10	9,00%
Yêu cầu	19	17,11%
Đề nghị	9	8,11%
Khuyên	37	33,33%
Dặn	4	3,61%
Mời	4	3,61%
Nhờ	4	3,61%
Xin / xin phép	18	16,22%
Lạy	2	1,80%

Như vậy, kiểu phát ngôn này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến từ cao đến thấp có dạng như bảng 2.44:

Bảng 2.44: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	33	29,73%
Mức cầu khiến trung bình	50	45,05%
Mức cầu cao	28	25,22%

Xét từ hình thức câu, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.45:

Bảng 2.45: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.2

Hình thức câu	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Lời hỏi	0	0 %
Lời trần thuật	86	77,48%
Lời cảm thán	25	22,52%

Vì nhóm phát ngôn này là những lời nói trình bày sự thật, cho nên lời trần thuật chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đó là lời cảm thán, lời hỏi là 0 phiếu. Lại vì bày tỏ sự thật chủ yếu là nhằm mục đích ngăn hoặc khuyên, cho nên trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao chiếm tỷ lệ thấp nhất.

2.4.3.3. Nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình

Nêu nguyện vọng của mình cho người ta biết, là một chiến lược biểu hiện HĐCKGT. Vì việc thực hiện được nguyện vọng của mình ở đây, phải trên cơ sở người nghe giúp cho hoặc ủng hộ, đồng ý cho. Còn phát ngôn biểu hiện quan điểm của cá nhân, sự phán đoán hoặc kế hoạch về sự kiện, có thể đồng thời là nguyện vọng hoặc ý kiến của cá nhân, rất khó tách biệt hai tiểu loại phát ngôn một cách rõ ràng. Và lại trong những ngôn cảnh nhất định, hai tiểu loại phát ngôn này đều có vai trò biểu hiện HĐCK một cách gián tiếp, cho nên chúng tôi xếp hai tiểu loại phát ngôn này trong một nhóm. Sau đây, chúng tôi sẽ lấy mấy câu ví dụ để miêu tả và phân tích loại PNCKGT này. Ví dụ:

48) Bác sĩ Joyeux ngăn tôi lại, ra tủ sách một lần nữa, lấy một ít giấy in đưa cho tôi.

– Trong những vật liệu tôi trao cho ông, còn thứ này nữa mới là đủ.

<Lục Xi – Nguyễn Công Hoan>

49) Anh lại nói được, và anh nói:

– (Tôi chết mất! Thế nào tôi cũng chết...) *Tôi chỉ còn thềm một bát chè đỗ đen.* Nếu có thì bu em cho tôi một bát để tôi ăn cho mát ruột rồi tôi chết.

– Nhà không có đường. Mà nấu cũng không kịp. Để tôi đi xem đâu có, mua cho thầy em một bát... < Tuyển Tập - Nam Cao >

Trong ngôn cảnh của câu 48), phát ngôn được người nói (bác sĩ Joyeux) – một bác sĩ chính trực nêu ra với người nghe (tôi). Người nói cho rằng, những giấy tờ in là những tài liệu quan trọng, nên được bí mật đưa cho người nghe, và dặn ý kiến và nguyện vọng của mình cho người nghe – “có được những tài liệu này mới là đủ, tôi hy vọng ông cầm về và viết báo cho mọi người biết tình huống thật.”. Vì thế, phát ngôn từ người nói trong ngôn cảnh này biểu hiện hành động dặn, không mang tính ép buộc. Trong câu 49), PNCKGT ở đây được nêu ra trong hội thoại của hai vợ chồng. Người nói (chồng) nghĩ mình sắp hết hơi, nêu nguyện vọng của mình cho người nghe (vợ) biết – “chỉ còn thềm chè đỗ đen thôi”, hy vọng người nghe giúp mình thực hiện nguyện vọng của mình. Cho nên, phát ngôn này biểu hiện hành động van xin, với tính cầu cao.

Xét từ ngữ liệu trong luận án, nhóm PNCKGT này có 45 phiếu. Trường hợp biểu hiện các HĐCK như bảng 2.46:

Bảng 2.46: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Yêu cầu	3	6,67%
Ngăn	3	6,67%
Đề nghị	12	26,67%
Khuyến	11	24,44%
Dặn	1	2,22%
Rủ	1	2,22%
Mời	1	2,22%
Nhờ	1	2,22%
Xin / xin phép	11	24,44%
Van	1	2,22%

Như vậy, trường hợp nhóm PNCK được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.47:

Bảng 2.47: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	6	13,33%
Mức cầu khiến trung bình	24	53,34%
Mức cầu cao	15	33,33%

Xét từ hình thức, trong 45 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.48:

Bảng 2.48: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.3

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	3	6,67%
Trần thuật	36	80,00%
Cảm thán	6	13,33%

Trong nhóm phát ngôn này, có hơn 80% phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến vừa phải và mức cầu cao. Cho nên nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung vừa phải, ít mang tính ép buộc. Về hình thức, thì lời trần thuật chiếm nhiều nhất.

2.4.3.4. *Bày tỏ sự hứa hẹn / cam đoan*

Trong ngữ liệu của luận án, có một số phát ngôn biểu ý hứa hẹn, cam đoan trong ngôn cảnh nhất định có thể trấn an được người nghe, hoặc khuyến khích được người nghe. Vì vậy, những phát ngôn này có thể gánh vai yêu cầu người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động nào đó. Chúng tôi xin nêu mấy câu ví dụ, để minh họa kiểu PNCKGT này trong phần sau:

50) Chợt bác Tân trai đến chơi. Thấy vợ chồng Pha đang to tiếng, thì bác ngờ ngợ, hỏi:

– Kìa, tôi tưởng chú dì đã xong nợ, tôi có hai đồng đây, định cho chú dì tiêu.

< Bước đường cùng – Nguyễn Công Hoan >

51) Nhớ lại phút chia ly ấy, Liễu ghen ngào.

Nhàn càng trông chị uất ức vì chồng, an ủi:

– Thôi, bây giờ chiu khô, bao giờ độc lập tha hồ mà sung sướng. Độc lập thì anh ấy làm to lắm. < Tuyển Tập - Nam Cao >

Trong ngôn cảnh của câu 50), người nghe (vợ chồng Pha) đang cãi về chuyện không có tiền tiêu, người nói (bác Tân trai) không nhẫn tâm cứ thấy hai vợ chồng cãi mãi, thì nêu phát ngôn trấn an này. Đây là sự cam đoan của người nói, đảm bảo sẽ cho vợ chồng Pha tiền tiêu, hy vọng nhờ cách này để ngăn chặn người nghe không cãi nhau nữa. Vì thế, cách ngăn chặn này rất khéo léo, hy sinh lợi ích của mình, mà giữ được lợi ích và thể diện của người nghe. Phát ngôn này là một PNCKGT, nhằm mục đích ngăn hành động “to tiếng” của người nghe. Dựa vào ngôn cảnh, trong ví dụ của câu 51), người nói (Nhàn) miêu tả quang cảnh khi giành được sự độc lập và giải phóng trong tương lai. Phát ngôn ở đây vừa là lời cam đoan, vừa là lời an ủi người nghe (chị Liễu), nhằm mục đích khuyên người nghe yên tâm một chút, đừng lo lắng và uất ức quá, cũng có ý làm người nghe phấn chấn. Vì thế, phát ngôn này biểu hiện hành động khuyên nhủ của người nói, còn thể hiện tình hữu nghị cách mạng của đồng đội.

Xét từ ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn này không nhiều mấy, chỉ có 8 phiếu. Trường hợp sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.49:

Bảng 2.49: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.4

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ngăn	1	12,50%
Khuyên	5	62,50%
Dặn	1	12,50%
Lạy	1	12,50%

Như vậy, kiểu PNCKGT này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.50:

Bảng 2.50: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.4

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	12,50%
Mức cầu khiến trung bình	6	75,00%
Mức cầu cao	1	12,50%

Trong những phát ngôn đó, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.51:

Bảng 2.51: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.4

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	0	0%
Trần thuật	7	87,50%
Cảm thán	1	12,50%

Nhóm phát ngôn này với số lượng tương đối ít, chỉ có 8 phiếu. Trong 8 phát ngôn này có 6 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, 7 phiếu với hình thức trần thuật. Vì thế, phát ngôn trong nhóm này luôn với lực ngôn trung vừa phải, ít có tính ép buộc.

2.4.3.5. Thuật lại lời nói hoặc ý kiến từ người khác

Do những nguyên nhân như ngại về sĩ diện của tự mình hoặc người khác, hoặc là muốn đạt được hiệu quả giao tiếp là người nghe dễ tiếp nhận được ý muốn cầu khiến trong phát ngôn, cũng có trường hợp là thuật lại lời nói từ người khác cho người nghe, để làm cho người nghe làm hoặc không làm chuyện gì đó. Ví dụ:

52) Mẹ bảo - Cô Trang nói: “Đi học vui lắm, thế mà chẳng chịu đi học, suốt ngày ở nhà.” (Khẩu ngữ)

53) Rồi con bé con lên nói:

– Thầy cháu mời các ông xuống dưới nhà nói chuyện.

< Truyện Ngắn – Nguyễn Công Hoan >

Dựa vào ngôn cảnh, phát ngôn của cô Trang được người nói (mẹ) thuật lại cho người nghe (con trai), để truyền đạt nội dung cụ thể của cô giáo cho người nghe biết. Vấn đề về người nghe không chịu đi học đã tồn tại lâu rồi, người nói từng có

khuyên, có phê bình, nhưng chưa có hiệu quả gì. Ở trường giáo viên có quyền lực cao hơn học trò, các học trò thông thường không dám không tuân theo ý kiến của giáo viên. Vì thế, người nói sinh được một kế, nhờ cách truyền đạt sự yêu cầu của cô giáo, chứng tỏ luận điểm của mình – trẻ con phải kiên trì đi học. Cách này có thể tăng thêm sức thuyết phục luận điểm của mình. Như vậy, nội dung hội thoại giữa cô giáo và mẹ được truyền đến người nghe một cách gián tiếp. Ở trường phải nghe lời cô giáo, sự yêu cầu của cô Trang rất chính đáng, mang tính khiên cao. Cho nên, phát ngôn này biểu hiện hành động yêu cầu, mang tính áp đặt, nhưng lực ngôn ngữ không mạnh. Trong câu 53), người nói (con bé) chuyển lời mời của thầy tới người nghe (các ông), để mời người nghe xuống dưới nhà và chuyện trò với nhau cho vui. Trên thực tế, người nói (con bé) ở đây cũng chỉ là đóng vai “trung gian” mà thôi, người nêu phát ngôn gốc là “thầy” trong đoạn văn. Với thầy, hành động mời mọc được chuyển đạt qua một người bậc dưới trong nhà là một cách giữ được thể diện của mình (không cần đi và mời các ông trực tiếp), và cũng giữ được thể diện của người nghe (được hưởng người bậc dưới của nhà chủ đến mời), người nêu phát ngôn gốc và người tiếp nhận sự mời mọc đều hưởng thụ hiệu quả giao tiếp này.

Xét lại ngữ liệu thu thập của luận án, PNCKGT thuộc nhóm này có 12 phiếu. Trường hợp sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.52:

Bảng 2.52: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.5

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Ngăn	1	8,33%
Yêu cầu	3	25,00%
Khuyên	1	8,33%
Mời	6	50,00 %
Xin/xin phép	1	8,33%

Xét từ mức độ cầu khiến, kiểu PNCKGT này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.53:

Bảng 2.53: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.5

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	4	33,33%
Mức cầu khiến trung bình	1	8,33%
Mức cầu cao	7	58,34%

Trong những phát ngôn đó, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.54

Bảng 2.54: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.5

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	0	0%
Trần thuật	11	91,67%
Cảm thán	1	8,33%

Phát ngôn trong nhóm phát ngôn này đa số là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao như mời mọc, còn trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao cũng không ít (33,33%). Và phát ngôn với hình thức trần thuật được sử dụng nhiều nhất. Vì thế, phát ngôn trong nhóm này có thể với lực ngôn trung mạnh, cũng có thể với lực ngôn trung nhẹ và mang sắc thái ôn hòa.

2.4.3.6. Bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả

Phát ngôn trong nhóm này dùng cách bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả về sự kiện, cho nên chủ yếu với hình thức trần thuật (hoặc một đoạn thoại dài với hình thức trần thuật), tùy theo ngôn cảnh cũng có thể sử dụng hình thức cảm thán để tăng cường ngữ điệu. Nếu cần miêu tả thêm về hình thức của kiểu PNCKGT này càng cụ thể hơn, có một số phát ngôn luôn chứa cấu trúc “nếu... thì...”, “nếu không... thì...”, nhưng không phải là tất cả phát ngôn đều có những cấu trúc tiêu biểu ấy. Sau đây, chúng tôi sẽ nêu ví dụ để minh họa kỹ hơn:

54) – Mày không ăn, mẹ mày biết mẹ mày buồn lắm đó.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

55) Mẹ gọi: Đứng ra ngoài nhé, đi bây giờ nắng chết.

Bà nói thêm: Trời nắng đi ra ngoài, da nó sẽ đen đấy, con ơi. (Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh của câu 54), người nói và người nghe là bạn thân của nhau, cho nên hai người giao tiếp có vị thế xã hội bằng nhau. Khi gặp chuyện không vui, người nghe không muốn ăn gì. Là bạn thân rất được người nghe tin cậy, người nói nêu phát ngôn bảo rằng hậu quả của hành động của người nghe – “mẹ mày biết mẹ mày buồn lắm đó”, để nhắc người nghe. Phát ngôn này đúng trọng tâm, mang sắc thái trung tính, để người nghe tự suy nghĩ hậu quả này là mình mong muốn hay không. Với lại hai người giao tiếp có vị thế xã hội bằng nhau, cho nên phát ngôn này không có tính áp đặt, chỉ biểu hiện ý muốn khuyên nhủ của người nói. Trong câu 55), em bé tinh nghịch nhân dịp mẹ trò chuyện online với bà ngoại, cứ trốn ra ngoài cửa chơi. Mẹ nhìn thấy và gọi con về. Người nói (bà ngoại) thấy rằng chỉ gọi con về thì chưa đủ tác dụng, lại nêu phát ngôn bày tỏ hậu quả đi ra ngoài vào giờ trời đang nắng là da em bé sẽ bị đen sì, không đẹp nữa, để người nghe ý thức đến tính nghiêm trọng của chuyện này, khuyên được người nghe ngăn cấm hành động không thỏa đáng của em bé hoặc cứ bắt em bé về nhà. Vì thế, phát ngôn này là thông qua bày tỏ hậu quả cháu bé đi ra ngoài vào lúc trời nắng, nhằm mục đích khuyên nhủ người nghe quản lý cháu bé nghiêm. PNCKGT này không mang tính áp đặt, thể hiện sự quan tâm của người bậc trên.

Xét từ ngữ liệu của luận án, kiểu PNCKGT này có 30 phiếu. Trường hợp biểu hiện các HĐCK như bảng 2.55:

Bảng 2.55: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.6

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	2	6,67%
Ngăn	1	3,33%
Yêu cầu	5	16,67%
Đề nghị	1	3,33%
Khuyên	18	60,00%
Dặn	1	3,33%

Van	1	3,33%
Lạy	1	3,33%

Cho nên, kiểu phát ngôn này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.56:

Bảng 2.56: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.6

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	26,67%
Mức cầu khiến trung bình	20	66,67%
Mức cầu cao	2	6,66%

Xét từ hình thức, trong 30 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.57:

Bảng 2.57: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.6

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	2	6,67%
Trần thuật	19	63,33%
Cảm thán	9	30,00%

Xét từ những phân tích như trên, do vì thông qua cách bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả về sự kiện, thực ra người nói đã có ý định là yêu cầu hoặc thuyết phục người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó, cho nên đa số phát ngôn có mức cầu khiến trung bình hoặc mang tính khiến cao, trường hợp với mức cầu cao sẽ hơi ít.

2.4.3.7. Biểu ý đe dọa hoặc cảnh cáo

Trong nhóm PNCKGT này, cũng có một số phát ngôn là bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả, nhưng chúng có khác với nhóm PNCKGT được đề cập đến trong mục 2.4.3.6 ở chương này. Khi bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả, phát ngôn trong mục 2.4.3.6 có sắc thái trung tính. Những phát ngôn trong mục này có sắc thái đe dọa hoặc cảnh cáo, tức là phát ngôn của người nói có tính cương bức cao, lực ngôn trung của phát ngôn luôn rất mạnh, không cho người nghe từ chối, thông thường được dùng để biểu hiện hành động với mức khiến cao như cấm đoán, yêu cầu, giục

giã... Chẳng hạn như:

56) Ba tôi hăm he:

- Mày mà còn đánh cắp thức ăn trong tủ lần nữa là tao chặt tay mày nghe, cu Mùi! < Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ – Nguyễn Nhật Ánh >

2) Cả tốp trình sát soạt soạt rút dao găm. Kiên vội ngăn:

- (Đùng! ấy chớ...) Bọn này chắc cũng muốn được la khóc đã rồi mới chết. Chết ngay thì chúng không thích đâu.

- Đ má! Giết thì giết đi - Một thằng rống lên - ăn thịt tụi tao đi. Giết liền đi? Tay tao nè, đơ lôm máu ba con nhỏ của tụi mày đó?

<Nỗi Buồn Chiến Tranh – Bảo Ninh>

Ngôn cảnh của câu 56) là người nói (ba = bố) phát hiện, vốn là người nghe (con Mùi) lấy thức ăn trong tủ, nghĩ rằng hành động này thể hiện đạo đức phẩm chất xấu của con người và có tổn hại đến lợi ích của gia đình. Cho nên người nói bực, hăm he nêu phát ngôn đe dọa “*Mày mà còn đánh cắp thức ăn trong tủ lần nữa là tao chặt tay mày*” để cảnh cáo và dạy dỗ con mình, cũng nhằm mục đích cấm đoán hành động xấu của người nghe. Vì người nói là người bậc trên, có vị thế xã hội tuyệt đối, phát ngôn với lực ngôn trung rất mạnh, chỉ giữ được thể diện của người nói. Trong câu 57), đôi khi thậm vấn quân địch, người nói (Kiên) giả vờ ngăn hành động rút dao găm của đồng chí, mà cố tình nêu phát ngôn cho binh thù nghe thấy để cảnh cáo chúng, nếu không phối hợp thậm vấn thì sẽ không cho chúng chết dứt khoát, mà sẽ hành hạ chúng rất lâu cho đến lúc chúng hết hơi. Nhằm mục đích ép buộc được chúng nói ra tung tích của ba con gái bên mình. Phát ngôn của người nói biểu hiện hành động yêu cầu, mang tính ép buộc rất cao.

Xét từ ngữ liệu thống kê trong luận án, phát ngôn thuộc nhóm này có 33 phiếu. Trường hợp biểu hiện các HĐCK như bảng 2.58:

Bảng 2.58: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.7

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	11	33,33%
Giục	2	6,07%

Ngăn	8	27,27%
Yêu cầu	11	33,33%

Cho nên, PNCKGT thuộc nhóm này, toàn được sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, cụ thể như bảng 2.59:

Bảng 2.59: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.7

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	33	100%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	0	0%

Trong 33 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.60:

Bảng 2.60: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.7

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	6	18,18%
Trần thuật	20	60,61%
Cảm thán	7	21,21%

Phát ngôn trong nhóm này toàn biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao, không có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình hoặc HĐCK với mức cầu cao. Phát ngôn trong nhóm này với lực ngôn trung mạnh, nhất là những phát ngôn với hình thức cảm thán.

2.4.3.8. Biểu ý mắng mỏ, chỉ trích hoặc phê bình

Trong tiếng Việt, một số phát ngôn mắng mỏ, chỉ trích hoặc phê bình về người hoặc sự kiện, có thể có chức năng phụ là cầu khiến người nghe làm hoặc không làm chuyện gì đó. PNCKGT thuộc nhóm này có khác với PNCKGT trong mục 2.4.3.7 ở chương 2. PNCKGT trong mục 2.4.3.7 có thể biểu hiện thái độ tiêu cực hoặc đánh giá thấp về sự kiện, nhưng thông thường không dùng ngôn từ mất lịch sự, và phát ngôn luôn được nêu ra trước khi chuyện đã xảy ra. Nhưng phát ngôn trong mục này toàn là những lời với ý nghĩa phê bình, thậm chí có ý làm ác với người ta, và luôn được nêu ra sau khi sự kiện đã phát sinh. Cho nên, phát ngôn trong nhóm này

đa số với lực ngôn trung rất mạnh. Chúng tôi sẽ nêu mấy ví dụ như sau:

58) – Là trò này này!

Sơn cười hề hề, hai bàn tay làm một cử chỉ hết sức tục tũ.

-- Đồ mắt dạy! – Tôi đồ mắt.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

59) Tôi can:

- Mua làm gì nhiều thế?

- Để hút dân.

- Tiền đâu mà có thế?

< Nợ nần – Nguyễn Công Hoan >

Trong câu 58), ngôn cảnh là người nghe (thằng Sơn) rủa người nói (tôi) chơi một trò chơi bàn tay, nhưng người nói thấy cử chỉ trên hai bàn tay ấy hết sức tục tũ, hành động mắt lịch sự này làm cho người nghe vừa bực vừa xấu hổ. Vì thế, người nói định ngăn cấm cử chỉ của người nghe, dùng phát ngôn mắng mỏ “Đồ mắt dạy!” để thể hiện sự bực dọc trong lòng mình, hy vọng lời nói nặng này có thể giúp người nghe ý thức đến sự sai lầm của mình. Hai người giao tiếp là bạn thân của nhau, có vị thế xã hội bằng nhau, khi người nói nêu phát ngôn chỉ suy nghĩ đến việc giữ thể diện của mình, vì trong óc người nói nghĩ là: người có tội không cần giữ thể diện. Phát ngôn này biểu hiện hành động ngăn cấm, với lực ngôn trung mạnh. Ngôn của câu 59) là trong xã hội ngày xưa, hồi đó phụ nữ có vị thế xã hội thấp, có vị thế gia đình cũng thấp, mặc dù người phụ nữ ấy đã kiếm tiền nuôi dưỡng cả nhà. Khi người nói (vợ) biết được người nghe (chồng) lấy tiền trong nhà đi hút thuốc và mua nhiều thuốc phiện, không chịu đựng được sự thất vọng và bực bội trong lòng, thì bàn với người nghe, dùng phát ngôn “Tiền đâu mà có thế?” để vạch rõ hành động trộm cắp tiền đi hút thuốc và mua thuốc phiện của người nghe. Phát ngôn của lời nói có ý quả trách hành động xấu của người nghe, đích ngôn trung là khuyên người nghe đừng lấy tiền mua thuốc phiện nữa. Chính vì phụ nữ hồi xưa khổ, khổ đến mức bực mà cũng không dám mắng chồng, chỉ có thể bằng cách phàn nàn, quả trách chồng và biểu lộ sự gian nan của mình, để dành được sự thông cảm của chồng, khuyên chồng bỏ đi những thói quen xấu. Vì thế, PNCKGT này với lực ngôn trung không mạnh, không có tính áp đặt, giữ thể diện của người nghe tối đa.

Theo ngữ liệu của luận án, nhóm PNCKGT này có 41 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 2.61:

Bảng 2.61: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.8

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Cấm	9	21,95%
Giục	1	2,44%
Ngăn	9	21,95%
Yêu cầu	16	39,02%
Khuyên	5	12,20%
Xin	1	2,44%

Như vậy, phát ngôn thuộc nhóm này được sử dụng để biểu hiện những HĐCK với các mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.62:

Bảng 2.62: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.8

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	35	85,37%
Mức cầu khiến trung bình	5	12,19%
Mức cầu cao	1	2,44%

Trong 41 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.63:

Bảng 2.63: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.8

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	6	14,63%
Trần thuật	12	29,27%
Cảm thán	23	56,10%

Trong mục này, chúng tôi đã đề cập đến, nhóm PNCKGT này là những lời mang sắc thái mắng mỏ, chỉ trách hoặc phê bình, bản thân chúng thì đã với ngữ điệu mạnh, cho nên những ý nghĩa cầu khiến được biểu hiện qua chúng cũng thế, đa số là những PNCK với lực ngôn trung mạnh mẽ. Về hình thức của phát ngôn, thì hình thức cảm thán chiếm rất nhiều.

2.4.3.9. Biểu lộ sắc thái xoi mói, châm biếm hoặc nói mát

Phát ngôn mang sắc thái châm biếm, trêu ghẹo, chê cười hoặc nói mát thông thường là những phát ngôn mất lịch sự, không lương thiện với người ta. Trong một số trường hợp, những phát ngôn mất lịch sự này cũng có thể gánh vai đặc biệt – cầu khiến gián tiếp người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó. Tất nhiên, PNCKGT này dễ làm cho người nghe thấy không vui, cho nên luôn bị người nghe cứ mặc kệ hoặc từ chối trực tiếp. Chẳng hạn:

60) Bà bảo là “Úi, mười rưỡi cơ mà!”

Tôi bảo: “Mười rưỡi tao đã ăn rồi. Sang nhà tao ăn đi thôi.”

(Người nghe im.)

(Khẩu ngữ)

61) Chị Pha bĩu môi:

- Nếu học dễ như thế, thì nước Nam này ai không thể ra làm quan được.

< Bước đường cùng – Nguyễn Công Hoan >

Ngôn cảnh của câu 60) là người nghe (bà) mời người nói (tôi) lên nhà ăn cơm, nhưng giờ hẹn (mười rưỡi tối) quá muộn, làm cho người nói không vui, vì ăn quá muộn sẽ ảnh hưởng tới thói quen làm việc và nghỉ ngơi bình thường của người nói. Chính vì không bằng lòng về thời gian sắp xếp này, người nói nêu phát ngôn biểu lộ tình cảm chê trách “*Mười rưỡi tao đã ăn rồi. Sang nhà tao ăn đi thôi.*”. Phát ngôn trong ngôn cảnh này mang sắc thái châm biếm, còn nhằm mục đích yêu cầu người nghe điều chỉnh lại giờ hẹn, hoặc lần sau hẹn sớm một chút. Vì hai người giao tiếp quá quen thuộc, cho nên khi trao đổi mới dùng ngôn từ tùy tiện thế. Phát ngôn của người nói biểu hiện hành động yêu cầu, mang tính áp đặt. Còn câu 61) được xảy ra trong đối thoại giữa vợ chồng Pha. Trong thời kì gian khổ, ăn không no, ở không ổn, người nói (chị Pha) phản đối người nghe (chồng = anh Pha) lại mất tiền đi học chữ, thấy rằng học chữ vô dụng lại mất tiền mất công. Cho nên, người nói mới có hành động “bĩu môi” và “nêu phát ngôn châm biếm và xoi mói chồng”. Phát ngôn của người nói mang sắc thái châm biếm, ý nghĩa hiển nhiên là “Học chữ quốc âm cũng không dễ, nếu dễ thế thì ở Việt Nam ai cũng có thể làm quan.”, ý nghĩa hàm chứa trong phát ngôn thì là “Học chữ không dễ, học được chữ cũng không nhất định làm

quan được, đừng phí công lại mất tiền.”. Vì người nói là vợ, trong nhà nên tòng phu, khi nêu ra ý kiến phản đối cũng không thể với lực ngôn ngữ quá mạnh. Vì thế, phát ngôn thể hiện ý kiến phản đối của người nói này cũng có vai trò biểu hiện hành động khuyên nhủ, khuyên người nghe đừng mất nhiều tiền và thì giờ vào việc học chữ, nhưng mang chút xiu tính ép buộc.

PNCKGT thuộc nhóm này rất ít, xét theo ngữ liệu của luận án, chỉ có 5 phiếu thôi. Về trường hợp của chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK, như bảng 2.64:

Bảng 2.64: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 2.4.3.9

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Yêu cầu	1	20,00%
Khuyên	3	60,00%
Xin	1	20,00%

Như vậy, nhóm phát ngôn này được sử dụng biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 2.65:

Bảng 2.65: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 2.4.3.9

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	20,00%
Mức cầu khiến trung bình	3	60,00%
Mức cầu cao	1	20,00%

Trong 5 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 2.66:

Bảng 2.66: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 2.4.3.9

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	1	20,00%
Trần thuật	2	40,00%
Cảm thán	2	40,00%

Trong ngữ liệu của luận án, tổng cộng có 698 PNCKGT tiếng Việt. Luận án đã miêu tả và tìm hiểu đặc điểm và quy luật hoạt động của chúng. Dựa vào bảng phân loại mức độ cầu khiến của tác giả Đào Thanh Lan trong mục 2.2 của chương 2,

698 PNCKGT tiếng Việt này, có dạng phân bố như bảng 2.67:

Bảng 2.67: Sự thể hiện hình thức và mức độ cầu khiến trong PNCKGT tiếng Việt

Hình thức	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi – cầu khiến (311)	Mức khiến cao	106	34,08%
	Mức cầu khiến trung bình	112	36,01%
	Mức cầu cao	93	29,90%
Trần thuật – cầu khiến (267)	Mức khiến cao	79	29,59%
	Mức cầu khiến trung bình	118	44,19%
	Mức cầu cao	70	26,22%
Cảm thán – cầu khiến (120)	Mức khiến cao	67	55,83%
	Mức cầu khiến trung bình	33	27,50%
	Mức cầu cao	20	16,67%

Trong PNCKGT tiếng Việt, phát ngôn hỏi – cầu khiến có tần số sử dụng cao nhất, tiếp đó là phát ngôn trần thuật – cầu khiến, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có tần số sử dụng thấp nhất.

2.5 Tiểu kết:

Sau khi thu thập và phân loại PNCKGT trong tiếng Việt, chúng tôi đã miêu tả và phân tích chúng từ bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và có những nhận xét sau:

1) Dựa vào nguyên lý phân loại hành động ngôn từ gián tiếp của Searl, chúng tôi phân chia PNCKGT tiếng Việt thành hai nhóm lớn: PNCKGT quy ước và PNCKGT phi quy ước. Về hình thức, PNCKGT tiếng Việt có ba hình thức như: *hỏi – cầu khiến*, *trần thuật – cầu khiến*, *cảm thán – cầu khiến*, kể cả trong nhóm PNCKGT quy ước và nhóm PNCKGT phi quy ước.

2) Xét từ kết quả thống kê ở phần cuối chương 2, chúng tôi có nhận xét sau:

Về số phiếu sử dụng các hình thức PNCKGT tiếng Việt, phát ngôn với hình

thức hỏi được sử dụng nhiều nhất (311 phiếu), gấp 2,5 lần so với phát ngôn cảm thán – cầu khiến (120 phiếu).

Về tần số sử dụng các nhóm PNCK với mức cầu khiến khác nhau, PNCKGT với mức cầu khiến trung bình được sử dụng nhiều nhất (252/698 phiếu, 36,10%), còn PNCKGT với mức khiến cao được sử dụng ít nhất (184/698 phiếu.)

Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến, trường hợp có mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất (112/698 phiếu, 36,01%), phát ngôn hỏi với lực ngôn vừa phải nhiều hơn. Trong nhóm phát ngôn trần thuật – cầu khiến, trường hợp có mức khiến cao chiếm nhiều nhất (118/698 phiếu, 44,19%), với lực ngôn trung vừa phải. Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến, trường hợp có mức khiến cao chiếm nhiều nhất (67/698 phiếu, 55,83%), với lực ngôn trung mạnh.

Chương 3: KHẢO SÁT PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG HÁN

Luận án thu thập, phân loại, phân tích và đưa ra nhận xét về các tiểu loại PNCKGT trong tiếng Hán. Chúng tôi thu thập được 842 PNCKGT tiếng Hán. Trong đó, PNCKGT quy ước có 414 phiếu, PNCKGT phi quy ước có 428 phiếu. Trong mục 3.3 và 3.4, chúng tôi sẽ phân loại các dạng thức PNCKGT tiếng Hán, và lấy một số ví dụ để miêu tả, phân tích kỹ các kiểu loại PNCK từng loại.

3.1. Hình thức của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Hán

Cũng là dựa vào *thuyết hành động ngôn từ gián tiếp (indirect speech act)* của Searl, chúng tôi cho rằng: Trong tiếng Hán, PNCKGT cũng có thể chia thành PNCKGT *quy ước* và PNCKGT *phi quy ước*.

Trong tiếng Hán, PNCKGT *có quy ước* được chúng tôi phân loại theo tiêu chí hình thức – cú pháp, chúng luôn có cấu trúc hoặc dạng thức tiêu biểu như: “要不……? (Hay là + P?)”, “可不可以……? (có thể + P?)”, “怎么+ V ……? (Sao/sao lại + p?)”, “我想……(Tôi/D1 muốn...)", “V.!”... Dựa vào ngôn cảnh và những cấu trúc tiêu biểu ấy, người nghe dễ nhận diện được ý nghĩa cầu khiến hàm ẩn trong phát ngôn.

Còn PNCKGT *phi quy ước* thì không chứa những cấu trúc hoặc dạng thức tiêu biểu ấy, khi người nghe nhận diện ý nghĩa cầu khiến được hàm ẩn trong phát ngôn, phải dựa vào nhiều nhân tố trong ngôn cảnh, thậm chí phải dự đoán tâm lý của người nói, mới hiểu đúng được ý muốn cụ thể của người nói. Trong tiếng Hán, khi thao tác suy ý ý nghĩa trong PNCKGT *phi quy ước* thông thường là khó hơn nhận diện những PNCKGT *quy ước*.

Bàn về hình thức của câu, PNCKGT trong tiếng Hán cũng được thể hiện qua hình thức hỏi, trần thuật hoặc cảm thán, kể cả kiểu PNCKGT *có quy ước* và PNCKGT *phi quy ước*.

Trong tiếng Hán, PNCKGT *có quy ước* được thể hiện qua hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán, có những câu ví dụ tiêu biểu như sau.

Lưu ý: những phần nội dung trong dấu ngoặc là phần ngôn cảnh, phát ngôn được in nghiêng mới là PNCKGT được luận án nêu ví dụ.

62) “看什么? (有什么好看的? 都回去上班!)”

“Xem cái gì? (Có gì hay ho mà xem chứ? Về phòng làm việc đi.)”

《蛙》 - 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: cảm người nghe xem tiếp.

63) 他答: “去, 我希望你也能去。 (他们谈他们的生意, 咱们可以聊聊天。)”

欧阳兰兰说: “行。要我去接你吗?”

Anh nói: “Đến, hy vọng em cũng đến, (bọn họ nói chuyện làm ăn còn chúng ta thì nói chuyện phiếm.)” Âu Dương Lan Lan nói: “Được. Anh có cần em đến đón không?”

《永不瞑目》 - 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Mời người nghe đi cùng.

64) (闯红灯)

- 挨罚!

(Vượt đèn đỏ)

- Bị phạt!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn người nghe vượt đèn đỏ.

Còn trong nhóm PNCKGT phi quy ước, các hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán lại có những câu ví dụ tiêu biểu như sau:

65) – (我今天出门忘了带钱包。) 你们还在教室吗?

- 在的, 我们有带钱包, 可以送钱去给你。

- (Hôm nay cô quên ví ở nhà.) Các em còn ở trong lớp không?

- Vâng ạ, cô. Chúng em có mang ví, có thể đưa tiền cho cô.

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe đưa tiền cho.

66) 妈妈, 何昊泽老追着我。

- 宝贝, 乖。弟弟只是想跟你玩。

- Me ơi, Hà Hao Trach cứ đuổi theo con mãi.

- Con ơi, ngoan đã nào. Em trai chỉ là muốn chơi với con thôi. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe ngăn chặn hành động đuổi theo của em trai họ.

67) - 我电脑又开不了机了!

- 你按开机键啊!

- Máy tính của tôi lại không mở được!

- Bạn cứ bấm start đi!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe hướng dẫn mình xử lý vấn đề hoặc giúp mình tận tay.

Xét từ tư liệu của luận án, số lượng PNCKGT có quy ước ít hơn PNCKGT phi quy ước. Và so với phát ngôn trần thuật – cầu khiến và cảm thán – cầu khiến, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức đa dạng hơn, được người ta sử dụng nhiều hơn. Tình huống này trong tiếng Việt cũng như vậy, chúng tôi đã trình bày kết luận này trong chương 2.

Trong phần sau, luận án sẽ miêu tả và phân tích các dạng thức hỏi – cầu khiến, trần thuật – cầu khiến, cảm thán – cầu khiến trong tiếng Hán, kể cả trong nhóm PNCKGT có quy ước và nhóm PNCK phi quy ước.

3.2. Ý nghĩa và mức độ cầu khiến của các loại hành động cầu khiến gián tiếp

Trong “Từ điển Hán ngữ hiện đại”, có thể tìm được nhiều từ vựng mang ý nghĩa cầu khiến như: 命令(mệnh lệnh/ra lệnh), 禁止(cấm đoán), 建议(đề nghị), 劝告(khuyến cáo), 请求(xin/xin phép), 恳求(khẩn cầu)... Những HĐCK này có thể biểu hiện qua cách trực tiếp (cầu khiến trực tiếp), cũng có thể biểu hiện qua hình thức hỏi, trần thuật hoặc cảm thán (cầu khiến gián tiếp). Học giả Trung Quốc 赵微 (Triệu Vi) từng trình bày và miêu tả một số động từ tiếng Hán với ý nghĩa cầu khiến trong “Từ điển Hán ngữ hiện đại” và “Từ điển cách sử dụng động từ trong Hán ngữ”, cụ thể là như sau:

哀求 van nài, 倡议 kêu gọi, 建议 kiến nghị, 禁止 cấm đoán, 盼望 trông mong
期待 mong đợi, 期望 kỳ vọng, 祈求 khẩn cầu, 乞求 chờ mong, 期盼 mong mỏi
企盼 mong đợi, 企求 cầu khẩn, 请求 xin phép, 申请 xin, 提议 đề nghị, 希望 hy
vọng, 希图 muốn, 希冀 mong muốn, 允许 cho, 准许 cho phép, 许可 cho phép,
特许 đặc biệt cho phép, 央求 van nài, 央告 van xin, 要求 yêu cầu, 应允 đáp ứng

允准 chuẩn lệnh, 反对 phản đối, 拒绝 từ chối, 抗议 kháng nghị, 支持 ủng hộ
命令 mệnh lệnh, 叫 gọi, 请 mời, 求 cầu, 让 để [56, tr.61]

Vì thế, về ý nghĩa, *cầu khiến* trong tiếng Hán có thể được hiểu là “yêu cầu người nghe làm chuyện gì đó, hoặc ngăn chặn người nghe làm chuyện gì đó”. Về lực ngôn ngữ của các loại HĐCK, có thể với lực ngôn ngữ mạnh và mức khiến cao như: 禁止(cấm đoán), 命令(mệnh lệnh), 要求(yêu cầu) ... Hoặc là với mức cầu khiến vừa phải như: 提议(đề nghị), 准许(cho phép), 劝(khuyên). Cũng có thể với mức cầu cao như: 请求(xin phép), 哀求(Van nài), 邀请(mời mọc) ... Luận án căn cứ vào tư tưởng phân loại mức độ cầu khiến của các HĐCK của học giả Việt Nam Đào Thanh Lan (Ở mục 2.2 của chương 2 có đề cập đến), xin làm bảng phân loại các HĐCK tiếng Hán như bảng 3.1:

Bảng 3.1 Ý nghĩa và mức độ cầu khiến trong tiếng Hán

TT	HĐCK	Mức độ cầu khiến	Nội dung lệnh
1	命令 Mệnh lệnh/ra lệnh	Khiến cao nhất	Làm
2	禁止 Cấm/cấm đoán	Khiến cao nhất	Không làm
3	特许 Đặc biệt cho phép	Khiến cao	Làm
4	准许/许可/允准 Cho/cho phép/chuẩn lệnh	Khiến cao	Làm
5	阻拦/阻止 Ngăn/ngăn chặn	Khiến cao	Không làm
6	要求 Yêu cầu	Khiến cao	Làm
7	差遣 Khiến	Khiến cao	Làm
8	建议/提议 Đề nghị	Khiến trung bình, cầu thấp	Làm
9	吩咐/嘱咐 Dặn	Khiến thấp, cầu thấp	Làm
10	劝 / 劝说 / 劝告 Khuyên/khuyên nhủ	Khiến thấp	Làm/không làm
11	约/邀约 Rủ	Cầu thấp	Làm
12	请/邀请 Mời/mời mọc	Cầu trung bình	Làm

13	托/劳驾 Nhờ	Cầu cao	Làm
14	请求/申请 Xin/xin phép	Cầu cao	Làm
15	求 / 请求 / 恳求 Cầu/thỉnh cần/khẩn cầu	Cầu rất cao	Làm
16	央求/央告 Van nài/van xin	Cầu rất cao	Làm
17	哀求/乞求 Lạy	Cầu cao nhất	Làm

Vì vậy, các HĐCK trong tiếng Hán cũng được luận án phân chia thành ba nhóm theo mức cầu khiến từ cao đến thấp. Những HĐCK như 命令(mệnh lệnh), 禁止(cấm đoán), 劝阻(ngăn chặn) ... có tính áp đặt cao, thuộc nhóm HĐCK với mức khiến cao. Những HĐCK như 提议(đề nghị), 劝说(khuyên nhủ) thì vừa có tính cầu vừa có tính khiến, thuộc nhóm hành động với mức cầu khiến trung bình. Còn những hành động 邀请(mời mọc), 邀约(rủ), 请求(thỉnh cầu/xin phép) hầu hết không có tính áp đặt, thuộc nhóm hành động với mức cầu cao. Cầu khiến trực tiếp là tiền đề của cầu khiến gián tiếp, cách phân loại mức độ cầu khiến này tương ứng với cầu khiến gián tiếp.

Trong mục 3.3 và 3.4 của chương này, luận án sẽ phân loại, miêu tả và phân tích các dạng thức của PNCKGT tiếng Hán, giải thích kỹ các ngữ liệu từ vĩ độ cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và mức độ cầu khiến của chúng.

3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước trong tiếng Hán

Như trong mục 3.1 đã đề cập đến, PNCKGT với những đặc trưng cấu trúc hoặc dạng thức mang ý nghĩa cầu khiến, chẳng hạn như: “.....好吗? /好不好? (được không / có được không?)”, “D1 想/要/希望 + P (v.)。 (D1 muốn / hy vọng+ P (v.))”, “ V. +着!(V.!) ”... Khi chúng tôi nhận diện và thao tác suy ý ý nghĩa cầu khiến trong nhóm phát ngôn này tương đối dễ, vì hiểu đúng ý nghĩa cầu khiến của chúng không cần dựa vào ngôn cảnh quá nhiều, đơn giản hơn suy ý PNCKGT phi quy ước.

Trong ngữ liệu của luận án, PNCKGT quy ước tiếng Hán có 414 phiếu. Dựa vào cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa, luận án lại phân chia chúng thành 23 tiểu loại.

Trong đó, phát ngôn hỏi – cầu khiến có 18 tiểu loại, tổng cộng có 353 phiếu. Phát ngôn trần thuật – cầu khiến có 2 tiểu loại, có 33 phiếu. Phát ngôn cảm thán – cầu khiến có 3 tiểu loại, có 24 phiếu.

3.3.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi

Trong tiếng Hán, đích cầu khiến trong phát ngôn có thể nhờ biểu thức hỏi để nêu ra mục đích cầu khiến của mình một cách gián tiếp, đây chính là phát ngôn hỏi – cầu khiến. Có một số cấu trúc hỏi tiêu biểu mang ý nghĩa cầu khiến như: “.....好吗? / 好不好? (được không / có được không?)”, “能不能/可不可以? (có thể ... không?)”. Sau đây, luận án sẽ miêu tả, phân tích các biểu thức điển hình với hình thức phát ngôn hỏi – cầu khiến trong tiếng Hán.

3.3.1.1. Dạng thức “V.(P) + 吗? / 不? ” (V.(P) + không / chẳng ?)

Từ “吗” trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” (2020) được cắt nghĩa như vậy: “Trợ từ đặt ở cuối câu, biểu hiện ngữ khí nghi vấn.” [45, tr.693] Còn từ “不” trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” được cắt nghĩa là: “Đặt ở cuối câu biểu thị ý nghĩa nghi vấn, có vai trò tương tự với câu hỏi lặp lại.”. [45, tr.80]. Cấu trúc “V.(P) + 吗? / 不” là hình thức hỏi, trong một số ngôn cảnh nhất định, chúng cũng có thể biểu hiện ý nghĩa cầu khiến một cách gián tiếp. Ví dụ:

68) – 龙姐, 明天下午咱们去游泳吗?

- 去呀!

– Cô Long ơi, chiều mai đi bơi không a?

– Đi chứ!

(Khẩu ngữ)

Trong câu 1), người nói (sinh viên) nêu phát ngôn hỏi này với người nghe (cô giáo), để nêu ra ý muốn của mình. Người nghe khi thao tác suy ý ý nghĩa cầu khiến được chứa ẩn trong phát ngôn, rút ra phần “V.(p)” trước từ “吗” mang ý nghĩa hỏi dò, thì có thể hiểu đúng được ý muốn của người nói – 明天下午咱们去游泳(chiều mai đi bơi). Người nói là sinh viên của người nghe, có vị thế xã hội thấp hơn người nói. Khi rủ cô giáo đi bơi qua cách hỏi dò và thương lượng, để thể hiện lịch sự, giảm tối thiểu thiệt hại lợi ích của người nghe. Phát ngôn hỏi – cầu khiến này biểu

hiện hành động rủ, là một cầu khiến đồng hướng.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “V.(p) + 吗? / 不?” có 14 phiếu. Trường hợp biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.2:

Bảng 3.2: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
约/邀约 Rủ	4	28,57%
请/邀请 Mời	8	57,14%
请/请求 Xin/ Xin phép	2	14,29%

Xét từ cách phân loại các HĐCK theo mức độ cầu khiến ở mục 3.2 của chương này, thì phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “V.(p) + 吗? / 不?” biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau có dạng thức phân bố như bảng 3.3:

Bảng 3.3: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	14	100%

Có thể thấy, đa số phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “.....好吗? / 好不好?” biểu hiện những HĐCK với mức cầu khiến trung bình hoặc mức cầu cao, ít có tính áp đặt.

3.3.1.2. Dạng thức “.....好吗? / 好不好?” (... được không/ có được không?)

Từ “好吗” và “好不好” đặt ở cuối câu có nghĩa hỏi dò ý kiến của người nghe, biểu hiện hành động hỏi. Vì thế, phát ngôn có cấu trúc “.....好吗? / 好不好?” là những lời hỏi. Trong trường hợp nói nghe nêu ra một lời nói hoặc cụm động từ mang ý nghĩa cầu khiến đặt trước từ “好吗” hoặc “好不好” luôn có ý hy vọng người nghe thực hiện hành động theo ý muốn của mình. Chẳng hạn:

69) “(象棋? 你们男生那边有带象棋来?) 那等一下你把象棋拿到女生房间玩好不好?”沈佳仪有些惊讶, 似乎也会玩象棋。

“(Cờ tướng? Bọn con trai các cậu mang cờ tướng đến à?) Thế lát nữa cậu

mang bàn cờ sang phòng con gái chơi được không?” Thẩm Giai Nghi thoáng ngạc nhiên, nghe giọng có vẻ cũng biết chơi tướng.

《那些年我们一起追过的女孩》-九把刀 (“Cô gái năm ấy chúng tôi cùng theo đuổi” - Cửu Bả Đao

Câu 69) là một phát ngôn hỏi có dạng thức “.....好不好?”. Khi thao tác suy ý phát ngôn của người nói (Thẩm Giai Nghi), người nghe (Kha Cảnh Đằng) chỉ cần lưu ý phần nội dung đặt trước cấu trúc mang ý nghĩa hỏi dò “好不好?”, thì biết được ý muốn của người nói là “你把象棋拿到女生房间玩(cậu mang bàn cờ sang phòng con gái chơi)”. Khi dịch sang tiếng Việt, dùng đại từ nhân xưng thứ hai dùng từ xưng hô “cậu”, có vai trò chứng tỏ được hai người giao tiếp rất quen thuộc, cho nên phát ngôn hỏi ở đây biểu hiện hành động rủ với mức cầu cao, không mang sắc thái ép buộc, có thể giữ được thể diện của người nghe.

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 61 phiếu. Trường hợp để biểu các hiện HĐCK khác nhau như bảng 3.4:

Bảng 3.4: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	2	3,28%
催促 Giục	1	1,64%
阻拦/阻止 Ngăn	4	6,56%
要求 Yêu cầu	3	4,92%
建议/提议 Đề nghị	7	11,48%
吩咐/嘱咐 Dặn	4	6,56%
劝/劝慰 Khuyên	12	19,67%
邀/邀约 Rủ	6	9,83%
托/劳驾 Nhờ	6	9,83%
请求/申请 Xin/xin phép	9	14,75%
求/恳求 Cầu/Khẩn cầu	3	4,92%

央求 Van xin/Van nài	4	6,56%
--------------------	---	-------

Nếu xét từ kết quả phân nhóm các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2 ở chương này, các phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “.....好吗? / 好不好?” biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.5:

Bảng 3.5: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	10	16,39%
Mức cầu khiến trung bình	23	37,70%
Mức cầu cao	28	45,91%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình hoặc mức cầu cao với tỷ lệ 82,60%, ít mang tính áp đặt.

3.3.1.3. Dạng thức “.....行吗/行不行?” / “.....成吗/成不/成不成?” (... được không/ có được không?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “行” có nghĩa là: “có thể”, tức là có khả năng làm chuyện gì đó. [45, tr.1181]. Còn từ “成” cũng có nghĩa gần với từ “行”, được cắt nghĩa là: “có thể”. [45, 2020, tr.586] Vì thế, cấu trúc “.....行吗/行不行?” / “.....成吗/成不/成不成?” được đặt ở cuối câu là những cấu trúc mang ý nghĩa hỏi dò, hỏi về người nghe có khả năng làm chuyện gì đó không. Chẳng hạn:

70) “喂?” 我的声音不争气地抖着。

“在上班?”

“.....我们把这些对话省掉成吗?”

"A lô?". Giọng tôi run rẩy, ù ù xì.

"Đang đi làm à?".

"... Chúng ta có thể bỏ qua mấy lời này được không?"

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

71) 他站起来, 想把卧室和客厅之间的门关上, 但文燕在黑暗中说: “别关

门, 行吗? ”

Anh đứng lên định đóng cửa phòng ngủ, bỗng nghe tiếng Văn Yên thì thầm trong bóng tối:

*- Đừng đóng cửa!

《永不瞑目》 - 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

(Bản dịch này không đúng, chúng tôi xin chỉnh lại thành: “Đừng đóng cửa, có được không?”.)

Trong ngôn cảnh của câu 70), người nói (tôi) bị thất tình vì người yêu (người nghe) ngoại tình, cho nên khi nghe điện thoại được gọi từ người nghe lại sinh ra tâm trạng chán ghét. Cả phát ngôn của người nói nên được chia thành hai phần: phần câu trần thuật “我们把这些对话省掉 (Chúng ta có thể bỏ qua mấy lời này)” và phần cấu trúc mang ý nghĩa hỏi dò “成吗?(được không?)”. Khi người nghe nhận diện ý nghĩa trong phát ngôn, tách ra phần biểu ý nghĩa hỏi dò “成吗?”, thì hiểu được ý muốn của người nói là “bỏ qua mấy lời hàn huyên lại vô dụng”, cũng có thể cảm nhận được sự sốt ruột của người nói. Phát ngôn này biểu hiện hành động ngăn chặn, mang tính khiêu cao. Trong câu 71), khi thao tác ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn hỏi này, người nghe chỉ cần lưu ý lại phần nội dung đặt trước cấu trúc hỏi “行吗?”, biết hiểu đúng được nội dung cầu khiến là “hy vọng người nghe giữ lại cửa”. Trong ngôn cảnh này, người nghe (anh Tiêu Đồng) định ngủ ở phòng khách, muốn đóng cửa giữa phòng khách và phòng ngủ. Nhưng người nói (Văn Yên) sợ tối, lại càng sợ mất người nghe nữa, thì nêu ra phát ngôn hỏi – cầu khiến này, nhằm mục đích lạy người nghe giữ lại cửa, cũng như đừng rời mình mà đi. Trong ngôn ngữ gốc, lực ngôn trung trong phát ngôn với tính cầu rất cao.

Trong tư liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 26 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện những HĐCK như bảng 3.6:

Bảng 3.6: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	3,85%

阻拦/阻止 Ngăn	5	19,23%
要求 Yêu cầu	2	7,69%
建议/提议 Đề nghị	3	11,53%
托/劳驾 Nhờ	2	7,69%
请求/申请 Xin/xin phép	11	42,31%
求/恳求 Cầu/Khẩn cầu	1	3,85%
哀求 Lạy	1	3,85%

Xét từ kết quả phân nhóm các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2, chúng lại có dạng thức phân bố như bảng 3.7:

Bảng 3.7: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	30,77%
Mức cầu khiến trung bình	3	11,54%
Mức cầu cao	15	57,69%

Kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này được dùng để biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao khá nhiều, chiếm 30,77%. Nhưng trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao là nhiều nhất, chiếm 57,69%. Cho nên lực ngôn trung của nhóm phát ngôn này cũng có hai khuynh hướng lớn, hoặc là rất mạnh, hoặc là nhẹ nhàng.

3.3.1.4. Dạng thức “能.....吗?” (có thể ... không? / ...được không?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “能” có nghĩa là: “Biểu thị người có khả năng làm chuyện gì đó hoặc khéo làm chuyện gì đó.”, hoặc “Biểu thị sự kiện nào đó có thể thực hiện được.” [45, 2020, tr.752]. Từ “能” kết hợp với trợ từ “吗”, tạo thành cấu trúc “能.....吗?” biểu thị ý nghĩa nghi vấn, và cấu trúc này với nghĩa hỏi người nghe có thể thực hiện hành động gì đó không, hoặc sự kiện gì có thể thực hiện theo ý muốn của người nói hay không. Ví dụ:

72) 我说: “我现在就住在蓝公子家里。”

他说：“(欣欣你别这样), 你能回来吗?”

- Em đang ở nhà Lam công tử đây này.

*- (Hân Hân, đừng thế mà,) về với anh đi!

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Gia Giai>)

(Bản dịch này không đúng, chúng tôi xin chỉnh lại thành: “Em có thể về nhà không?”)

Trong ngôn cảnh này, người nghe khi suy ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn hỏi có dạng thức “能.....吗? ”, nên lưu ý nội dung “回来(về với anh)” đặt sau từ “能”, mà trợ từ “吗” ở đây chỉ có vai trò thể hiện tâm trạng của người nói. Trước tình hình người yêu cô tình trốn đi nhà chàng trai khác, người nói rất sợ bị mất người nghe (Hân Hân), cho nên phát ngôn này thực ra là van người nghe về nhà với mình và đừng rời bỏ mình, phát ngôn của người nói không có tính áp đặt.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “能.....吗? ” có 19 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.8:

Bảng 3.8: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.4

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	5,26%
催促 Giục	1	5,26%
建议/提议 Đề nghị	1	5,26%
邀请/邀约 Rủ	2	10,53%
请 Mời	1	5,26%
托/劳驾 Nhờ	1	5,26%
请求/申请 Xin / xin phép	10	52,64%
央求 Van	2	10,53%

Xét lại những kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến trong mục này, dựa vào cách phân nhóm cách HĐCK tiếng Hán theo trong mục 3.2 của chương 3, luận án lại có

được kết quả như bảng 3.9:

Bảng 3.9: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.4

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	10,53%
Mức cầu khiến trung bình	1	5,26%
Mức cầu cao	16	84,21%

Kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này đa số là biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao, với tỷ lệ 84,21%. Tiếp đó là trường hợp biểu hiện những hành động với mức khiến cao, nhưng cũng chỉ có 2 phiếu. Có thể thấy, cấu trúc “能.....吗?” khi dùng để biểu hiện HĐCK ít trường hợp mang tính áp đặt, với sắc thái ôn hòa.

3.3.1.5. Dạng thức “可以.....吗? /..... 可以吗?” (có thể ... không? / ...được không?/ ... có được không?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “可以” được cắt nghĩa là: “Biểu thị có khả năng hoặc có năng lực.”, hoặc “Biểu thị cho phép.” [45, tr.752]. Cấu trúc hỏi “可以吗? /..... 可以吗?” trong tiếng Hán cũng có ý nghĩa là hỏi người nghe có khả năng hoặc có năng lực thực hiện hành động gì đó hay không. Trong trường hợp sử dụng những phát ngôn có cấu trúc này để biểu hiện các HĐCKGT, có những câu tiêu biểu như sau:

73) “(我想请你帮个忙, 我今年怕是回不去了, 你去南山的时候, 帮我给吧啦献上一束花。还有我妈妈的, 我妈就喜欢玫瑰。) 你替我买粉色那种玫瑰, 可以吗?”

“(Anh nhờ em giúp một chuyện. E là năm nay anh không về được, khi em đến Nam Sơn thì mang cho Ba Lạp một bó hoa giúp anh. Cả mẹ anh nữa, mẹ anh thích hoa hồng.) Em mua hộ anh hoa hồng màu hồng phấn ấy, được không?”

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

Trong câu này, phát ngôn của người nói (anh) có thể phân chia thành hai phần: một phần là cần trần thuật “你替我买粉色那种玫瑰 (Em mua hộ anh hoa hồng màu hồng phấn ấy)”, còn một phần là cấu trúc mang ý nghĩa hỏi về khả năng “可以

吗? (được không?)” . Nội dung trọng yếu nằm trong phần trước, phát ngôn hỏi của người nói biểu hiện hành động nhờ, không có tính ép buộc.

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “可以 +吗? / 可以吗?” có 22 phiếu. Chúng luôn biểu hiện những HĐCK như bảng 3.10:

Bảng 3.10: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.5

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
建议/提议 Đề nghị	2	9,09%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	4,55%
托/劳驾 Nhờ	6	27,27%
请求/申请 Xin / xin phép	11	50,00%
求 Cầu	2	9,09%

Xét lại những kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến trong mục này, và theo cách phân nhóm cách HĐCK tiếng Hán theo trong mục 3.2 ở chương 3, luận án lại có được kết quả như bảng 3.11:

Bảng 3.11: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.5

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	3	13,64%
Mức cầu cao	19	86,36%

Phát ngôn kiểu này không có phiếu nào biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, mà phần lớn (86,36%) biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao. Trong đó, trường hợp biểu hiện hành động xin/xin phép là nhiều nhất, chiếm 50%. Cho nên phát ngôn trong nhóm này cũng luôn với sắc thái nhẹ nhàng.

3.3.1.6. Dạng thức “能不能/可不可以 + P?” (có thể ... không?/...được không?)

Trong mục 3.3.1.4 và 3.3.1.5, luận án đã cắt nghĩa từ “能” và từ “可以”, hai từ này đều có nghĩa chỉ “có khả năng hoặc năng lực thực hiện hành động gì đó”, tương đương với từ “có thể” trong tiếng Việt. Dạng thức “能不能/可不可以 + P?” có

thể biểu hiện HĐCK như sau:

74) - 亮亮, 你回家的时候可不可以顺便帮我拿一下快递?

- Anh Lương ơi, khi anh về nhà có thể tiện tay lấy hộ em kiện chuyển phát nhanh không? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn này được xảy ra trong hội thoại tự nhiên giữa hai vợ chồng, là một phát ngôn hỏi – cầu khiến tiêu biểu có dạng thức “可不可以 + P?”. Khi suy ý mục đích câu khiến trong đó, người nghe (chồng) bắt được thông tin quan trọng nhất – phần “P” đặt sau cấu trúc hỏi dò “可不可以.....(có thể...)” thì dễ hiểu được ý nghĩa hàm ẩn phát ngôn là “lấy hộ em kiện chuyển phát nhanh đi”. Phát ngôn hỏi này biểu hiện hành động nhờ của người nói, không có sắc thái áp đặt, cũng thể hiện sự cố gắng về giữ thể diện của đối thoại từ người nói.

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 29 phiếu, và chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.12:

Bảng 3.12: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.6

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	3,45%
禁止 Cấm	2	6,90%
阻拦/阻止 Ngăn	2	6,90%
要求 Yêu cầu	3	10,34%
建议/提议 Đề nghị	1	3,45%
劝/劝慰 Khuyên	3	10,34%
托/劳驾 Nhờ	2	6,90%
请求/申请 Xin/xin phép	12	41,37%
求/恳求 Cầu/Khẩn cầu	2	6,90%
央求 Van xin/Van nài	1	3,45%

Xét từ kết quả phân nhóm các loại HĐCK trong tiếng Hán ở mục 3.2 của chương 3, kiểu phát ngôn hỏi - cầu khiến này được sử dụng để biểu hiện các nhóm

hành động với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.13:

Bảng 3.13: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.6

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	27,59%
Mức cầu khiến trung bình	4	13,79%
Mức cầu cao	17	58,62%

Nhóm phát ngôn này biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao với tỷ lệ cao nhất, chiếm 58,62%. Còn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao cũng không ít (27,59%). Vì thế, lực ngôn trung trong nhóm phát ngôn này có thể có trường hợp mạnh, chẳng hạn biểu hiện hành động cấm với lực ngôn trung mạnh như: “你能不能不要骂粗话，你能不能有点素质？”(Anh thôi nói mấy lời thô thiển đi được không? Anh tỏ ra có giáo dục chút được không hả?). Cũng có càng nhiều trường hợp là lực ngôn trung nhẹ nhàng, ví dụ như: “您能不能让我看看……” (Cô có thể cho cháu xem một tý không...).

3.3.1.7. Dạng thức với “要不/要不然/要不要+P? (Hay là ...? / Có cần...không?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “要不” được cắt nghĩa là: “Liên từ, biểu thị mối quan hệ lựa chọn giữa hai sự vật. Cũng có cách nói là “要不然.”. Còn từ “要” có thể biểu hiện ý nghĩa “thỉnh cầu/yêu cầu” hoặc “nhu cầu” [45, tr.1232]. Cấu trúc “要不要” cũng có ý nghĩa gần nhau như “要不/要不然”, có vai trò nêu ra nội dung đề nghị của mình, hỏi về sự lựa chọn của người nghe, nhưng thực hiện hành động theo đề nghị của người nói hay không, thì do người nghe tự quyết định. Chẳng hạn:

75) 林嘉茉惊讶地说, “这日子你都能忘! 真是念书念傻了!”

“(所以我找你), 要不你陪我去买点?”方茴拉住她。

Lâm Gia Mạt sững sốt hỏi: “Ngày này mà cậu còn quên được à! Thật đúng là học nhiều quá đầu óc lú lẫn hết rồi!”.

* “(Thế nên tớ mới đến tìm cậu,) hay cậu đi mua cùng tớ nhé?”. Phương Hồi liền kéo cô lại.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

(Bản dịch này không đúng, chúng tôi xin chỉnh lại thành: “Hay cậu đi mua cùng tớ?”).

Trong câu 75), người nói (Phuong Hồi) dùng phát ngôn “要不你陪我去买点?” (hay cậu đi mua cùng tớ?)” có cấu trúc “要不+P?”. phần “P” đã biểu hiện ý nghĩa cầu khiến cụ thể là “xin cậu đi mua quà cùng tớ”. Phát ngôn hỏi – cầu khiến biểu hiện hành động xin một cách dè dàng, và luận án cho rằng kết quả dịch có thể chỉnh sửa thành: “Hay cậu đi mua cùng tớ?” cho chính xác hơn.

Trong 31 phát ngôn hỏi – cầu khiến này, trường hợp biểu hiện những HĐCK như bảng 3.14:

Bảng 3.14: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.7

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
建议/提议 Đề nghị/kiến nghị	9	29,03%
劝/劝慰 Khuyên	8	25,81%
邀/邀约 Rủ	4	12,90%
请/邀请 Mời	7	22,58%
请求/申请 Xin/xin phép	2	6,45%
央求 Van xin/Van nài	1	3,23%

Xét từ kết quả phân nhóm các loại HĐCK trong tiếng Hán ở mục 3.2 chương 3, kiểu phát ngôn hỏi - cầu khiến này được sử dụng để biểu hiện các nhóm hành động với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.15:

Bảng 3.15: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.7

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	17	54,84%
Mức cầu cao	14	45,16%

Phát ngôn trong nhóm này, không có trường hợp nào biểu hiện HĐCK với mức khiến cao. Vì các cấu trúc “要不/要不然/要不要” có ý nghĩa biểu thị sự lựa chọn với người nghe, cho nên khi chúng biểu hiện HĐCK luôn không mang tính áp đặt.

3.3.1.8. Dạng thức “是不是+ P ? ” (Hay là / có phải...?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “是” có cách giải thích là: “Có thể sử dụng trong lời hỏi lựa chọn, phát ngôn hỏi thị phi hoặc phát ngôn hỏi ngược hướng” [45, tr.960]. Cấu trúc mang ý hỏi dò “是不是” khi đặt ở đầu câu hoặc giữa câu, có thể gánh vai nêu ý kiến của người nói, để người nghe tự quyết định cần nghe theo ý kiến của người nói hay không. Ví dụ:

76) - 你是不是够年龄找个女朋友了?

- Có phải cháu đã đến tuổi tìm người yêu rồi không? (Khẩu ngữ)

Khi người nghe (cháu) nhận diện câu hỏi của người nói để biết được, thông tin quan trọng trong phát ngôn này được đặt sau cấu trúc “是不是” – “够年龄找个女朋友了(đã đến tuổi tìm người yêu rồi)”, mà cấu trúc “是不是” ở đây chỉ biểu hiện hành động giục một cách uyên chuyên. Phát ngôn hỏi – cầu khiến ở ngôn cảnh này biểu hiện hành động giục, nhưng tiếp nhận hành động hay không thì tùy vào người nghe.

Tính từ ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 9 phiếu, và chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.16:

Bảng 3.16: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.8

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
催促 Giục	2	22,22%
要求 Yêu cầu	1	11,11%
建议/提议 Đề nghị/kiến nghị	1	11,11%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	11,11%
劝/劝慰 Khuyên	1	11,11%
请/邀请 Mời	1	11,11%
请求/申请 Xin / xin phép	2	22,22%

Nếu lại xét từ kết quả phân nhóm các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2 ở chương 3, các phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “是不是

+ *P?* ” có thể biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.17:

Bảng 3.17: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.8

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	3	33,33%
Mức cầu khiến trung bình	3	33,33%
Mức cầu cao	3	33,33%

3.3.1.9. Dạng thức “肯不肯+ *P?* , 愿意/愿不愿意+ *P?* , 想不想+ *P?* ” (có muốn ... không?)

Từ “肯” được cắt nghĩa là “Biểu thị động ý, chịu làm, vui lòng làm” trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” [45, tr.591]. Từ “愿意” thì có nghĩa là: “Cho thấy sự tình phù hợp với ý muốn của mình, cho nên đồng ý làm chuyện đó”, hoặc là “Hy vọng xảy ra tình huống gì về sự tình.” [45, tr.1310]. Còn từ “想” thì có nghĩa là: “Hy vọng hoặc định làm chuyện gì đó” [45, tr.1153]. Các cấu trúc “肯不肯”, “愿不愿意”, “想不想” chứa từ “不”, mang ý nghĩa hỏi dò, hỏi về thái độ có đồng ý làm chuyện gì đó hay không của người nghe. Chẳng hạn:

77) 两人边说边走进校门, 肖童说: “想不想去看看我的宿舍?”

Hai người vừa thả bộ vừa nói chuyện, Tiêu Đông nói:

- Chị có muốn đi thăm ký túc xá của chúng tôi không?

《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

Ngôn cảnh của câu 77) là người nghe (chị Khánh Xuân) có việc đến trường tìm người nói (em Tiêu Đông), người nói rất vui sướng và hy vọng hai người có cơ hội được gần gũi hơn. Khi nhận diện phát ngôn hỏi có dạng thức “想不想+ *P?* ” nên nếu bỏ đi cấu trúc mang ý nghĩa hỏi “想不想”, thì phát ngôn hỏi này chỉ còn lại phần chứa thông tin trọng yếu – “去看看我的宿舍 (đi thăm ký túc xá của chúng tôi)”, đây là đích ngôn trung trong phát ngôn của người nói.

Tính từ tư liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến trong nhóm này có 8

phiếu, chúng biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao như bảng 3.18:

Bảng 3.18: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.9

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
邀/邀约 Rủ	1	12,50%
请/邀请 Mời	3	37,50%
请求/申请 Xin / xin phép	3	37,50%
央求 Van xin/ Van nài	1	12,50%

Xét lại kết quả phân nhóm các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2 của chương 3, 8 phát ngôn hỏi – cầu khiến này toàn được áp dụng để biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao như bảng 3.19:

Bảng 3.19: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.9

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	8	100%

Phát ngôn thuộc nhóm này toàn biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, chúng tỏ được quan điểm: phát ngôn thuộc nhóm này thông thường với lực ngôn trung không mạnh, luôn biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao.

3.3.1.10. Dạng thức “干吗(干嘛)/干什么/为什么 + P?”(sao/ tại sao/ sao lại...?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “干吗 (干嘛)” được cắt nghĩa là từ đồng nghĩa của từ “干什么(làm gì)”. Và “干什么” lại được cắt nghĩa nghĩa là “Hỏi dò về nguyên nhân hoặc mục đích” [45, tr.338]. Còn từ “为什么” cũng được cắt nghĩa như từ “干什么”, cũng là: “Hỏi dò về nguyên nhân hoặc mục đích” [45, tr.1097]. Những từ có nghĩa hỏi về nguyên nhân hoặc mục đích khi đặt ở đầu câu, có thể cho phát ngôn đó mang ý nghĩa cầu khiến, và đa số là thông qua bác bỏ hành động của người ta, để biểu hiện HĐCK, ví dụ:

78) – 赵芬啊，依依怎么惹你生气了？干什么要这么骂小孩呢？

(发话人去安抚孩子。赵芬还在生气，但不再说什么了。)

- Triệu Phân à, bé Y Y làm gì khiến cậu tức giận thế? Sao phải mắng con bé như thế?

(Người nói đi an ủi con bé. Phân vẫn tức giận, nhưng không nói thêm gì cả).

(Khẩu ngữ)

Ngôn cảnh của câu 78) là người nghe (Triệu Phân – y tá trưởng của khoa Tim mạch) mắng con đến mức nóng nảy, vì bực quá về sự sai lầm của con gái mình - bé Y Y. Người nói (một nữ bác sĩ trong khoa) thấy cử chỉ của người nghe không thoả đáng, và thương bé Y Y, thì nên phát ngôn này để dứt lời người nghe. Phát ngôn của người nói có dạng thức “干什么+ *P*?”, cấu trúc “干什么” thể hiện sắc thái quả trách của người nói, phần “*P*” còn lại biểu hiện ý nghĩa cầu khiến của người nói – đừng mắng con như thế. Phát ngôn hỏi này biểu hiện hành động ngăn cấm, mang sắc thái quả trách, với lực ngôn trung mạnh.

Xét từ tư liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức này có 24 phiếu. Chúng luôn biểu hiện những HĐCK như bảng 3.20:

Bảng 3.20: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.10

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	4,17%
阻拦/阻止 Ngăn	9	37,50%
要求 Yêu cầu	4	16,66%
建议/提议 Đề nghị	1	4,17%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	4,17%
劝/劝慰 Khuyên	7	29,16%
请求/申请 Xin / xin phép	1	4,17%

Căn cứ vào kết quả phân nhóm các loại HĐCK trong tiếng Hán ở mục 3.2 của chương 3, kiểu phát ngôn hỏi - cầu khiến này được sử dụng để biểu hiện các nhóm hành động với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.21:

Bảng 3.21: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.10

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	14	58,33%
Mức cầu khiến trung bình	9	37,50%
Mức cầu cao	1	4,17%

Mặc dù phát ngôn trong nhóm này đa số là thông qua bác bỏ hành động của người nghe để thực hiện HĐCK, nhưng xét từ kết quả thống kê trên, cũng có nhiều trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình như khuyên, dặn. Như vậy, lực ngôn trung của nhóm phát ngôn này có thể rất mạnh, mà trường hợp với lực ngôn trung vừa phải cũng không ít.

3.3.1.11. Dạng thức “V. + 什么/干什么?” (V. + gì / cái gì / làm gì?)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “什么” được cắt nghĩa là: “Đại từ nghi vấn, biểu hiện ý nghĩa nghi vấn”. [45, tr.931]. Từ “干什么 (làm gì)” khi dùng trong kiểu phát ngôn hỏi của nhóm này, là từ gần nghĩa với từ “什么”, có nghĩa là: “Hỏi dò về nguyên nhân hoặc mục đích)” [45, tr.338]. Trường hợp trong câu hỏi, hai từ “什么” và “干什么” đặt sau động từ, hoặc cụm động từ, hoặc là lời nói biểu hiện một vài động tác, có nghĩa là bác bỏ hành động hoặc ý kiến của người ta, và sự phản đối ấy được thể hiện qua hình thức hỏi. Chẳng hạn:

79) - 雷医生，49号床病人血压又增高了。

- 喊什么呀? (我还正在开医嘱。)

- Bác sĩ Lôi, bệnh nhân ở giường số 49 huyết áp lại tăng .

- Kêu gì? (Tôi còn đang viết đơn thuốc cơ.) (Khẩu ngữ)

Trong hội thoại này, người nghe (y tá) khi thấy tình trạng sức khoẻ của bệnh nhân có chút thay đổi, thì hoang mang và to tiếng gọi người nói (bác sĩ Lôi), làm cho bác sĩ không vui, đồng thời ảnh hưởng đến các bệnh nhân khác trong khoa. Phát ngôn “喊什么呀? (Kêu gì?)” có dạng thức “V. + 什么?”, nhằm mục đích khiến người nghe im lặng, bác sĩ đã biết tình hình và sẽ khám cho bệnh nhân, không cần phải giục và kêu to lại lần nữa. Cho nên phát ngôn này biểu hiện hành động ngăn của người nói, ngăn chặn người nghe lại kêu to tiếng, với lực ngôn trung mạnh.

Tính từ tự liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này có 36 phiếu, chúng luôn biểu hiện những HĐCK sau như bảng 3.22:

Bảng 3.22: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.11

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	2,78%
禁止 Cấm	6	16,67%
催促 Giục	1	2,78%
阻拦/阻止 Ngăn	14	38,89%
要求 Yêu cầu	3	8,33%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	2,78%
劝/劝慰 Khuyên	10	27,77%

Xét từ mức độ cầu khiến từ cao đến thấp trong tiếng Hán, phát ngôn - hỏi cầu khiến biểu hiện các nhóm hành động như bảng 3.23:

Bảng 3.23: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.11

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	25	69,44%
Mức cầu khiến trung bình	11	30,56%
Mức cầu cao	0	0%

Phát ngôn thuộc nhóm này luôn có ý phản đối hành động của người ta, thậm chí mang sắc thái quả trách, phê bình, cho nên chúng biểu hiện những HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn, còn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là 0 phiếu.

3.3.1.12. Dạng thức “*怎么 + P ?*” (*sao/ sao lại/ tại sao ...?*)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “*怎么*” được cắt nghĩa là: “Là đại từ nghi vấn, với nghĩa hỏi về tính chất, trạng thái, phương thức, nguyên nhân về sự tình”, hoặc là “Đặt ở đầu câu, biểu thị sự ngạc nhiên.” [45, tr. 1331]. Trong khẩu ngữ, từ “*怎么*” còn được nói là “*怎的*”. [45, tr. 1331]. Phát ngôn có dạng thức “*怎么 + P ?*” có nghĩa là hỏi về nguyên nhân, và biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, tiếp đó biểu hiện mục đích cầu khiến của người nói, thông thường với lực ngôn trung hơi mạnh. Khi đặt từ “*不 (không)*” với ý nghĩa phủ định sau từ “*怎么*”, thì trở thành

dạng thức “**怎么不+ P?**”, dùng hình thức phủ định để biểu hiện ý kiến khẳng định của người nói. Ví dụ:

80) - 新娘子都进门了, 你怎么还蹲在这里烧水?

- (Cô dâu đã đến rồi đấy!) Sao anh còn ngồi đây để đun nước?

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

81) 张晓华微笑着说, “贝贝, 怎么不给方茴拿冰棍吃?”

Bà Trương Hiểu Hoa liền mỉm cười nói: “Bối Bối, sao không lấy kem mời Phương Hồi ăn con?”.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

Trong câu 80), đến ngày lễ cưới, người nghe (anh Vạn Tiểu Bảo) vẫn làm việc nhà giúp gia đình như thường, dường như đã quên mất hôm nay là ngày quan trọng nhất trong đời mình. Khi cô dâu đến gần cửa nhà, người nói (người thân của Vạn Tiểu Bảo) mới phát hiện không thấy người nghe ra cửa nghênh tiếp cô dâu. Từ “**怎么**” trong phát ngôn không chỉ hỏi về nguyên nhân, mà còn thể hiện sắc thái ngạc nhiên của người nói. Tách ra từ “**怎么**” với ý nghĩa hỏi, thì phần còn lại là nội dung chính và thông tin quan trọng trong cả phát ngôn – bác bỏ hành động “**还蹲在这里烧水** (còn ngồi đây để đun nước)” của người nghe. Cả phát ngôn biểu hiện hành động giục người nghe ra cửa nghênh tiếp cô dâu của mình, mà đừng hành động đun nước lại. Trong câu 81), người nghe (Bối Bối) dẫn người yêu (Phương Hồi) về nhà, người nói (Trương Hiểu Hoa) thấy người nghe đãi khách không chu đáo, thì nêu phát ngôn hỏi để biểu hiện ý muốn của mình – dặn con lấy kem cho khách ăn. Từ “**不 (không)**” trong phát ngôn này là phủ định hành động “**不给方茴拿冰棍吃** (không lấy kem mời Phương Hồi ăn)”. Phương thức biểu hiện này làm cho người nghe dễ tiếp nhận hành động dặn của người nói, và cũng làm cho Phương Hồi thấy âm lòng, giữ được thể diện của con và người yêu của con.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn hỏi – câu khiến có dạng thức “**怎么(不)+ P?**” có 23 phiếu. Những PNCK thuộc nhóm này có thể biểu hiện các HĐCK như

bảng 3.24:

Bảng 3.24: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.12

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	3	13,04%
催促 Giục	5	21,74%
阻拦/阻止 Ngăn	3	13,04%
要求 Yêu cầu	4	17,39%
吩咐/嘱咐 Dặn	2	8,70%
劝/劝慰 Khuyên	5	21,74%
请求 Xin	1	4,35%

Dựa vào kết quả phân loại các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2, phát ngôn trong nhóm này được sử dụng để biểu hiện những HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.25:

Bảng 3.25: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.12

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	15	62,50%
Mức cầu khiến trung bình	7	29,16%
Mức cầu cao	1	4,34%

Phát ngôn trong nhóm này thông qua phản đối hoặc bác bỏ hành động của người ta, để thực hiện HĐCK. Vì thế, phát ngôn trong nhóm này biểu hiện những HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn, mà trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao chỉ có 1 phiếu.

3.3.1.13. Dạng thức “P+ 怎样/怎么样?” (P+ thế nào/ thấy thế nào?)

Từ “怎样” trong tiếng Hán có nghĩa là “Đại từ nghi vấn, với nghĩa hỏi về tính chất, trạng thái, phương thức về sự tình.” [45, tr. 1331]. Còn từ “怎么样” có nghĩa là “Từ đồng nghĩa của từ 怎样” [45, tr. 1331]. Hai từ này luôn được đặt ở cuối câu, biểu thị ý nghĩa nghi vấn, và từ “怎么样” được sử dụng phổ biến hơn trong khẩu ngữ. Ví dụ:

82) – (那这样，我们先去游泳，再去菜市买虾。) 晚上吃白灼虾，怎样？

- 好耶！

- (Thế này nhé, mình đi bơi đã, rồi đi chợ mua tôm.) Tối này ăn tôm luộc, em thấy thế nào?

- Nhất trí!

(Khẩu ngữ)

Người nói (chị gái) có quyền lực cao hơn người nghe (em gái) trong gia đình. Trong phát ngôn của người nói, từ “怎样” đặt ở cuối câu biểu ý hỏi dò, phần “P” chứa thông tin quan trọng – “晚上我请你吃白灼虾 (Tối này chị mời em ăn tôm luộc)”. Cách biểu hiện hành động mời này rất khéo léo, người nghe cũng vui lòng tiếp nhận sự mời mọc của người nói.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này không nhiều, chỉ có 7 phiếu. Và 7 phát ngôn hỏi – cầu khiến này biểu hiện các HĐCK như bảng 3.26:

Bảng 3.26: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.13

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
建议/提议 Đề nghị/kiến nghị	2	28,58%
吩咐 Dặn	1	14,28%
邀/邀约 Rủ	1	14,28%
请/邀请 Mời	2	28,58%
请求/申请 Xin / xin phép	1	14,28%

Dựa vào kết quả phân loại các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2 của chương 3, phát ngôn trong nhóm này biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến khác nhau, sự phân bố như bảng 3.27:

Bảng 3.27: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.13

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	3	42,85%
Mức cầu cao	4	57,14%

Phát ngôn của nhóm này biểu hiện HĐCK với mức cầu cao như mời, rủ với tỷ lệ cao hơn, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến trung bình cũng có, nhưng trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Vì thế, nhóm phát ngôn này có khuynh hướng có lực ngôn trung vừa phải hoặc nhẹ nhàng, với sắc thái ôn hoà.

3.3.1.14. Dạng thức “V. + 不 + V. ? ” (V. + không / hay không?)

Trong cấu trúc này, từ “不” có nghĩa là: “Từ “不 (không)” đặt ở giữa hai động từ giống nhau hoặc hai tính từ giống nhau, có thể làm lời hỏi lặp lại; chẳng hạn: Có đi hay không?/ Có được hay không?” [45, tr. 80]. Trong phát ngôn có dạng thức “V. + 不 + V. ? ”, có thể mang ý nghĩa cầu khiến. Chúng tôi xin nêu câu ví dụ để minh hoạ:

83) – (周末我们打算去北海玩。) 你去不去?

- (Cuối tuần này chúng mình định đi chơi Bắc Hải.) Cậu đi không?

(Khẩu ngữ)

Người nói nêu phát ngôn “你去不去? (Cậu đi không?)” có cấu trúc “V. + 不 + V. ? ” để hỏi về ý kiến của người nghe, thực ra thông qua chiến lược hỏi để biểu hiện hành động rủ một cách gián tiếp, và có vai trò giao quyền lực cho người nghe tự quyết định cùng đi Bắc Hải hay không. Vì vậy, phát ngôn hỏi – cầu khiến này biểu hiện hành động rủ một cách lịch sự, không mang tính áp đặt.

Xét từ số phiếu về kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này, trong tư liệu của luận án chỉ có 9 phiếu. Chúng biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.28:

Bảng 3.28: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.14

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
催促 Giục	2	22,22%
阻拦/阻止 Ngăn	1	11,11%

要求 Yêu cầu	2	22,22%
劝/劝慰 Khuyên	1	11,11%
邀/邀约 Rủ	1	11,11%
请/邀请 Mời	2	22,22%

Và căn cứ vào kết quả phân loại các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong mục 3.2 ở chương 3, phát ngôn trong nhóm này có thể biểu hiện nhiều loại HĐCK. Tình hình cụ thể như bảng 3.29:

Bảng 3.29: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.14

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	5	55,56%
Mức cầu khiến trung bình	1	11,11%
Mức cầu cao	3	33,33%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao chiếm nhiều hơn, tiếp đó là trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao. Vì thế, lực ngôn trung của nhóm phát ngôn này có hai khuynh hướng lớn: hoặc là với lực ngôn trung mạnh, hoặc là rất nhẹ nhàng.

3.3.1.15. Dạng thức “V. + 什么 + V.?” (V. + gì / cái gì?)

Từ “什么” được cắt nghĩa trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” là: “Đại từ nghi vấn, biểu hiện ý nghĩa nghi vấn” [45, tr.931]. Khi đặt trong cấu trúc hỏi “V. + 什么 + V.?”, từ “什么” có nghĩa bác bỏ, phản đối động tác trong cấu trúc này. Vì thế, cấu trúc “V. + 什么 + V.?” hầu hết đều có ý nghĩa bác bỏ, phản đối, mang sắc thái sốt ruột, bực dọc, hoặc trách quở, có thể biểu hiện HĐCK, như:

84) “好好好！我这就上国际饭店门口等着去！”

“(这都几点了?) 等什么等啊? (就算是他, 人家也得睡觉啊! 你先回家, 明天再来吧!)”

“Được rồi được rồi! Tớ sẽ sang công khách sạn International đợi đây!”.

* “Giờ là mấy giờ rồi! Đợi gì mới được chứ! Kể cả là cậu ta thì người ta cũng phải ngủ! Cậu về đi đã, ngày mai quay lại!”.

《匆匆那年》 - 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

(Bản dịch này không đúng, chúng tôi xin chỉnh lại thành: “Đợi gì chứ?”).

Trong ngôn cảnh này, người nói đồng tình với người nghe rơi vào tình huống khó xử, cứ phải ở công khách sạn đợi người thì nêu phát ngôn hỏi có dạng thức “V. + 什么 + V.?”, vừa biểu đạt ý nghĩa không tán thành ý kiến “上国际饭店门口等着 (sang công khách sạn International đợi)” của người nghe, vừa có đích ngôn trung là khuyên người nghe tạm về nhà đã, đừng cứ đợi ở đây mãi. Phát ngôn hỏi – cầu khiến này mang ý nghĩa khuyên nhủ này, khi chuyển dịch sang tiếng Việt, nên được chuyển dịch thành: “Đợi gì chứ?”.

Xét từ tư liệu của luận án, số lượng của phát ngôn có dạng thức “V. + 什么 + V.?” rất ít, chỉ có 7 phiếu. Và 7 phát ngôn này biểu hiện các HĐCK như bảng 3.30:

Bảng 3.30: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.15

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	3	42,85%
阻拦/阻止 Ngăn	3	42,85%
劝/劝慰 Khuyên	1	14,29%

Xét từ mức độ cầu khiến từ cao đến thấp trong tiếng Hán, phát ngôn hỏi - cầu khiến biểu hiện các nhóm hành động như bảng 3.31:

Bảng 3.31: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.15

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	6	85,71%
Mức cầu khiến trung bình	1	14,29%
Mức cầu cao	0	0%

Nhóm phát ngôn này thông qua nêu ra ý kiến phản đối của mình, để thực hiện HĐCK, luôn mang ý nghĩa hỏi ngược hướng. Thường biểu hiện hành động cấm, ngăn, và trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là 0 phiếu. Cho nên, phát ngôn trong nhóm này đa số với lực ngôn trung mạnh.

3.3.1.16. Dạng thức “有 (还有) …… 吗? / 有没有……?” (có / còn...không?)

Từ “有” trong tiếng Hán có nghĩa là “Biểu thị có hoặc chiếm hữu thứ gì.” [45, tr. 1287]. Còn từ “还有” có nghĩa là “Biểu thị hiện tượng vẫn tồn tại hoặc động tác vẫn được thực hiện.” [45, tr. 401]. Từ “有” và từ “还有” kết hợp với trợ từ nghi vấn “吗” ở cuối câu, tạo thành cấu trúc mang ý nghĩa hỏi “有 (还有) ……吗?”. Còn câu trúc “有没有……?” có nghĩa gần với câu trúc “有 (还有) ……吗?”. Trong một số ngôn cảnh, phát ngôn hỏi có dạng thức “有 (还有) ……吗? / 有没有……?” có thể biểu hiện ý nghĩa cầu khiến. Luận án xin nêu một ví dụ tiêu biểu:

85) – 晓龙老师, 你有韦丽华老师的电话号码吗?

- 有, 稍等啊。

- Cô Hiếu Long a, cô có số điện thoại của cô Vi Lê Hoa không a?

- Có, chờ tý nhé.

(Khẩu ngữ)

Khi người nói (sinh viên) muốn gọi điện cho cô Vi Lê Hoa, mới phát hiện mình không có ghi số điện thoại của cô Vi Lê Hoa, cho nên hỏi người nghe (cô Hiếu Long) để xin số điện thoại của cô Vi Lê Hoa. Vì người nói biết sự tình này sẽ làm phiền người nghe, cho nên dạng thức “有……吗?” là thông qua hỏi xem người nghe có số điện thoại của cô Vi Lê Hoa hay không, để ám thị xin người nói đọc số điện thoại của cô Vi Lê Hoa cho mình biết, cố gắng gây phiền hà tối thiểu cho người nghe, giúp thể hiện sự lịch sự.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn có dạng thức “有 (还有) ……吗? / 有没有……?” chỉ có 11 phiếu. Và 11 phát ngôn này biểu hiện những HĐCK như bảng 3.32:

Bảng 3.32: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.16

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
托/劳驾 Nhờ	3	27,27%
请求/申请 Xin / xin phép	8	72,73%

Dựa vào kết quả phân loại các HĐCK từ mức khiến cao đến mức cầu cao trong

mục 3.2 ở chương 3, nhóm phát ngôn này thường được sử dụng để biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao như bảng 3.33:

Bảng 3.33: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.16

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	11	100%

Nhóm phát ngôn này thông qua việc hỏi về có thứ gì không với người nghe, để xin thứ gì đó với người nghe hoặc gợi ý người ta giúp đỡ mình. Vì thế, phát ngôn trong nhóm này với lực ngôn trung nhẹ, mang sắc thái rất ôn hoà.

3.3.1.17. Dạng thức “P + 吧?” (P + chứ?)

Từ “吧” được cắt nghĩa trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” là: “Trợ từ, đặt ở cuối câu cầu khiến, biểu hiện ý nghĩa mệnh lệnh, thỉnh cầu, thúc giục, đề nghị, thương lượng.” [45, tr. 17]. Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn có dạng thức “P + 吧?” chỉ có 3 phiếu. Ví dụ:

86) 魏依然坐在车里冲我喊：“上车吧?”我点点头，拉开后座的车门，坐了上去。

Ngụy Y Nhiên ngồi trong xe gọi tôi, "Lên xe chứ?". Tôi gật đầu, mở cửa ghế sau, ngồi lên. 《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

Người nói (Ngụy Y Nhiên) là khách hàng của người nghe (Tiểu Tiên). Người nói đã hẹn người nghe gặp mặt, vừa đi ăn vừa bàn về công việc. Khi gặp mặt, người nói lái xe đến đón người nghe, bảo người nghe lên xe. Trong phát ngôn của người nói, “P” – lên xe là nội dung cầu khiến chính, còn trợ từ ngữ khí “吧” ở cuối câu vừa biểu hiện ngữ khí thương lượng, vừa biểu hiện hành động mời một cách gián tiếp.

Xét từ tư liệu của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “P + 吧?” chỉ có 3 phiếu. Và 3 phát ngôn này có thể biểu hiện những HĐCK như bảng 3.34:

Bảng 3.34: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.17

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
邀/邀约 Rủ	1	33,33%
托/劳驾 Nhờ	1	33,33%
请/邀请 Mời	1	33,33%

Dựa vào mức độ cầu khiến từ cao đến thấp trong tiếng Hán, phát ngôn nhóm này toàn biểu hiện nhóm hành động với mức cầu cao như bảng 3.35:

Bảng 3.35: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.17

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	3	100%

Vì vậy, nhóm phát ngôn này cũng với lực ngôn trung rất nhẹ nhàng, không có trường hợp nào mang tính ép buộc.

3.3.1.18. Một số phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến

Phát ngôn hỏi ngược hướng là một loại lời hỏi, dùng hình thức hỏi để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Trong tiếng Hán, có một số từ hoặc cấu trúc mang ý nghĩa hỏi ngược hướng, chúng là dấu hiệu đặc trưng tạo nên phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước, ví dụ như các từ “难道/难不成 (chẳng lẽ)”, “总不能 (không thể ... đúng không?)”, “莫非 (chẳng lẽ/hay là)”, “怎么 (sao/ tại sao)”... Khi biểu hiện HĐCKGT có ví dụ như:

87) (老同学们在 KTV 聚会唱歌，时间已经结束。有一位同学非要付钱继续唱。)

- (行啦!) 难不成你还想唱到天黑吗? 该去吃火锅啦。

(Bạn bạn học cũ cùng lớp liên hoan tại KTV, đã hết giờ rồi nhưng có một bạn học cứ muốn đi nộp tiền để hát tiếp.)

- (Được rồi!) Chẳng lẽ cậu còn muốn hát đến đêm hay sao? Đến lúc đi ăn lẩu rồi. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn có dạng thức “**难不成+ P?**”, là một phát ngôn hỏi ngược hướng điển hình. Thấy bạn học vẫn muốn nộp tiền hát tiếp, mặc kệ lịch trình ăn lẩu trong kế hoạch, người nói nêu phát ngôn để ngăn chặn hành động vô lý của người nghe. Phát ngôn hỏi ngược hướng này biểu hiện hành động ngăn cản của người nói, mang sắc thái quở trách, cho nên có lực ngôn trung hơi mạnh.

Xét từ tư liệu của luận án, trường hợp phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước gánh vai biểu hiện HĐCK chỉ có 18 phiếu. Chúng biểu hiện những HĐCK như bảng 3.36:

Bảng 3.36: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.1.18

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
催促 Giục	1	5,56%
阻拦/阻止 Ngăn	2	11,11%
要求 Yêu cầu	5	27,77%
吩咐 Dặn	1	5,56%
劝/劝慰 Khuyên	5	27,77%
托 Nhờ	1	5,56%
请/邀请 Mời	2	11,11%
央求 Van	1	5,56%

Xét từ mức độ cầu khiến từ cao đến thấp trong tiếng Hán, nhóm phát ngôn này biểu hiện các nhóm hành động như bảng 3.37:

Bảng 3.37: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.1.18

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	44,45%
Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%
Mức cầu cao	4	22,22%

Vì phát ngôn hỏi ngược hướng biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và nhóm HĐCK với mức trung bình nhiều hơn, cho nên nhóm phát ngôn này có lực ngôn trung hơi mạnh.

3.3.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật

Phát ngôn trần thuật – cầu khiến là những HĐCK được bày tỏ qua hình thức

trần thuật, và đích ngôn trung ẩn chứa trong phát ngôn cũng được thể hiện qua chiến lược trần thuật. Vì thế, phát ngôn trần thuật – cầu khiến thuộc loại PNCKGT. Sau đây, luận án sẽ miêu tả và phân tích các dạng thức phát ngôn trần thuật – cầu khiến trong tiếng Hán.

3.3.2.1. Dạng thức “D1 想/希望/要 (D2) + P” (D1 muốn/mong (D2)+ P)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “想” được cắt nghĩa là: “Hy vọng, dự định” [45, tr. 1153]. Và từ “希望” có nghĩa là: “Trong lòng muốn đạt mục đích nào đó hoặc xuất hiện tình hình nào đó”, hoặc “愿望 (Nguyện vọng)” [45, tr. 1123]. Cả mô hình “D1 想/希望/要 (D2) + P” mang nghĩa bày tỏ nguyện vọng, ý muốn của người nói, gợi ý người nghe thực hiện hành động theo ý muốn của người nói. Ví dụ:

88) (女儿春节放假回家)

- (嘻嘻!) 妈, 我想吃你做的扣肉啦。

(Con gái được nghỉ Tết về nhà.)

- (Hihi!) Mẹ ơi, con muốn được ăn món khâu nhục của mẹ nấu ý. (Khẩu ngữ)

Trong câu 88), người nói (con gái) đi học ở ngoài, gần Tết mới được về nhà, nhớ mẹ lại thèm món khâu nhục của mẹ nấu. Phát ngôn với mô hình “D1 想+ P” ở đây được người nói dùng để bày tỏ ý muốn của mình với người nghe, hy vọng được người nghe thực hiện nguyện vọng “想吃你做的扣肉 (được ăn món khâu nhục của mẹ nấu)”. PNCKGT này biểu hiện hành động nhờ từ người bậc dưới với người bậc trên, mang sắc thái làm nũng.

Xét lại tư liệu của luận án, phát ngôn trần thuật- cầu khiến có dạng thức “D1 想/希望/要 (D2) + P” có 27 phiếu. Chúng được dùng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.38:

Bảng 3.38: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.2.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
提议 Đề nghị	1	3,70%
吩咐 Dặn	1	3,70%
劝 Khuyên	3	11,12%

邀/邀约 Rǔ	2	7,41%
托/劳驾 Nhờ	4	14,81%
请/邀请 Mời	2	7,41%
请求/申请 Xin / xin phép	13	48,15%
央求 Van xin	1	3,70%

Như vậy, phát ngôn trong nhóm này được sử dụng để biểu hành các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.39:

Bảng 3.39: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.2.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	5	18,52%
Mức cầu cao	22	81,48%

Nhóm phát ngôn này với số lượng khá nhiều, nhưng không có trường hợp nào biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, và trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao đạt 81,48%. Vì vậy, nhóm PNCK này với lực ngôn trung nhẹ, mang sắc thái ôn hoà.

3.3.2.2. Dạng thức “D3 想/想要/希望 + P” (D3 muốn / mong + P)

Các từ “想”, “想要”, “希望” đã được cắt nghĩa trong mục 3.3.2.1, trong mục này sẽ không giải nghĩa lại lần nữa. Dạng thức “D3 想/想要/希望(D2) + P” giống dạng thức “D1 想/希望/要 D2 + P”, đều có nghĩa là người nói nêu ra nguyện vọng, và hy vọng được người nghe thực hiện hành động ấy. Ví dụ:

89) – 你妈妈是希望你能当个称职的老师。

- 知道，我也一直在为之努力，所以愿意读博。

- Me cháu hy vọng cháu có thể trở thành một giáo viên xứng đáng.

- Dạ, cháu biết, cháu cũng không ngừng phấn đấu vì ước mơ này, vì thế cháu sẵn sàng học để lấy bằng Tiến sĩ. (Khẩu ngữ)

Ngôn cảnh của phát ngôn này là người nghe (cháu) là một giáo viên trong trường đại học, nhưng chưa được vào biên chế, cho nên phải học lên tiến sĩ. Mẹ của

người nghe rất ủng hộ công việc người nghe, và luôn bàn về nguyện vọng với em gái của mình (người nói). Người nói nêu ra sự mong muốn từ mẹ của người nói qua dạng thức “**D3 希望 D2 + P**”, nhằm mục đích khuyên người nghe kiên trì học, đừng bỏ cơ hội học lên. Từ “**希望**” dẫn ra nội dung khuyên cụ thể, mang tính cổ vũ.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn thuộc nhóm này chỉ có 6 phiếu. Những phát ngôn trần thuật – cầu khiến này được sử dụng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.40:

Bảng 3.40: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.2.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
劝 Khuyên	1	16,67%
托/劳驾 Nhờ	1	16,67%
请/邀请 Mời	2	33,33%
请求/申请 Xin / xin phép	2	33,33%

Như vậy, phát ngôn của nhóm này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.41:

Bảng 3.41: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.2.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	1	16,67%
Mức cầu cao	5	83,33%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao với tỷ lệ 83,33%, còn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Vì thế, nhóm phát ngôn này cũng ít mang tính áp đặt, với lực ngôn trung nhẹ.

3.3.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán

Trong mục 3.1 của chương 3, luận án đã đề cập đến các hình thức của PNCKGT. Phát ngôn cảm thán – cầu khiến là một bộ phận của PNCKGT. Luận án sẽ miêu tả và phân tích chúng trong phần sau.

3.3.3.1. Dạng thức “*P/V. 了!*”, “*V.+着!*” (*P/V.+ rồi! / bị + V.!*)

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “了” được cắt nghĩa là: “Trợ từ, được đặt sau động từ hoặc tính từ, biểu thị động tác hoặc sự thay đổi đã hoàn thành. a: Có thể dùng cho trường hợp động tác hoặc sự thay đổi đã hoàn thành trên thực tế. b: Có thể dùng trong trường hợp dự kiến động tác hoặc sự thay đổi sẽ được xảy ra.” [45, tr. 628]. Từ “了” cũng có nghĩa là “Có thể đặt ở cuối câu hoặc giữa câu, biểu thị có xảy ra sự thay đổi hoặc xuất hiện tình hình mới.” [45, tr. 628]. Và từ “着” có nghĩa là: “Đặt sau động từ hoặc tính từ thể hiện trình độ, có vai trò tăng cường ngữ khí mệnh lệnh hoặc dặn dò”. [45, tr. 1353]. Như vậy, các ý nghĩa và cách dùng của từ “了” và “着” đều có thể biểu hiện HĐCKGT. Ví dụ:

90) (喝水太快)

- 呛着!

(Uống nước nhanh quá)

- Cẩn thận sắc!

(Khẩu ngữ)

Người nghe (con) lấy một chai nước khoáng lạnh uống cho sảng, nhưng uống quá nhanh, như đổ nước vào họng. Phát ngôn của người nói có dạng thức “V.+着!”, từ “着” ở đây đặt sau động từ “呛 (sắc)”, có nghĩa là nhấn mạnh ngữ khí dặn con nên uống nước từ từ, cho dù có khát đến mấy. Phát ngôn cảm thán ở đây biểu hiện hành động dặn, còn thể hiện sự quan tâm của người mẹ.

Tính từ tư liệu của luận án, phát ngôn trong nhóm này có 11 phiếu. Và 11 phiếu phát ngôn cảm thán này biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.42:

Bảng 3.42: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
要求 Yêu cầu	1	9,09%
吩咐 Dặn	7	63,63%
劝 Khuyên	3	27,27%

Dựa vào kết quả phân nhóm cách HĐCK trong mục 3.2 của chương 3, phát ngôn trong mục này biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.43:

Bảng 3.43: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	9,10%
Mức cầu khiến trung bình	10	90,90%
Mức cầu cao	0	0%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình như dẫn, khuyên chiếm 90,90%. Phát ngôn trong nhóm này với lực ngôn trung vừa phải, ít có trường hợp mang tính ép buộc.

3.3.3.2. *Dạng thức “P/V!”, “N.!” , “Tên người !”*

Theo tư liệu của luận án, chúng tôi phát hiện trong tiếng Hán còn có loại phát ngôn cảm thán – cầu khiến với cấu trúc ngắn gọn. Chúng có dạng thức “**P (v.)/ V.!**” (dấu cảm thán đặt sau động từ hoặc câu biểu hiện động tác), hoặc “**N.!**” (dấu cảm thán đặt sau danh từ), “**Tên người !**” (dấu cảm thán đặt sau tên người). Những phát ngôn với mô hình trên, luôn có nghĩa là thông qua ngữ khí mạnh để mệnh lệnh / yêu cầu / dặn người nghe làm chuyện gì đó (tức là thực hiện hành động theo ý muốn của người nói), hoặc cấm/ ngăn người nghe làm chuyện gì đó (không được thực hiện hành động). Ví dụ:

91) (闯红灯)

- 挨罚!

(Vượt đèn đỏ)

- Bị phạt đấy!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn này xảy ra trong hội thoại giữa hai người bạn. Người nghe (người bạn lái xe) khi qua ngã tư, cứ lái xe vượt đèn đỏ, dường như không thấy đèn đỏ đang sáng. Người nghe nhìn thấy tình hình không ổn, thì nêu phát ngôn bằng giọng điệu cảm thán “挨罚! (Bị phạt đấy!)”, nhằm mục đích nhắc người nghe “Vượt đèn đỏ sẽ bị phạt, nên dừng lại hành động vượt đèn đỏ mà dừng xe lại chờ đèn xanh sáng”. Nhưng tiếc là người nghe không nghe, cứ lái xe qua ngã tư đó. Kết hợp ngôn cảnh, rất dễ nhận diện đích cầu khiến trong phát ngôn này là người nói muốn ngăn chặn bạn vượt đèn đỏ, với lực ngôn trung mạnh, và tính khiến trong phát ngôn này cũng hơi cao.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có dạng thức “V!”, “N!”, “Tên người !” có 9 phiếu. Và 9 phát ngôn cảm thán này biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.44:

Bảng 3.44: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
阻拦/阻止 Ngăn	4	44,44%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	11,11%
劝/劝慰 Khuyên	3	33,33%
请求 Xin	1	11,11%

Dựa vào kết quả phân nhóm cách HĐCK trong mục 3.2 của chương 3, phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau như bảng 3.45:

Bảng 3.45: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	4	44,44%
Mức cầu khiến trung bình	4	44,44%
Mức cầu cao	1	11,11%

Phát ngôn trong nhóm này được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và các HĐCK với mức cầu cao với tỷ lệ 66,66%, nhiều hơn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao. Vì thế, nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung không mạnh.

3.3.3.3. Dạng thức “ 好+ adj.+ 啊! /太 + adj.+ 了! (adj+ quá/ lắm !)”

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại”, từ “好” được cắt nghĩa là: “Đặt trước tính từ hoặc động từ, dùng để nhấn mạnh, luôn với ngữ điệu cảm thán.” [45, tr. 411]. Còn từ “太” được cắt nghĩa là: “Phó từ. a: biểu thị quá mức độ. b: chỉ mức độ cao.” [45, tr. 1015]. Vì vậy, phát ngôn với mô hình “好...../太 + adj. !” với ngữ điệu cảm thán, luôn có nghĩa biểu hiện thứ gì / chuyện gì với mức độ cao, thậm chí quá mức độ. Chẳng hạn:

92) – 妈, 这条裙子好漂亮啊!

- 好, 你喜欢就买给你。

- Mẹ ơi, chiếc váy này đẹp quá!

- Ủ, nếu con thích thì mẹ sẽ mua cho con.. (Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh này, hai mẹ con đi dạo phố, mua sắm, người nói (con gái) nhìn thấy một chiếc váy đẹp, thích lắm, muốn được mua về nhà. Phát ngôn “这条裙子好漂亮啊! (Chiếc váy này đẹp lắm!)” chứa cấu trúc “好 + adj.+啊! ”, với ngữ khí cảm thán. Từ “好” ở đây đặt trước tính từ “漂亮 (đẹp)”, chỉ mức độ nhấn mạnh về vẻ đẹp của chiếc váy, biểu lộ tình cảm thích của người nói, giúp thể hiện mục đích cầu khiến được ẩn chứa trong phát ngôn của người nói – xin người nghe mua hộ chiếc váy này. Và phát ngôn này có thể giữ thể diện của người nói.

Trong tư liệu của luận án, phát ngôn thuộc nhóm này được sử dụng để biểu hiện những HĐCK như bảng 3.46:

Bảng 3.46: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.3.3.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
催促 Giục	1	25,00%
阻拦/阻止 Ngăn	1	25,00%
请求/ Xin	1	25,00%
约 Rủ	1	25,00%

Như vậy, những phát ngôn này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến từ cao đến thấp như bảng 3.47:

Bảng 3.47: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.3.3.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	50,00%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	2	50,00%

Nhóm phát ngôn này có một nửa là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, còn

một nửa khác là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Cho nên, lực ngôn trung của nhóm phát ngôn này có hai khuynh hướng, hoặc là rất mạnh, hoặc là nhẹ nhàng.

3.4. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Hán

Trong mục này, luận án sẽ miêu tả và phân tích những PNCKGT *phi quy ước* trong tiếng Hán. Vì nhóm phát ngôn này không có đặc trưng ngữ pháp rõ rệt, khi thực hiện thao tác suy ý PNCKGT *phi quy ước của tiếng Hán*, phải dựa vào nhiều yếu tố trong ngôn cảnh, bao gồm thời tiết, thời gian, vị thế xã hội của người nói, tâm lý của người nói... Vì vậy, khi thao tác suy ý hoặc biểu hiện ý nghĩa của PNCKGT *phi quy ước* trong cả tiếng Việt và tiếng Hán, đều phải kết hợp các nguyên lý về ngữ dụng học.

Trong ngữ liệu của luận án, PNCKGT *phi quy ước* của tiếng Hán có 428 phiếu. Và xét từ hình thức, phát ngôn hỏi – cầu khiến có 83 phiếu, phát ngôn trần thuật – cầu khiến có 230 phiếu, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có 115 phiếu. Dựa vào cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng học, luận án phân chia chúng thành 13 tiểu loại. Trong phần dưới đây, luận án sẽ miêu tả và phân tích một số câu ví dụ tiêu biểu của từng tiểu loại.

3.4.1. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi

3.4.1.1. Một số phát ngôn hỏi ngược phi quy ước với chức năng cầu khiến

Trong ngữ liệu của luận án, trừ những phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước, trong tiếng Hán còn một loại hình phát ngôn hỏi ngược hướng cũng có thể biểu hiện các HĐCK qua chiến lược hỏi, đó là phát ngôn hỏi ngược hướng không quy ước. Chẳng hạn:

93) – 没看到妹妹渴了吗? (妹妹正喊喝水呢。)

– Không thấy em gái rất khát hay sao? (Em gái đang kêu muốn uống nước.)

(Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh này, người nói (mẹ) là một phụ nữ phải bận rộn suốt ngày về công việc bán hàng ở căng tin nhà mình và chăm sóc gia đình. Người nghe (Con trai) mãi xem ti-vi mà không quan tâm chuyện trong nhà, mặc kệ cả em gái mình đang khóc ngoe ngoe ở bên cạnh. Người nói bán hàng vừa bận vừa mệt, lại thấy con gái

bị ốm, khóc lâu mà không được ai đến chăm sóc. Thương con gái vô cùng, người nói nêu phát ngôn hỏi ngược hướng để yêu cầu người nghe lấy nước cho em gái uống. Phát ngôn trong ngôn cảnh này cường điệu sự thật, mang sắc thái quở trách.

Trong tư liệu của luận án, trường hợp phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước với chức năng cầu khiến có 15 phiếu. Chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.48:

Bảng 3.48: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	6,67%
禁止 Cấm	1	6,67%
阻拦/阻止 Ngăn	3	20,00%
要求 Yêu cầu	3	20,00%
劝/劝慰 Khuyên	7	46,66%

Vì vậy, trường hợp của loại PNCKGT này được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.49:

Bảng 3.49: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	53,33%
Mức cầu khiến trung bình	7	46,67%
Mức cầu cao	0	0%

Phát ngôn hỏi ngược hướng trong nhóm này mang ý nghĩa bác bỏ hành động của người nghe, cho nên phát ngôn trong nhóm này đa số là biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao như cấm đoán, ngăn chặn, còn trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là 0 phiếu. Vì thế, phát ngôn trong nhóm này luôn với lực ngôn trung mạnh.

3.4.1.2. Hỏi về trạng thái về sự kiện, người nói hoặc đồ vật

Kiểu phát ngôn này thông qua hỏi dò về tình hình về sự kiện, trạng thái của người hoặc đồ vật, biểu hiện ý nghĩa và mục đích cầu khiến của người nói. Ví dụ:

94) – (我今天出门忘了带钱包。) 你们还在教室吗?

- 是的，我们有带钱包，可以送钱去给你。

- (Hôm nay cô quên ví ở nhà.) Các em còn ở trong lớp không?

- Vâng ạ. Chúng em có mang ví, có thể đưa tiền cho cô. (Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh này, người nói (cô giáo) vừa là cô giáo của một trường đại học Trung Quốc, vừa là nghiên cứu sinh đang học ở Việt Nam. Có hôm người nói quên ví ở nhà, trong tay không có tiền thì không lấy được xe máy ở bãi giữ xe được. May là người nói nhớ đến mình có sinh viên đang du học cùng trường, thì gọi điện thoại hỏi sinh viên có đang ở trường không, phát ngôn ở đây biểu hiện sự nhờ vả, nhờ sinh viên đưa tiền cho bãi giữ xe, để giúp mình “thoát nạn”.

Trong ngữ liệu của luận án, PNCKGT với kiểu này có 8 phiếu. Trường hợp biểu hiện các HĐCK của chúng như bảng 3.50:

Bảng 3.50: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	12,50%
催促 Giục	1	12,50%
托/劳驾 Nhờ	2	25,00%
请求/申请 Xin / xin phép	4	50,00%

Như vậy, trường hợp của loại phát ngôn này được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.51:

Bảng 3.51: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	25,00%
Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	6	75,00%

Trong nhóm phát ngôn hỏi này, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao như nhờ, xin chiếm nhiều nhất (75%), trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao chỉ có 2 phiếu. Vì thế, chúng tôi cho rằng, nhóm phát ngôn này đa số với lực ngôn trung nhẹ, mang sắc thái ôn hoà.

3.4.1.3. Hỏi về thái độ, cảm giác của người nghe

Trong nhóm phát ngôn này, HĐCK của người nói được thực hiện qua chiến lược hỏi về thái độ, cảm giác, ý kiến hoặc quan điểm của người nghe về sự kiện hoặc đồ vật. Đích ngôn trung của người nói được hàm ẩn trong những phát ngôn hỏi này, gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện một hành động gì đó theo ý muốn của người nói. Ví dụ:

95) 庆春说：“(不是，有个朋友送了我两张今天晚上的芭蕾舞票，) 你有兴趣吗?”

- (Có một người bạn tặng cho tôi hai tấm vé xem múa ballet tối nay.) Cậu có muốn đi xem không? 《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

Trong ngôn cảnh này, khi người nói (Khánh Xuân) nhận được hai tấm vé xem múa ballet, thì nghĩ đến người nghe ngay, sau đó gọi điện báo kế hoạch đi xem múa ballet với người nghe, còn hỏi người nghe “你有兴趣吗? (Cậu có muốn đi xem không?)”, vừa có ý mời người nghe cùng thưởng thức biểu diễn múa ballet, vừa thể hiện sự tôn trọng của người nói. Phát ngôn này biểu hiện hành động mời mọc của người nói, vừa thể hiện lịch sự, vừa giữ thể diện của người nghe tối đa, với tính cầu cao. Và chúng tôi thấy, khi dịch phát ngôn hỏi này có thể dùng phương pháp dịch thẳng, chuyển dịch sang tiếng Việt là: “Cậu có hứng thú xem không?”

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 18 phiếu. Chúng biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.52:

Bảng 3.52: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.1.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	5,55%
建议/提议 Đề nghị	2	11,11%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	5,55%
劝/劝慰 Khuyên	1	5,55%
邀约 Rủ	3	16,67%
请 Mời	6	33,33%
托/劳驾 Nhờ	2	11,11%

请求/申请 Xin / xin phép	1	5,55%
求/请求 Cầu	1	5,55%

Dựa vào kết quả phân nhóm cách HĐCK trong tiếng Hán ở mục 3.2, nhóm phát ngôn này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau có dạng phân bố như bảng 3.53:

Bảng 3.53: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.1.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	5,55%
Mức cầu khiến trung bình	4	22,22%
Mức cầu cao	13	72,22%

Nhóm phát ngôn này mang ý nghĩa hỏi dò, đa số phát ngôn còn mang ý nghĩa trung cầu ý kiến của người nghe, cho nên phát ngôn hỏi – cầu khiến này luôn biểu hiện HĐCK với mức cầu cao hoặc mức cầu khiến vừa phải. Trong tư liệu của luận án, trong 18 phát ngôn hỏi – cầu khiến này, có 17 phiếu biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao và mức cầu khiến vừa phải, chiếm tỷ lệ 94,44%. Cho nên nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung nhẹ, ít có tính áp đặt.

3.4.2. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán

Trong tiếng Hán cũng có một số phát ngôn cảm thán được thể hiện hình thức cảm thán bằng ngữ điệu mạnh và dấu cảm thán đặt ở cuối câu. Kiểu phát ngôn cảm thán này không có hình thức cú pháp rõ ràng như “好+ adj.+ 啊! /太 + adj. 了! (... quá/ lắm!)”, chỉ có giọng điệu và tình thái cảm thán. Trong một số ngôn cảnh cụ thể, kiểu phát ngôn này gánh vai cảm thán – cầu khiến. Chẳng hạn:

96) “两碗?” 店里的伙计不相信地看着我。

“两碗!” 我大声地重复。

“Hai bát à?” Phục vụ quán nhìn tôi khó tin.

“Hai bát!” Tôi lớn tiếng lặp lại.

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

Trong ngôn cảnh này, người nghe (phục vụ quán) thấy rất ngạc nhiên, không

biết tại sao người nói (“tôi”) gọi hai bát mì cho chính mình. “两碗!”(Hai bát!) ở đây vừa có nghĩa là xác định thông tin với người nghe, vừa biểu hiện mục đích của người nói – dặn người nghe nấu hai bát mì cho mình. Người nói không có ý bắt nạt hoặc làm khổ người nghe, chỉ thể hiện sự thái độ khẳng định của người nói.

Trong ngữ liệu của luận án, nhóm phát ngôn cảm thán phi quy ước này có 6 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 3.54:

Bảng 3.54: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	16,67%
吩咐/嘱咐 Dặn	2	33,33%
请 Mời	3	50,00%

Vì thế, nhóm phát ngôn cảm thán phi quy ước này biểu hiện những HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.55:

Bảng 3.55: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	16,67%
Mức cầu khiến trung bình	2	33,33%
Mức cầu cao	3	50,00%

Phát ngôn của nhóm này biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao nhiều hơn, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao chỉ có 1 phiếu. Vì thế, nhóm phát ngôn này với lực ngôn trung vừa phải hoặc nhẹ nhàng, ít có trường hợp mang tính ép buộc.

3.4.3. Phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán

3.4.3.1. Biểu lộ tình trạng tâm lý, cảm giác, sự đánh giá

Người nói thông qua cách biểu hiện tình trạng tâm lý, cảm giác hoặc sự đánh giá của mình, hy vọng người nghe cảm nhận được cảm xúc của mình trong phát ngôn, để gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó. Trong

phát ngôn, người nói chỉ biểu lộ sự cảm giác, sự đánh giá hoặc tình trạng tâm lý của chính mình, mà thực hiện / không thực hiện hành động theo ý muốn của người nói hay không, thì do người nghe tự quyết định.

97) - 这个 (菜) 也蛮好吃的啊。 (什么都试一下嘛。)

- Cái (rau) này cũng rất ngon. (Món gì cũng phải ăn thử mà.) (Khẩu ngữ)

Khi ăn lẩu, người nói (mẹ) thấy người nghe (con gái) chỉ ăn mấy loại thức ăn, thì nêu sự đánh giá cao về một loại rau: “这个 (菜) 也蛮好吃的啊。 (Cái (rau) này cũng rất ngon.)”, muốn nhờ cách tán dương này để hấp dẫn được người nghe ăn thử rau. Vì vậy, phát ngôn biểu hiện sự đánh giá cao này biểu hiện hành động khuyên, còn thể hiện sự yêu thương con gái của người mẹ, giúp người nghe dễ tiếp nhận.

Trong tư liệu của luận án, kiểu PNCKGT này có 69 phiếu. Chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.56:

Bảng 3.56: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.1

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	4	5,80%
催促 Giục	1	1,44%
阻拦/阻止 Ngăn	7	10,14%
要求 Yêu cầu	3	4,35%
建议/提议 Đề nghị	6	8,70%
吩咐/嘱咐 Dặn	5	7,26%
劝/劝慰 Khuyên	21	30,43%
请/邀请 Mời	2	2,90%
托/劳驾 Nhờ	7	10,14%
请求 Xin/xin phép	11	15,94%
央求 Van xin	2	2,90%

Dựa vào kết quả phân loại các HĐCK trong tiếng Hán theo mức độ cầu khiến từ khiến cao đến cầu cao, kiểu phát ngôn trong mục này biểu hiện các nhóm HĐCK có dạng phân bố như bảng 3.57:

Bảng 3.57: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.1

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	15	21,74%
Mức cầu khiến trung bình	32	46,38%
Mức cầu cao	22	31,88%

Xét từ hình thức của câu, kiểu phát ngôn này hiếm có lời hỏi, đa số là những phát ngôn với hình thức trần thuật và cảm thán. Số liệu cụ thể như bảng 3.58:

Bảng 3.58: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.1

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	3	4,35%
Trần thuật	46	66,67%
Cảm thán	20	28,98%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao chiếm 78,26%, cho nên phát ngôn trong nhóm này luôn mang sắc thái ôn hoà. Vì phát ngôn này thông qua chiến lược biểu cảm để biểu hiện HĐCK, cho nên đa số phát ngôn có hình thức trần thuật hoặc cảm thán.

3.4.3.2. Trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự kiện

Người nói thông qua những phát ngôn với hình thức trần thuật / cảm thán, để thực hiện HĐCK một cách gián tiếp. Trong tiếng Hán, những phát ngôn này thường với mô hình: “**Danh từ/cụm danh từ/đại từ chỉ thị + P**”, “**Đại từ nhân xưng ngôn 1/ ngôn 2/ ngôn 3+ P**”, “.....是.....(... là...) /不是.....(... không phải là...)”... Ví dụ:

98) 王小贱俯视着我，一脸漠然，过了半分钟，他开口说：“你妆花了。”

Vương Tiểu Tiệp cúi xuống nhìn tôi, vẻ mặt thờ ơ, nửa phút sau, anh ta mở miệng nói: Lớp trang điểm của cô bị nhòe rồi.

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

Trong ngôn cảnh này, người nghe (Tiểu Tiên) lại khóc lóc vì chuyện thất tình. Người nói (Vương Tiểu Tiệp) ban đầu cứ im lặng với vẻ mặt thờ ơ, nhưng lát sau lại

nhắc người nghe “你妆花了。(Lớp trang điểm của cô bị nhòe rồi.)”. Người nói thông qua miêu tả một hiện tượng khách quan, để khuyên người nghe đừng khóc lóc nữa, kéo bị người ta phát hiện mặt xấu lại bị chê cười thêm. Cách bày tỏ này là sự cố gắng của người nói – giữ thể diện tối đa của người nghe, biểu hiện hành động khuyên.

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn này có 89 phiếu. Trường hợp biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.59:

Bảng 3.59: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.2

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	5	5,62%
催促 Giục	7	7,86%
阻拦/阻止 Ngăn	9	10,11%
要求 Yêu cầu	3	3,37%
建议/提议 Đề nghị	2	2,25%
吩咐/嘱咐 Dặn	16	17,98%
劝/劝慰 Khuyên	16	17,98%
邀约 Rủ	2	2,25%
请 Mời	8	8,99%
托/劳驾 Nhờ	10	11,23%
请求/申请 Xin / xin phép	11	12,36%

Như vậy, loại PNCKGT này khi biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau có dạng phân bố như bảng 3.60:

Bảng 3.60: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.2

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	24	26,97%
Mức cầu khiến trung bình	34	38,20%
Mức cầu cao	31	34,83%

Về hình thức, trong những phát ngôn này, các kiểu lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.61:

Bảng 3.61: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.2

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	0	0%
Trần thuật	63	70,79%
Cảm thán	26	29,21%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao chiếm 73,13%, trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao tương đối ít. Và phát ngôn trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan, luôn với hình thức trần thuật hoặc cảm thán, cho nên nhóm phát ngôn này không có trường hợp là phát ngôn với hình thức hỏi.

3.4.3.3. *Nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình*

Trong sự giao tiếp, người nói thông qua cách nêu nguyện vọng, kế hoạch hoặc sự phán đoán về sự kiện, đề gợi ý người nghe tiếp nhận hoặc ủng hộ ý kiến của mình, tiếp đó người nghe thực hiện hành động gì đó hoặc không thực hiện hành động gì đó theo ý muốn hàm ẩn của người nói. Ví dụ:

99) 她说：“误会嘛，解释不就完了。”

Cô ấy bảo:

- Chỉ là hiểu nhầm thôi mà, sao không giải thích cho rõ ràng?

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Giai Giai)

Có lần người nghe (tôi) có chuyện hiểu nhầm với người ta, đang âu sầu về chuyện đấy. Người nói (cô ấy) với tính nét hào phóng, coi chuyện hiểu nhầm là vấn đề nhỏ mà không đáng nhớ, thì nêu phát ngôn biểu lộ thái độ của mình một cách tự nhiên: “误会嘛，解释不就完了。(Chỉ là hiểu nhầm thôi mà, sao không giải thích cho rõ ràng?)”. Phát ngôn này nhằm mục đích khuyên người nghe chủ động giải thích rõ với người ta cho xong, để chính mình yên tâm là được. Dịch giả khi chuyển dịch phát ngôn này sử dụng phương pháp chuyển đổi hình thức, vừa diễn đạt được đích ngôn trung trong phát ngôn, vừa giữ được hình thức về cầu khiến gián tiếp.

Trong tư liệu của luận án, nhóm PNCKGT này có 64 phiếu. Chúng được dùng để biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.62:

Bảng 3.62: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.3

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
催促 Giục	2	3,13%
阻拦/阻止 Ngăn	2	3,13%
要求 Yêu cầu	2	3,13%
建议/提议 Đề nghị	11	17,18%
吩咐/嘱咐 Dặn	5	7,81%
劝/劝慰 Khuyên	18	28,12%
邀约 Rủ	1	1,56%
请 Mời	5	7,81%
托/劳驾 Nhờ	4	6,25%
请求/申请 Xin / xin phép	12	18,75%
央求 Van xin	2	3,13%

Vì thế, trường hợp nhóm PNCK được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.63:

Bảng 3.63: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.3

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	6	9,38%
Mức cầu khiến trung bình	34	53,12%
Mức cầu cao	24	37,50%

Xét từ hình thức, trong 64 phiếu phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng sau:

Bảng 3.64: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.3

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	14	21,88%

Trần thuật	45	70,31%
Cảm thán	5	7,81%

Phát ngôn trong nhóm này đa số biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến trung bình và HĐCK với mức cầu cao, ít có trường hợp biểu HĐCK với mức khiến cao, cho nên lực ngôn trung trong phát ngôn thuộc nhóm này luôn nhẹ nhàng, ít có tính ép buộc. Và đôi khi nêu nguyện vọng / ý kiến gián tiếp, trừ biểu hiện qua chiến lược trần thuật, cũng có thể qua chiến lược hỏi, cho nên lời hỏi trong nhóm phát ngôn này cũng không ít.

3.4.3.4. *Bày tỏ sự hứa hẹn / cam đoan*

Trong tiếng Hán, có một số phát ngôn biểu ý hứa hẹn, cam đoan có thể trấn an hoặc khuyến khích người nghe. Những phát ngôn này có thể cầu khiến được người nghe thực hiện hoặc không hành động gì đó, qua cách trấn an hoặc khuyến khích. Ví dụ:

100) 袁腮带着哭腔说, (您就饶了我吧。) 您的车把断了, 篓子破了, 我找人给您修; 您的孩子跌碎了, 我赔您钱。

Viên Tai như sắp khóc: “(Chú tha cho cháu,) chiếc xe của chú bị gãy càng, sọt của chú bị hư. Nhất định cháu sẽ sửa cho chú. Những đứa con của chú bị vỡ, cháu sẽ bồi thường.”

《蛙》 - 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Trong ngôn cảnh này, người nói (Viên Tai) chạy trốn quá nhanh, lại không may đụng vào xe đạp của người nghe (chú bán dưa con). Người nói thấy xe của người nghe bị gãy càng, sọt bị hư, dưa con bị vỡ hết, và chính mình lại bị chú bắt cánh tay rất chắc để yêu cầu bồi thường. Người nói biết mình đuối lý, nhân dịp gặp Tiểu Bảo (bạn học cũ của người nói) xin tha thứ giúp mình với người nghe, vậy hoang mang cam đoan sẽ sửa lại đồ của chú, bồi thường hết tất cả các thứ mà mình làm hư, lạy tiếp ngôn tha cho mình, đừng đánh đập mình, đừng bắt mình vào cục công an. Cho nên, lời cam đoan ở ngôn cảnh này biểu hiện hành động lạy của người nói, và thể hiện tâm lý người nói là đang sợ hãi về chuyện làm hỏng đồ của người nghe.

Trong ngữ liệu của luận án, nhóm phát ngôn này có 13 phiếu, chúng biểu hiện các loại HĐCK như bảng 3.65:

Bảng 3.65: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.4

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
阻拦/阻止 Ngăn	1	7,69%
劝/劝慰 Khuyên	5	38,47%
邀约 Rủ	1	7,69%
请 Mời	1	7,69%
托/劳驾 Nhờ	1	7,69%
请求/申请 Xin / xin phép	3	23,08%
乞求 Lay	1	7,69%

Vì thế, kiểu phát ngôn này được dùng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến từ cao đến thấp có dạng như bảng 3.66:

Bảng 3.66: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.4

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	1	7,69%
Mức cầu khiến trung bình	5	38,46%
Mức cầu cao	7	53,85%

Xét từ hình thức, trong 13 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.67:

Bảng 3.67: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.4

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	0	0%
Trần thuật	9	69,23%
Cảm thán	4	30,77%

Trong nhóm này, phát ngôn biểu HĐCK với mức cầu khiến trung bình và HĐCK với mức cầu cao nhiều hơn, ít có trường hợp biểu HĐCK với mức khiến cao, cho nên lực ngôn trung trong phát ngôn thuộc nhóm này nhẹ nhàng, ít mang tính áp đặt. Và phát ngôn thuộc nhóm này bày tỏ sự hứa hẹn hoặc cam đoan để thực hiện HĐCK, cho nên toàn với hình trần thuật hoặc cảm thán, lời hỏi là 0 phiếu.

3.4.3.5. Thuật lại lời nói hoặc ý kiến từ người khác

Phát ngôn thuật lại lời nói hoặc ý kiến của người khác, nhằm mục đích thuyết phục hoặc xin người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó, luôn với lực ngôn trung vừa phải hoặc hơi nhẹ nhàng. Chẳng hạn:

101) 陈寻侧过脸来笑着说,“(孙涛的一个哥们儿考下了导游证, 现在在旅行社呢, 他说可以安排咱们去郊区玩两天, 吃住都便宜算。) 孙涛和杨晴叫咱们跟他们一起去呢!”

Trần Tâm ghé lại gần cô cười nói: “(Một cậu bạn của Tôn Đào lấy được giấy chứng chỉ hướng dẫn viên du lịch, hiện đang làm ở hãng du lịch, cậu ấy bảo có thể sắp xếp cho bọn mình ra ngoại ô chơi hai ngày, ăn ở đều rẻ.) Tôn Đào và Dương Tình rủ hai đứa mình đi cùng!”.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

Lũ bạn của Trần Tâm quen được một bạn vừa mới có chứng chỉ hướng dẫn viên du lịch, dẫn bạn bè đi chơi có thể hưởng phúc lợi – ăn ở đều có giá rẻ. Người nói (Trần Tâm) thuật lại tâm ý của bạn (Tôn Đào) cho người nghe (Phương Hồi), đề rủ người nghe cùng đi du lịch với bạn của mình, không có tính áp đặt.

Xét từ ngữ liệu của luận án, PNCKGT thuộc nhóm này có 17 phiếu. Trường hợp sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 3.68:

Bảng 3.68: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.5

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	5,88%
要求 Yêu cầu	1	5,88%
建议/提议 Đề nghị	2	11,76%
吩咐/嘱咐 Dặn	3	17,65%
劝/劝慰 Khuyến	4	23,53%
请 Mời	5	29,42%
请求/申请 Xin / xin phép	1	5,88%

Xét từ mức độ cầu khiến, kiểu PNCKGT này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.69:

Bảng 3.69: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.5

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	11,76%
Mức cầu khiến trung bình	9	52,94%
Mức cầu cao	6	35,30%

Trong những phát ngôn thuộc nhóm này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.70:

Bảng 3.70: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.5

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	1	5,88%
Trần thuật	14	82,36%
Cảm thán	2	11,76%

3.4.3.6. *Bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả*

Nội dung trong kiểu PNCKGT trong nhóm này là phân tích tình huống của sự kiện, tiếp đó bày tỏ nguyên nhân, lý do hoặc hậu quả của sự kiện, để gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động. Ví dụ:

102) 骆驼喝了两杯，我说：“再喝就睡不着了。”

Lạc Đà uống liền hai tách. Tôi bảo:

- Uống thêm là không ngủ được đâu.

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Gia Giai>)

Trong ngôn cảnh của câu này, người nói (tôi) mời người nghe (Lạc Đà) uống cà phê, người nói và người nghe là hai bạn thân gần tuổi nhau. Người nghe có nỗi lòng, thì uống liền hai tách cà phê để giải tỏa nỗi lòng. Người nói sợ bạn uống nhiều cà phê sẽ mất ngủ, hỏi đó thì lại thêm âu sầu, thì nêu phát ngôn báo hậu quả “再喝就睡不着了。(Uống thêm là không ngủ được đâu.)” để khuyên người nói dừng lại hành động uống thêm.

Trong ngữ liệu của luận án, PNCKGT thuộc nhóm này có 33 phiếu. Trường hợp sử dụng để biểu hiện nhiều loại HĐCK như bảng 3.71:

Bảng 3.71: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.6

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	3,03%
催促 Giục	1	3,03%
阻拦/阻止 Ngăn	5	15,15%
要求 Yêu cầu	2	6,06%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	3,03%
劝/劝慰 Khuyên	21	63,64%
托/劳驾 Nhờ	1	3,03%
请求/申请 Xin / xin phép	1	3,03%

Xét từ hình thức, kiểu PNCKGT này biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.72:

Bảng 3.72: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.6

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	9	27,27%
Mức cầu khiến trung bình	22	66,67%
Mức cầu cao	2	6,06%

Trong những phát ngôn đó, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.73:

Bảng 3.73: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.6

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	2	6,06%
Trần thuật	23	69,70%
Cảm thán	8	24,24%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất, tiếp đó là trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến

cao như ngăn, yêu cầu. Cho nên, nhóm phát ngôn này luôn với lực ngôn trung vừa phải hoặc mạnh mẽ. Về hình thức của những kiểu phát ngôn cầu này, thì đa số là lời trần thuật hoặc lời cảm thán.

3.4.3.7. Biểu ý đe dọa hoặc cảnh cáo

Trong nhóm PNCKGT này, phát ngôn thông qua trình bày nguyên nhân hoặc bảo rằng hậu quả trước khi sự kiện xảy ra, mang sắc thái đe dọa hoặc cảnh cáo, nhất là những phát ngôn với hình thức cảm thán. Ví dụ:

103) - 如果放学没见到你马上回家, 两条腿都给你打断!

- Nếu tan học không thấy con về nhà ngay thì mẹ sẽ đánh gãy cả hai chân của con! (Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh này, sở dĩ người nói (mẹ) nêu phát ngôn đe dọa với lực ngôn trung mạnh thế này, là vì người nghe (con) nghiện chơi game ở quán game quá. Và lại về nhà quá muộn cũng không an toàn. Cho nên buổi sáng khi con đi học, lại sợ con quên nên “tan học phải về ngay”, thì nêu phát ngôn này để đe dọa người nghe, yêu cầu người nghe “tan học thì về nhà ngay”, kéo sẽ “bị mẹ đánh gãy cả hai chân của con”. Phát ngôn này biểu hiện sự yêu cầu qua ngữ điệu mạnh, tính áp đặt cao.

Trong ngữ liệu trong luận án, phát ngôn thuộc nhóm này có 36 phiếu. Chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.74:

Bảng 3.74: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.7

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	2,78%
禁止 Cấm	11	30,55%
催促 Giục	1	2,78%
阻拦/阻止 Ngăn	4	11,11%
要求 Yêu cầu	18	50,00%
吩咐/嘱咐 Dẫn	1	2,78%

Cho nên, PNCKGT thuộc nhóm này, đa số được sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao. Cụ thể như bảng 3.75:

Bảng 3.75: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.7

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	35	97,22%
Mức cầu khiến trung bình	1	2,78%
Mức cầu cao	0	0%

Trong 36 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.76:

Bảng 3.76: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.7

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	5	13,89%
Trần thuật	13	36,11%
Cảm thán	18	50,00%

Phát ngôn thuộc nhóm này đa số là biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao như cảm, yêu cầu, với tỷ lệ 97,22%. Cho nên phát ngôn trong nhóm này luôn với lực ngôn trung cực mạnh. Về hình thức, lời cảm thán chiếm một nửa, lời trần thuật cũng với số lượng nhiều.

3.4.3.8. Biểu ý mắng mỏ, chỉ trích hoặc phê bình

Ở tiếng Hán, những lời nói mắng mỏ, chỉ trích hoặc phê bình, được người nói nêu ra sau khi sự kiện đã phát sinh, chúng cũng có thể gánh vai cầu khiến người nghe làm hoặc không làm chuyện gì đó. Những PNCKGT trong mục này toàn là những phát ngôn với ý nghĩa mắng mỏ, phê bình, thậm chí có thể gây mâu thuẫn với người ta. Luận án sẽ nêu ví dụ như sau:

104) “明天我会带方茴去。”陈寻直直地看着他说。

唐海冰愣了愣，把烟扔在地上狠狠踩了一脚大声说：“你丫还没死心啊！怎么就那么不进盐津味儿！方茴她……”

“Ngày mai tôi sẽ cho cả Phương Hồi đi”. Trần Tầm nhìn thẳng vào cậu ta nói.

Đường Hải Băng sững người ra một lát rồi ném ngay điều thuốc xuống đất, di chân rồi nói lớn: “Sao ông vẫn không chịu từ bỏ ý định đó nhỉ! Gì mà nhu nhược thế! Con bé Phương Hồi đó...”

《匆匆那年》 - 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

Trong ngôn cảnh này, lũ bạn cũ của người nghe (Trần Tâm) biết được một vài “lịch sử” không vinh quang của Phương Hồi (người yêu của Trần Tâm), các bạn từng khuyên hai người chia tay. Thoạt nghe thấy người nghe bảo ngày mai đi chơi sẽ dẫn Phương Hồi đi cùng, người nói (Đường Hải Băng) vừa thấy ngạc nhiên, vừa thấy thất vọng và tức giận, cho nên nêu phát ngôn quở trách với người nghe. Hy vọng qua cách mắng mỏ này, lại khuyên hai người chia tay và ngày mai đừng cho Phương Hồi đi cùng nữa.

Trong ngữ liệu của luận án, nhóm PNCKGT này có 42 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 3.77

Bảng 3.77: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.8

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
命令 Mệnh lệnh	1	2,38%
禁止 Cấm	9	21,43%
阻拦/阻止 Ngăn	18	42,86%
要求 Yêu cầu	7	16,67%
吩咐/嘱咐 Dặn	1	2,38%
劝/劝慰 Khuyên	6	14,28%

Như vậy, phát ngôn thuộc nhóm này biểu hiện những HĐCK với các mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.78:

Bảng 3.78: Sự biểu hiện hành động với các mức cầu khiến trong nhóm 3.4.3.8

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	35	83,33%
Mức cầu khiến trung bình	7	16,67%
Mức cầu cao	0	0%

Trong nhóm phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.79:

Bảng 3.79: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.8

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	16	38,10%
Trần thuật	8	19,04%
Cảm thán	18	42,86%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiên cao chiếm tỷ lệ 83,33%, cho nên lực ngôn trung trong nhóm phát ngôn này đa số là rất mạnh. Về hình thức, nhóm phát ngôn này có hai khuynh hướng lớn, lời cảm thán với tỷ lệ 42,86%, còn lời hỏi với tỷ lệ 38,10%.

3.4.3.9. Dẫn thành ngữ, tục ngữ, ngạn ngữ hoặc danh ngôn kinh điển

Thành ngữ, tục ngữ và quán ngữ là một số danh ngôn kinh điển với đặc điểm dùng ngôn ngắn gọn, nhưng có ngụ ý sâu xa. Dựa vào ngôn cảnh cụ thể, chúng cũng có thể biểu hiện HĐCK một cách gián tiếp. Ví dụ:

105) (去老婆家劝岳父把老婆送去医院做流产手术。)

您也是在部队干过的人，我对岳父说，军令如山倒，硬抗是不行的。

(Lên nhà vợ khuyên bố vợ đưa vợ mình đi bệnh viện nạo thai.)

“Bố cũng người từng tham gia quân đội,” tôi nói với bố vợ - “*Quân lệnh như sơn, kháng cự là không được.*” 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Trong ngôn cảnh của câu 105), vợ của người nói (Tiểu Bão) định đẻ con thứ hai trái phép. Cô của người nói là tổ trưởng của kế hoạch sinh đẻ xã, vợ người nói lại cứ trốn về nhà mẹ đẻ sinh con ở nhà, hậu quả chắc sẽ nặng thêm. Vì thế, người nói lên nhà vợ, bàn với người nghe (bố vợ), hy vọng người nghe thấm thía được đạo lý, dẫn vợ đi làm phẫu thuật sảy thai. Trong khi giao tiếp, người nói nêu danh ngôn trong quân đội “军令如山倒，硬抗是不行的。 (Quân lệnh như sơn, kháng cự là không được.)”, để thuyết phục người nghe - người từng tham gia quân đội tuân thủ quy định trong quốc sách.

Trong ngữ liệu của luận án, nhóm PNCKGT này có 12 phiếu. Chúng được sử dụng để biểu hiện các HĐCK như bảng 3.80:

Bảng 3.80: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.9

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	2	16,67%
催促 Giục	1	8,33%
阻拦/阻止 Ngăn	3	25,00%
要求 Yêu cầu	2	16,67%
劝/劝慰 Khuyên	3	25,00%
请求/申请 Xin / xin phép	1	8,33%

Vì vậy, phát ngôn thuộc nhóm này được dùng để biểu hiện những HĐCK với các mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.81:

Bảng 3.81: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.9

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	66,67%
Mức cầu khiến trung bình	3	25,00%
Mức cầu cao	1	8,33%

Trong nhóm phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.82:

Bảng 3.82: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.9

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	0	0%
Trần thuật	6	50,00%
Cảm thán	6	50,00%

Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao với tỷ lệ cao nhất, cho nên lực ngôn trung trong nhóm phát ngôn này đa số là mạnh. Và phát ngôn thuộc nhóm này là dẫn thành ngữ, tục ngữ để biểu hiện HĐCK, cho nên có nhiều trường hợp với hình thức trần thuật, cũng có trường hợp sử dụng hình thức cảm thán để nhấn mạnh giọng điệu, cho nên phát ngôn tron nhóm này đều với hình thức trần thuật và cảm thán, trường hợp sử dụng phát ngôn hỏi là 0 phiếu.

3.4.3.10. Biểu lộ sắc thái soi mói, châm biếm hoặc nói mát

Phát ngôn thuộc nhóm này là những lời nói mát lịch sự, thông qua những ngôn từ cay nghiệt để thể hiện sự khinh bỉ hoặc ghen ghét với người ta. Kiểu phát ngôn này có vai trò phụ là biểu hiện cầu khiến gián tiếp, gợi ý người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động gì đó. Chẳng hạn:

106) (两边家庭正准备结婚事宜, 姑娘要求婆家给彩礼钱和三金, 一样都不能少。)

- (得啦。) 哪家的天仙呢。(要求那么高)。

- 这关你啥事啊。闭嘴!

(Gia đình hai bên đang bàn về mọi chuyện về việc tổ chức đám cưới, cô gái yêu cầu bên nhà chồng phải chuẩn bị đủ sính lễ, cả tiền mặt và các đồ trang sức vàng.)

- (Được rồi!) Tiên nữ của nhà nào đấy。(Yêu cầu quá nhiều lại quá cao)。

- Chuyện này có liên quan gì với chị không? Im đi! (Khẩu ngữ)

Trong ngôn cảnh này, gia đình hai bên đang bàn về mọi chuyện chi tiết về việc đám cưới. Người nghe (cô gái) nghĩ rằng, bên nhà chồng phải chuẩn bị đầy đủ sính lễ, cả tiền mặt và đồ trang sức vàng, để thể hiện sự coi trọng với con dâu tương lai. Người nói (chị gái họ của cô gái) cho thấy, nhà người ta tuy không giàu, nhưng đã rất có thành ý, người nghe không nên làm khổ người ta. Vì thế, người nói nêu phát ngôn đầy sắc thái chế giễu người nghe, nhắc nhở người nghe đừng nghĩ mình là tiên nữ, không phải là mọi yêu cầu đều đáng được gia đình chồng thoả mãn. Vì vậy, phát ngôn của người nói là nhằm mục đích ngăn chặn yêu cầu vô lý của người nói.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn trong nhóm này chỉ có 6 phiếu, chúng biểu hiện các HĐCK như bảng 3.83:

Bảng 3.83: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.10

HĐCK	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
禁止 Cấm	1	16,67%
催促 Giục	1	16,67%

阻拦/阻止 Ngăn	2	33,33%
吩咐 Dặn	1	16,67%
托/劳驾 Nhờ	1	16,67%

Như vậy, trường hợp của nhóm phát ngôn này được sử dụng để biểu hiện các nhóm HĐCK với mức độ cầu khiến khác nhau như bảng 3.84:

Bảng 3.84: Sự biểu hiện các loại HĐCK trong nhóm 3.4.3.10

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	4	66,66%
Mức cầu khiến trung bình	1	16,67%
Mức cầu cao	1	16,67%

Trong 6 phát ngôn này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 3.85:

Bảng 3.85: Sự phân bố các hình thức trong nhóm 3.4.3.10

Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	1	16,67%
Trần thuật	3	50,00%
Cảm thán	2	33,33%

Trong nhóm phát ngôn này, đa số phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao tương đối ít, cho nên đa số phát ngôn trong nhóm với lực ngôn trung mạnh. Về hình thức, thì lời trần thuật và lời cảm thán nhiều hơn, lời hỏi chỉ có 1 phiếu.

Trong ngữ liệu của luận án, tổng cộng có 842 PNCKGT tiếng Hán. Luận án đã miêu tả và tìm hiểu đặc điểm và quy luật hoạt động của chúng. Xét từ bảng phân loại mức độ cầu khiến trong mục 3.2 của chương 3, và dựa vào ngữ liệu trong luận án, trong số 842 phiếu PNCKGT tiếng Hán này, có dạng phân bố như bảng 3.86:

Bảng 3.86: Sự thể hiện hình thức và mức độ cầu khiến trong PNCKGT
tiếng Hán

Hình thức	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi – cầu khiến (440)	Mức khiến cao	135	30,68%
	Mức cầu khiến trung bình	118	26,82%
	Mức cầu cao	187	42,50%
Trần thuật – cầu khiến (263)	Mức khiến cao	55	20,91%
	Mức cầu khiến trung bình	114	43,35%
	Mức cầu cao	94	35,74%
Cảm thán – cầu khiến (139)	Mức khiến cao	74	53,24%
	Mức cầu khiến trung bình	39	28,06%
	Mức cầu cao	26	18,70%

Trong PNCKGT tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến có tần số sử dụng cao nhất, tiếp đó là phát ngôn trần thuật – cầu khiến, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có tần số sử dụng thấp nhất.

3.5 Tiểu kết:

Sau khi thu thập và phân loại các kiểu PNCKGT trong tiếng Hán, luận án đã miêu tả và phân tích chúng một cách khoa học, có được những nhận xét sau:

1) Theo nguyên lý phân loại hành động ngôn từ gián tiếp của Searl, luận án phân chia PNCKGT tiếng Hán thành hai mảng lớn: PNCKGT quy ước và PNCKGT phi quy ước. Dựa vào hình thức, PNCKGT tiếng Hán thì có ba hình thức như: *hỏi – cầu khiến*, *trần thuật – cầu khiến*, *cảm thán – cầu khiến*, kể cả trong nhóm PNCKGT quy ước và nhóm PNCKGT phi quy ước. Điểm này hoàn toàn giống với PNCKGT tiếng Việt.

2) Xét từ bảng biểu 3.86, chúng tôi có nhận xét sau:

Về số lượng sử dụng các hình thức PNCKGT tiếng Hán, phát ngôn hỏi được

sử dụng nhiều nhất (442/842 phiếu), gấp 3,16 lần so với phát ngôn cảm thán – cầu khiến (139/842 phiếu), gấp 1,67 lần so với phát ngôn trần thuật – cầu khiến (263/842 phiếu).

Về tần số sử dụng các nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau, PNCKGT với mức cầu cao được sử dụng nhiều nhất (306/842 phiếu, 36,34%), còn PNCKGT với mức khiến cao được sử dụng ít nhất (264/842 phiếu, 31,35%).

Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến, trường hợp có mức cầu cao chiếm nhiều nhất (187/842 phiếu, 42,50%), phát ngôn hỏi với lực ngôn trung nhẹ và ôn hòa. Trong nhóm phát ngôn trần thuật – cầu khiến, cũng là trường hợp có mức khiến cao chiếm nhiều nhất (114/842 phiếu, 43,35%), với lực ngôn trung vừa phải. Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến, trường hợp có mức khiến cao chiếm nhiều nhất (74/842 phiếu, 53,24%), với lực ngôn trung mạnh.

Chương 4: ĐỐI CHIẾU PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT VỚI TIẾNG HÁN

Trong chương 1, luận án đã đề cập đến, ngữ liệu của luận án được thu thập từ tác phẩm văn học hoặc cuộc sống hằng ngày, nhất là phần ngữ liệu được thu thập bằng cách ghi âm. Và phương pháp đối chiếu phát ngôn ở bình diện cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa được áp dụng trong việc đối chiếu tình hình sử dụng PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán, ý nghĩa và mức độ cầu khiến của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán. Còn phương pháp đối chiếu phát ngôn ở bình diện ngữ dụng học được sử dụng để đối chiếu một số nhân tố có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng PNCKGT: nhân tố giới tính, vị thế xã giao của người tham gia giao tiếp, việc dịch PNCKGT tiếng Hán sang tiếng Việt. Trên cơ sở này, luận án sẽ triển khai việc đối chiếu trong chương này.

4.1. Đối chiếu tình huống sử dụng thực tế về phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán

Dựa vào ngữ liệu của luận án, chúng tôi thu thập được 698 PNCKGT tiếng Việt. Trong đó, nhóm PNCKGT quy ước có 296 phiếu, chiếm 42,40%; nhóm PNCKGT phi quy ước có 402 phiếu, chiếm 57,59%. Và tỷ lệ về các hình thức trong hai nhóm quy ước và phi quy ước, được phân bố như bảng 4.1:

Bảng 4.1: Liệt kê tình huống sử dụng thực tế về PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Việt

PNCKGT tiếng Việt (698 phiếu)					
PNCKGT quy ước (296 phiếu)			PNCKGT phi quy ước (402 phiếu)		
Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	250	84,46%	Hỏi	61	15,17%
Trần thuật	28	9,46%	Trần thuật	239	59,45%
Cảm thán	18	6,08%	Cảm thán	102	25,37%

Ở phần tư liệu tiếng Hán, chúng tôi thu thập được 842 PNCKGT tiếng Hán.

Trong đó, PNCKGT quy ước có 414 phiếu, chiếm 49,17%; PNCKGT phi quy ước có 428 phiếu, chiếm 50,83%. Trong hai nhóm phát ngôn quy ước và phi quy ước, tỷ lệ về các hình thức được phân bố như bảng 4.2:

Bảng 4.2: Liệt kê tình huống sử dụng thực tế về PNCKGT quy ước và phi quy ước trong tiếng Hán

PNCKGT tiếng Hán (842 phiếu)					
PNCKGT quy ước (414 phiếu)			PNCKGT phi quy ước (428 phiếu)		
Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Hỏi	357	86,23%	Hỏi	83	19,40%
Trần thuật	33	7,97%	Trần thuật	230	53,76%
Cảm thán	24	5,80%	Cảm thán	115	26,87%

Dựa vào những số liệu trên, chúng tôi xin tóm tắt những điểm giống nhau trong phần sau đây:

Điểm giống nhau: 1) PNCKGT phi quy ước với số lượng nhiều hơn, so với PNCK quy ước. Tình huống này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều như vậy. Trong giao tiếp thực tế, ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn và hiệu quả giao tiếp càng được người nói chú trọng hơn. Cho nên, tùy theo ngôn cảnh cụ thể, người ta hay nêu ra những phát ngôn phi quy ước một cách tự nhiên, chứ không quá câu nệ về cấu trúc hoặc dạng thức cố định.

2) Trong nhóm PNCKGT quy ước, hỏi – cầu khiến tiếng Việt có 250 phiếu, chiếm 84,46%. Hỏi – cầu khiến tiếng Hán có 357 phiếu, chiếm 86,23% . Có thể thấy, phát ngôn hỏi – cầu khiến là hình thức được sử dụng phổ biến nhất trong cả tiếng Việt và tiếng Hán, nhất là trong nhóm PNCKGT quy ước. Những phát ngôn hỏi – gián tiếp quy ước có dạng thức “... được không? / ……行吗? ”, “có thể ...không? / 可以……吗? ”, “Hay là ...? / 要不 ……?” luôn với sắc thái ôn hoà và tính lịch sự cao, làm cho người nghe dễ tiếp nhận. Còn những phát ngôn hỏi có dạng “sao (không) ...? / 怎么(不)……?”, “Chẳng lẽ ... hay sao? / 难道……?” thì

phần lớn với lực ngôn trung mạnh, làm cho người nghe khó từ chối, cũng dễ đạt được mục đích cầu khiến. Cho nên, đây là nguyên nhân quan trọng có thể giải thích được tại sao phát ngôn hỏi – cầu khiến quy ước được người ta sử dụng nhiều nhất.

3) Trong nhóm PNCKGT phi quy ước, trần thuật – cầu khiến tiếng Việt có 239 phiếu, chiếm 59,46%. Còn trần thuật – cầu khiến trong tiếng Hán có 230 phiếu, chiếm 53,73%. Trong tiểu loại “trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật”, và tiểu loại “Nêu nguyện vọng hoặc là nêu ý kiến của mình”, hình thức trần thuật chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong một số ngôn cảnh cụ thể, những phát ngôn bày tỏ sự kiện hoặc nêu nguyện vọng của mình, cũng có vài trò cầu khiến người nghe thực hiện hoặc không thực hiện hành động theo ý muốn của mình. Và những phát ngôn trần thuật này luôn với sắc thái nhã nhặn, dễ được người nghe tiếp nhận, cho nên chúng được sử dụng nhiều trong nhóm PNCK phi quy ước.

Điểm khác nhau: 1) Xét từ số liệu thống kê trên, trong nhóm PNCKGT quy ước của tiếng Việt và tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến với số lượng nhiều, nhất là trong tiếng Hán (357 phiếu). Trong điểm giống nhau 2) và 3), luận án từng đề cập đến dạng thức và kiểu loại của PNCKGT. Trong nhóm PNCKGT quy ước, phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Hán được phân loại với số lượng nhiều hơn, so với tiếng Việt (18 > 12 tiểu loại). Vì trong tiếng Hán, dạng thức về phát ngôn hỏi – cầu khiến có quy ước đa dạng hơn. Điểm khác nhau này liên quan đến vấn đề phân chia mỗi tiểu loại của PNCKGT trong cả hai ngôn ngữ Việt – Hán, và dạng thức tương đương về ý nghĩa. Luận án xin miêu tả và phân tích kỹ trong mục 4.3 của chương này.

2) Luận án đã nêu ra một điểm giống nhau là “trường hợp sử dụng phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước cao hơn trường hợp sử dụng PNCKGT quy ước”. Khuynh hướng này trong tiếng Việt càng nổi bật hơn. Xét từ ngữ liệu của luận án, nhóm PNCKGT quy ước tiếng Việt với tỷ lệ 42,40%, còn nhóm PNCKGT phi quy ước thì với tỷ lệ 57,59%, số lượng của PNCK phi quy ước gấp 1,36 lần so với nhóm PNCK quy ước. Ở phần tiếng Hán, nhóm PNCKGT quy ước chiếm tỷ lệ 49,17%, và PNCKGT phi quy ước chiếm 50,83%, số lượng của PNCK phi quy ước chỉ hơi

nhiều hơn PNCKGT quy ước. Nhìn từ điểm khác nhau này, có thể hiểu được tư duy và thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán cũng có khác nhau.

4.2. Đối chiếu ý nghĩa và mức độ cầu khiến của phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán

Ở chương 2 và chương 3, luận án đã trình bày: Dựa vào mức độ cầu khiến trong phát ngôn, thì PNCK có thể phân chia thành ba nhóm như: nhóm PNCK với mức cầu khiến cao, nhóm PNCK với mức cầu khiến trung bình, nhóm PNCK với mức cầu cao. Về mặt hình thức, PNCK có loại hỏi – cầu khiến, trần thuật – cầu khiến và cảm thán – cầu khiến. Dựa vào bảng thống kê hình thức và mức độ cầu khiến về 698 PNCKGT tiếng Việt trong tiểu kết của chương 2, và bảng thống kê về hình thức và mức độ cầu khiến của 842 PNCKGT tiếng Hán trong tiểu kết của chương 3, luận án làm bảng đối chiếu như bảng 4.3:

Bảng 4.3: Đối chiếu ý nghĩa và mức độ cầu khiến của PNCKGT trong tiếng Việt với tiếng Hán

Hình thức	Mức độ cầu khiến	Số phiếu		Chiếm tỷ lệ	
		Tiếng Việt	Tiếng Hán	Tiếng Việt	Tiếng Hán
Hỏi – cầu khiến	Mức cầu khiến cao	106	135	34,08%	30,68%
	Mức cầu khiến trung bình	112	118	36,01%	26,82%
	Mức cầu cao	93	187	29,90%	42,50%
Trần thuật – cầu khiến	Mức cầu khiến cao	79	55	29,59%	20,91%
	Mức cầu khiến trung bình	118	114	44,19%	43,35%
	Mức cầu cao	70	94	26,22%	35,74%
Cảm thán – cầu khiến	Mức cầu khiến cao	67	74	55,83%	53,24%
	Mức cầu khiến trung bình	33	39	27,50%	28,06%
	Mức cầu cao	20	26	16,67%	18,70%

Dựa vào những số liệu trên, luận án xin tóm tắt những điểm giống nhau trong phần sau đây:

Điểm giống nhau: 1) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến cả tiếng Việt và tiếng Hán, trường hợp hỏi – cầu khiến với mức khiến cao tương đối ít, còn phát ngôn hỏi – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao chiếm tỷ lệ lớn hơn. Tình huống này trong tiếng Việt là: phát ngôn hỏi – cầu khiến với mức khiến cao với tỷ lệ 34,08%, phát ngôn hỏi – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao thì chiếm 65,91%. Tình huống này trong tiếng Hán cũng như vậy: phát ngôn hỏi – cầu khiến với mức khiến cao với tỷ lệ 30,68%, phát ngôn hỏi – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao cùng chiếm 69,32%. Xét từ ngữ liệu của luận án, có một số phát ngôn hỏi – cầu khiến mang ý nghĩa hỏi ngược hướng hoặc bác bỏ ý kiến của người nghe luôn với mức khiến cao, nhưng số lượng về kiểu phát ngôn hỏi này tương đối ít. Còn phát ngôn hỏi – cầu khiến đa số là biểu hiện những HĐCK như dặn / khuyên, hoặc mời / nhờ, cho nên không mang tính áp đặt.

2) Trong nhóm phát ngôn trần thuật – cầu khiến của hai ngôn ngữ, phát ngôn luôn biểu hiện hành động mức cầu khiến trung bình. Cụ thể là: trong tiếng Việt, phát ngôn trần thuật – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình có 118 phiếu, với tỷ lệ 44,19%; trong tiếng Hán, phát ngôn trần thuật – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình có 114 phiếu, với tỷ lệ 43,35%. Hai tần số này rất gần nhau, là vì những phát ngôn trần thuật khi biểu hiện HĐCKGT, luôn là qua cách miêu tả tình trạng tâm lý của người nói hoặc sự kiện, nêu ra nguyện vọng hoặc kế hoạch của người nói, hoặc là phân tích sự kiện, cho nên phát ngôn trần thuật – cầu khiến luôn với tình cảm sắc thái trung tính, biểu hiện hành động đề nghị / khuyên nhủ với tỷ lệ cao. Có thể nói, có được kết quả này, cũng là do bản chất của hình thức trần thuật quyết định.

3) Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến của tiếng Việt và tiếng Hán, số lượng về phát ngôn cảm thán – cầu khiến với mức khiến cao khá nhiều, còn phát ngôn cảm thán – cầu khiến với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao thì ít hơn. Ở tiếng Việt, phát ngôn cảm thán – cầu khiến với mức khiến cao chiếm tỷ lệ 55,83%.

Ở tiếng Hán, phát ngôn cảm thán – cầu khiến với mức khiến cao chiếm tỷ lệ 53,24%. Tần số về phát ngôn cảm thán – cầu khiến với mức khiến cao đều hơn 50%. Có được kết quả này, là vì phát ngôn cảm thán – cầu khiến với ngữ điệu mạnh, luôn biểu hiện những HĐCK như cấm đoán, ngăn chặn, yêu cầu, lực ngôn trung cũng mạnh. Vì thế, chúng ít biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao. Trong tiếng Việt, cảm thán – cầu khiến với mức cầu cao chỉ với tỷ lệ 16,67%. Trong tiếng Hán, cảm thán – cầu khiến với mức cầu cao cũng chỉ với tỷ lệ 18,70%.

Điểm khác nhau: 1) Trong tiếng Việt, trường hợp phát ngôn hỏi – cầu khiến biểu hiện HĐCK với mức cầu cao có 93 phiếu, chiếm tỷ lệ 29,90%. Trong tiếng Hán, trường hợp phát ngôn hỏi – cầu khiến biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao có 187 phiếu, chiếm tỷ lệ 42,50%. Thậm chí cả tần số về phát ngôn hỏi – cầu khiến biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình cũng có sự khác biệt lớn, phân biệt là 36,01% (tiếng Việt) và 26,82% (tiếng Hán).

Nguyên nhân tạo ra điểm khác nhau này, là vì trong tiếng Hán có nhiều kiểu dạng thức hỏi – cầu khiến hơn, và chúng luôn với lực ngôn trung nhẹ, được biểu hiện những hành động với mức cầu cao như rủ, mời, nhờ, xin ... Với lại, hiện tượng này cũng phản ánh được ý thức sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác nhau. Khi có việc nhờ đến người nghe, hoặc xin phép người nghe, người Hán hay sử dụng hình thức hỏi dò hơn, so với hình thức trần thuật và cảm thán. Họ cho rằng đây là một hình thức có thể xúc động người nghe mà có hiệu quả nhất.

2) Trong loại phát ngôn trần thuật – cầu khiến, trường hợp phát ngôn trần thuật – cầu khiến tiếng Việt biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao khá nhiều. Trong tiếng Việt, phát ngôn trần thuật – cầu khiến biểu hiện HĐCK với mức khiến cao có 79 phiếu, chiếm tỷ lệ 29,59%; còn ở tiếng Hán thì có 55 phiếu, chỉ chiếm 20,91%. Nhưng tình huống của phát ngôn trần thuật – cầu khiến cả tiếng Việt và tiếng Hán biểu hiện HĐCK với mức cầu cao thì trái lại. Phát ngôn trần thuật – cầu khiến tiếng Việt biểu hiện HĐCK với mức cầu cao có 70 phiếu, với tỷ lệ 26,22%; còn ở tiếng Hán thì có 94 phiếu, với tỷ lệ 35,74%. Nói chung là trường hợp phát ngôn trần thuật – cầu khiến trong tiếng Việt biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn,

còn ở tiếng Hán thì trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao nhiều hơn.

3) Xét từ ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Hán của luận án, các phát ngôn hỏi / trần thuật / cảm thán được biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến từ cao đến thấp như bảng 4.4:

Bảng 4.4: Đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán

PNCKGT tiếng Việt (698 phiếu)			PNCKGT tiếng Hán (842 phiếu)		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	252	36,10%	Mức khiến cao	264	31,35%
Mức cầu khiến trung bình	263	37,68%	Mức cầu khiến trung bình	271	32,19%
Mức cầu cao	183	26,22%	Mức cầu cao	307	36,46%

Số liệu trong bảng này đã chứng tỏ một kết quả rất trực quan: Tần số biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình của PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán không kém nhiều, nhưng tần số biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao thì có khác nhiều. Trong tiếng Việt, tần số về nhóm HĐCK với mức cầu cao là 26,22%, trong tiếng Hán thì là 36,34%.

Nhìn từ điểm khác nhau 2) và 3), cũng thể hiện ý thức dùng ngôn của người Việt và người Hán có khác nhau. Người Hán khi sử dụng PNCKGT để biểu hiện các HĐCK, kể cả sử dụng hình thức trần thuật để biểu hiện ý muốn cầu khiến, đều hay biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao. Vì trong quan niệm thâm căn cố đế của người Hán, dùng cách gián tiếp để biểu hiện HĐCK thì phải cố gắng nỗ lực cả người nghe và chính mình, cho nên họ càng quen dùng cách gián tiếp để biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao.

4.3. Đối chiếu phát ngôn nhóm cầu khiến gián tiếp quy ước của tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán

PNCKGT không chỉ có vai trò biểu hiện các HĐCK, còn thể hiện được thói quen dùng lời của người nói. Vì vậy, khi chúng tôi nghiên cứu đối chiếu PNCKGT

trong tiếng Hán với tiếng Việt, không chỉ phải thực hiện công việc đối chiếu cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa, mà còn phải đối chiếu chúng ở bình diện ngữ dụng học.

4.3.1. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán

4.3.1.1. Đối chiếu dạng thức “có ... không?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tiếng Việt, phát ngôn của tiểu loại này được sử dụng hơi nhiều. Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, nhóm này có 29 phát ngôn, có ví dụ như sau:

108) Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

– Có đi hay không? <Xuất giá tòng phu - Nguyễn Công Hoan>

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe đi.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, trong dạng thức “**V.(P) + 吗? / 不?**”, “**肯不肯 + P?**”, “**愿意/愿不愿意 + P?**”, “**想不想 + P?**”, “**V. + 不 + V.**”, có một số phát ngôn mang ý nghĩa tương đương với dạng “**có ... không?**”. Chẳng hạn:

109) – 出去玩怎么录音得了?

– (那是你的事!) 你帮不帮我录音的?

– Ra ngoài chơi làm sao mà ghi âm được?

– (Đó là chuyện của mày!) Mày có ghi âm giúp tao không? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe giúp ghi âm.

Theo bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**có ... không?**” có 15 phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.1 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.5, để đối chiếu chúng một cách trực quan:

Bảng 4.5: Đối chiếu mức cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.1

Dạng thức “có ... không?”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	9	31,03%	Mức khiến cao	5	33,33%
Mức cầu			Mức cầu		

Khiến trung bình	8	27,59%	Khiến trung bình	1	6,67%
Mức cầu cao	12	41,38%	Mức cầu cao	9	60,00%

So sánh, đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**có ... không?**” với dạng thức tương đương trong tiếng Hán, có được mấy kết quả như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**có ... không?**” trong tiếng Việt có 9 phiếu, với tỷ lệ 31,03%. Còn phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán chỉ có 5 phiếu, với tỷ lệ 33,33%. Vì thế, tần số về biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao trong hai ngôn ngữ hầu hết là bằng nhau.

+ Có một số sự tương đương trong tiếng Hán là tương đương cả về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa với những phát ngôn có dạng “**có ... không?**” trong tiếng Việt, chẳng hạn: “你吃点豆腐吗? (Chị có ăn ít đậu không?)”.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, chủ yếu có hai điểm khác nhau. 1) Trong trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, phát ngôn tiếng Việt trong nhóm này nhiều hơn tiếng Hán cùng loại rất nhiều ($27,59% > 6,67%$). 2) Trong trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn tiếng Việt trong nhóm này ít hơn tiếng Hán cùng loại rất nhiều ($41,38 < 60,00%$). Vì thế, phát ngôn trong nhóm tiếng Hán với lực ngôn trung nhẹ nhàng hơn.

+ Khi chuyển dịch sang tiếng Hán, dựa vào ngôn cảnh và thói quen dùng lời, dạng thức “**có ... không?**” có thể có 5 dạng thức như “**V.(P) + 吗? / 不?**”, “**肯不肯 + P?**”, “**愿意/愿不愿意 + P?**”, “**想不想 + P?**”, “**V. + 不 + V.**”

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**có ... không?**” trong tiếng Việt có 29 phiếu, chiếm tỷ lệ 4,15% (29/698 phiếu). Trong tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức tương đương có

15 phiếu, với tỷ lệ 1,78% (15/842 phiếu). So với tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**có ... không?**” được sử dụng phổ biến hơn trong tiếng Việt.

+ Có một kiểu phát ngôn có dạng thức “有（还有）……吗？ / 有没有……？（có ... không？）” trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến quy ước tiếng Hán, mặc dù bản dịch tiếng Việt của chúng cũng có cặp từ “**có ... không?**”, nhưng về ngữ nghĩa chúng khác hẳn với dạng “**có ... không?**” trong tiếng Việt. Trong dạng thức “有（还有）……吗？ / 有没有……？（có... không？）” của tiếng Hán, cặp từ “**có ... không?**” kết hợp với các danh từ, luôn có nghĩa là hỏi người nghe có đồ đạc gì hay không, để gợi ý người nghe đưa đồ đạc ấy cho mình, hoặc xin đồ đạc gì với người nghe.

Kiểu phát ngôn này có dạng thức hỏi, trường hợp là biểu hiện khuyên, rủ, xin/xin phép nhiều hơn, cho nên trường hợp biểu hiện nhưng hành động với lực ngôn trung mạnh ít hơn. Với lại trong hai ngôn ngữ dễ tìm được cấu trúc tương đương với ý nghĩa tương đương, cho nên có hai điểm giống nhau nổi bật. Nhưng trong dạng thức tương đương của tiếng Hán, thì có nhiều cấu trúc với ý nghĩa tương đồng, cho nên với dạng thức nhiều hơn tiếng Việt. Trong tiếng Hán những phát ngôn này luôn được nêu trong hội thoại của người quen thuộc, hoặc hai người giao tiếp với vị thế xã giao bằng nhau, cho nên trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến vừa phải nhiều hơn tiếng Việt. Và chính vì dạng thức tương đương trong tiếng Hán phong phú hơn, cho nên nhóm phát ngôn này được với tần số sử dụng cao hơn tiếng Việt.

4.3.1.2 Đối chiếu dạng thức “P + chứ?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tiếng Việt, cấu trúc “**P + c?**” là một hình thức hỏi điển hình. Theo thống kê, trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 26 phiếu. Chúng tôi xin nêu câu ví dụ:

110) – (Chị lại đi tắm bỏ rồi!) *Tuần sau mình cũng ăn lẩu chứ?* (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: rủ người nghe tuần sau ăn lẩu.

Dạng thức “**P + chứ?**” của tiếng Việt, cũng có sự tương đương trong tiếng Hán – “**P + 吧?**”. Trong ngôn cảnh nhất định, cách hỏi dò này cũng có ý nghĩa cầu khiến.

Ví dụ:

111) (两个好朋友正打电话聊天。)

- 明天下午我们去星巴克喝咖啡吧? (继续闲聊呗。)

- 不错!

(Hai bạn thân đang gọi điện nói chuyện.)

- Chiều mai mình đi Starbucks uống cà phê chứ? (Trò chuyện tiếp đi!)

- Được nhé! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: rủ người nghe uống cà phê.

Theo bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**P + chứ?**” trong tiếng Việt có 3 phiếu tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.2 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.6 để đối chiếu chúng:

Bảng 4.6: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.2

Dạng thức chứa cặp từ “ P + chứ? ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	3	11,54%	Mức cầu khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	15	57,69%	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	8	30,77%	Mức cầu cao	3	100%

Như vậy, qua việc đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**P + chứ?**” với sự tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu ra những kết quả đối chiếu như sau:

Điểm giống nhau: + Về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa: Dạng thức “**P + 吧?**” trong tiếng Hán hoàn toàn tương đương với dạng thức “**P + chứ?**” trong tiếng Việt. Phần “**P**” luôn là động từ, cụm động từ hoặc một lời nói chỉ động tác, còn trợ từ “**chứ**” và “**吧**” đặt ở cuối câu biểu hiện ý nghĩa nghi vấn. Cả cấu trúc hỏi này luôn biểu hiện hành động đề nghị, rủ, mời... Trong hai ngôn ngữ đều như vậy.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trong tiếng Việt, phát ngôn hỏi có dạng “**P + chứ?**” có thể biểu hiện nhiều ý nghĩa cầu khiến như yêu cầu, đề nghị, rủ... Trong đó, nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình chiếm tỷ lệ lớn nhất (57,69%). Nhưng trong tư liệu tiếng Hán của luận án, phát ngôn hỏi có dạng thức “**P + 吧?**” chỉ có 3 phiếu, mà 3 phát ngôn này toàn biểu hiện HĐCK với mức cầu cao.

+ Tần số sử dụng của chúng có khác nhau. Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn có dạng thức “**P + chứ?**” có 26 phiếu, với tỷ lệ 3,72% (26/698 phiếu). Còn trong ngữ liệu tiếng Hán, phát ngôn có dạng thức “**P + 吧?**” chỉ có 3 phiếu, chiếm khoảng 0,36% (3/842 phiếu). Phát ngôn có dạng thức “**P + chứ?**” được sử dụng phổ biến hơn.

+ Trường hợp sử dụng từ ta / chúng ta (tương đương với 咱们/我们), mình (tương đương với 咱/我们) làm chủ ngữ để thể hiện sự gần gũi trong hai ngôn ngữ có khác nhau, trong tiếng Việt với tỷ lệ 15,38% (4/26 phiếu), trong tiếng Hán là 33,33% (1/3 phiếu).

Vì từ “**chứ**” hoàn toàn tương ứng với “**吧**”, cho nên dạng thức “**P + chứ?**” và “**P + 吧?**” cũng tương đương với nhau về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, và chỉ có một dạng thức duy nhất tương ứng. Nhưng người Hán hay dùng dạng thức “**P + 吧?**” để biểu hiện hành động khuyên, dặn, thậm chí yêu cầu, cho nên tạo ra điểm khác nhau nổi bật là “**P + 吧?**” có thể biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến khác nhau, mà “**P + chứ?**” hoàn toàn biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao,

4.3.1.3. Đối chiếu dạng thức “... được không?” trong tiếng Việt với tiếng Hán.

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn có dạng thức “... **được không?**” có 20 phiếu. Chúng có ví dụ tiêu biểu như sau:

112) Rồi rung rức lên khóc:

– Bác có kế gì cho tôi vào nhà được không?

< Nợ nần – Nguyễn Công Hoan >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin người nghe nghĩ kế giúp mình vào nhà.

Xét bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “... **được không?**” trong tiếng Việt có 7 dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “.....好吗/好不好? ”, “.....行吗/行不行? ”, “.....成吗/成不成?”, “能.....吗? ”, “.....可以吗? ”, “能不能+ P ? ”, “P+ 怎么样? ”. Chẳng hạn:

113) “别再跟我说话了, 行吗?”我不耐烦地打断他, “见不到就各自回家啊。”

"Đừng nói chuyện với em nữa, được không?". Tôi mất bình tĩnh ngắt lời anh, "Không gặp thì ai về nhà này "

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: cấm người nghe nói chuyện với mình nữa.

Theo bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “... **được không?**” có 80 phiếu với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.3 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.7, để đối chiếu chúng một cách trực quan:

Bảng 4.7: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.3

Dạng thức “... được không? ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	0	0%	Mức cầu khiến cao	15	18,75%
Mức cầu khiến trung bình	6	30,00%	Mức cầu khiến trung bình	25	31,25%
Mức cầu cao	14	70,00%	Mức cầu cao	40	50,00%

Đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “... **được không?**” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin trình bày kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Đa số phát ngôn có dạng thức “... **được không?**” trong tiếng Việt và các sự tương đương trong tiếng Hán đều được dùng biểu hiện HĐCK

với mức cầu khiến trung bình hoặc mức cầu cao.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trong tiếng Việt, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Nhưng trong những sự tương đương của tiếng Hán có 15 phiếu là biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao, với tỷ lệ 18,52%. 2) Trong tiếng Việt, tỷ lệ của phát ngôn có dạng thức này biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao khá cao, so với tình hình trong tiếng Hán (70,00% > 50,00%). Cho nên, sắc thái của phát ngôn có dạng thức “... **được không?**” trong tiếng Việt ôn hoà hơn, so với sự tương đương trong tiếng Hán.

+ Cùng chung ý nghĩa của cấu trúc hỏi “... **được không?**”, trong tiếng Hán với hình thức biểu hiện đa dạng hơn, có 7 dạng thức mang ý nghĩa tương đương với “... **được không?**”.

+ Về số lượng và tần số sử dụng, phát ngôn hỏi có dạng “... **được không?**” trong tiếng Việt có 20 phiếu, với tỷ lệ 2,87% (20/698 phiếu). Những phát ngôn tương đương trong tiếng Hán có 80 phiếu, tần số sử dụng của chúng là 9,62% (80/842 phiếu). Có thể thấy, người Hán càng hay dùng những phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức tương đương với “... **được không?**”.

Dạng thức “... **được không?**” có nghĩa hỏi về ý kiến của người nghe, đa số phát ngôn trong tiếng Việt và các sự tương đương trong tiếng Hán là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình hoặc mức cầu cao. Sở dĩ có hiện tượng này, là vì trong văn hoá Việt – Trung đều chú trọng tình thần hòa quý, nhân dân Việt – Trung luôn có quan niệm với cách nói khách sáo, để làm cho hai bên hài lòng. Nhưng trong dạng thức tương đương của tiếng Hán, “... **được không?**” có nhiều cấu trúc với ý nghĩa tương đồng, cho nên với dạng thức nhiều hơn tiếng Việt, cho nên nhóm phát ngôn này được với tần số sử dụng cao hơn tiếng Việt, dễ được người ta nêu ra. Và từ trường hợp thêm từ xin (請) trong tiếng Hán nhiều hơn tiếng Việt, mà những trường hợp này trong tiếng Hán có thể nêu ra bởi người có vị thế xã giao cao hơn, thói quen thích sử dụng phương thức nói ngược lại với lòng chính là nguyên nhân căn bản tạo ra hiện tượng này.

4.3.1.4. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “... có được không?/ ... , có được không?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Theo thống kê, trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn này có 7 phiếu. Chúng tôi xin nêu ví dụ điển hình về phát ngôn hỏi – câu khiến có dạng thức “... có được không?/ ... , có được không?” để minh họa:

114) – Me ơi, con muốn xem tivi, có được không? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin phép người nghe cho xem tivi.

Xét từ kết quả dịch, trong ngữ liệu của luận án, dạng thức “... có được không?/ ... , có được không?” trong tiếng Việt có 4 dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “.....好吗/好不好?”, “.....行吗/行不行”, “.....怎么样?”, “.....可以吗?”. Phát ngôn hỏi – câu khiến tiếng Hán với những dạng thức này có câu điển hình như sau:

115) - 这本书借给我回去看, 行吗?

- Cho em mượn quyển sách về nhà xem, có được không? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin người nghe cho mượn sách.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “... có được không?/ ..., có được không?” có 13 phiếu với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.4 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.8, để đối chiếu hai ngôn ngữ một cách trực quan:

Bảng 4.8: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.4

Dạng thức “... có được không?/ ..., có được không?”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	2	28,57%	Mức khiến cao	3	23,08%
Mức cầu khiến trung bình	2	28,57%	Mức cầu khiến trung bình	5	38,46%
Mức cầu cao	3	42,86%	Mức cầu cao	5	38,46%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “... **có được không?** / ... , **có được không?**” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về mặt cấu trúc ngữ pháp: Cả mô hình có dạng thức “... **có được không?** / ... , **có được không?**” trong tiếng Việt là “**P + có được không?** / **P, có được không?**”, trong tiếng Hán nên là “**P + 好吗/好不好/行吗/行不行/怎么样/可以吗?** . Trong đó, phần “**P**” đều là những động từ / cụm động từ hoặc lời trần thuật chỉ động tác, đặt trước các cấu trúc mang ý nghĩa hỏi dò.

+ Về mặt ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “... **có được không?** / ... , **có được không?**” trong tiếng Việt và phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức tương đương trong tiếng Hán đều có thể biểu hiện cả ba nhóm HĐCK với mức cầu khiến khác nhau. So với nhóm HĐCK với mức khiến cao, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao nhiều hơn.

Điểm khác nhau: + Khi chuyển dịch sang tiếng Hán, dựa vào ngôn cảnh cụ thể và ý nghĩa cầu khiến, dạng thức “... **có được không?** / ... , **có được không?**” có thể có 4 dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “.....好吗/好不好? ”, “.....行吗/行不行”, “.....怎么样? ”, “.....可以吗? ”.

+ Về số lượng và tần số sử dụng: Trong tư liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “... **có được không?** / ... , **có được không?**” có 7 phiếu, với tỷ lệ khoảng 1,00% (7/698 phiếu). Trong tư liệu tiếng Hán, phát ngôn với dạng thức tương đương có 13 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,54% (13/842 phiếu). Mặc dù phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “... **có được không?** / ... , **có được không?**” trong tiếng Việt và phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán đều không nhiều lắm, nhưng chúng được sử dụng nhiều hơn trong tiếng Hán, so với tần số sử dụng trong tiếng Việt (gấp 1,5 lần).

Sự tương đương của dạng thức “... **có được không?** / ... , **có được không?**” trong tiếng Hán có khuôn cấu trúc và ý nghĩa cầu khiến hoàn toàn giống với “... **có được không?** / ... , **có được không?**”, về căn bản là trong đa số trường hợp, khuôn cấu trúc này trong hai ngôn ngữ đều có ý hỏi ý kiến với người nghe với thái độ ôn

hoà. Nhưng trong tiếng Hán, cùng chung một ý nghĩa có nhiều dạng thức hơn, cho nên được người ta sử dụng nhiều hơn so với tiếng Việt.

4.3.1.5. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “Có thể + P + không / được không?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tư liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 18 phiếu, chẳng hạn:

116) – Cháu có thể xin bà một điều không?

<Người đàn bà đích thực –B.T. Bradford>

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin sự giúp đỡ từ người nghe.

Xét từ ngữ liệu tiếng Hán của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến trong nhóm quy ước cũng có nhiều phát ngôn được chuyển dịch sang tiếng Việt có dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**”. Trong đó, bao gồm 4 dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “**P + 吗/不?**”, “**能.....吗?**”, “**可以.....吗?** / 可以吗?”, “**能不能/可不可以 + P ?**”. Chúng tôi xin nêu ví dụ:

117) – 赵姐, 明天可以帮我买一点葱吗?

– 没问题。

– Chị Triệu, mai có thể mua giúp em ít hành lá không?

– Được, không có vấn đề!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe giúp mua hành lá.

Xét từ bản dịch tiếng Hán, dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” có 42 phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.5 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.9, để đối chiếu chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.9: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.5

Dạng thức “ Có thể + P + không / được không? ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ

Mức khiến cao	0	0%	Mức khiến cao	5	11,90%
Mức cầu khiến trung bình	1	11,11%	Mức cầu khiến trung bình	3	7,14%
Mức cầu cao	17	88,89%	Mức cầu cao	34	80,96%

Sau công việc đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” trong tiếng Việt và phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán đều mang với mức độ nghi vấn cao, chúng được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao nhiều hơn, phân biệt với tỷ lệ 88,89% và 80,95%.

Điểm khác nhau: + Xét từ bảng thống kê trên, phát ngôn có dạng thức “**可以……吗?**” trong tiếng Hán, toàn biểu hiện các hành động với mức cầu cao, phần lớn là hành động xin hoặc nhờ vả. Vì phải xin hoặc nhờ vả người nghe thực hiện hành động gì đó, người nói biết sự nhờ vả của mình sẽ đe dọa đến thể diện hoặc lợi ích của người nghe, thiệt hại lợi ích của người nghe hoặc ít hoặc nhiều. Cho nên, khi nêu ra ý muốn của mình, người nói sẽ cẩn thận hơn, cố gắng thể hiện sự tôn trọng và giữ gìn thể diện của người nghe. Chính vì thế, chiến lược sử dụng chủ ngữ hoặc từ xưng hô trong phát ngôn thì rất hữu hiệu. Chẳng hạn: “**Chi** có thể kể rõ hơn được không ?”, “**你**可以帮我查点资料吗? (**Chi** có thể tìm giúp em một vài tài liệu không?)”. Cho nên, xét lại ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Hán của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**có thể + P + không / được không?**” trong tiếng Việt có 1 phiếu là tỉnh lược chủ ngữ, nhưng phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**可以……吗?**” trong tiếng Hán toàn giữ chủ ngữ hoặc sử dụng từ xưng hô ở đầu câu. Hiện tượng này cũng có thể giải thích vấn đề - tại sao dạng thức “**可以……吗?**”

trong tiếng Hán toàn được sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao.

+ Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, trường hợp phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” trong tiếng biểu hiện HĐCK với mức khiến cao là 0 phiếu. Nhưng trong những phát ngôn tương đương trong tiếng Hán, trường hợp này chiếm tỷ lệ 11,90%, với lực ngôn trung cao hơn.

+ Cùng chung ý nghĩa của cấu trúc hỏi “**Có thể + P + không / được không?**”, trong tiếng Hán với hình thức biểu hiện đa dạng hơn, có 7 dạng thức mang ý nghĩa tương đương với nhau.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn có dạng thức cùng loại: Xét từ ngữ liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “**Có thể + P + không / được không?**” có 18 phiếu, với tỷ lệ 2,58% (18/698 phiếu). Xét từ ngữ liệu tiếng Hán, phát ngôn với dạng thức tương đương có 42 phiếu, chiếm tỷ lệ 4,99% (42/842 phiếu). Trong tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức tương đương với “**Có thể + P + không / được không?**” được sử dụng nhiều hơn, tần số sử dụng gấp khoảng 2 lần so với tiếng Việt.

Việt Nam và Trung Quốc đều chịu ảnh hưởng Nho giáo, nhân dân của hai này có đặc tính ôn hoà, nói năng lịch sự, thích hài hoà. Vì thế, dạng thức “**Có thể + P + không / được không?**” và dạng thức tương đương trong tiếng Hán có ý hỏi về có khả năng làm chuyện gì đó không, tình huống biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao trong hai ngôn ngữ đều khá nhiều. Nhưng trong nhóm tiếng Hán, cùng chung một ý nghĩa có 7 dạng thức, cang hay được sử dụng đến, cho nên tần số sử dụng càng cao hơn. Lại vì thói quen sử dụng chủ ngữ đứng đầu phát ngôn của người Việt và người Hán có khác, vì vậy “**可以.....吗?**” trong tiếng Hán toàn giữ chủ ngữ hoặc sử dụng từ xưng hô ở đầu câu, có vai trò giữ thể diện của người nghe.

4.3.1.6. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “Sao / sao lại / tại sao + p?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 57 phiếu, ví dụ:

118) (Khi con ăn sáng, chỉ ăn đồ ăn mà không uống thứ gì.)

– **Sao con không uống nước?** (Con uống nước trước đi). (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: đề nghị người nghe uống nước khi ăn sáng.

Trong tiếng Hán, cũng có một số phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức tương đương với dạng “Sao / sao lại / tại sao + p?” trong tiếng Việt, ví dụ: “干嘛/干什么/为什么 + P?”, “怎么+ P ? ”. Trong ngữ liệu tiếng Việt, kiểu phát ngôn này có 38 phiếu, chẳng hạn:

119) “(哎黄小仙儿,) 你怎么没去淘宝上买那个巨棒的叠衣服的板子啊? 我都买三个了, 没了它我活不成.....”

“(Ôi, Hoàng Tiểu Tiên à,) sao cô không lên taobao mua tấm kê để gấp quần áo loại to ấy? Tôi mua ba cái rồi, không có nó, tôi không sống nổi...”.

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình”- Bào Kinh Kinh)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: giục người nghe mua tấm kê để gấp quần áo.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, phát ngôn có dạng thức “干嘛/干什么/为什么 + P?”, “怎么+ P ? ” có 38 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.1.6 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.10, để đối chiếu chúng ở mặt mức độ cầu khiến:

Bảng 4.10: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.6

Dạng thức “Sao / sao lại / tại sao + p?”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	36	63,16%	Mức cầu khiến cao	23	60,53%
Mức cầu khiến trung bình	16	28,07%	Mức cầu khiến trung bình	13	34,21%
Mức cầu cao	5	8,77%	Mức cầu cao	2	5,26%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “Sao / sao lại / tại sao + p?” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu mấy kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu thị HĐCK với mức khiến cao, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” trong tiếng Việt và phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức tương đương trong tiếng Hán luôn là những phát ngôn hỏi ngược hướng, với lực ngôn trung mạnh, cho nên chúng thường được dùng để biểu hiện các HĐCK với mức khiến cao như giục, yêu cầu, ngăn. Trong tiếng Việt, trường hợp phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao có 36 phiếu với tỷ lệ 63,16%. Trong tiếng Hán, có 23 phiếu với tỷ lệ 60,52%. Về biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, tần số sử dụng trong hai ngôn ngữ này gần nhau. 2) Trường hợp biểu HĐCK với mức cầu cao trong hai ngôn ngữ đều rất ít, đối chiếu hai ngôn ngữ này, tỷ lệ phát ngôn được dùng để biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao tiếng Hán cũng không kém nhiều.

+ Về cấu trúc ngữ pháp: Trong dạng thức “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” của tiếng Việt, phần “**p**” có thể là những động từ / cụm động từ / lời nói biểu hiện động tác, hoặc là tính từ / lời nói miêu tả về người hoặc sự tình. Trong các dạng thức tương đương của tiếng Hán cũng là thế, nội dung của phần “**p**” trong “**干嘛/干什么/为什么 + P?**”, “**怎么+ P ?**” cũng như vậy.

+ Về khả năng kết hợp từ, khi cấu trúc “**Sao / sao lại / tại sao + p?**” trong tiếng Việt kết hợp với từ “*không*”, có thể tạo nên cấu trúc “**Sao / sao lại / tại sao (không) + p?**”, nhờ chiến lược phủ định để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Trong tiếng Hán cũng vậy, khi từ phủ định “*不(không)*” hoặc “*没(chưa/không)*” được kết hợp với cấu trúc, phát ngôn hỏi có dạng “**干嘛/干什么/为什么(不) + P?**”, “**怎么(不)+ P ?**” cũng có thể biểu hiện ý nghĩa khẳng định.

+ Về trường hợp kết hợp với các từ phủ định như “*không / 不*”, trường hợp này trong tiếng Việt có 26 phiếu, với tỷ lệ 45,61% (26/57 phiếu). Trong tiếng Hán, trường hợp này có 16 phiếu, chiếm 42,10% (16/38 phiếu). Vì vậy, tần số kết hợp với các từ phủ định như “*không / 不*” trong hai ngôn ngữ không kém nhiều, số lượng về biến thể của kiểu phát ngôn này trong cả tiếng Việt và tiếng Hán đều như vậy.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trường hợp phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng “Sao / sao lại / tại sao + p?” biểu hiện HĐCK trung bình ít hơn phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán (28,07% < 34,21%).

+ Khi chuyển dịch sang tiếng Hán, dựa vào ngôn cảnh cụ thể và ý nghĩa cầu khiến, dạng thức “Sao / sao lại / tại sao + p?” có 3 dạng thức như: “干嘛/干什么/为什么 + P?”, “怎么 + P ? ”.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “Sao / sao lại / tại sao + p?” trong tiếng Việt có 57 phiếu, chiếm 8,17% (57/698 phiếu). Phát ngôn hỏi cầu khiến với dạng tương đương trong tiếng Hán có 38 phiếu, chiếm 4,51% (38/842 phiếu). Vì thế, đối chiếu tần số sử dụng phát ngôn, thì phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “Sao / sao lại / tại sao + p?” trong tiếng Việt được sử dụng nhiều hơn.

“Sao / sao lại / tại sao + p?” và dạng thức tương đương trong tiếng Hán, có nghĩa hỏi ngược hướng, luôn mang sắc thái chỉ trích, cho nên đa số trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, lực ngôn trung mạnh, đều có thể kết hợp với từ phủ định. Nhưng nhóm phát ngôn này trong tiếng Hán có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình nhiều hơn, cho nên sắc thái cũng mạnh hơn nhóm tiếng Việt. Và dạng thức tương đương trong tiếng Hán có 3 loại, nhưng những kiểu phát ngôn này mang sắc thái chỉ trích mạnh hơn so với tiếng Việt, người Hán cũng ít sử dụng chúng, tần số sử dụng trong tiếng Hán thì thấp hơn.

4.3.1.7. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “Làm gì / Làm gì mà ... thế?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 4 phiếu, luận án sẽ lấy ví dụ để minh họa:

120) Nhìn thẳng Tường loay hoay đi tới đi lui, tôi chép miệng:

– Mày làm gì như con lật đật vậy, Tường?

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Khuyên người nghe đừng loay hoay đi tới đi lui

như con lật đật vậy.

Xét từ ngữ liệu tiếng Hán, trong ngôn cảnh nhất định, một số mô hình “干什么 / 干吗 + P ?” có thể dịch tương đương với “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt. Trong tiếng Hán, kiểu phát ngôn này cũng ít, chỉ có 5 phiếu, chẳng hạn:

121) 老王惊呼: 孩子们, 你们干什么? (你们.....吃煤? 煤也能吃?)

Lão Vương kêu lên: “*Các cháu! Các cháu làm gì thế?* (Các cháu ...ăn than? Than cũng có thể ăn được sao?)”. 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Ngăn người nghe ăn than.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” của tiếng Việt có 5 phiếu sự tương đương trong tiếng Hán. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.1.7 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.11, để đối chiếu chúng một cách trực quan:

Bảng 4.11: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.7

Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	2	50,00%	Mức cầu khiến cao	3	60,00%
Mức cầu khiến trung bình	2	50,00%	Mức cầu khiến trung bình	2	40,00%
Mức cầu cao	0	0%	Mức cầu cao	0	0%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” có dạng thức “干什么 + P ?” trong tiếng Hán, luận án xin tóm tắt mấy kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Vì phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” mang ý nghĩa ngăn cấm hoặc khuyên nhủ người nghe không thực hiện hành động gì đó, cho nên phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt

không có phiếu nào biểu hiện HĐCK với mức câu cao, tình hình này trong dạng thức tương đương của tiếng Hán cũng như vậy.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt có 4 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,57% (4/698 phiếu). Phát ngôn có dạng tương đương trong tiếng Hán có 5 phiếu, với tỷ lệ 0,59% (5/842 phiếu). Vì vậy, số lượng và tần số sử dụng phát ngôn có dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt và phát ngôn có dạng thức “干什么 + *P*?” trong tiếng Hán đều rất ít.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiên cao: Trường hợp phát ngôn hỏi với dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt là ít hơn nhóm phát ngôn tương đương của tiếng Hán (50,00% < 60,00%). Cho nên, phát ngôn hỏi có dạng thức “干什么 + *P*?” trong tiếng Hán được dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiên cao hơi nhiều, lực ngôn trung cũng mạnh mẽ hơn. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: Trong nhóm phát ngôn tiếng Việt nhiều hơn nhóm phát ngôn tương đương của tiếng Hán (50,00% > 40,00%).

+ Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa: Trong mô hình “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” của tiếng Việt, phần nội dung đứng sau cấu trúc “**Làm gì / Làm gì mà**” có thể là những cụm tính từ, cũng có thể là lời nói mang tính hình dung hoặc lời nói thể hiện tình trạng tâm lý và tình cảm của người nói. Nhưng ở mô hình “干什么 + *P*?” trong tiếng Hán, phần “*P*” có thể là cụm tính từ, cũng có thể là cụm động từ, hoặc là một lời trần thuật chỉ động tác hoặc trình bày sự tình. Lại vì phần “*P*” trong mô hình “干什么 + *P*?” có thể chỉ động tác hoặc trình bày sự tình, cho nên có thể kết hợp với từ phủ định “不 (không)”. Đây cũng là một đặc điểm riêng trong tiếng Hán, so với dạng thức “**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” trong tiếng Việt.

“**Làm gì / Làm gì mà ... thế?**” và dạng thức tương đương trong tiếng Hán, cũng đều có nghĩa hỏi ngược hướng, mang sắc thái quở trách, cho nên đa số trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức khiên cao, lực ngôn trung mạnh. Chính vì thế,

trong hai ngôn ngữ này, kiểu phát ngôn với sắc thái mạnh mẽ này với tần số sử dụng thấp. Nhưng thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác biệt, phát ngôn nhóm tiếng Hán có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiếm cao nhiều hơn, và có trường hợp kết hợp với từ phủ định để nhấn mạnh sắc thái và mức khiếm.

4.3.1.8 Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức này có 34 phiếu, có câu tiêu biểu như sau:

122) Sơn xoa tay:

– (Thôi, thôi, không được cãi trọng tài!) Hỏi này tui tao không khiêu nại thì thôi chớ tui bây bầy đăt khiến nại làm cái cóc gì?

< Trước vòng chung kết - Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn cấm người nghe khiêu nại, cãi trọng tài.

Xét từ kết quả dịch, dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” trong tiếng Việt có dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “P + 什么/干什么/干吗(嘛)?”, “V. + 什么 + V.?”. Phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Hán với những dạng thức này có câu điển hình như sau:

123) 你姑姑不是人，是妖魔！岳母跳出来，这些年来，她糟蹋了多少性命啊？她的手上沾满了鲜血，她死后要被阎王爷千刀万剐！

你说这些干什么？ 岳父道，(这是男人的事)。

“Cô của cậu không phải là người, là loài yêu ma!” Mẹ vợ tôi hẳn học nói – “Mấy năm nay, bà ta đã hại chết bao nhiêu sinh mệnh? Đôi tay bà ta nhúng bao nhiêu là máu tươi, chết xuống âm phủ sẽ bị lão diêm vương băm vằm thân thể ra như cám cho mà xem!”

“Bà nói chuyện ấy làm gì?” (Đây là chuyện của đàn ông.)” Bố vợ nói.

《蛙》 - 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: cấm người nghe thảo luận về chuyện này.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” có 30 phiếu

sự tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.8 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.12, để đối chiếu chúng một cách trực quan:

Bảng 4.12: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.8

Dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	17	50,00%	Mức cầu khiến cao	21	70,00%
Mức cầu khiến trung bình	15	44,12%	Mức cầu khiến trung bình	9	30,00%
Mức cầu cao	2	5,88%	Mức cầu cao	0	0%

Thông qua so sánh, đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau giữa dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” có dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu một số kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa, vì các từ nghi vấn đứng sau “*gì*”, “*làm gì*” và “*cái gì*” các động từ, cụm động từ hoặc lời nói biểu hiện động tác, làm cho phát ngôn hỏi có dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” mang ý nghĩa bác bỏ động tác hoặc nội dung trong lời nói ở phần trước. Tình huống này trong các dạng thức tương đương của tiếng Hán cũng vậy. Cho nên, phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” trong tiếng Việt và phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán đa số là biểu hiện những HDCK với mức cầu khiến cao và mức cầu khiến trung bình.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Tần số sử dụng phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức “... làm gì / gì / cái gì?” trong tiếng Việt (4,87%) và phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức “P + 什么/干什么/干吗(嘛)? ”(3,56%) gần nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Phát ngôn hỏi

– cầu khiến có dạng thức “... **làm gì / gì / cái gì?**” trong tiếng Việt, có chút khác biệt với phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + 干什么/干吗 (嘛) ?**” của tiếng Hán, mặc dù đa số phát ngôn cùng loại luôn biểu hiện nhóm hành động với mức khiến cao và nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình. 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, trong tiếng Việt có 17 phiếu, chiếm 50,00% (17/34 phiếu). Nhưng trong tiếng Hán, số lượng thì nhiều hơn, có 21 phiếu phát ngôn dùng để biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, chiếm 70,00% (21/30 phiếu). 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, trong tiếng Việt có 15 phiếu, chiếm 44,12% (15/34 phiếu). Ở tiếng Hán, trường hợp này ít hơn, chỉ có 9 phiếu phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm 30,00% (9/30 phiếu). 3) Về trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, trong tiếng Việt có 2 phiếu, chiếm 5,88% (2/34 phiếu). Ở tiếng Hán thì càng tuyệt đối hơn, không có phiếu nào biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao. Nói chung, phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “... **làm gì / gì / cái gì?**” trong tiếng Việt biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến trung bình nhiều hơn tiếng Hán (44,12% > 30,00%), và lại trong phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “**P + 干什么/干吗 (嘛) ?**” của tiếng Hán không có trường hợp nào biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, cho nên phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng “... **làm gì / gì / cái gì?**” trong tiếng Việt thể hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao nhiều hơn, lực ngôn trung của chúng luôn ôn hoà hơn kiểu tương tự trong tiếng Hán.

Đây cũng là một kiểu phát ngôn với dạng thức hỏi ngược hướng, cho nên trong hai ngôn ngữ này đa số trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình. Vì kiểu phát ngôn này sắc thái mạnh mẽ này, dễ làm cho người nghe khó chịu, cho nên đều ít được sử dụng trong hai ngôn ngữ. Nhưng cũng do tư duy và thói quen sử dụng ngôn ngữ của người Việt và người Hán có khác biệt, vì thế kiểu phát ngôn trong nhóm tiếng Hán càng hay biểu hiện các hành động với mức khiến cao, lực ngôn trung cũng mạnh hơn tiếng Hán.

4.3.1.9. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “Hay / Hay là ...” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 22 phiếu. Chúng tôi xin nêu ví dụ tiêu biểu như sau:

124) – Hay hôm nay mình đi phố cổ? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: đề nghị người nghe đi chơi phố cổ.

Xét từ kết quả dịch, dạng thức “**Hay / Hay là ...**” trong tiếng Việt có những dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “要不/“要不要+P?”, “是不是+ P? ”.

Phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Hán có những dạng thức này có ví dụ như sau:

125) (天气渐渐炎热, 吃饭时更热了。但是晓龙怕冷, 平时不喜欢开空调。)

- 晓龙, 是不是要开一下空调?

(Thời tiết dần nóng, khi ăn cơm thì càng thấy nóng. Nhưng Hiểu Long sợ lạnh, không thích dùng điều hoà.)

- Hiểu Long à, hay là bật điều hoà một chút? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin phép với người nghe, muốn bật điều hoà cho mát.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**Hay / Hay là ...**” có 23 sự tương đương trong tiếng Hán. Dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.1.9 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.13, để đối chiếu chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.13: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.9

Dạng thức “ Hay / Hay là ... ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%	Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	16	72,73%	Mức cầu khiến trung bình	13	56,52%
Mức cầu cao	6	27,27%	Mức cầu cao	10	43,48%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**Hay** / **Hay là ...**” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin trình bày mấy điểm kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Phát ngôn có dạng thức này trong tiếng Việt và sự tương đương trong tiếng Hán đa số được sử dụng để biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao.

+ Về cấu trúc ngữ pháp và khả năng kết hợp từ, các từ “**Hay**”, “**Hay là**” cũng giống với các từ “**要不**”, “**要不要**”, “**是不是**”, đều được đặt ở vị trí đầu câu, đều mang ý nghĩa nêu ra ý kiến của mình và để người nghe tự quyết định tiếp nhận hay không, và phần “**P**” đều là những động từ / cụm động từ hoặc lời nói chỉ động tác.

+ Về số lượng và tần số sử dụng của phát ngôn: Phát ngôn có dạng thức “**Hay** / **Hay là ...**” trong tiếng Việt có 22 phiếu, chiếm tỷ lệ 3.15% (22/698 phiếu). Còn phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**要不/要不要+P?**”, “**是不是+ P?**” có 23 phiếu, chiếm tỷ lệ 2,73% (23/842 phiếu). Số lượng về phát ngôn có dạng thức “**Hay** / **Hay là ...**” và sự tương đương của nó rất gần nhau, và tần số sử dụng của chúng cũng không kém nhiều. Có một điểm cần phải lưu ý, dựa vào ngôn cảnh cụ thể, một số phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Hán có dạng thức “**要不要/要不然+ P?**”, “**是不是+ P?**” trong tác phẩm văn học được dịch giả chuyển dịch thành “**có cần + P + không?**”, cho nên luận án không tính những phát ngôn này vào sự tương đương của tiếng Hán. Nếu chúng vẫn được coi như là sự tương đương trong tiếng Hán, thì tần số sử dụng của sự tương đương trong tiếng Hán cao hơn một chút, càng gần với tần số sử dụng của phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**Hay** / **Hay là ...**” trong tiếng Việt.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trong trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, phát ngôn hỏi – cầu khiến với dạng thức “**Hay** / **Hay là ...**” có 16 phiếu, với tỷ lệ 72,73% (16/22 phiếu). Số liệu này ở tiếng Hán thì ít hơn, trong phát ngôn với các dạng thức tương đương, có 13 phiếu phát ngôn biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm khoảng 56,52% (13/23 phiếu). 2) Về trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với

mức câu cao, phát ngôn với dạng thức “**Hay / Hay là ...**” chỉ có 6 phiếu, với tỷ lệ 27,27% (6/22 phiếu). Nhưng ở sự tương đương của tiếng Hán, thì tần số này khá nhiều, có 10 phiếu phát ngôn được dùng để biểu hiện cách HĐCK với mức câu cao, với tỷ lệ 43,47% (10/23 phiếu). Tỷ lệ này nhiều hơn trường hợp như nhau trong tiếng Việt (43,47% > 27,27%).

Có thể thấy, phát ngôn trong nhóm này đều biểu hiện HĐCK với mức câu khiến trung bình và mức câu cao, vì nhóm phát ngôn này đều là thông qua phương thức hỏi dò để nêu ra ý kiến của mình, với sắc thái ôn hoà. Nhưng người Hán càng hay sử dụng phát ngôn có dạng thức “**要不要/要不然+ P?**”, “**是不是+ P?**” để biểu hiện các hành động thuộc nhóm HĐCK với mức câu cao. Trong ý thức của người Hán, PNCKGT có dạng thức “**要不要/要不然+ P?**”, “**是不是+ P?**” có vai trò thể hiện lịch sự, có thể giữ được thể diện của người nghe, giúp ích sự giao tiếp dễ đạt được thành công hơn.

4.3.1.10. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “P + không?” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu tiếng Việt của luận án, PNCKGT có dạng thức này có 20 phiếu, luận án xin nêu ví dụ như sau:

126) – (Chị ơi, chị có quen bạn nào học ngành Quản lý không? Em đang viết bài tiểu luận, nhưng thầy giáo không cho bọn em ppt.) Chị quen bạn nào có thể giúp em không? (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin sự giúp đỡ từ người nghe.

Cũng là xét từ kết quả dịch, trong ngữ liệu tiếng Hán của luận án, dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt có dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “**P + 吗/不?**”, “**有 (还有)吗? / 有没有.....?**”, “**V. + 不 + V.**”. Chẳng hạn:

127) - 小黄妹妹, 明天晚上跟我们一起吃饭吗? (明天我们炖红烧牛腩)。

- Em gái Hoàng ơi, tối mai ăn cùng chúng tôi không? (Ngày mai chúng ta sẽ làm món nạm bò kho.) (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe tối mai ăn cùng mình, để thưởng thức món nạm bò kho - món ăn được mọi người ưa thích.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**P + không?**” có 23 sự tương đương trong tiếng Hán. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.1.10 của chương 2, chúng tôi xin làm bảng 4.14, để đối chiếu chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.14: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.10

Dạng thức “ P + không? ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	2	10,00%	Mức cầu khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	5	25,00%	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	13	65,00%	Mức cầu cao	23	100%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức **P + không?** với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu mấy điểm kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ, như trong phần miêu tả ở chương 2 đã đề cập đến, dạng thức **P + không?** trong tiếng Việt có hai loại, chúng khác ở vị trí phần “**P**” trong mô hình. Về loại hình 1), phần “**P**” trong dạng thức “**P + không?**” là động từ /cụm động từ, hoặc là một lời nói biểu hiện một động tác, một hành động, trường hợp này thì có sự tương đương trong tiếng Hán là “**P + 吗/不?**” và “**V. + 不 + V.**” Về loại hình 2), phần “**P**” trong dạng thức “**P + không?**” là danh từ hoặc một câu trọn vẹn mang ý nghĩa xác định người nghe có đồ đạc hoặc hiện vật gì đó hay không. Ở trường hợp này, dạng thức “**P + không?**” có sự tương đương trong tiếng Hán là “**有（还有）……吗？ / 有没有……？**” .

+ Về số lượng và tần số sử dụng của phát ngôn: Phát ngôn hỏi – cầu khiến có

dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt có 20 phiếu, chiếm khoảng 2,87% (20/698 phiếu). Còn phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán có 23 phiếu, chiếm khoảng 2,73% (23/842 phiếu). Vì thế, số lượng của phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt và phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán gần nhau, tần số sử dụng của chúng trong hai ngôn ngữ cũng như vậy.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Về phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là nhiều nhất, với tỷ lệ 65,00%. Nhưng ở tiếng Hán, tình hình lại khác hẳn, 23 phiếu hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán toàn biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao hoặc mức cầu khiến trung bình là 0 phiếu. Đa số phát ngôn trong tiếng Hán được dùng để biểu hiện HĐCK với mức như mời, rủ, xin / xin phép.

+ Về lực ngôn trung trong phát ngôn, vì phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán toàn biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao, có thể cho rằng: so với tiếng Hán, lực ngôn trung của những phát ngôn có dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt mạnh hơn.

+ Cách sử dụng từ xưng hô giữa người có quan hệ thân mật: Phát ngôn hỏi – cầu khiến có các dạng thức tương đương trong tiếng Hán toàn được sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, với lực ngôn trung nhẹ nhàng hơn phát ngôn có dạng thức “**P + không?**”. Và phát ngôn với lực ngôn trung nhẹ nhàng làm cho người nghe dễ tiếp nhận đích cầu khiến trong phát ngôn, luận án xin đổi chiều cách sử dụng từ xưng hô giữa người có quan hệ thân mật trong phát ngôn hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt với phát ngôn hỏi – cầu khiến với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Xét từ ngữ liệu của luận án, có 5 phiếu hỏi – cầu khiến có dạng thức “**P + không?**” trong tiếng Việt có sử dụng từ xưng hô “mày”, chẳng hạn: “**Mày đi không?**”, “**Mày còn thuốc lá không?**”. Trong từ điển tiếng Việt, từ “mày” được cắt nghĩa là “Cách xưng hô với người ngang vai nhỏ hơn, với bạn thân, hoặc khi giận.” [21, tr.532]. Trong 5 phiếu này, từ xưng hô “mày” toàn

được sử dụng trong cuộc giao tiếp giữa người bạn thân, thể hiện sự gần gũi giữa người nói và người nghe, biểu hiện sự tùy ý giữa người nói và người nghe một cách tự nhiên. Ở tiếng Hán, không có từ xưng hô như “tao – mày” trong tiếng Việt, trong trường hợp giao tiếp với bạn thân hoặc người ít tuổi hơn, thường dùng những từ vựng với ý nghĩa tương tự như “小混蛋(đồ khốn nạn)”, “小家伙(thằng nhóc)”, “你这家伙(thằng này/ mày)”, hoặc từ vựng được cư dân mạng dùng nhiều như “老铁(mày)”, “你这老六(mày này)”. Cùng chung một ý nghĩa, nhưng từ xưng hô thể hiện quan hệ thân mật trong tiếng Hán đa dạng hơn.

Vì dạng thức “**P + không?**” và sự tương đương trong tiếng Hán đều là thông qua phương thức hỏi để nêu ra ý kiến của mình, cho nên luôn biểu hiện các hành động như đề nghị, rủ, mời, với sắc thái ôn hòa. Vì thế kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều được sử dụng tương đối nhiều, tần số sử dụng của chúng gần bằng nhau. Như trong trường hợp giao tiếp với bạn thân hoặc người ít tuổi hơn, để thể hiện sự thân mật, trong tiếng Việt chỉ có từ xưng hô như “tao – mày”. Trong tiếng Hán lại khác, vì Trung Quốc quá rộng, mỗi một nơi đều có thể có cách xưng hô mang đặc sắc địa phương, cho nên có hiện tượng là cùng chung một ý nghĩa, phương thức thể hiện trong tiếng Hán đa dạng hơn.

4.3.1.11. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “... gì mà...” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, phát ngôn có dạng thức này rất ít, chỉ có 5 phiếu, luận án xin nêu hai ví dụ tiêu biểu như sau:

128) Cháu bảo: Cháu uống ít rượu thôi, sợ lắm.

Chú nói: Sợ gì mà sợ? Rượu này uống ngon mà thấy bổ. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe uống rượu.

Theo kết quả dịch, PNCKGT có dạng thức “**V. + 什么 + V.**” trong tiếng Hán có thể dịch tương đương thành “... **gì mà...**” trong tiếng Việt, luận án xin trình bày như sau:

129) –月月这才恼火地起了床, “敲什么敲? 窗户敲坏了。”

– Nguyệt Nguyệt tức giận đến nổi thức dậy và kêu lên: “Gõ gì mà gõ?”

Cửa sổ bị gõ hỏng rồi.” 《你是一条河》- 池莉 (“Anh là một con sông” - Tri Lợi)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn hành động gõ cửa của người nghe.

Những phát ngôn này chúng tôi thu thập từ tác phẩm văn học của Trung Quốc, và những tác phẩm ấy đã được dịch và xuất bản ở Việt Nam. Các dịch giả khi chuyển dịch cấu trúc “V. + 什么 + V.” không phải cứ giữ nguyên khuôn cấu trúc của ngôn ngữ nguồn, mà là kết hợp với thói quen sử dụng ngôn ngữ của tiếng Việt và ngôn cảnh cụ thể, chuyển dịch PNCKGT có cấu trúc “V. + 什么 + V.” đúng ý nghĩa và đúng ngữ pháp của tiếng Việt. Cho nên khi tìm kiếm sự tương đương của PNCK có dạng thức “... gì mà...” trong tiếng Việt, luận án không tính những phát ngôn được chuyển dịch như kiểu này vào cứ liệu. Như vậy, xét từ ngữ liệu tiếng Hán của luận án, dạng thức “... gì mà...” chỉ có 1 phiếu với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.1.11 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.15, để đối chiếu chúng một cách trực quan:

Bảng 4.15: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.11

Dạng thức “... gì mà...”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	3	60%	Mức cầu khiến cao	1	100%
Mức cầu khiến trung bình	2	40%	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	0	0%	Mức cầu cao	0	0%

Luận án xin nêu điểm giống nhau và khác nhau của chúng như sau:

Điểm giống nhau: + Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa: Từ ngữ đặt trước tổ hợp “gì mà” và từ ngữ được đặt sau “gì mà” luôn cùng một từ, và cái từ này thường là động từ hoặc tính từ. Trong sự tương đương của tiếng Hán cũng vậy, từ ngữ kết hợp với từ “什么” là động từ hoặc tính từ được động từ hoá, và từ mà đặt trước “什么” và từ đặt sau “什么” là một từ thống nhất.

+ Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Vì dạng thức “... **gì mà...**” của tiếng Việt và dạng thức “**V. + 什么 + V.**” của tiếng Hán đều với lực ngôn trung mạnh, thường được sử dụng để biểu hiện những hành động với mức khiến cao hoặc mức cầu khiến trung bình.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Phát ngôn có dạng thức “... **gì mà...**” của tiếng Việt chỉ có 5 phiếu, với tỷ lệ 0,07% (5/698 phiếu). Còn phát ngôn có dạng thức “**V. + 什么 + V.**” trong tiếng Hán được luận án tính vào cứ liệu và nghiên cứu, đối chiếu với phát ngôn có dạng thức “... **gì mà...**” trong tiếng Việt chỉ có 1 phiếu, với tỷ lệ 0,01% (1/842 phiếu). Và trong ngữ liệu, tất cả phát ngôn có dạng thức “**V. + 什么 + V.**” cũng chỉ có 7 phiếu thôi. Vì thế, phát ngôn có dạng thức “... **gì mà...**” của tiếng Việt và phát ngôn có dạng thức “**V. + 什么 + V.**” đều với số lượng rất ít, tần số sử dụng cũng thấp.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Vì dạng thức “... **gì mà...**” của tiếng Việt và dạng thức “**V. + 什么 + V.**” của tiếng Hán đều có ý nghĩa là yêu cầu người nghe không thực hiện hành động gì đó, cho nên luôn có lực ngôn trung mạnh, thường biểu hiện những HĐCK với mức cầu khiến cao hoặc mức cầu khiến trung bình. Trong tiếng Việt, dạng thức “... **gì mà...**” biểu hiện HĐCK với mức khiến cao có 3 phiếu, chiếm tỷ lệ 60,00%. Trong tiếng Hán, phát ngôn có dạng thức tương đương chỉ có 1 phiếu, mà phát ngôn duy nhất này biểu hiện hành động cấm, với lực ngôn trung rất mạnh.

Về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, dạng thức “... **gì mà...**” hoàn toàn tương ứng với “**V. + 什么 + V.**” trong tiếng Hán, đều có ý nghĩa phản đối hành động nào đó của người nghe, cho nên khi đối chiếu hai dạng thức này là điểm giống nhau rất nhiều. Chúng chỉ khác ở chỗ khi biểu hiện hành động cầu khiến với mức khiến cao, trong nhóm tiếng Hán chiếm tỷ lệ 100%, vì khi người Hán sử dụng kiểu phát ngôn này hầu hết toàn mang ý nghĩa quở trách chàm ý phê bình, dùng phương thức này biểu hiện ý muốn phản đối quyết liệt, điều này cũng do ý thức sử dụng ngôn ngữ của người Việt và người Hán có khác biệt tạo nên.

4.3.1.12. Đối chiếu phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến trong tiếng Việt với tiếng Hán

Theo ngữ liệu tiếng Việt, kiểu phát ngôn này có 8 phiếu, chúng tôi xin nêu ví dụ như sau:

130) Á hàng xén trợn mắt – Ai muốn các ông các bà chõ mõm vào?

<Ba Giai – Tú Xuất – Lê Văn Trinh>

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn chặn người nghe chõ mõm vào.

Ở tiếng Hán, cũng có loại phát ngôn như vậy. Chẳng hạn:

131) 蒋皎跟着我一直到了浴室的门口，我问：“(要干吗)? 难道想看我洗澡啊?”

Tường Giáo đi theo tôi đến tận cửa. Tôi hỏi, “(Muốn làm gì?) Chẳng lẽ định nhìn anh tắm?” 《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiêu Tuyết Mạn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe ra ngoài cửa.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, trường hợp phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến có 18 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.1.12 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.16, để đối chiếu chúng bằng cách trực quan:

Bảng 4.16: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.1.12

Phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến trong tiếng Việt			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	87,50%	Mức khiến cao	8	44,45%
Mức cầu khiến trung bình	1	12,50%	Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%

Mức cầu cao	0	0%	Mức cầu cao	4	22,22%
-------------	---	----	-------------	---	--------

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến trong tiếng Việt với dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu mấy điểm kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về lực ngôn trung của phát ngôn: Phát ngôn hỏi ngược hướng là kiểu phát ngôn dùng hình thức phủ định để biểu hiện ý nghĩa khẳng định. Cách biểu hiện này thể hiện sắc thái cay nghiệt, thông thường với lực ngôn trung mạnh. Đặc điểm này là đặc điểm chung của phát ngôn hỏi ngược hướng trong hầu hết tất cả ngôn ngữ.

+ Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Chính vì đặc tính chung của phát ngôn hỏi ngược hướng là lực ngôn trung mạnh, cho nên khi chúng gánh vai biểu hiện HĐCK, luôn được sử dụng để biểu hiện những HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn, chẳng hạn như: cấm đoán, ngăn chặn, yêu cầu.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Về trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, phát ngôn tiếng Việt thuộc nhóm này luôn được người nói sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, với tỷ lệ 87,50% (7/8 phiếu). Tình huống này trong tiếng Hán thì có khác, mặc dù kiểu phát ngôn này trong tiếng Hán cũng được người ta dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn, nhưng chỉ với tỷ lệ 44,45% (8/18 phiếu). Đối chiếu tần số biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, tiếng Việt gấp gần hai lần so với tiếng Hán. 2) Về trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, trong tiếng Việt chỉ có 1 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm tỷ lệ 12,50% (1/8 phiếu). Trong tiếng Hán, trường hợp này thì nhiều hơn, có 6 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm tỷ lệ 33,33% (5/18 phiếu). 3) Về trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn hỏi ngược hướng với chức năng cầu khiến gián tiếp có quy ước trong tiếng Việt không có phiếu nào biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Trong tiếng Hán có 4 phiếu được người nói dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, nhiều hơn tiếng Việt.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: phát ngôn hỏi ngược hướng có quy ước với chức năng cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt (1,15%) ít hơn tiếng Hán

(2,14%) hơi nhiều, không được sử dụng phổ biến như tiếng Hán vậy.

Nhóm phát ngôn này toàn thông qua phương thức hỏi ngược hướng để biểu hiện HĐCK, yêu cầu, ngăn chặn và khuyên nhủ chiếm nhiều hơn, cho nên đều ít có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Nhưng do ý thức sử dụng phương thức biểu hiện này của người Việt càng có khuynh hướng là thể hiện sắc thái mạnh và lực ngôn trung mạnh, cho nên trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức cầu cao là 0 phiếu. Và chính vì nhóm phát ngôn này trong tiếng Việt với lực ngôn trung cực mạnh, dễ tạo hậu quả là giao tiếp thấp bại, cho nên nhóm phát ngôn này được sử dụng ít hơn trong tiếng Việt.

4.3.2. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức trần thuật trong tiếng Việt với tiếng Hán

4.3.2.1. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “D1 muốn / mong D2 + P” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu của luận án, kiểu phát ngôn này có 9 phiếu, ví dụ:

132) (Nhận được nhắn tin nhảm.)

– *Tôi muốn anh gặp tôi để nói chuyện.* (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: rủ người nói gặp mặt để nói chuyện với nhau.

Xét từ kết quả dịch và sự phân loại phát ngôn trần thuật – cầu khiến có quy ước trong tiếng Hán, mô hình “**D1 muốn / mong D2 + P**” trong tiếng Việt có sự tương đương trong tiếng Hán là “**D1 想/希望/要 (D2) + P**”. Ví dụ:

133) 庆春应和着他：“(给你们带来的惊吓和麻烦我们深表歉意。)希望你们能安抚一下你们公司的人，(另外也要做做通华工艺雕刻厂那几位的工作。我们表示感谢。)”

Khánh Xuân phụ hoạ:

(Đem đến cho các ông một sự kinh động và phiền phức, chúng tôi thành thật xin lỗi.) *Hy vọng ông có thể làm yên lòng những người của công ty ông.* (Ngoài ra ông cũng giúp chúng tôi thông cảm với những người thuộc Công ty Công nghệ phẩm Thông Hoa, chúng tôi vô cùng cảm tạ.)

《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe làm yên lòng nhân viên trong công ty.

Xét từ kết quả dịch Hán, dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” có 7 phiếu sự tương đương trong tiếng Hán. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.2.1 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.17, để đối chiếu chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.17: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.3.2.1

Phát ngôn có dạng thức “ D1 muốn / mong D2 + P ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	0	0%	Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung bình	4	44,44%	Mức cầu khiến trung bình	2	28,57%
Mức cầu cao	5	55,56%	Mức cầu cao	5	71,43%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” với những dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin trình bày mấy điểm kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Khi người nói biểu hiện HĐCK bằng cách uyển chuyển với dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” hoặc “**D1 想/希望/要 (D2) + P**”, đã suy nghĩ đến vấn đề biểu hiện lực ngôn trung trong phát ngôn và tính lịch sự. Cho nên, trong nhóm tiếng Việt và tiếng Hán đều không có không trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, đây là một đặc điểm chung của nhóm phát ngôn này trong hai ngôn ngữ.

+ Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ, phần “**P**” trong dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” và “**D1 想/希望/要 (D2) + P**” đều giống nhau hết về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Về ngữ nghĩa, phần “**P**” trong dạng thức “**D1 muốn / mong**

D2 + P” và “**D1 想/希望/要 (D2) + P**” đều chứa động từ, cũng có thể là một lời nói chứa động từ để chỉ động tác hoặc hành động. Về cấu trúc ngữ pháp và khả năng kết hợp từ, phần “**P**” đều đặt sau từ “**muốn / mong**” hoặc “**想/希望/要**”, do từ các “**muốn / mong**” hoặc “**想/希望/要**” dẫn ra đích ngôn trung trong phát ngôn.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Phát ngôn trần thuật – cầu khiến có dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” có 9 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,29% (9/698 phiếu). Phát ngôn trần thuật – cầu khiến có dạng thức “**D1 想/希望/要 (D2) + P**” có 7 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,08% (6/842 phiếu). Về tần số sử dụng phát ngôn, phát ngôn có dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” không kém quá nhiều so với phát ngôn có dạng thức dạng thức “**D1 想/希望/要 (D2) + P**”, đều ít được sử dụng trong tiếng Việt và tiếng Hán.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Về trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, trong nhóm tiếng Việt (44,44%) nhiều hơn tiếng Hán (28,57%). 2) Về trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, trong tiếng Việt (55,56%) thì ít hơn tiếng Hán (71,43%).

Về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, dạng thức “**D1 muốn / mong D2 + P**” hoàn toàn tương ứng với “**D1 想/希望/要 (D2) + P**” trong tiếng Hán, đều có nghĩa thông qua cấu trúc này trình bày ý muốn của mình, cho nên khi đối chiếu hai dạng thức này là điểm giống nhau rất nhiều. Chúng chỉ khác ở chỗ khi biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, chúng tôi cho rằng đây cũng do thói quen sử dụng phát ngôn có khác tạo nên, người Hán khi sử dụng kiểu phát ngôn này càng muốn giữ thể diện của người nghe, cho nên trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao trong tiếng Hán nhiều hơn.

4.3.2.2. Đối chiếu phát ngôn có dạng thức “D1 / D3 muốn / mong + V. (P)” trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu của luận án, phát ngôn có dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V (P)**” có 19 phiếu. Luận án xin nêu ví dụ để minh họa:

134) – Con muốn đi chơi công viên nước.

– Ừ, đi chơi công viên nước, ăn kem hồ Tây nhé. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin phép người nghe dẫn mình đi chơi công viên nước.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, phát ngôn trần thuật – cầu khiến có dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” trong tiếng Việt có những dạng thức tương đương trong tiếng Hán như: “**D1 想/希望/要 (D2) + P**”, “**D3 想/想要/希望 (D2) + P**”.

Luận án xin lấy ví dụ để minh họa:

135) “(这样吧黄小姐, 你现在方便出来一下吗?) 我想带你看看我准备办婚礼的现场。 今天只有我, 李可不来。”

"(Như vậy nhé cô Hoàng, bây giờ cô tiện không,) tôi muốn đưa cô đi xem địa điểm chúng tôi chuẩn bị tổ chức hôn lễ. Hôm nay chỉ có tôi, Lí Khả không tới".

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: Rủ và hẹn người nghe đi khảo sát chỗ hai vợ chồng chuẩn bị tổ chức hôn lễ, và tham mưu giúp mình.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” có 22 phiếu với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.3.2.2 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.18, để đối chiếu chúng một cách trực tiếp:

Bảng 4.18: Đối chiếu mức độ cầu khiến trong phát ngôn trong mục 4.3.2.2

Phát ngôn có dạng thức “ D1 / D3 muốn / mong + V. (P) ”			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	7	36,84%	Mức khiến cao	0	0%
Mức cầu khiến trung	2	10,53%	Mức cầu khiến trung	3	13,64%

bình			bình		
Mức cầu cao	10	52,63%	Mức cầu cao	19	86,36%

Luận án xin nêu một số kết quả về nghiên cứu, đối chiếu dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” trong tiếng Việt với dạng thức tương đương trong tiếng Hán như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, trong tiếng Việt có 2 phiếu, chiếm tỷ lệ 10,53% (2/19 phiếu). Phát ngôn với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán có 3 phiếu, chiếm tỷ lệ 13,64% (3/19 phiếu). Tần số biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình ở tiếng Việt và tiếng Hán gần bằng nhau.

+ Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa: Với hình thức trần thuật, dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” trong tiếng Việt và các dạng thức tương đương tiếng Hán đều là thông qua cách bày tỏ nguyện vọng của chính mình (**D1**) hoặc người ta (**D3**), để cầu khiến người nghe thực hiện hành động một cách gián tiếp. Trong dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” trong tiếng Việt và các dạng thức tương đương tiếng Hán, từ “**muốn / mong**” và “**想/希望/要**” đều là động từ, con phần “**P**” đều là lời nói chỉ động tác chứa động từ.

+ Về số lượng và tần số sử dụng của phát ngôn: Trong tiếng Việt, phát ngôn trần thuật – cầu khiến có dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” có 19 phiếu, chiếm tỷ lệ 2,72% (19/698 phiếu). Còn các dạng thức tương đương tiếng Hán có 22 phiếu, với tỷ lệ 2,63% (22/842 phiếu). Vì thế, tần số sử dụng dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V. (P)**” trong tiếng Việt và dạng thức tương đương trong tiếng Hán hầu hết là bằng nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiên cao, phát ngôn có dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V (P)**” trong tiếng Việt có 7 phiếu, chiếm tỷ lệ 36,84%. Ở tiếng Hán, trường hợp này là 0 phiếu. 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn có dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V (P)**” trong tiếng Việt có 10 phiếu, chiếm tỷ lệ 52,63%. Ở tiếng Hán, phát ngôn với các dạng thức tương đương

có 19 phiếu, chiếm tỷ lệ 86,36%. Cho nên, xét từ kết quả đối chiếu ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến của chúng, chúng tôi cho rằng, cùng chung một ngữ nghĩa, phát ngôn với các dạng thức tương đương trong tiếng Hán với lực ngôn trung nhẹ nhàng hơn, càng lịch sự hơn.

Về mặt cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, dạng thức “**D1 / D3 muốn / mong + V (P)**” hoàn toàn tương ứng với “**D1 想/希望/要 (D2) + P**”, “**D3 想/想要/希望 (D2) + P**” n, đều có nghĩa thông qua phương thức trần thuật để trình bày ý muốn của mình, cho nên khi đối chiếu hai dạng thức này là điểm giống nhau rất nhiều. Chúng chỉ khác ở chỗ khi biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, chúng tôi cũng cho rằng, đây là do thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác tạo nên, người Hán khi sử dụng kiểu phát ngôn này càng muốn giữ thể diện của người nghe, cho nên trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao trong tiếng Hán nhiều hơn.

4.3.3. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước dạng thức cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 18 phiếu. Luận án xin nêu mấy ví dụ như sau:

136) (Con chó kêu to)

– Úi! Ghê lắm! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu chủ nhà quản lý con chó của nhà mình.

Xét về kết quả dịch và cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, trong ngữ liệu tiếng Hán của luận án, dạng thức “.....**好/太 + adj. !**” tương đương với dạng thức “**...lắm / quá!**” trong tiếng Việt. Luận án xin nêu mấy ví dụ tiêu biểu như sau:

137) (刚把整碗汤端上桌, 就看到女儿直接要喝汤。)

– (这汤还吃不了。) 太烫了!

(Vừa để bát canh trên bàn, thì nhìn thấy con gái cứ ăn canh.)

- (Canh này còn chưa ăn được.) Nóng quá! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn người nghe dùng canh ngay.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, phát ngôn có dạng thức “**V (p) + lắm / quá!**”

trong tiếng Việt có 4 phát ngôn với dạng thức tương đương trong tiếng Hán. Dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.3.3 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.19, để đối chiếu chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.19: Đối chiếu mức độ cầu khiến trong phát ngôn trong mục 4.3.3

Dạng thức “... lắm / quá! ” trong tiếng Việt			Dạng thức tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	7	38,89%	Mức cầu khiến cao	2	50,00%
Mức cầu khiến trung bình	6	33,33%	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	5	27,78%	Mức cầu cao	2	50,00%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của dạng thức “...**lắm / quá!**” với dạng thức tương đương trong tiếng Hán, luận án xin trình bày mấy điểm kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa, PNCKGT có dạng thức “...**lắm / quá!**” trong tiếng Việt và PNCKGT có dạng thức “.....**好/太 + adj. !**” trong tiếng Hán đều là những phát ngôn biểu hiện HĐCK qua chiến lược cảm thán. Chúng luôn là những phát ngôn biểu cảm hoặc sự đánh giá, với giọng điệu mạnh.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến cao, PNCKGT có dạng thức “...**lắm / quá!**” trong tiếng Việt ít hơn PNCKGT có dạng thức “.....**好/太 + adj. !**” trong tiếng Hán ($38,89% < 50,00%$). 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, phát ngôn có dạng thức “...**lắm / quá!**” trong tiếng Việt nhiều tuyệt đối, vì trường hợp này trong nhóm tiếng Hán là 0 phiếu ($33,33% > 0%$). 3) Trường

hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn với dạng thức “...**lắm / quá!**” trong tiếng Việt lại ít hơn tiếng Hán nhiều (27,78% < 50,00%). Cho nên, xét từ kết quả đối chiếu trên, chúng tôi cho thấy, về biểu hiện ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, phát ngôn cảm thán – cầu khiến có quy ước trong tiếng Hán có hai khuynh hướng lớn, hoặc là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, hoặc là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Đây cũng có thể bộc lộ tình cảm, sắc thái của người Hán khi nêu ra phát ngôn cảm thán – cầu khiến, hoặc là với thái độ quyết liệt và phát ngôn mang tính ép buộc rất cao, hoặc là ôn hoà và nhu mì hơn và phát ngôn hầu hết không có tính ép buộc.

+ Về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa: Trong dạng thức “...**lắm / quá!**” của tiếng Việt, từ “**lắm**” và “**quá**” có vai trò biểu hiện tình thái, đặt ở cuối câu. Nhưng trong dạng thức tương đương của tiếng Hán – dạng thức “.....**好/太 + adj. !**” thì hoàn toàn trái lại, từ “**好**” và “**太**” cũng có ý nghĩa chỉ mức độ và biểu hiện tình thái, nhưng chúng được đặt trước các tính từ hoặc một đoạn ngữ mang tính hình dung. Đây là một sự khác biệt rất nổi bật giữa dạng thức “...**lắm / quá!**” của tiếng Việt và dạng thức “.....**好/太 + adj. !**” trong tiếng Hán.

+ Về số lượng và tần số sử dụng của phát ngôn: Trong tiếng Việt, PNCKGT có dạng thức “...**lắm / quá!**” có 18 phiếu, chiếm tỷ lệ 2,58% (18/698 phiếu). Còn dạng thức tương đương tiếng Hán chỉ có 4 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,04% (4/842 phiếu). Vì thế, so với dạng thức tương đương tiếng Hán, số lượng và tần số sử dụng dạng thức “...**lắm / quá!**” trong tiếng Việt cao hơn nhiều.

Khi đối chiếu nhóm phát ngôn này, dạng thức “...**lắm / quá!**” và “.....**好/太 + adj. !**” có vai trò giống nhau trong hai ngôn ngữ, vì cấu trúc “...**lắm / quá!**” và sự tương ứng “.....**好/太 + adj. !**” đều có ý nghĩa giống nhau. Điểm khác nhau nhiều hơn là vì mặc dù tiếng Việt và tiếng Hán đều thuộc về loại hình SVO, nhưng trong tiếng Việt là tính từ đặt trước **...lắm / quá!** để biểu hiện cảm thán, và có chức năng cầu khiến, nhưng trật tự từ của tiếng Hán là hoàn toàn trái lại, cho nên tạo ra điểm khác nhau nổi bật này. Và khi biểu hiện các nhóm HĐCK với mức cầu

khác nhau, cũng do thói quen biểu hiện tình thái của hai dân tộc có khác biệt, cho nên trong nhóm tiếng Hán hoặc là chỉ biểu hiện các HĐCK với mức khiếm cao và lực ngôn trung mạnh, hoặc là chỉ biểu các HĐCK với mức cầu cao và lực ngôn trung nhẹ nhàng.

4.4. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán

PNCKGT phi quy ước không như PNCK có quy ước vậy, chúng không có cấu trúc đặc trưng rõ rệt, khi thao tác suy ý ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn càng phải dựa vào phải các nhân tố của ngôn cảnh. Vì thế, khi luận án phân loại PNCKGT phi quy ước chủ yếu là dựa vào ngôn cảnh cụ thể, ý nghĩa bản thân và chức năng của phát ngôn, để phân loại và thảo luận chúng một cách tỉ mỉ.

4.4.1. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức hỏi trong tiếng Việt với tiếng Hán

4.4.1.1. Đối chiếu phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước với chức năng cầu khiến trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tư liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 18 phiếu, ví dụ:

138) Không biết quan Huyện có ái ngại cho tình cảm nhà bác hay không, mà bác vẫn thấy ngài bảo:

– (Anh có của mà không biết dùng?) Máy trăm đồng bạc mà cứ để phí để hoài như thế? < Cái nạn ô – tô – Nguyễn Công Hoan >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe rước xe về nhà dùng.

Trong tiếng Hán, cũng có kiểu phát ngôn như vậy. Chúng vừa là phát ngôn hỏi ngược hướng không chứa cấu trúc đặc trưng rõ rệt, vừa có chức năng biểu hiện HĐCKGT. Chúng tôi xin nêu ví dụ tiêu biểu như sau:

139) 老王惊呼: (孩子们, 你们干什么? 你们.....吃煤?) 煤也能吃?

Lão Vương kêu lên: “(Các cháu! Các cháu làm gì thế? Các cháu ...ăn than?) Than cũng có thể ăn được sao?”. 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn tiếp ngôn ăn than.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai

trò biểu hiện cầu khiến gián tiếp trong tiếng Hán có 15 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.4.1.1 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.20 sau để đối chiếu chúng:

Bảng 4.20: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.1

phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt			Sự tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức khiến cao	8	44,44%	Mức khiến cao	8	53,33%
Mức cầu khiến trung bình	8	44,44%	Mức cầu khiến trung bình	7	46,67%
Mức cầu cao	2	11,12%	Mức cầu cao	0	0%

Qua sự đối chiếu, luận án xin nêu mấy điểm giống nhau và khác nhau của phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, phát ngôn hỏi ngược hướng không quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt có 8 phiếu, chiếm tỷ lệ 44,44% (8/18 phiếu). Còn sự tương đương trong tiếng Hán có 7 phiếu là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm tỷ lệ 46,67% (7/15 phiếu). Tần số biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình ở tiếng Việt và tiếng Hán gần bằng nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến trong tiếng Việt có 8 phiếu, chiếm tỷ lệ 44,44%. Kiểu phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán cũng có 8 phiếu, nhưng chiếm tỷ lệ 53,33%. Đối chiếu tần số biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, thì tiếng Việt là thấp

hơn so với tiếng Hán. 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến trong tiếng Việt có 2 phiếu, chiếm khoảng 11,11%. Nhưng ở tiếng Hán là 0 phiếu. Vì thế, xét từ các trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến khác nhau, nhất là đối chiếu tần số về biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, chúng tôi cho rằng: Về tổng thể, phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước gánh vai trò biểu hiện cầu khiến trong tiếng Việt với lực ngôn trung nhẹ nhàng hơn.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn, phát ngôn hỏi ngược hướng với chức năng cầu khiến gián tiếp có quy ước trong tiếng Việt có 18 phiếu, chiếm tỷ lệ 2,58% (18/698 phiếu). Còn sự tương đương trong tiếng Hán có 15 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,78% (15/842 phiếu). Có thể thấy, phát ngôn hỏi ngược hướng không quy ước với chức năng cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt và tiếng Hán đều với số lượng gần nhau, nhưng tần số sử dụng của tiếng Việt cao hơn tiếng Hán một chút.

Phát ngôn hỏi ngược hướng phi quy ước có đặc điểm chung là đa số phát ngôn với ngữ điệu mạnh. Vì thế, trong nhóm tiếng Việt và tiếng Hán đều ít có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, thậm chí không có. Chính vì trong tiếng Hán là nhiều trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến cao hơn và trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao là không phiếu, nhóm phát ngôn trong tiếng Hán với lực ngôn trung càng mạnh hơn, sắc thái cũng có thể càng cay nghiệt, dễ tạo hậu quả là làm cho người nghe không chịu tiếp nhận nội dung cầu khiến mà người nói nêu ra, cho nên người ta cũng chủ động ít dùng kiểu phát ngôn này biểu hiện HĐCK, tần số sử dụng của tiếng Hán thấp hơn tiếng Việt.

4.4.1.2. Đối chiếu phát ngôn hỏi về tình hình về sự kiện trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tư liệu tiếng Việt của luận án, kiểu phát ngôn này có 12 phiếu, ví dụ:

140) Chủ tịch đưa bàn tay úp sấp ra phía trước, gật đầu:

– Được rồi. Các đồng chí khác?

Các đội viên tranh nhau kể. Đại khái toàn là những câu nói nặng, những cử chỉ cục cằn.

< Tuyển Tập – Nam Cao >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe lên giảng đường phát biểu ý kiến của mình.

Trong tiếng Hán, cũng có kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến cùng loại. Tìm từ ngữ liệu tiếng Hán của luận án, có phát ngôn tương đương như sau:

141) –妈, 妈, 妈! 包子还烫吗? 现在能吃了吗?

– 不烫啦, 烫不坏你嘴了, 吃吧!

(递上包子。)

–Mẹ ơi, mẹ! Bánh bao còn nóng lắm không? Bây giờ ăn được chưa?

– Không còn nóng nữa rồi, không nóng hỏng được miệng của con đâu, ăn đi!

(Đưa bánh bao cho con gái.) (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin phép người nghe cho ăn bánh bao.

Xét từ tư liệu tiếng Hán của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này có 8 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.4.1.2 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.21, để thể hiện các số liệu của chúng một cách rõ ràng:

Bảng 4.21: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.2

Lời hỏi về tình hình về sự kiện trong tiếng Việt			Sự tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	6	50%	Mức cầu khiến cao	2	25,00%
Mức cầu khiến trung bình	3	25%.	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
Mức cầu cao	3	25%.	Mức cầu cao	6	75,00%

Thông qua đối chiếu điểm giống nhau và điểm khác nhau của kiểu phát ngôn cùng loại này trong tiếng Việt với tiếng Hán, luận án xin trình bày một số kết quả nghiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn, trong tiếng Việt, phát ngôn thuộc nhóm này có 12 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,72% (12/698 phiếu). Trong tiếng Hán, phát ngôn cùng loại có 8 phiếu, với tỷ lệ gần 1% (8/842 phiếu). Trong tiếng Việt và tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến của nhóm này đều không nhiều lắm, tần số sử dụng của chúng cũng không cao.

+ Về trường hợp không tính lược chủ ngữ: Chiến lược này giúp ích thể hiện sự tôn trọng hoặc sự gân giữ, được sử dụng trong ngôn cảnh là người nói với vị thế xã giao thấp hơn người nghe nhiều hơn, hoặc là nội dung cầu khiến được nêu ra trong phát ngôn không dễ thực hiện (luôn với mức khiến cao hoặc mức cầu khiến trung bình). Trong nhóm phát ngôn kiểu này tiếng Việt, có 8 phiếu có sử dụng chiến lược này, chiếm tỷ lệ 75,00%. Chẳng hạn: Thế nào? **Cu** có tiền chưa? (Có nghĩa là yêu cầu người nghe trả hết tiền nợ.) Trong nhóm phát ngôn cùng loại của tiếng Hán, có 7 phiếu có sử dụng chiến lược này, chiếm tỷ lệ 75,00%. Ví dụ: 我终于鼓足勇气: “**你**今晚有空吗? (Cuối cùng tôi cũng có được dũng khí, “Tôi nay **em** rảnh không?) Phát ngôn ở đây có nghĩa là: xin hẹn gặp với cô gái đang theo đuổi. Về tần số sử dụng chiến lược này, trong hai ngôn ngữ là bằng nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, phát ngôn trong nhóm tiếng Việt chiếm tỷ lệ 50,00%. Tỷ lệ này gấp đôi lần so với nhóm tiếng Hán cùng loại (25%). 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, phát ngôn trong nhóm tiếng Việt chiếm tỷ lệ 25,00%. Trong nhóm tương đương của tiếng Hán là 0 phiếu. 3) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tỷ lệ 25%. Còn trong nhóm tiếng Hán, với tỷ lệ 75,00%. Phát ngôn nhóm này trong tiếng Việt được dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình phổ biến hơn tiếng Hán nhiều, lực ngôn trung trong phát ngôn cũng mạnh hơn phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán.

+ Đặt từ xưng hô ở cuối câu. Phương thức này có vai trò tăng thêm sự thân thiết trong ngữ khí, giảm bớt khoảng cách xã hội giữa người giao tiếp, làm cho phát

ngôn dễ đạt được hiệu quả giao tiếp. Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến này, chiến lược này trong tiếng Việt được thể hiện như sau: Nhà con có cái siêu sắc thuốc không, **con**? → Ông xin người nghe giao siêu sắc thuốc (thực ra là chỉ con cóc của Tường) cho mình. Trong nhóm tiếng Việt, trường hợp này có 2 phiếu, chiếm tỷ lệ 16,67%. Nhưng ở tiếng Hán, trường hợp này là 0 phiếu.

Về cách sử dụng từ xưng hô hoặc không tính lược chủ ngữ, tình hình trong hai ngôn ngữ là như nhau, chúng tôi cho rằng, khi hỏi về sự kiện với người nghe, loại ngôn ngữ SVO như tiếng Việt và tiếng Hán đều có đặc điểm chung này trong đa số trường hợp. Cho nên, trong phần đối chiếu, luận án có được điểm giống nhau lớn nhất như trên. Về điểm khác nhau, rong kiểu phát ngôn này, có 50,00% phát ngôn tiếng Việt biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, khi nêu những phát ngôn này sẽ đe dọa đến thể diện của người nghe, cho nên cách thể hiện lịch sự này cũng biểu hiện sự cố gắng của người nói – cố gắng giữ thể diện của người nghe. Và trái lại, trong nhóm tiếng Hán, kiểu phát ngôn này có 75,00% là biểu hiện những HĐCK với mức cầu cao, khi nêu những phát ngôn này ít đe dọa đến thể diện của người nghe, cho nên không có phiếu nào là sử dụng chiến lược này. Cũng có thể cho rằng: Chiến lược đặt từ xưng hô ở cuối câu, có thể là một chiến lược được sử dụng phổ biến hơn trong tiếng Việt. Đây cũng chứng minh được thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác biệt.

4.4.1.3. Đối chiếu phát ngôn hỏi về thái độ, cảm giác của người nghe trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Việt, nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến này có 8 phiếu phát ngôn, luận án xin nêu một số ví dụ để minh họa kiểu phát ngôn này:

142) Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diện Đê. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: “Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?” Tôi chỉ lắc đầu.

< Thương nhớ hoàng lan – Trần Thùy Mai >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe ở lại, đừng rời khỏi nhà mình.

Xét từ ngữ liệu tiếng Hán, cũng có nhóm phát ngôn hỏi cùng loại, được coi là sự tương đương của kiểu phát ngôn này trong tiếng Hán. Luận án cũng xin nêu mấy ví dụ để miêu tả:

143) “你想干什么？”我说。“打架我未必怕你。”

“不打。”黑人说，“打架是粗人干的事，我想请你喝酒，你敢去？”

“ Anh muốn làm gì?” Tôi nhìn anh ta, “ Nếu đánh nhau chưa chắc tôi đã sợ anh đâu.”

“ Không đánh,” Hắc Nhân nói, “Chỉ những kẻ thô thiển mới đánh nhau. Tao muốn mời mày đi uống rượu, dám đi không?”

《左耳》 - 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiêu Tuyết Mạn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe đi uống rượu, chuyện trò với nhau.

Xét từ ngữ liệu tiếng Hán của luận án, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này có 18 phiếu. Và xét từ số liệu thống kê ở mục 2.4.1.3 của chương 2, luận án xin làm bảng 4.22, để đối chiếu các số liệu của chúng:

Bảng 4.22: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.1.3

Lời hỏi về thái độ, cảm giác của người nghe trong tiếng Việt			Sự tương đương trong tiếng Hán		
Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Mức cầu khiến cao	0	0%	Mức cầu khiến cao	1	5,55%
Mức cầu khiến trung bình	5	62,50%.	Mức cầu khiến trung bình	4	22,22%
Mức cầu cao	3	37,50%	Mức cầu cao	13	72,23%

Cũng là thông qua đối chiếu giống nhau và điểm khác nhau của kiểu phát ngôn cùng loại này trong tiếng Việt với tiếng Hán, luận án xin tóm lược một số kết quả

ngiên cứu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Về trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, trong tiếng Việt, kiểu phát ngôn thuộc nhóm này không có phiếu nào là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao. Và kiểu phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán được dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao cũng không nhiều, chỉ có 1 phiếu, chiếm tỷ lệ 5,55% (1/18 phiếu). Mặc dù trong tiếng Hán có trường hợp là biểu hiện hành động mệnh lệnh (thuộc nhóm HĐCK với mức khiến cao), nhưng nói chung là kiểu phát ngôn hỏi – cầu khiến này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều ít được sử dụng để biểu hiện nhưng hành động với lực ngôn trung mạnh, đa số là biểu hiện những hành động với lực ngôn trung vừa phải hoặc ôn hoà.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến : 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, trong tiếng Việt, kiểu phát ngôn thuộc nhóm này có 5 phiếu, chiếm tỷ lệ 62,50% (5/8 phiếu). Sự tương đương trong tiếng Hán có 4 phiếu, chiếm tỷ lệ 22,22% (4/18 phiếu). Phát ngôn cùng loại trong tiếng Việt được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình phổ biến hơn tiếng Hán nhiều. 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, trong tiếng Việt, kiểu phát ngôn thuộc nhóm này có 3 phiếu, chiếm tỷ lệ 37,50% (6/12 phiếu). Nhưng ở tiếng Hán, có 13 phiếu là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, chiếm tỷ lệ 72,23% (6/8 phiếu). Tỷ lệ này cao hơn tiếng Việt nhiều. Vì thế, xét từ các trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến khác nhau, chúng tôi có kết luận là: Phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này trong tiếng Việt được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình nhiều hơn tiếng Hán, nhưng chúng được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao lại thấp hơn tiếng Hán nhiều. Cho nên, lực ngôn trung trong phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này trong tiếng Việt cũng mạnh mẽ hơn phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn, trong tiếng Việt: phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này có 8 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,15% (8/698 phiếu). Trong tiếng

Hán, phát ngôn với kiểu tương đương có 18 phiếu, với chiếm tỷ lệ 2,14% (18/842 phiếu). So với tần số sử dụng phát ngôn trong tiếng Hán, phát ngôn hỏi – cầu khiến thuộc nhóm này trong tiếng Việt được sử dụng hơi ít.

Phát ngôn thông qua hỏi về thái độ của người nghe để biểu hiện HĐCK, luôn với sắc thái ôn hoà. Bằng cách nhu mi này, đa số phát ngôn luôn thể hiện hành động đề nghị, rủ, mời mọc, cho nên trong hai ngôn ngữ này có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao nhiều hơn. Về điểm khác nhau, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao trong nhóm tiếng Hán cao hơn tiếng Việt nhiều (trong tiếng Việt là 0 phiếu), bên cạnh đó, điểm càng nên được lưu ý là trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao trong tiếng Hán cũng cao hơn tiếng Việt nhiều (72,22% > 37.50%). Cho nên, mặc dù trong nhóm tiếng Hán có trường hợp với lực ngôn trung mạnh hơn, nhưng có càng nhiều phát ngôn được biểu hiện qua cách hỏi dò với sắc thái ôn hoà, cho nên so với tiếng Việt, tần số sử dụng của phát ngôn tiếng Hán thuộc nhóm này càng cao hơn, cách ám chỉ này càng được người Hán sử dụng.

4.4.2. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước dạng thức cảm thán với chức năng cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt với tiếng Hán

Nhóm phát ngôn này trong tiếng Việt có 8 phiếu, luận án xin nêu ví dụ:

144) (Bà hát bài ca cho em bé.)

Mẹ: Bà hát hay lắm! *Hoan hô!* (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe vỗ tay và tán dương bà ngoại.

Trong ngôn cảnh này, ngữ khí cảm thán là một dấu hiệu thể hiện thái độ, nhằm mục đích mời người nghe vỗ tay, cũng biểu hiện tình cảm vui sướng.

Trong tiếng Hán, cũng nhóm phát ngôn tương đương. Dựa vào ngôn cảnh cụ thể, nhóm phát ngôn cảm thán này cũng có vai trò biểu hiện HĐCK, chẳng hạn:

145) –来, 倒橙汁! *周末愉快!*

– 周末愉快!

– Đây, đổ nước cam vào đi! *Cuối tuần vui vẻ!*

– Cuối tuần vui vẻ!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời cạn chén.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, nhóm PNCKGT này có 6 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê trong mục 2.4.3 của chương 2 và mục 3.4.3 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.23, để thể hiện các số liệu một cách trực quan:

Bảng 4.23: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.2

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.2	Mức khiến cao	7	87,50%
	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
	Mức cầu cao	1	12,50%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	1	16,67%
	Mức cầu khiến trung bình	2	33,33%
	Mức cầu cao	3	50,00%

Thông qua đối chiếu nhóm PNCKGT này trong tiếng Việt với tiếng Hán, luận án xin nêu điểm giống nhau và khác nhau như sau:

Điểm giống nhau: + Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Trong tiếng Việt, phát ngôn thuộc nhóm này có 8 phiếu, với tỷ lệ 1,15% (8/698 phiếu). Còn ở tiếng Hán, phát ngôn trong nhóm này có 6 phiếu, với tỷ lệ 0,71%. Vì thế, trong tiếng Việt và tiếng Hán, số lượng của PNCKGT thuộc nhóm này đều ít, không được sử dụng phổ biến trong hiện thực.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao: Trong nhóm tiếng Việt, phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức khiến cao có 7 phiếu, với tỷ lệ 87,50%. Trong tiếng Hán, trường hợp này chỉ có 1 phiếu, với tỷ lệ 16,67%. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: Trong tiếng Việt, trường hợp này là 0 phiếu. Ở tiếng Hán, trường hợp này có 2 phiếu, chiếm tỷ lệ 33,33% (2/6 phiếu). 3) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: Trong nhóm tiếng Việt, phát ngôn biểu hiện HĐCK với mức khiến cao có 1 phiếu, với tỷ lệ 12,50%. Trong tiếng Hán, trường hợp này chỉ có 3 phiếu, với tỷ lệ 50,00%. Trường hợp biểu hiện HĐCK trong nhóm tiếng Việt nhiều hơn. Nói chung là trong tiếng Việt, phát ngôn cảm thán – cầu khiến phi quy

ước được dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn, mà phát ngôn cảm thán – cầu khiến phi quy ước trong tiếng Hán biểu hiện HĐCK với mức cầu cao nhiều hơn.

Nhóm phát ngôn này cũng là thông qua cách ám chỉ để biểu hiện HĐCK với người nghe, với hình thức cảm thán. Cách biểu hiện này tương đối khó suy ý được đích ngôn trung, vả lại phương thức cảm thán cũng ít được sử dụng so với phương thức hỏi, trần thuật, cho nên tần số sử dụng của nhóm phát ngôn này trong hai ngôn ngữ đều rất thấp. Về điểm khác nhau, xét từ ngữ liệu trong luận án, phát ngôn trong nhóm tiếng Việt có trường hợp với sắc thái quở trách, cho nên khi biểu hiện hành động với lực ngôn trung mạnh hơn tiếng Hán, đây cũng do thói quen sử dụng ngôn ngữ của người Việt và người Hán có khác biệt tạo nên.

4.4.3. Đối chiếu phát ngôn cầu khiến phi quy ước bao gồm hình thức hỏi, trần thuật và cảm thán trong tiếng Việt với tiếng Hán

4.4.3.1. Đối chiếu kiểu phát ngôn biểu lộ cảm giác, sự đánh giá trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tiếng Việt, nhóm phát ngôn này có 72 phiếu, luận án xin nêu ví dụ:

146) Mẹ bảo - Cô trang nói: “Đi học vui lắm, thế mà chẳng chịu đi học, suốt ngày ở nhà” .

– Đúng rồi, đi học vui mà con ơi. Có nhiều bạn bè chơi. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đi học.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, kiểu phát ngôn cùng loại cũng không ít. Chúng tôi xin nêu ví dụ tiêu biểu như sau:

147) 她抽泣着：“你这孩子，从小就多病多灾，又没离开过我。你叫我怎么放心！”

“好啦，妈。”我低声说，“这里都是我们学校的学生，给人看见多不好意思啊。”

Mẹ nước nở, “Con bé này từ bé đã lắm bệnh tật, lại chưa bao giờ xa mẹ,

“Thôi mà mẹ.” Tôi khẽ giọng, “Ở đây toàn là sinh viên trường con, để người ta nhìn nhiều ngại lắm.” 《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiêu Tuyết Mạn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đừng khóc nữa.

Xét từ ngữ liệu của luận án, PNCKGT thuộc nhóm này có 72 phiếu. Căn cứ vào số liệu thống kê ở mục 2.4.3.1 của chương 2, và đối chiếu với mục 3.4.3.1 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.24, để đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với sự tương đương của chúng trong tiếng Hán:

Bảng 4.24: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.1

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.1	Mức khiến cao	16	22,22%
	Mức cầu khiến trung bình	37	51,39%
	Mức cầu cao	19	26,39%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	15	21,74%
	Mức cầu khiến trung bình	32	46,38%
	Mức cầu cao	22	31,88%

Luận án lại xin làm bảng 4.25 để đối chiếu hình thức về PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với sự tương đương của chúng trong tiếng Hán:

Bảng 4.25: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.1

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.1	Hỏi	5	6,94%
	Trần thuật	47	65,28%
	Cảm thán	20	27,78%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	3	4,35%
	Trần thuật	46	66,67%
	Cảm thán	20	28,98%

Thông qua đối chiếu kiểu phát ngôn nhóm này trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu mấy kết luận như sau:

Điểm giống nhau: + Về hình thức: 1) Hình thức hỏi được sử dụng trong tiếng Việt (6,94%) và tiếng Hán (4,34%) đều rất ít .2) Hình thức trần thuật được sử dụng trong tiếng Việt (65,28%) và tiếng Hán (66,67%) đều khá nhiều. 3) + Hình thức

cảm thán được sử dụng trong tiếng Việt (27,28%) và tiếng Hán (28,98%) đều không ít.

+ Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức khiến cao, nhóm tiếng Việt (22,22%) và tiếng Hán (21,73%) đều được sử dụng tương đối ít. 2) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình, nhóm tiếng Việt (51,39%) và tiếng Hán (46,38%) đều được sử dụng khá nhiều. 3) Trường hợp biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu cao, nhóm tiếng Việt (26,39%) và tiếng Hán (31,88%) lại được sử dụng tương đối ít.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Trong tiếng Việt, phát ngôn thuộc nhóm này có 72 phiếu, với tỷ lệ 10,13% (72/698 phiếu). Còn ở tiếng Hán, phát ngôn cùng kiểu loại cũng có 69 phiếu, 8,19% (69/842 phiếu). Tần số sử dụng kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán không kém nhiều lắm.

Điểm khác nhau: + Về nhân tố liên quan đến sử dụng chiến lược biểu hiện HĐCK: Xét về ngữ liệu của luận án, luận án khảo sát vấn đề – giới tính có phải là nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng cách biểu lộ cảm giác hoặc tình trạng tâm lý để biểu hiện HĐCKGT hay không? Luận án xin làm bảng 4.26:

ảng 4.26: Đối chiếu nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng chiến lược biểu hiện HĐCK trong mục 4.4.3.1

	Nêu ra bởi nam / nữ giới	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.1	Nam giới	40	55,56%
	Nữ giới	32	44,44%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Nam giới	33	47,83%
	Nữ giới	36	52,17%

Xét từ ngữ liệu của luận án và bảng thống kê như trên, trong nhóm PNCKGT tiếng Việt này, có 40 phiếu được nêu ra bởi nam giới, với tỷ lệ 55,56%; còn 11 phiếu được nêu ra bởi nữ giới, với tỷ lệ 44,44%. Ở tiếng Hán, khuynh hướng này thì có khác. Trong 69 PNCKGT cùng loại, có 33 phiếu được nam giới nêu ra, với tỷ lệ 47,83%; còn 36 phiếu được nêu ra bởi nữ giới, với tỷ lệ 52,17%. Trong tiếng Hán, hai tần số này gần bằng nhau, nhưng nói chung là cách biểu hiện HĐCKGT này được nữ giới sử dụng nhiều hơn. Có thể thấy: trong tiếng Việt, kiểu biểu hiện HĐCKGT này được nam giới sử dụng nhiều hơn. Trong tiếng Hán, chiến lược biểu hiện HĐCK này được nữ giới sử dụng nhiều hơn. Đây là một điểm khác nhau giữa nhóm PNCKGT trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có hai điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, phát ngôn tiếng Hán luôn được chuyển đổi hình thức, hình thức trần thuật có thể chuyển dịch sang hình thức hỏi hoặc cảm thán, ví dụ như: 可我，像一根棍子一样戳在这里，连给女朋友发发短信这点乐子也被你剥夺了。 (Nhưng em thì vác “gậy” đứng đây một mình, ngay cả cái niềm vui gửi tin nhắn cho người yêu cũng bị tước đoạt sao?). Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 4 phiếu, chiếm 5,80% (4/69 phiếu). 2) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, đặt thêm ngữ khí từ như đây / đó / cơ / mà, chẳng hạn như: 前面有一段路很黑的，你也知道，我怕。 (Đằng trước có đoạn đường rất tối, anh biết là em sợ mà.) / 我不会相信你的这些信口胡言! (Tôi không tin mấy lời bịa đặt nhằm nhí

của anh đâu!) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 13 phiếu, với tỷ lệ 18,84% (13/69 phiếu). Vì phát ngôn của nhóm này là thông qua biểu hiện tình cảm của người nói để cầu khiến người nghe, cho nên khi chuyển dịch sang tiếng Việt, có thể dựa vào ngôn cảnh cụ thể và ý nghĩa cầu khiến, để chọn dùng phương pháp dịch thích hợp để đạt mục tiêu dịch tương đương.

Nhóm phát ngôn này thông qua biểu lộ cảm giác, sự đánh giá để thực hiện HĐCK, cũng thể hiện sắc thái tâm trạng của người nói, đều ít có trường hợp với hình thức hỏi. Vả lại, cách ám chỉ này thường biểu hiện cách HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao, để được người nghe tiếp nhận, cho nên tần số sử dụng của chúng trong hai ngôn ngữ tương đối nhiều. Về điểm khác nhau, luận án đã phân tích và đối chiếu nhân tố liên quan đến sử dụng chiến lược biểu hiện HĐCK – khảo sát là nam giới hay nữ giới sử dụng cách phương thức này nhiều hơn. Xét từ bảng 4.26, nhóm phát ngôn tiếng Việt này được nam giới nêu ra nhiều hơn, nhưng tình huống này trong tiếng Hán thì trái lại. Chúng tôi cho rằng, lý do tạo hiện tượng này là vì thói quen sử dụng phát ngôn của con người của hai dân tộc có khác biệt. Về khi dịch phát ngôn tiếng Hán sang tiếng Việt, có hiện tượng thay đổi hình thức câu và đặt thêm ngữ khí từ như *đấy / đó / cơ / mà*, cũng thể hiện mặc dù tiếng Việt và tiếng Hán đều thuộc về loại hình SVO, nhưng không phải là mọi trường hợp đều có hình thức hoàn toàn tương ứng, khi dịch sang ngôn ngữ đích nên cố gắng tuân theo quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích, chẳng hạn như trong tiếng Việt hay sử dụng các ngữ khí từ ở cuối câu để nhấn mạnh ngữ khí, thể hiện sắc thái tâm trạng của người nói, từ đó có thể biểu hiện HĐCKGT càng chính xác hơn. Cũng có thể chứng tỏ rằng: giới tính có thể là nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn dùng cách biểu hiện HĐCKGT.

4.4.3.2. Đối chiếu phát ngôn trình bày sự kiện trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, nhóm phát ngôn này có 111 phiếu, có ví dụ tiêu biểu như sau:

148) Thăng Tường nói:

– Miếng thịt gà này là của chị nè.

– Còn miếng này là phần em nè.

– Con Mận vui vẻ nói lời.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe ăn thịt gà.

149) – Lạy quan lớn, con xin khẩn một nén.

Quan cười:

– Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khừ hồi ô – tô tôi về đây cũng đáng một nén rồi. <Thịt người chết – Nguyễn Công Hoan>

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe tạ ơn bằng nhiều tiền hơn.

Trong tiếng Hán, cũng có nhóm phát ngôn cùng loại. Xét từ ngữ liệu của luận án, nhóm phát ngôn này trong tiếng Hán cũng với số lượng nhiều, tổng cộng có 89 phiếu. Luận án xin nêu ví dụ như sau:

3) - 友女, 这家店今天打折耶!

- Câu ơi, cửa hàng này hôm nay có hoạt động khuyến mãi! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: rủ đi mua sắm.

Căn cứ vào số liệu thống kê ở mục 2.4.3.2 của chương 2 cộng với mục 3.4.3.2 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.27, để đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán:

Bảng 4.27: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.2

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.2	Mức khiến cao	33	29,73%
	Mức cầu khiến trung bình	50	45,05%
	Mức cầu cao	28	25,22%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	24	26,97%
	Mức cầu khiến trung bình	34	38,20%
	Mức cầu cao	31	34,83%

Xét về hình thức, phát ngôn trong nhóm này đa số với hình thức trần thuật. Tình huống này trong tiếng Việt và tiếng Hán là như nhau. Số liệu cụ thể như bảng 4.28:

Bảng 4.28: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.2

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.2	Hỏi	0	0 %
	Trần thuật	86	77,48%
	Cảm thán	25	22,52%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	0	0%
	Trần thuật	63	70,79%
	Cảm thán	26	29,21%

Sau khi đối chiếu kiểu phát ngôn này trong tiếng với tiếng Hán, luận án có được một số nhận xét, xin trình bày như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trong trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, nhóm tiếng Việt (29,73%) và tiếng Hán (26,97%) đều không với tỷ lệ cao lắm, và tần số sử dụng của chúng trong hai ngôn ngữ cũng gần nhau.

+ Về hình thức: 1) Về hình thức hỏi: Trong cả tiếng Việt và tiếng Hán đều không có hình thức hỏi. 2) Về hình thức trần thuật: là hình thức được sử dụng nhiều nhất trong nhóm phát ngôn này. Trong nhóm tiếng Việt (77,48%) và tiếng Hán (70,79%) đều được sử dụng rất nhiều. 3) Về hình thức cảm thán, nhóm tiếng Việt (22,52%) và tiếng Hán (29,21%) đều được sử dụng tương đối ít. Đối chiếu những số liệu này như trên, có thể thấy, kiểu phát ngôn với hình thức cảm thán được sử dụng ít hơn so với hình thức trần thuật, chỉ là trong một số ngôn cảnh với dùng hình thức cảm thán để nhấn mạnh giọng điệu của người nói, và tình huống này trong tiếng Việt và tiếng Hán là như vậy.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: nhóm tiếng Việt (45,05%) nhiều hơn tiếng Hán (38,93%). 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: nhóm tiếng Việt (25,22%) lại ít hơn tiếng Hán (34,83%) nhiều. Đối chiếu những số liệu trên, PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt được sử dụng để biểu hiện HĐCK với mức cầu cao ít hơn tiếng Hán nhiều.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có mấy điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, phát ngôn tiếng Hán có thể chuyển đổi hình thức như: 小山哥, 三大队和六大队打起来啦! (Anh Tiểu Sơn ơi, đội ba và đội sáu đánh nhau to rồi.) / 是角膜, 要捐献角膜, 这是新民自己的愿望。 (Công hiến giác mạc. Đây chính là ý nguyện của Tân Dân!) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 7 phiếu, chiếm 7,87% (7/89 phiếu). 2) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, đặt thêm ngữ khí từ mà / nhé / đấy / này/ thôi ở cuối câu, chẳng hạn như: 你还欠十九个钱呢! (Còn nợ mười chín đồng chính đây **nhé.**) / 你们昨天要的口琴, 我已经买来了。 (Hôm qua các cháu đòi ác - mô - ni -ca, chú đã mua cho đây **này.**) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 11 phiếu, chiếm 12,36% (11/89 phiếu). 3) Đặt thêm từ nhấn mạnh số lượng nhiều thêm hoặc trạng thái của sự kiện có thể giữ gìn được như “nữa”, 那是, 我这里不够了, 还差八九个..... (Thế thì, ở đây đủ rồi. Còn thiếu tám chín đồng chính **nữa**) / 他不能拉你了。 (Ông xe không kéo được cho ông **nữa.**) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 2 phiếu, với tỷ lệ 2.25% (2/89 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi có thể nhận xét, tiếng Việt càng hay sử dụng ngữ khí từ hoặc dùng từ “nữa” để biểu hiện số lượng và sự kiện có thể tăng thêm. Khi chuyển dịch tiếng Hán sang tiếng Việt, nên chú ý giữ nguyên đặc sắc dùng từ của tiếng Việt, để kết quả dịch chính xác hơn.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này có 111 phiếu, với tỷ lệ 15,90% (111/698 phiếu). Còn trong tiếng Hán, phát ngôn cùng loại có 89 phiếu, với tỷ lệ 10,57% (89/842 phiếu). Mặc dù kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều với số lượng nhiều, nhưng đối chiếu tần số sử dụng của chúng, thì kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt được người Việt sử dụng nhiều hơn so với tiếng Hán.

Nhóm phát ngôn này thông qua trình bày sự kiện khách quan để thực hiện HĐCK, cho nên không có trường hợp với hình thức hỏi. Vả lại, cách ám chỉ này luôn mang sắc thái ôn hoà, thường biểu hiện cách HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao, dễ được người nghe tiếp nhận, cho nên tần số sử dụng của

chúng trong hai ngôn ngữ rất cao. Về điểm khác nhau, xét từ ngữ liệu, phát ngôn trong nhóm tiếng Việt có nhiều trường hợp nhằm mục đích khuyên nhủ, đề nghị, nhưng trong tiếng Hán là trường hợp biểu hiện các hành động xin/xin phép, mời mọc nhiều hơn. Chúng tôi thấy rằng, do tình huống khác nhau, và sự khẩn cấp của sự kiện có khác biệt, cho nên tạo ra hiện tượng này. Về khi dịch phát ngôn tiếng Hán sang tiếng Việt, có hiện tượng thay đổi hình thức và đặt thêm ngữ khí từ như mà / nhé / đây / này/ thôi ở cuối câu, cũng thể hiện mặc dù tiếng Việt và tiếng Hán đều có đặc sắc riêng, các hình thức không thể có sự tương ứng hoàn toàn, khi dịch sang ngôn ngữ đích nên cố gắng tuân theo quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích, chọn đúng hình thức phù hợp, để đạt được mục tiêu “dịch tương đương”.

4.4.3.3. Đối chiếu nhóm phát ngôn nêu nguyện vọng trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ tư liệu tiếng Việt của luận án, nhóm phát ngôn này có 45 phiếu, luận án xin nêu một số ví dụ tiêu biểu như sau:

150) *Mãi sau, Tân mới phá tan sự im lặng:*

– *Nhưng em nghĩ bạn Hoàng không có bán đồ. Ban ấy để thùng lưới hôm trước là do sơ sẩy.* < Trước vòng chung kết- Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đều suy nghĩ lại, cho bạn Hoàng vào đội tuyển làm thủ môn.

Trong nhóm phát ngôn cùng loại của tiếng Hán, chẳng hạn như sau:

151) 姑姑洗完手, 说: (饿死我了!) 今晚我要在你们家吃饭。

Rửa tay xong, cô nói: (Đói quá!) *Nhất định tối nay tôi sẽ ăn cơm của mọi người.* 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe mời một bữa cơm cho, vì hết sức giúp việc đỡ đần cho nhà này.

Xét từ ngữ liệu của luận án, kiểu PNCKGT cùng loại trong tiếng Hán có 64 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê ở mục 2.4.3.3 của chương 2 cộng với mục 3.4.3.3 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.28, để đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với sự tương ứng trong tiếng Hán như sau:

Bảng 4.28: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.3

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.2	Mức khiến cao	6	13,33%
	Mức cầu khiến trung bình	24	53,34%
	Mức cầu cao	15	33,33%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	6	9,38%
	Mức cầu khiến trung bình	34	53,12%
	Mức cầu cao	24	37,50%

Nếu xét về hình thức, luận án xin làm bảng 4.29:

Bảng 4.29: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.3

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.2	Hỏi	3	6,67%
	Trần thuật	36	80,00%
	Cảm thán	6	13,33%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	14	21,88%
	Trần thuật	45	70,31%
	Cảm thán	5	7,81%

Qua việc đối chiếu, luận án xin nêu mấy điểm kết quả đối chiếu như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trong trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm tỷ lệ 13,33%, còn nhóm tiếng Hán chiếm tỷ lệ 9,38%, đều với không tỷ lệ cao. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm 53,34%, còn nhóm tiếng Hán chiếm 52,13%, với tỷ lệ tương đối cao. 3) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm 33,33%, còn nhóm tiếng Hán chiếm 37,50%, lại với tỷ lệ tương đối ít. Vì nhóm phát ngôn này là biểu hiện HĐCK với chiến lược rất uyển chuyển, và lại ít được người ta dùng để biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, cho nên chúng luôn với lực ngôn trung nhẹ nhàng, ít mang tính ép buộc, khuynh hướng này trong tiếng Việt và tiếng Hán là như nhau.

+ Về số lượng và tần số sử dụng: Kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt có 45

phiếu, chiếm tỷ lệ 6,45% (45/698 phiếu). Còn phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán thì có 64 phiếu, chiếm tỷ lệ 7,60% (64/842 phiếu). Đối chiếu hai số liệu này, có thể thấy tần số sử dụng kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt và tiếng Hán không kém nhiều.

Điểm khác nhau: + Về hình thức: 1) Về hình thức hỏi, trong nhóm phát ngôn tiếng Việt, chỉ có 3 phiếu với hình thức hỏi, chiếm tỷ lệ 6,67%. Và trong 3 phát ngôn hỏi này, có 2 phiếu là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, với tỷ lệ 66,67%. Xét từ tư liệu tiếng Hán, trong nhóm phát ngôn này, phát ngôn với hình thức hỏi có 14 phiếu, chiếm 21,88%. Trong 14 phát ngôn này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình có 8 phiếu, với tỷ lệ 57,14%, chiếm tỷ lệ cao nhất. Có thể thấy, trong tiếng Việt, số lượng của phát ngôn hỏi – cầu khiến trong nhóm này ít hơn tiếng Hán nhiều, và đa số trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, ít mang tính áp đặt, cho nên lực ngôn trung cũng nhẹ nhàng hơn. 2) Về hình thức trần thuật, trong nhóm phát ngôn tiếng Việt có 36 phiếu, với tỷ lệ 80,00%. Trong 36 phát ngôn trần thuật này, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, tổng cộng có 21 phiếu, chiếm 58,34%. Ở tiếng Hán, phát ngôn với hình thức trần thuật có 45 phiếu, với tỷ lệ 70,31%. Và trong 45 phát ngôn trần thuật này, có 24 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm tỷ lệ 53,33%. Chúng tôi cho rằng, mặc dù kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều là với hình thức trần thuật nhiều hơn, nhưng đối chiếu tần số sử dụng của chúng, phát ngôn trần thuật – cầu khiến trong tiếng Việt phổ biến hơn tiếng Hán (80,00% > 70,31%), và chúng luôn biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình. Cho nên chúng tôi cho rằng, phát ngôn trần thuật – cầu khiến trong nhóm này, phát ngôn tiếng Việt và tiếng Hán đa số với lực ngôn trung vừa phải, không mang tính áp đặt nhiều. 3) Về hình thức cảm thán, trong nhóm phát ngôn tiếng Việt, có 6 phiếu với hình thức cảm thán, chiếm tỷ lệ 13,33% (6/46 phiếu). Ở tiếng Hán, có 5 phiếu với hình thức cảm thán, với tỷ lệ 7,81% (5/64 phiếu). Đối chiếu hai tần số này, chúng tôi cho rằng, trong nhóm phát ngôn này, phát ngôn cảm thán – cầu khiến được người Việt sử dụng hay hơn, vì tần số sử dụng của chúng gấp gần 2 lần so với tần số

sử dụng sự tương đương trong tiếng Hán.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có mấy điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch PNCKGT sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình thức trần thuật thành hình thức cảm thán, hoặc chuyển đổi hình thức hỏi thành hình thức trần thuật, ví dụ như: 我想, 还不如去亲领罢, 这算什么呢。 (Tôi nghĩ chi bằng cứ đi mà lĩnh đi. Kê gì những cái vật vãnh như thế!) / 沈佳仪不会喜欢你这样送花吧? (Thẩm Giai Nghi chắc không thích mày tặng hoa này.) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 8 phiếu, chiếm 12,50 % (8/64 phiếu). 2) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, có thể tuân theo thói quen sử dụng ngôn ngữ, để chuyển dịch PNCKGT thành trực tiếp như: 我们.....倒不如去买一张彩票..... (Có lẽ phải đi mua một cái vé xổ số.) / 那我一会儿就跟您去见见夫人? (Vây lát nữa cháu sẽ đi gặp bác gái với bác.) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 3 phiếu, chiếm 4,69% (3/64 phiếu). 3) Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, đặt thêm ngữ khí từ cơ / mà / à ở cuối câu, chẳng hạn như: 可是我不喜欢天天喝纯鲜奶, 我要有时是果汁牛奶, 有时是巧克力口味的。 (Nhưng tớ không thích ngày nào cũng uống sữa tươi không đường, tớ muốn lúc thì sữa tươi hoa quả, lúc thì vị sô cô la cơ.) / 队长.....我也吃天冰..... (Đội trưởng... em cũng ăn mà...) Trong nhóm phát ngôn này, tình hình này có 3 phiếu, chiếm 4,69% (3/64 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi cho rằng, khi chuyển dịch phát ngôn câu khiến, không thể chỉ xét theo hình thức, có khi có thể thay đổi hình thức để chuyển dịch phát ngôn đúng thói quen sử dụng ngôn ngữ đích. Đồng thời, không phải là tất cả PNCKGT trong ngôn ngữ nguồn đều có thể chuyển dịch sang hình thức gián tiếp trong ngôn ngữ đích được, có khi cũng có thể dựa vào ngôn cảnh và đích ngôn trung, chuyển biến chiến lược biểu hiện câu khiến trong ngôn ngữ đích.

+ Xét từ bản dịch, còn có trường hợp là dịch sai khi chuyển dịch PNCKGT từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Ví dụ như: 他姑姑, 计划生育这事儿, 是你自己琢磨出来的呢, 还是上头让干的? (Cô máy đứa nhỏ à, sinh đẻ có kế hoạch chính là do cô nghĩ ra hay sao? Hay là để cho lãnh đạo cao hơn thực hiện đi?). Vì dịch giả

chưa thấu hiểu được ý nghĩa câu khiến trong phát ngôn là “khuyên người nghe đừng quá hết sức về làm công việc kế hoạch hoá gia đình”, chứ không phải là “gợi ý đẩy công việc mình cho lãnh đạo cao hơn đi thực hiện”, cho nên mới có trường hợp dịch sai này.

Nhóm phát ngôn này thông qua nêu nguyện vọng một cách uyển chuyển, để thực hiện HĐCK, cho nên đa số trường hợp với hình thức trần thuật. Do vì là cách uyển chuyển, cho nên trong hai ngôn ngữ, nhóm phát ngôn này đa số với sắc thái ôn hoà, trường hợp biểu hiện các HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao. Vì thế, nhóm phát ngôn này còn có đặc điểm chung là ít đe dọa đến thể diện của người nghe, cho nên tần số sử dụng trong hai ngôn ngữ cũng khá cao. Về điểm khác nhau, xét từ ngữ liệu, hình thức hỏi trong tiếng Hán càng nhiều hơn, đây cũng phản ánh tâm lý chọn dùng phương thức biểu hiện có khác với người Việt, đã nêu nguyện vọng và ý kiến bằng cách uyển chuyển, thì uyển chuyển đến nỗi dùng phương thức hỏi để gợi ý người nghe, giữ thể diện của tự mình và người nghe tốt đa. Về dịch phát ngôn tiếng Hán sang tiếng Việt, cũng có hiện tượng thay đổi hình thức và đặt thêm ngữ khí từ, để phù hợp quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích. Còn có điểm lưu ý là chúng tôi có chỉnh sửa hiện tượng dịch sai, hiện tượng này góp ý chúng tôi là khi thực hiện công việc dịch, nên chú ý thấu hiểu thành ngữ, tục ngữ trong ngôn ngữ nguồn, ngay cả văn hoá dân tộc khác, để cố gắng tránh khỏi hiện tượng dịch sai.

4.4.3.4. Đối chiếu phát ngôn bày tỏ sự hứa hẹn/ cam đoan trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Việt có 8 phát ngôn với kiểu này. Ví dụ:

152) Nhớ lại phút chia ly ấy, Liễu nghẹn ngào.

Nhàn cànng tưởng chị uất ức vì chồng, an ủi:

– Thôi, bây giờ chịu khổ, bao giờ độc lập tha hồ mà sung sướng. Độc lập thì anh ấy làm to lắm. < Tuyên Tập - Nam cao >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đừng lo lắng và uất ức quá.

Trong tiếng Hán, cũng có kiểu phát ngôn tương tự như vậy. Xét từ ngữ liệu của luận án, phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán có 13 phiếu, chẳng hạn như:

153)– (买吗?) 买的话就帮你抓!

– (Có mua không?) Mua thì bắt (cá) cho cô luôn! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: hứa hẹn bắt cá và xử lý cá cho khách, nhờ người nghe mua cá với mình.

Xét từ số liệu thống kê trong mục 2.4.3.4 của chương 2 và mục 3.4.3.4 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.30, để đối chiếu mức độ cầu khiến của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán như sau:

Bảng 4.30: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.4

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.4	Mức khiến cao	1	12,50%
	Mức cầu khiến trung bình	6	75,00%
	Mức cầu cao	1	12,50%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	1	7,69%
	Mức cầu khiến trung bình	5	38,46%
	Mức cầu cao	7	53,85%

Trong những kiểu PNCKGT tiếng Việt và tiếng Hán này, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 4.31:

Bảng 4.31: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.4

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.4	Hỏi	0	0%
	Trần thuật	7	87,50%
	Cảm thán	1	12,50%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	0	0%
	Trần thuật	9	69,23%
	Cảm thán	4	30,77%

Cũng là thông qua đối chiếu điểm giống nhau và khác nhau của kiểu PNCKGT trong tiếng Việt với sự tương đương trong Hán, luận án xin nêu một số kết quả nghiên cứu nhau sau:

Điểm giống nhau: + Về trường hợp biểu hiện mức khiếm cao: nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm 12,50%, còn nhóm tiếng Hán chiếm 7,69%. Bất cứ trong tiếng Việt hay tiếng Hán, kiểu phát ngôn này ít biểu hiện những HĐCK với mức khiếm cao.

+ Về hình thức: trong nhóm tiếng Việt và tiếng Hán đều không có trường hợp sử dụng hình thức hỏi. Sở dĩ có kết quả như vậy, là vì khi người ta nêu ra sự hứa hoặc cam đoan luôn bằng cách trình bày, cho nên hầu hết không có khả năng là sử dụng chiến lược hỏi để biểu hiện ý muốn của mình.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt có 8 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,15% (8/698 phiếu). Và phát ngôn cùng loại trong tiếng Hán thì có 13 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,54% (13/842 phiếu). Có thể thấy, số lượng về kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều không nhiều, không được sử dụng nhiều lắm.

Điểm khác nhau: + Về hình thức: 1) Trường hợp với hình thức trần thuật: nhóm tiếng Việt (87,50%) phổ biến hơn nhóm tiếng (69,23%). 2) Trường hợp với hình thức cảm thán: nhóm tiếng Việt với tỷ lệ (12,50%) lại ít được sử dụng, so với nhóm tiếng Hán (30,77%).

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 1 điểm nổi bật. Tức là khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có thể đặt thêm ngữ khí từ “nhé” ở cuối câu, chẳng hạn như: 我在, 交大管科系等你。 (Tôi, đợi cậu ở khoa Quản lý Đại học Giao thông **nhé**). Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 1 phiếu, chiếm 7,96% (1/13 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi cho rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt, có thể theo tình huống giao tiếp thực tế, để đặt thêm ngữ khí từ / tiểu từ tình thái ở cuối câu, đây cũng là một chiến lược có hiệu quả - giảm bớt khoảng cách giữa người nói và người nghe.

Nhóm phát ngôn này thông qua bày tỏ sự hứa hẹn/ cam đoan, để thực hiện HĐCK, cho nên đa số trường hợp với hình thức trần thuật, mà không có trường hợp với hình thức hỏi. Khi thực hiện HĐCK qua phương thức này, luôn là người nghe với vị thế xã giao thấp hơn người nghe, phát ngôn ít mang tính áp đặt, cho nên ít có trường hợp biểu hiện HĐCK. Xét từ tình huống giao tiếp, cũng ít có trường hợp cần

chọn dùng cách biểu hiện này, cho nên tần số sử dụng của nhóm phát ngôn này rất thấp. Về điểm khác nhau, khi đối chiếu hình thức của phát ngôn, hình thức cảm thán trong nhóm tiếng Hán nhiều hơn tiếng Việt rất nhiều, vì hình thức cảm thán có vai trò biểu hiện tâm trạng của người nói, đây cũng là minh chứng để chứng tỏ người Hán hay dùng cách cảm thán biểu hiện tâm trạng, để đảm bảo khi thực hiện HĐCKGT càng có sức thuyết phục với người nghe. Về vấn đề dịch, xét từ ngữ liệu cũng có trường hợp là đặt thêm ngữ khí từ, cũng do nhằm mục đích làm cho bản dịch phù hợp quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích.

4.4.3.5. Đối chiếu phát ngôn thuật lại lời nói trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tiếng Việt, phát ngôn thuộc nhóm này có 12 phiếu, chẳng hạn:

154) – Con làm ồn ào quá, làm thằng bé Bi không ngủ được, thằng bé mách bà ngoại đấy! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn cấm người nghe cứ chơi con lợn mãi mà làm ồn quá to.

Xét từ bản dịch của tiếng Hán, phát ngôn cùng loại có 17 phiếu, luận án xin nêu câu ví dụ như sau:

155) “雅希姐请你去, 她打不通你的电话, 让我来跑一趟。”

“Chị Nhã Hy mời anh đến gặp. Chị ấy không gọi được cho anh nên bảo em đến.” 《左耳》 - 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiêu Tuyết Mạn)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mời người nghe đi chỗ chị Nhã Hy để gặp chị.

Xét từ số liệu thống kê trong mục 2.4.3.5 của chương 2 và mục 3.4.3.5 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.32, để đối chiếu mức độ cầu khiến của những PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt và tiếng Hán như sau:

Bảng 4.32: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.5

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.5	Mức khiến cao	4	33,33%
	Mức cầu khiến trung bình	1	8,33%
	Mức cầu cao	7	58,34%

Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	2	11,76%
	Mức cầu khiến trung bình	9	52,94%
	Mức cầu cao	6	35,29%

Trong những phát ngôn thuộc nhóm này của tiếng Việt và tiếng Hán, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 4.33:

Bảng 4.33: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.5

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục. 4.4.2.5	Hỏi	0	0%
	Trần thuật	11	91,67%
	Cảm thán	1	8,33%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	1	5,88%
	Trần thuật	14	82,36%
	Cảm thán	2	11,76%

Qua đối chiếu điểm giống nhau và khác nhau của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt và tiếng Hán, luận án xin nêu mấy nhận xét như sau:

Điểm giống nhau: + Về hình thức: 1) Trường hợp với hình thức trần thuật: Trong nhóm PNCKGT của tiếng Việt này, có 11 phiếu với hình thức trần thuật, chiếm tỷ lệ 91,67% (11/12 phiếu). Ở tiếng Hán, phát ngôn với hình thức trần thuật có 14 phiếu, với tỷ lệ 82,36% (14/17 phiếu). 2) Trường hợp với hình thức cảm thán: trong tiếng Việt, có 1 phiếu phát ngôn với hình thức cảm thán, chiếm tỷ lệ 8,33%. Ở tiếng Hán, phát ngôn với hình thức cảm thán có 2 phiếu, chiếm 11,76% (2/17 phiếu). Đối chiếu những số liệu trên, có thể chứng tỏ: Vì nhóm phát ngôn này là thông qua thuật lại lời nói của người khác hoặc bày tỏ ý kiến của người ta để biểu hiện HĐCK, cho nên đa số phát ngôn với hình thức trần thuật và cảm thán, tình huống này trong tiếng Việt và tiếng Hán là như vậy.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Xét từ ngữ liệu của luận án, nhóm PNCKGT này chỉ có 12 phiếu, chiếm tỷ lệ 1,72% (12/698 phiếu). Ở tiếng Hán, phát ngôn cùng loại có 17 phiếu, chiếm tỷ lệ 2,01%. Nhóm phát ngôn này trong tư liệu tiếng Việt và tiếng Hán đều không nhiều lắm, và tần số sử dụng của chúng trong

tiếng Việt và tiếng Hán cũng như vậy.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trong trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, nhóm tiếng Việt (33,33%) nhiều hơn tiếng Hán (11,76%) gần gấp 3 lần. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: nhóm tiếng Việt (8,33%) lại p tiếng Hán (52,94%) rất nhiều. 3) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: nhóm tiếng Việt (58,34%) nhiều hơn tiếng Hán (35,29%). Nói chung là: Trong tiếng Việt, PNCKGT thuộc nhóm này được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình và mức cầu cao nhiều hơn tiếng Hán.

+ Về hình thức: Trường hợp về hình thức hỏi: Trong nhóm phát ngôn tiếng Việt là 0 phiếu. Còn ở tiếng Hán, nhóm phát ngôn cùng loại có 1 phiếu phát ngôn với hình thức hỏi, chiếm tỷ lệ 5,88%. Vì phát ngôn thuộc nhóm này thông qua thuật lại lời nói của người khác hoặc truyền đạt ý muốn của người ta cho người nghe biết, cho nên hiếm có phát ngôn với hình thức hỏi, và khuynh hướng này trong tiếng Việt càng tuyệt đối hơn, vì không có phát ngôn nào với hình thức hỏi.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 3 điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình thức như: 她说, 请你以后不要再写东西给她了! (Câu ấy nói, sau này cậu làm ơn đừng viết thư đó nữa.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 2 phiếu, chiếm 11,76% (2/17 phiếu). 2) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có hiện tượng đặt thêm ngữ khí từ như “đấy” ở cuối câu như: 哎, 侯老师让你去领套桌椅, 一会儿那个转校生来。 (Này, cô chủ nhiệm bảo cậu lên khênh một bộ bàn ghế, lát nữa bạn chuyển trường đó đến đấy.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 2 phiếu, chiếm 11,76% (2/17 phiếu). 3) Đặt từ “nữa” ở cuối câu để biểu hiện sự kiện có thể phát sinh lại: 她说, 请你以后不要再写东西给她了! (Câu ấy nói, sau này cậu làm ơn đừng viết thư đó nữa.) Trong trường hợp này, từ nữa tương đương với từ “再” trong tiếng Hán, nhưng trong tiếng Việt là đặt ở cuối câu. Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 2 phiếu, chiếm 11,76% (2/17 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi thấy rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt,

có thể chuyển đổi hình thức để giảm bớt hoặc tăng cường ngữ điệu của phát ngôn trong ngôn ngữ đích. Và cũng như trong phần 4.4.3.4 đặt thêm ngữ khí từ “đấy” ở cuối câu, cũng là một chiến lược biểu hiện tình cảm hữu hiệu - giảm bớt khoảng cách giữa người nói và người nghe. Cuối cùng, trong tiếng Việt, từ “nữa” được đặt trong cuối câu. Nhưng từ “再” – sự tương đương của từ “nữa” trong tiếng Hán có thể đặt trước động từ / cụm động từ.

Thuật lại lời nói của người ta, để thực hiện HĐCK. Vì thế, đa số phát ngôn với hình thức trần thuật, hầu hết không có trường hợp với hình thức hỏi. Và trong giao tiếp thực tế, phát ngôn này ít được người nói chọn dùng, cho nên tần số sử dụng của chúng trong hai ngôn ngữ đều rất thấp. Lực ngôn trung trong phát ngôn là mạnh hay yếu, ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn là mức khiến cao hay mức cầu cao, tùy theo phát ngôn được thuật lại. Xét từ ngữ liệu, chúng tôi cho rằng, trong nhóm tiếng Việt có nhiều trường hợp hoặc là người nói thuật lại nội dung yêu cầu, ngăn chặn với mức khiến cao của người ta, hoặc là biểu hiện xin, mời mọc với mức cầu cao, là vì nhờ phương thức này có thể giữ thể diện của tự mình tối đa hoặc giữ thể diện của người nghe tối đa. Mà trong nhóm tiếng Hán đa số là thuật lại nội dung đề nghị, khuyên nhủ và mời mọc, với mức cầu khiến trung bình, sắc thái vừa phải. Tìm hiểu về nhân tố tạo ra điểm khác nhau, điều này có liên quan với tình huống giao tiếp cụ thể, và tâm lý người nói và thói quen sử dụng ngôn ngữ của dân tộc Việt và dân tộc Hán. Trong nhóm tiếng Hán, có một trường hợp ngoại lệ với hình thức hỏi, là vì thông qua phương thức hỏi để truyền đạt ý muốn của người ta, để được người nghe tiếp nhận, mục đích gợi ý càng hiệu quả hơn. Về vấn đề dịch, nhóm phát ngôn này cũng có trường hợp là biến đổi hình thức câu và đặt thêm ngữ khí từ, cũng do nhằm mục đích làm cho bản dịch phù hợp quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích.

4.4.3.6. Đối chiếu phát ngôn bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong ngữ liệu tiếng Việt của luận án, nhóm phát ngôn này có 30 phiếu. Luận án xin nêu câu ví dụ để minh họa:

156) – Mày không ăn, mẹ mày biết mẹ mày buồn lắm đó.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe ăn nhiều cơm vào, đừng làm cho mẹ thấy lo.

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Hán cũng có kiểu phát ngôn cùng loại. Luận án xin nêu câu ví dụ để minh họa:

157) (看到孩子一直在吃一道菜, 看起来很好吃。)

– (我试试。哎哟, 这道菜好辣啊。) 吃多明天都要喉咙发炎了。

(Thấy con cứ ăn một món xào, trông rất ngon.)

– (Mẹ cũng ăn thử xem nhé. Ái chà, món này cay quá!) Ăn nhiều sẽ bị viêm họng lại. (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đừng ăn món cay nhiều.

Trong ngữ liệu của luận án, phát ngôn cùng loại của tiếng Hán có 33 phiếu. Dựa vào số liệu thống kê trong mục 2.4.3.6 của chương 2 và mục 3.4.3.6 của chương 3, luận án xin làm bảng để đối chiếu những phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán về mức độ cầu khiến. Trường hợp biểu hiện các nhóm HĐCK của chúng như bảng 4.34:

Bảng 4.34: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.6

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.6	Mức khiến cao	8	26,67%
	Mức cầu khiến trung bình	20	66,67%
	Mức cầu cao	2	6,67%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	9	27,27%
	Mức cầu khiến trung bình	22	66,67%
	Mức cầu cao	2	6,06%

Trong những phát ngôn thuộc nhóm này của tiếng Việt và tiếng Hán, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 4.35:

Bảng 4.35: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.6

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn	Hỏi	2	6,67%

tiếng Việt ở mục 4.4.3.6	Trần thuật	19	63,33%
	Cảm thán	9	30,00%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	2	6,06%
	Trần thuật	23	69,70%
	Cảm thán	8	24,24%

Thông qua đối chiếu kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán, chúng tôi phát hiện, kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán giống hệt. Sau đây, luận án xin trình bày những điểm giống nhau như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Về trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, trong tiếng Việt có 8 phiếu, chiếm tỷ lệ 26,67%. Ở tiếng Hán, kiểu phát ngôn cùng loại được dùng để biểu hiện HĐCK có 9 phiếu, với tỷ lệ 27,27%. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: Trong nhóm tiếng Việt, có 20 phiếu được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, chiếm tỷ lệ 66,67%. Trong tiếng Hán, trường hợp này có 22 phiếu, cũng với tỷ lệ 66,67%. 3) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: Trong nhóm tiếng Việt, chỉ có 2 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, chiếm tỷ lệ 6,67%. Trong tiếng Hán, trường hợp này cũng chỉ có 2 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, chiếm tỷ lệ 6,06%. Nói tóm lại, nhóm PNCKGT này được dùng để biểu hiện nhóm HĐCK với mức cầu khiến trung bình chiếm nhiều nhất, kể cả trong tiếng Việt và tiếng Hán.

+ Về hình thức: 1) Trường hợp với hình thức hỏi được sử dụng trong tiếng Việt (6,67%) và tiếng Hán (6,06%) đều rất ít. 2) Trường hợp về hình thức trần thuật trong nhóm tiếng Việt (63,33%) và tiếng Hán (69,70%) đều được sử dụng khá nhiều. 3) Trường hợp với hình thức cảm thán trong nhóm tiếng Việt (30,00%) và tiếng Hán (24,24%) đều được sử dụng tương đối ít. Có thể cho rằng, trong nhóm PNCKGT của tiếng Việt và tiếng Hán, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán đều với tần số sử dụng gần nhau.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Trong nhóm PNCKGT của tiếng Việt, tổng cộng có 30 phiếu, chiếm tỷ lệ 4,30%. Còn ở tiếng Hán, phát ngôn cùng

loại có 33 phiếu, chiếm tỷ lệ 3,92%. Vì vậy, nhóm PNCKGT của tiếng Việt và tiếng Hán đều với số lượng không nhiều, và tần số sử dụng cũng gần nhau.

Luận án đã đối chiếu PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt và những phát ngôn cùng loại của tiếng Hán từ mặt ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến, hình thức và tần số sử dụng, kiểu PNCKGT trong hai ngôn ngữ với mức độ tương tự rất cao. Mà luận án xin nêu điểm khác nhau như sau:

Điểm khác nhau: + Về cách sử dụng uyển ngữ để biểu hiện những chuyện kiêng kỵ hoặc không tiện nói trực tiếp. Phát ngôn thuộc nhóm này là thông qua bày tỏ hậu quả về để gợi ý người nghe làm hoặc không làm chuyện gì đó, cho nên nếu lực ngôn trung trong phát ngôn quá mạnh hoặc cứ nêu trực tiếp những chuyện kiêng kỵ với người nghe, dễ làm cho người nghe không vui và từ chối tiếp nhận sự cầu khiến của người nói, thì sự giao tiếp sẽ không thể thành công được. Trong nhóm tiếng Hán, có 1 trường hợp có sử dụng cách uyển chuyển để biểu hiện hành động khuyên nhủ. Trong ngôn cảnh đó, người nghe hay đến muộn, người nói thì nêu phát ngôn khuyên nhủ: “整天迟到, 小心老板请你吃炒鱿鱼。(Suốt ngày đến muộn, cẩn thận sắp mời anh ăn món mực xào.)”. Trong tiếng Hán và chuẩn mực xã hội Trung Quốc ngày nay, “炒鱿鱼(món mực xào)” là một uyển ngữ với ý nghĩa là “sa thải nhân viên” hoặc “bị thất nghiệp”. Trong ngôn cảnh này, hai người giao tiếp có vị thế xã giao và tuổi tác bằng nhau, uyển ngữ này còn có vai trò tăng thêm sự hài hước trong giao tiếp, giảm thiểu đe dọa thể diện của người nghe, làm cho người nghe dễ tiếp nhận sự khuyên nhủ của bạn. Đối chiếu PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán, chúng tôi chỉ phát hiện trong nhóm tiếng Hán có trường hợp sử dụng uyển ngữ.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 1 điểm nổi bật. Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có hiện tượng đặt thêm ngữ khí từ như thôi / đấy ở cuối câu như: 在这种情况下你根本就会被打着玩。 (Kiểu này, mày sẽ bị nó đập cho một trận lấy le **thôi**.)/ 你再不认真, 就会被我干掉。 (Cậu mà không nghiêm túc, sẽ bị tôi làm thịt đấy.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 10 phiếu, chiếm 30,30% (10/33 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu

này, chúng tôi thấy rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt, đặt thêm ngữ khí từ hoặc tiểu từ tình thái như đấy / thôi ở cuối câu, là cách chuyển dịch phù hợp với thói quen sử dụng tiếng Việt. Trong một số trường hợp, có thể đóng vai nhấn mạnh ngữ khí hoặc thể hiện sự gần gũi.

+ Thông qua đối chiếu bản dịch tiếng Việt, còn phát hiện được hiện tượng dịch sai như: 你婶子过日子急, 你吃她一碗面, 她会记一辈子的。 (Chị dâu con lâu nay làm ăn không ra gì. Con ăn của nó một bát miến, nó sẽ nhớ cả đời đấy.) Sở dĩ có hiện tượng dịch sai này, là vì dịch giả chưa thấu hiểu được quan hệ giữa các nhân vật trong tác phẩm, “婶子” trong tiếng Việt được hiểu là “thím”. Và lại, từ “面” nên tương đương với “mỳ” trong tiếng Việt. Món mỳ đã là một món phổ biến đối với người Việt, không cần chuyển dịch thành “miến” để đọc giả Việt Nam dễ hiểu. Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp dịch sai chỉ có 1 phiếu, với tỷ lệ 3,03%.

Hành động bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả, bản thân là một hành động hơi có sắc thái nghiêm túc, cho nên đa số phát ngôn là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình như yêu cầu, đề nghị, khuyên nhủ.. Với hình thức, khi nêu nguyên nhân hoặc báo hậu quả, đa số trường hợp với hình thức trần thuật và cảm thán. Lại vì hành động bày tỏ nguyên nhân hoặc hậu quả bản thân thì có sức thuyết phục, mang tính phân tích, dễ làm cho người nghe tiếp nhận, cho nên nhóm phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán có tần số sử dụng bằng nhau, đều tương đối cao. Xét từ ngữ liệu, trong nhóm tiếng Hán có trường hợp là sử dụng uyển ngữ để biểu hiện những chuyện kiêng kỵ hoặc không tiện nói trực tiếp. Đây cũng phản ánh thói quen sử dụng phát ngôn của người Việt và người Hán có khác biệt, mà người Hán khi thông qua cách bày tỏ hậu quả để thực hiện HĐCK, khéo dùng cách nói uyển chuyển, để tránh khỏi làm cho người nghe không vui. Về vấn đề dịch, nhóm phát ngôn này cũng có đặt thêm ngữ khí từ, cũng do nhằm mục đích làm cho bản dịch phù hợp quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích. Và trong ngữ liệu có một hiện tượng dịch sai rất nổi bật, sẽ gợi ý chúng tôi trong công việc dịch phải hiểu đúng ý nghĩa và hiểu thêm văn hoá, tình hình trong nước của dân tộc khác, mới có thể dịch chính xác trong ngôn ngữ đích.

4.4.3.7. Đối chiếu phát ngôn đe dọa hoặc cảnh cáo trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Việt, PNCKGT thuộc nhóm này có 33 phiếu. Luận án xin nêu câu ví dụ như sau:

158) Chị đập chân, cựa tay:

– Ông buông tôi ra! Ông đều lắm! Tôi tư tử bây giờ!

< Sáng, chị Phu mỏ - Nguyễn Công Hoan >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: ngăn hành động xâm phạm của người nghe.

Xét từ ngữ liệu tiếng Hán của luận án, trong tiếng Hán cũng có nhóm phát ngôn HĐCKGT cùng loại. Luận án xin nêu ví dụ tiêu biểu để minh họa:

159) - 今天不来公司接我下班你就死定了!

- Hôm nay nếu anh không đến công ty đón em về nhà, anh sẽ chết!

(Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: yêu cầu người nghe đến đón.

Xét từ ngữ liệu trong luận án, phát ngôn tiếng Hán thuộc nhóm này có 36 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê trong mục 2.4.3.7 của chương 2 và mục 3.4.3.7 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.35, để đối chiếu những phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán về mức độ cầu khiến:

Bảng 4.36: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.7

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục.2.4.3.7	Mức khiến cao	33	100%
	Mức cầu khiến trung bình	0	0%
	Mức cầu cao	0	0%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	35	97,22%
	Mức cầu khiến trung bình	1	2,78%
	Mức cầu cao	0	0%

Trong những phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt và tiếng Hán, lời hỏi, lời trần thuật và lời cảm thán được phân bố như bảng 4.37:

Bảng 4.37: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.7

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.7	Hỏi	6	18,18%
	Trần thuật	20	60,61%
	Cảm thán	7	21,21%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	5	13,89%
	Trần thuật	13	36,11%
	Cảm thán	18	50,00%

Dựa vào những số liệu trên, thông qua đối chiếu PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán, luận án có được những nhận xét như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến. 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao: nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm 100%, còn nhóm tiếng Hán chiếm 97,22%, đều với tỷ lệ rất cao. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: nhóm tiếng Việt và tiếng Hán đều là 0 phiếu. Phát ngôn trong nhóm này với lực ngôn trung cực mạnh, cả tiếng Việt và tiếng Hán. Vì nhóm PNCKGT này toàn là những phát ngôn mang sắc thái đe dọa hoặc cảnh cáo, cho nên chúng luôn với lực ngôn trung cực mạnh, thường biểu hiện những HĐCK với mức khiến cao.

+ Về hình thức: Về hình thức hỏi dò, được sử dụng trong nhóm tiếng Việt chiếm 18,18%, trong nhóm tiếng Hán với tỷ lệ 13,89%, Khi người ta dùng phát ngôn mang sắc thái đe dọa hoặc cảnh cáo để biểu hiện HĐCK, ít sử dụng phát ngôn với hình thức hỏi.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Trong tiếng Việt, PNCKGT thuộc nhóm này có 33 phiếu, chiếm tỷ lệ 4,73% (33/698 phiếu). Trong tiếng Hán, phát ngôn cùng loại có 36 phiếu, với tỷ lệ 4,28% (36/842 phiếu). Trong hai ngôn ngữ này, PNCKGT thuộc nhóm này đều với số lượng không nhiều, và tần số sử dụng của chúng cũng gần bằng nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: nhóm phát ngôn tiếng Việt là 0

phiếu, còn nhóm tiếng Hán với tỷ lệ 2,78%. So với tiếng Việt, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình trong tiếng Hán nhiều hơn.

+ Về hình thức: 1) Về hình thức trần thuật, được sử dụng trong nhóm phát ngôn tiếng Việt (60,61%) phổ biến hơn trong nhóm tiếng Hán (36,11%). 2) Về hình thức cảm thán: trong nhóm phát ngôn tiếng Việt (21,21%) được sử dụng ít hơn so với tiếng Hán (50,00%). Nhưng trong cả hai ngôn ngữ, khi người ta dùng phát ngôn mang sắc thái đe dọa hoặc cảnh cáo để biểu hiện HĐCK, đa số trường hợp là chọn dùng những phát ngôn với hình thức trần thuật hoặc cảm thán.

+ Về cách biểu hiện của lời và các từ cảnh cáo, quả trách: cách biểu hiện này có thể tạo hậu quả là người nghe từ chối tiếp nhận HĐCK của người nói, hoặc là gây mâu thuẫn với hai người nghe. Xét từ ngữ liệu, có mấy trường hợp như sau: 1) Trong nhóm tiếng Việt này, từ “mày”, “tao” trong phát ngôn có thể biểu hiện ý nghĩa quả trách, trường hợp này có 6 phiếu, với tỷ lệ 18,18% (người giao tiếp với quen hệ thân mật thì không tính vào). Trong đó, có 1 trường hợp là vừa sử dụng từ “mày”, vừa sử dụng từ “tao”. Ở tiếng Hán, trường hợp sử dụng từ “小杂种(thằng)”, “他妈的(mẹ nó)” và cứ gọi họ tên của người với vị thế xã giao cao hơn, đều có thể biểu ý nghĩa quả trách. Trường hợp này trong nhóm tiếng Hán có 4 phiếu, chiếm tỷ lệ 11,11%. Trường hợp này trong tiếng Việt nhiều hơn tiếng Hán một chút. Nhưng về từ ngữ thể hiện ý nghĩa quả trách, thì tiếng Hán phong phú hơn. 2) Trường hợp sử dụng thán từ ở đầu câu: Trong nhóm tiếng Việt là 0 phiếu. Và trong tiếng Hán có 1 phiếu phát ngôn tiếng Hán là như vậy: “诶！到点了啊！到点了！进不进来？不进来锁门了啊！!(Này! Đến giờ rồi! Đến giờ rồi! Cô có lên phòng không đây! Không lên tôi khóa cửa đó!)”.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 3 điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình thức như: 如果你不帮我, 我只有自己搞, 你就不怕这样对我更危险! (Nếu bố không ra tay giúp, con sẽ tự làm, bố không sợ là con sẽ gặp nguy hiểm sao?) / 王金山, 你不出来点火烧房子啦! (Vương Kim Sơn! Không mở cửa là chúng tôi phá

công xông vào đốt nhà ông ngay bây giờ.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 3 phiếu, chiếm 8,33% (3/36 phiếu). 2) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có hiện tượng đặt thêm ngữ khí từ như đầu / đấy ở cuối câu để nhấn mạnh ngữ điệu và mức độ đe dọa như: 我会跟你没完。 (Tôi không để yên cho anh **đâu**.) / 肖童, 你想这样就走吗? 我欧阳兰兰也不是好欺负的! (Tiêu Đồng! Anh cứ thế mà đi được sao? Âu Dương Lan Lan tôi không phải là loại người để anh có thể khinh rẻ như thế **đâu**!) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 7 phiếu, chiếm 19,44% (7/36 phiếu). 3) Đặt từ “nữa” ở cuối câu để biểu hiện sự kiện có thể phát sinh lại: 如果你敢去, 就永远不要再回这个家。 (Nếu em dám đi thì đừng bao giờ về cái nhà này **nữa**.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 1 phiếu, chiếm 2,78% (1/36 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi thấy rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình thức để giảm bớt hoặc tăng cường ngữ điệu của phát ngôn trong ngôn ngữ đích. Và nhóm phát ngôn này là thông qua nêu phát ngôn đe dọa để thực hiện HĐCK một cách gián tiếp, cho nên đặt thêm ngữ khí từ như đầu / đấy ở cuối câu, cũng là một phương thức nhấn mạnh ngữ khí đe dọa. Cuối cùng, trong tiếng Việt, từ “nữa” được đặt trong cuối câu. Nhưng từ “再” – sự tương đương của từ “nữa” trong tiếng Hán có thể đặt trước động từ / cụm động từ.

+ Xét từ bản dịch của tác phẩm 《蛙》 (“Ếch”) , có một trường hợp dịch sai: 还不给万主任道歉! (Quy xuống tạ tội với chủ nhiệm Vạn mau!). Sở dĩ có trường hợp dịch sai này, là vì dịch giả hiểu nhầm và chọn nhầm phương pháp dịch – dịch tăng thêm nội dung. Trong tiếng Hán, phát ngôn này chỉ có nghĩa đe dọa và yêu cầu người nghe nói một lời “xin lỗi” với chủ nhiệm Vạn, nhưng không có ý yêu cầu người nghe quy xuống để tạ tội. Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 1 phiếu, chiếm 2,78% (1/36 phiếu).

Hành động đe dọa và cảnh cáo, bản thân thì là một hành động có sắc thái nghiêm túc, cho nên đa số phát ngôn là biểu hiện HĐCK với mức khiếm cao. Khi nêu phát ngôn đe dọa và cảnh cáo, đa số trường hợp với hình thức trần thuật và cảm

thán, để thể hiện ngữ điệu mạnh. Lại vì hành động đe dọa và cảnh cáo bản thân thì dễ làm cho người nghe sơ hãi, không dám không tiếp nhận, cho nên kiểu PNCK này cũng hay được sử dụng trong hai ngôn ngữ, tần số sử dụng đều tương đối cao. Về điểm khác nhau, trong nhóm tiếng Hán có một trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, là vì trong tình huống giao tiếp cụ thể, người nói là bố chiều con, nêu phát ngôn cảnh cáo biểu hiện hành động dãn, không mang tính áp đặt cao. Về hình thức, nhóm tiếng Việt có trường hợp với hình thức trần thuật nhiều hơn, nhóm tiếng Hán thì có trường hợp với hình thức cảm thán nhiều hơn, đây cũng phản ánh thói quen lựa chọn hình thức và cách biểu lộ thái độ đe dọa / cảnh cáo của người Việt và người Hán có khác biệt. Về từ xưng hô mang ý nghĩa quở trách, các từ xưng hô mất lịch sự trong nhóm tiếng Việt chỉ tìm thấy “mày”, “tao”, nhưng trong tiếng Hán thì đa dạng hơn; về chiến lược đặt thán từ ở đầu câu, chỉ trong nhóm tiếng Hán có hiện tượng này. Nguyên nhân về hiện tượng này có liên quan với vấn đề phương ngữ (sự phân loại các phương ngữ ở Trung Quốc càng phức tạp hơn), cũng liên quan với thói quen sử dụng từ ngữ của cá nhân. Về vấn đề dịch, nhóm phát ngôn này cũng có hiện tượng biến đổi hình thức và đặt thêm ngữ khí từ, thể hiện sự cố gắng của dịch giả, làm cho bản dịch phù hợp quy luật hoạt động của ngôn ngữ đích. Và trong ngữ liệu có một hiện tượng dịch sai rất nổi bật, gợi ý chúng tôi trong công việc dịch phải lưu ý tình huống giao tiếp cụ thể và hiểu đúng ý nghĩa của phát ngôn, tránh khỏi những vấn đề “không có thông tin mà dịch thêm”.

4.4.3.8. Đối chiếu phát ngôn mắng mỏ hoặc phê bình trong tiếng Việt với tiếng Hán

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Việt, nhóm phát ngôn này có 41 phiếu. Luận án sẽ nêu ví dụ như sau:

160) Hai mắt long lên, cụ ký giờ năm đầu ngón tay:

– Ông thì vả vỡ tan họng mày ra bây giờ! *Me mày chết, mày đã trình báo gì tao chưa, mà đã dám khóc?* < Công dụng của cái miệng– Nguyễn Công Hoan >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: cấm người nghe khóc.

Trong ngữ liệu của tiếng Hán, cũng có một nhóm phát ngôn tương tự. Luận án xin nêu ví dụ để minh họa:

161) – 几点钟了? 还在弹琴!

– Mấy giờ rồi? Còn chơi piano! (Khẩu ngữ)

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: mắng mỏ, cảm hàng xóm chơi piano.

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Hán, PNCKGT thuộc nhóm này có 42 phiếu. Và xét từ số liệu thống kê trong mục 2.4.3.8 của chương 2 và mục 3.4.3.8 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.37, để đối chiếu những phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán ở mức độ cầu khiến:

Bảng 4.38: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.8

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.8	Mức khiến cao	35	85,37%
	Mức cầu khiến trung bình	5	12,19%
	Mức cầu cao	1	2,44%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	35	83,33%
	Mức cầu khiến trung bình	7	16,67%
	Mức cầu cao	0	0%

Nếu xét về hình thức, thì số liệu cụ thể như bảng sau 4.39:

Bảng 4.39: Đối chiếu hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.8

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.8	Hỏi	6	14,63%
	Trần thuật	12	29,27%
	Cảm thán	23	56,10%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	16	38,10%
	Trần thuật	8	19,04%
	Cảm thán	18	42,86%

Thông qua đối chiếu kiểu PNCKGT tiếng Việt này với sự tương đương trong tiếng Hán, luận án xin nêu mấy điểm giống nhau và khác nhau như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao: trong nhóm phát ngôn tiếng Việt chiếm tỷ lệ 85,37%, trong nhóm tiếng Hán chiếm tỷ lệ 83,33%, đều với tỷ lệ rất cao. 2)

Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: trong nhóm phát ngôn tiếng Việt là chiếm 12,19%, trong nhóm tiếng Hán chiếm tỷ lệ 16,67%, đều với tỷ lệ tương đối thấp. Và trong cả hai ngôn ngữ, phát ngôn thuộc nhóm này đa số là biểu hiện HĐCK với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình.

+ Về số lượng và tần số sử dụng phát ngôn: Kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt có 41 phiếu, chiếm tỷ lệ 5,87% (41/698 phiếu). Ở tiếng Hán, nhóm PNCKGT này có 42 phiếu, chiếm tỷ lệ 4,99% (42/842 phiếu). Kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều không nhiều lắm, và tần số sử dụng của chúng gần nhau.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này có 1 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, chiếm tỷ lệ 2,44% (1/41 phiếu). Còn ở tiếng Hán là 0 phiếu, ít tuyệt đối hơn.

+ Về hình thức: 1) Về hình thức hỏi: trong nhóm tiếng Việt (14,63%) được sử dụng ít hơn so với nhóm tiếng Hán (38,10%). 2) Về hình thức trần thuật: trong nhóm tiếng Việt (29,27%) được sử dụng nhiều hơn so với nhóm tiếng Hán (19,04%). 3) Về hình thức cảm thán: trong nhóm tiếng Việt (56,10%) được sử dụng nhiều hơn một chút so với nhóm tiếng Hán (42,86%). Người Việt càng quen về sử dụng hình thức cảm thán với giọng điệu mạnh để thể hiện những PNCKGT với mức khiến cao.

+ Cách biểu hiện mắng mỏ: 1) Trường hợp dùng lời nói “Mày điên rồi?” hoặc “你疯了吗? (Cậu điên rồi à?)” để thể hiện sự phẫn nộ, để cấm hoặc ngăn chặn hành động của người nghe. Trường hợp này trong nhóm tiếng Việt có 1 phiếu, với tỷ lệ 2,44%. Trong nhóm tiếng Hán thì có 2 phiếu, với tỷ lệ 4,76%. 2) Trường hợp dùng những ngôn từ thô tục để biểu hiện sắc thái mắng mỏ và sự phẫn nộ của người nói: Xét từ ngữ liệu, trong tiếng Việt có những ngôn từ như: “đồ mắt dạy”, “đồ ăn gian”, “đồ hèn” “đồ cục súc”, “đồ rác rưởi”... Tổng cộng có 5 phiếu, chiếm tỷ lệ 12,19%. Trong tiếng Hán, thì có những từ ngữ như “牛逼 (đồ trâu bò)”, “染个屁 (nhuộm cái cứt ấy)”, “他妈的 (Đ.M)”, tổng cộng có 3 phiếu, với tỷ lệ 7,14%. Xét từ cấu tạo của ngôn từ, thì những ngôn từ thô tục trong tiếng Hán đa dạng hơn, vì những từ “đồ mắt dạy”, “đồ hèn” trong tiếng Việt thực ra chỉ có một dạng thức là “đồ + X”. Mà các ngôn từ thô tục này trong tiếng Hán mang sắc thái mắng mỏ càng mạnh hơn.

+ Nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn dùng phát ngôn mang ý nghĩa mỉa mai, chỉ trích, phê bình về người hoặc sự kiện để biểu hiện HĐCK – vị thế xã giao của người nói. So với người nghe, người nói với vị thế xã giao cao hơn hay thấp hơn có liên quan đến việc chọn dùng cách biểu hiện HĐCK. Luận án xin làm bảng 4.39 để trình bày số liệu cụ thể:

Bảng 4.40: Đối chiếu vị thế xã giao của người nói của phát ngôn trong mục 4.4.3.8

	Vị thế xã giao của người nói	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.8	Người nói có vị thế xã giao cao hơn	9	21,95%
	Người nói và người nghe bằng nhau	24	58,54%
	Người nói có vị thế xã giao thấp hơn	8	19,51%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Người nói có vị thế xã giao cao hơn	20	47,62%
	Người nói và người nghe bằng nhau	18	42,86%
	Người nói có vị thế xã giao thấp hơn	4	9,52%

Xét từ số liệu như trên, luận án được biết: 1) Về trường hợp người nói có vị thế xã giao cao hơn, trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này có 9 phiếu phát ngôn, chiếm tỷ lệ 21,95%. Còn trong tiếng Hán thì có 20 phiếu, chiếm tỷ lệ 47,62%. 2) Về trường hợp người nói và người nghe có vị thế xã giao bằng nhau: trong tiếng Việt có 24 phiếu, chiếm 58,54%. Còn trong tiếng Hán thì có 18 phiếu, chiếm tỷ lệ 42,86%. 3) Về trường hợp người nói có vị thế xã giao thấp hơn: trong nhóm tiếng Việt có 8 phiếu, với tỷ lệ 19,51%. Còn trong tiếng, thì chỉ có 4 phiếu, với tỷ lệ 9,52%. Nói chung là, trong tiếng Việt, trường hợp người nói và người nghe có vị thế xã giao bằng nhau chiếm nhiều nhất (58,54%). Trong tiếng Hán là trường hợp người nói có vị thế xã giao cao hơn chiếm nhiều nhất (47,62%). Còn trong tiếng Việt có khuynh hướng là người nói với vị thế xã giao thấp hơn cũng có nhiều trường hợp là nêu phát ngôn mỉa mai, phê bình để biểu hiện HĐCKGT (so với tiếng Hán). Nhưng trong tiếng Hán, sử dụng kiểu phát ngôn này hình như là quyền lực chuyên môn của người nói với vị thế xã giao cao hơn hoặc hai người bình đẳng, ít có trường hợp là người nói có vị thế xã giao thấp hơn vẫn sử dụng kiểu phát ngôn này.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 2 điểm nổi bật. 1) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình

thức như: 你敢胡说! (Mày dám nói láo như thế à?) / 祥林嫂, 你又来了。 (Thím Lâm, thím lại kể chuyện ấy đấy à?) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 5 phiếu, chiếm 11,90 % (5/42 phiếu). 2) Khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có hiện tượng đặt thêm tiểu từ tình thái hoặc ngữ khí từ như chứ / đấy / à / sao / hả ở cuối câu để nhấn mạnh ngữ điệu như: 他们小孩子知道什么。 (Chúng nó còn trẻ con, biết gì cơ **chứ!**) / 这么点小手术就把你吓成这样! (Chỉ một chút tiểu phẫu thuật mà lại khiến ông trở thành bộ dạng như thế này **sao!**) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 7 phiếu, chiếm 16,67% (7/42 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi thấy rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt, có thể chuyển đổi hình thức để tăng cường ngữ điệu của phát ngôn. Và nhóm phát ngôn này là thông qua nêu phát ngôn mắng mỏ, phê bình để thực hiện HĐCK một cách gián tiếp, cho nên đặt thêm tiểu từ tình thái hoặc ngữ khí từ như chứ / đấy / à / sao / hả ở cuối câu, cũng là một cách nhấn mạnh ngữ khí mắng mỏ hoặc trách quở.

Hành động dùng cách mắng mỏ hoặc phê bình để biểu hiện HĐCK, bản thân thì là một hành động có sắc thái phẫn nộ, rất mất lịch sự, cho nên đa số phát ngôn là biểu hiện HĐCK với mức khiếm cao. Khi nêu phát ngôn trong nhóm này, có nhiều trường hợp với hình thức cảm thán, để nhấn mạnh ngữ điệu. Lại vì hành động mắng mỏ hoặc phê bình dễ làm cho người nghe khó chịu, các tác dụng ép buộc người nghe tiếp nhận HĐCK, cho nên kiểu PNCK này cũng hay được sử dụng trong hai ngôn ngữ, tần số sử dụng đều tương đối cao. Về điểm khác nhau, trong nhóm tiếng Hán có hình thức hỏi ngược hướng nhiều hơn, chứng tỏ thói quen chọn dùng hình thức của người Hán là càng thích dùng hình thức hỏi ngược hướng để biểu hiện sắc thái phẫn nộ. Về trường hợp dùng lời nói “Mày điên rồi?” hoặc “你疯了吗? (Cậu điên rồi à?)” để thể hiện sự phẫn nộ, trong nhóm tiếng Việt ít hơn tiếng Hán, còn trường hợp dùng những ngôn từ thô tục để biểu hiện sắc thái mắng mỏ và sự phẫn nộ của người nói, cũng là nhóm tiếng Việt ít hơn tiếng Hán, và các từ ngữ thô tục trong tiếng Hán cũng đa dạng hơn. Nguyên nhân về hiện tượng này có liên quan với vấn đề phương ngữ (Trung Quốc rộng, mỗi một nơi có một phương ngữ, có thể có nhiều từ ngữ hơn mang đặc sắc địa phương), điều này cũng liên quan với thói quen

sử dụng từ ngữ của cá nhân. Về nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn dùng phát ngôn mang ý nghĩa mắng mỏ, chỉ trích, luận án đã khảo cứu về nhân tố về vị thế xã giao giữa người nói và người nghe. Nói chung là trong nhóm tiếng Việt là người nói có vị thế xã giao thấp hơn vẫn còn chọn dùng kiểu phát ngôn này nhiều hơn nhóm tiếng Hán, có thể thấy, khi muốn thể hiện thái độ phẫn nộ, tức giận, người Việt càng quan tâm về hiệu quả giao tiếp, mà nhân tố về vị thế xã giao ít được suy nghĩ đến. Về vấn đề dịch, nhóm phát ngôn này cũng có hiện tượng biến đổi hình thức và đặt thêm ngữ khí từ, thể hiện sự cố gắng của dịch giả, làm cho bản dịch phù hợp đặc điểm của ngôn ngữ đích – hay dùng ngữ khí từ để biểu hiện tâm trạng và thái độ của người nói.

4.4.3.9. Đối chiếu phát ngôn biểu lộ xoi mói, hoặc nói mát trong tiếng Việt với tiếng Hán

Trong tiếng Việt, nhóm phát ngôn này chỉ có 5 phiếu, chẳng hạn:

162) Bà bảo hẳn rằng: “Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già.” < Tuyển Tập - Nam Cao >

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: khuyên người nghe đừng quá thực thà, mà làm những chuyện càng thân mật hơn với mình

Xét từ ngữ liệu của luận án, kiểu PNCKGT này trong tiếng Hán cũng có những sự tương đương. Ví dụ:

163) “这个自修上有解答耶，你自己看啦。”我肯定是脸红了

“如果我看得懂，就不用问你啦，还是你不想教我？” 李小华眨眨眼，看着我。

“Câu này giờ tự học có đáp án đấy, cậu tự đi mà xem đi.” Tôi chắc chắn mặt mình đã đỏ tung bừng.

“Nếu tớ hiểu được thì hỏi cậu làm gì nữa, hay là cậu không muốn chỉ cho tớ?” Lý Tiểu Hoa chớp chớp mắt nhìn tôi.

《那些年我们一起追过的女孩》-九把刀 (“Cô gái năm ấy chúng tôi cùng theo đuổi” - Cửu Bả Đao

Phát ngôn ở đây có nghĩa là: nhờ người nghe chỉ bài toán giúp mình.

Xét từ ngữ liệu của luận án, trong tiếng Hán, PNCKGT thuộc nhóm này có 6 phiếu. Và dựa vào số liệu thống kê trong mục 2.4.3.9 của chương 2 và mục 3.4.3.9 của chương 3, luận án xin làm bảng 4.40, để đối chiếu những phát ngôn thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán về mức độ cầu khiến một cách trực quan:

Bảng 4.41: Đối chiếu mức độ cầu khiến của phát ngôn trong mục 4.4.3.9

	Mức độ cầu khiến	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.9	Mức khiến cao	1	20,00%
	Mức cầu khiến trung bình	3	60,00%
	Mức cầu cao	1	20,00%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Mức khiến cao	4	66,66%
	Mức cầu khiến trung bình	1	16,67%
	Mức cầu cao	1	16,67%

Khi nghiên cứu, đối chiếu hình thức của PNCKGT thuộc nhóm này trong tiếng Việt với tiếng Hán, dựa vào số liệu thống kê, luận án xin làm bảng 4.42 để minh họa:

Bảng 4.42: Đối chiếu mức hình thức của phát ngôn trong mục 4.4.3.9

	Hình thức	Số phiếu	Chiếm tỷ lệ
Phát ngôn tiếng Việt ở mục 2.4.3.9	Hỏi	1	20,00%
	Trần thuật	2	40,00%
	Cảm thán	2	40,00%
Sự tương đương trong tiếng Hán	Hỏi	1	16,67%
	Trần thuật	3	50,00%
	Cảm thán	2	33,33%

Thông qua, đối chiếu kiểu PNCKGT này trong tiếng Việt với tiếng Hán, luận án có được mấy điểm nhận xét như sau:

Điểm giống nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu cao: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này chỉ có 1 phiếu là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao, với tỷ lệ 20,00%. Trong tiếng Hán, trường hợp này cũng như vậy, cũng chỉ có 1 phiếu phát ngôn biểu hiện HĐCK với

mức cầu cao, với tỷ lệ 16,67%. Có thể thấy, nhóm PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán đều ít có trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao.

+ Về hình thức: 1) Trường hợp với hình thức hỏi: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này chỉ có 1 phiếu với hình thức hỏi, với tỷ lệ 20,00%. Ở tiếng Hán, trường hợp này cũng như vậy, cũng chỉ có 1 phiếu với hình thức hỏi, với tỷ lệ 16,67%. 2) Trường hợp với hình thức trần thuật: Trong tiếng Việt, kiểu PNCKGT này có 2 phiếu với hình thức trần thuật, chiếm 40,00%. Còn ở tiếng Hán, trường hợp này có 3 phiếu, chiếm 50,00%. 3) Trường hợp với hình thức cảm thán: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này có 2 phiếu với hình thức cảm thán, với tỷ lệ 40,00%. Còn ở tiếng Hán, trường hợp này cũng có 2 phiếu, chiếm 33,33%. Nói chung là nhóm PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán đều ít có trường hợp với hình thức hỏi, đa số phát ngôn với hình thức trần thuật hoặc cảm thán.

+ Về số lượng và tần số sử dụng của phát ngôn: Trong tiếng Việt, nhóm PNCK này chỉ có 5 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,72% (5/698 phiếu). Trong tiếng Hán, PNCKGT với kiểu tương đương cũng chỉ có 6 phiếu thôi, chiếm tỷ lệ 0,71% (6/842 phiếu). Vì vậy, kiểu phát ngôn này trong tiếng Việt và tiếng Hán đều với số lượng ít, và tần số sử dụng của chúng đều không cao, không được sử dụng phổ biến lắm.

Điểm khác nhau: + Về ý nghĩa cầu khiến và mức độ cầu khiến: 1) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao: Trong tiếng Việt, nhóm PNCKGT này chỉ có 1 phiếu biểu hiện HĐCK với mức khiến cao, chiếm tỷ lệ 20,00%. Nhưng ở tiếng Hán, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao có 4 phiếu, chiếm 66,66%. 2) Trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình: Trong nhóm Việt, có 3 phiếu biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình, với tỷ lệ 60,00%. Trong tiếng Hán, trường hợp này chỉ có 1 phiếu với tỷ lệ 16,67%. Xét về tổng thể, phát ngôn trong nhóm tiếng Việt biểu hiện HĐCK với mức khiến cao ít hơn, phần lớn phát ngôn tiếng Việt được dùng để biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình (60,00%). Ở tiếng Hán, tình huống này thì trái lại, trường hợp biểu hiện HĐCK với mức khiến cao chiếm tỷ lệ cao nhất (66,66%), và trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình ít hơn nhiều. Cho nên, chúng tôi cho rằng, so với tiếng

Hán, lực ngôn ngữ trung của những PNCKGT thuộc nhóm tiếng Việt nhẹ nhàng hơn.

+ Xét từ bản dịch tiếng Việt của PNCKGT tiếng Hán thuộc nhóm này, có 1 điểm nổi bật. Tức là khi chuyển dịch phát ngôn sang tiếng Việt, có hiện tượng đặt thêm ngữ khí từ như “đấy” ở cuối câu để nhấn mạnh ngữ điệu và như: 还不是很在想他漂亮的老情人, 连我要去哪怕是都不记得了。 (Chắc là nhớ người yêu cũ xinh đẹp đấy, e rằng không nhớ được hết vợ định đi đâu **đấy** rồi.) Trong nhóm phát ngôn này, trường hợp này có 1 phiếu, chiếm 16,67% (1/6 phiếu). Xét từ kết quả đối chiếu này, chúng tôi cho rằng, khi chuyển dịch PNCK tiếng Hán sang tiếng Việt, có thể dựa vào ngôn cảnh và mục đích cầu khiến, để đặt thêm ngữ khí từ, và có vai trò nhấn mạnh ngữ khí soi mói.

Sử dụng phát ngôn biểu lộ soi mói, hoặc nói mát để biểu hiện HĐCK, cũng là một hành động có mặt lịch sự, cho nên ít có trường hợp là biểu hiện HĐCK với mức cầu cao. Do đa số phát ngôn là mang đặc tính trình bày, cho nên ít có trường hợp với hình thức hỏi. Lại vì kiểu phát ngôn này với ý nghĩa càng mơ hồ hơn, người nghe phải có trình độ văn hoá mới suy ý được ý nghĩa cầu khiến, không dễ hiểu lắm, cho nên kiểu phát ngôn này đều ít được sử dụng.

Về điểm khác nhau, trong nhóm tiếng Việt có trường hợp biểu hiện HĐCK với mức cầu khiến trung bình nhiều hơn, mà trong nhóm tiếng Hán thì biểu hiện HĐCK với mức khiến cao nhiều hơn. Xét từ ngữ liệu, chúng tôi thấy rằng, khi nêu kiểu phát ngôn này càng dựa vào ngôn cảnh cụ thể. Hai người giao tiếp tuy có vị thế xã giao bằng nhau, nhưng để biểu hiện mục đích cầu khiến cụ thể, có thể hoặc là biểu hiện HĐCK với lực ngôn ngữ trung mạnh, hoặc là với lực ngôn ngữ trung vừa phải. Về vấn đề dịch, nhóm phát ngôn này cũng có hiện tượng đặt thêm ngữ khí từ, thể hiện sự cố gắng của dịch giả, làm cho bản dịch phù hợp đặc điểm của ngôn ngữ đích.

4.5 Tiểu kết:

Sau khi đối chiếu các nhóm PNCKGT trong tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán, luận án có được những nhận xét như sau:

1) Đối chiếu PNCKGT nhóm quy ước của tiếng Việt với sự tương đương trong tiếng Hán, có hai điểm giống nhau và năm điểm khác nhau. Hai điểm giống

nhau là: 1) Phát ngôn trong nhóm trần thuật – cầu khiến của hai ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ hoàn toàn giống nhau. 2) Phát ngôn trong nhóm cảm thán – cầu khiến đều là những phát ngôn biểu cảm hoặc sự đánh giá, với giọng điệu mạnh. 5 Điểm khác nhau: 1) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức cầu cao ít hơn tiếng Hán. 2) Trong nhóm phát ngôn – trần thuật cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình cũng nhiều hơn tiếng Hán. 3) Cùng chung một ý nghĩa, dạng thức tiếng Hán đa dạng hơn. 4) Về cấu trúc – ngữ pháp, từ “**lắm**”, “**quá**” đặt ở cuối câu cảm thán, còn từ “**好**”, “**太**” đặt trước tính từ. 5) Dùng ta / mình (咱们/我们) làm chủ ngữ trong tiếng Việt (15,38%) ít hơn tiếng Hán (33,33%). Trường hợp đặt sau từ xưng hô ở cuối câu trong tiếng Việt (2 phiếu) nhiều hơn tiếng Hán (0 phiếu).

2) Đối chiếu PNCKGT phi quy ước trong tiếng Việt với tiếng Hán, có ba điểm giống nhau và bốn điểm khác nhau. Ba điểm giống nhau là: 1) Mọi dạng thức đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 2) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến, trường hợp không tỉnh lược chủ ngữ đều chiếm 75% trong hai ngôn ngữ. 3) Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến, số lượng và tần số sử dụng phát ngôn trong hai ngôn ngữ gần bằng nhau. Bốn điểm khác nhau là: 1) Trường hợp sử dụng uyển ngữ, trong tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán. 2) Trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “tao – mày” trong tiếng Việt (6 phiếu, chiếm 18,18%) nhiều hơn trường hợp sử dụng các từ “小杂种(thằng)”, “他妈的(mẹ nó)” trong tiếng Hán (4 phiếu, chiếm 11,11%). Trường hợp sử dụng thán từ ở đầu câu để thể hiện thái độ không vui, tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán (1 phiếu). Trường hợp sử dụng lời nói “Mày điên rồi?” trong tiếng Việt (1 phiếu, 2,44%) ít hơn tiếng Hán (2 phiếu, 4,76%). Trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “đồ +X ” trong tiếng Việt (5 phiếu, 12,19%) nhiều hơn tiếng Hán (3 phiếu, 7,14%), nhưng từ ngữ mắng mỏ trong tiếng Hán đa dạng hơn. 3) Các ảnh hưởng đến cách sử dụng PNCKGT. Về nhận tội giới tính, biểu lộ cảm giác, tình trạng tâm lý để biểu hiện HĐCK. Trong tiếng Việt, phát ngôn này được nêu ra bởi nam giới nhiều hơn nữ giới (55,56% > 44,44%). Trong tiếng Hán thì trái lại, phát ngôn này được nêu ra bởi nữ giới nhiều hơn (52,17%

>47,83%). Về nhân tố vị thế xã giao của người nói, trong tiếng Việt là người nói có vị thế xã hội thấp hơn vẫn chọn dùng phát ngôn mang ý nghĩa mắng mỏ, phê bình nhiều hơn (19,51%). Nhưng ở tiếng Hán thì trái lại. 4) Khi chuyển dịch sang ngôn ngữ đích, có thể thay đổi hình thức, chỉ cần dịch đúng ý nghĩa bằng phương thức gián tiếp.

KẾT LUẬN

Luận án “*Nghiên cứu PNCKGT trong tiếng Việt và đối chiếu với tiếng Hán*” đã miêu tả và phân loại các dạng thức PNCK trong tiếng Việt và tiếng Hán, và đối chiếu chúng để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt của chúng. Luận án có những kết luận như sau:

1. Luận án tổng kết tình hình nghiên cứu PNCKGT ở phương Tây, Việt Nam và Trung Quốc, rồi đưa ra những nhận xét về thành quả nghiên cứu đã công bố, tóm lược được những thành tựu và kết quả nghiên cứu về PNCKGT, nêu ra khái niệm về PNCKGT, những lý luận có liên quan như lý thuyết hành động ngôn từ gián tiếp, ngôn cảnh, phương pháp đối chiếu... Luận án sáng rõ chức năng của PNCKGT trong giao tiếp giao văn hoá.

2. Luận án khảo sát, phân loại và miêu tả PNCKGT trong tiếng Việt và tiếng Hán, phân chia chúng thành 2 lớp lớn: quy ước và phi quy ước được thể hiện qua 3 hình thức hỏi, trần thuật, cảm thán. Cụ thể như sau:

Nhóm PNCKGT tiếng Việt có quy ước có 15 tiểu loại. Trong đó, tiểu loại dùng dạng thức a) “Sao / sao lại / tại sao + không + p?”, b) “... làm gì / gì / cái gì?”, c) “có ... không?” là phổ biến nhất. Nhóm phi quy ước có 13 tiểu loại. Trong đó, có 3 tiểu loại 1) loại phát ngôn trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật, b) biểu lộ tình trạng tâm lý/ cảm giác, c) nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình là phổ biến nhất.

Nhóm PNCKGT tiếng Hán có quy ước được phân chia thành 23 tiểu loại. Trong đó, 3 tiểu loại a) “.....好吗? / 好不好?” (... được không/ có được không?), b) “要不/要不然/要不要+P? (Hay là ...? / Có cần...không?)”, c) “能不能 /可不可以 + P?” (có thể ... không?/...được không?) là phổ biến nhất. Nhóm phi quy ước có 13 tiểu loại. Trong đó, a) loại phát ngôn trình bày sự kiện hoặc tình huống khách quan về sự thật, b) biểu lộ tình trạng tâm lý/ cảm giác, c) nêu nguyện vọng hoặc ý kiến / kế hoạch của mình là phổ biến nhất.

3. Kết quả có được sau khi đối chiếu PNCKGT tiếng Việt với tiếng Hán:

Có năm điểm giống là: 1) Phát ngôn trong nhóm trần thuật – cầu khiến quy

ước của hai ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp – ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ hoàn toàn giống nhau. 2) Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến phi quy ước trường hợp không tính lược chủ ngữ đều chiếm 75% trong hai ngôn ngữ. 3) Trong nhóm phát ngôn cảm thán – cầu khiến phi quy ước, số lượng và tần số sử dụng phát ngôn trong hai ngôn ngữ gần bằng nhau. 4) Trong nhóm phi quy ước, mọi dạng thức phát ngôn tiếng Việt đều có sự tương đương trong tiếng Hán. 5) Phát ngôn trong nhóm cảm thán – cầu khiến đều là những phát ngôn biểu cảm hoặc sự đánh giá, với giọng điệu mạnh.

Có chín điểm khác nhau là: 1) Trong nhóm quy ước, cùng chung một ý nghĩa, phát ngôn tiếng Hán có dạng thức đa dạng hơn. 2) Trong nhóm quy ước, Dùng ta / mình (咱们/我们) làm chủ ngữ trong tiếng Việt (15,38%) ít hơn tiếng Hán (33,33%). Trường hợp đặt sau từ xưng hô ở cuối câu trong tiếng Việt (2 phiếu) nhiều hơn tiếng Hán (0 phiếu). 3) Trong nhóm phi quy ước, trường hợp sử dụng uyển ngữ, trong tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán. 4) Trong nhóm phi quy ước, trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “tao – mày” trong tiếng Việt (6 phiếu, chiếm 18,18%) nhiều hơn trường hợp sử dụng các từ “小杂种(thằng)” trong tiếng Hán (4 phiếu, chiếm 11,11%). Trường hợp sử dụng thán từ ở đầu câu để thể hiện thái độ không vui, tiếng Việt (0 phiếu) ít hơn tiếng Hán (1 phiếu). Trường hợp sử dụng lời nói “Mày điên rồi?” trong tiếng Việt (1 phiếu, 2,44%) ít hơn tiếng Hán (2 phiếu, 4,76%). Trường hợp sử dụng từ ngữ mắng mỏ như “đồ +X ” trong tiếng Việt (5 phiếu, 12,19%) nhiều hơn tiếng Hán (3 phiếu, 7,14%), nhưng từ ngữ mắng mỏ trong tiếng Hán đa dạng hơn. 5) Các nhân tố ảnh hưởng đến cách sử dụng PNCKGT. Về nhận tối giới tính, biểu lộ cảm giác, tình trạng tâm lý để biểu hiện HĐCK có khác biệt. Trong tiếng Việt, phát ngôn này được nêu ra bởi nam giới nhiều hơn nữ giới (55,56% > 44,44%). Trong tiếng Hán thì trái lại, phát ngôn này được nêu ra bởi nữ giới nhiều hơn (52,17% > 47,83%). Về nhân tố vị thế xã giao của người nói, trong tiếng Việt là người nói có vị thế xã hội thấp hơn vẫn chọn dùng phát ngôn mang ý nghĩa mắng mỏ, phê bình nhiều hơn (19,51%). Nhưng ở tiếng Hán thì trái lại. 6) Khi chuyển dịch phát ngôn cầu khiến phi quy ước, hình thức câu có thể có thay đổi. 7)

Trong nhóm phát ngôn hỏi – cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức khiến cao nhiều hơn tiếng Hán. 8) Trong nhóm phát ngôn – trần thuật cầu khiến tiếng Việt, trường hợp với mức khiến cao và mức cầu khiến trung bình nhiều hơn tiếng Hán. 9) Về cấu trúc – ngữ pháp, từ “**lắm**”, “**quá**” đặt ở cuối câu cảm thán, còn từ “**好**”, “**太**” đặt trước tính từ.

4. Luận án đã nêu ra những lưu ý khi dịch PNCKGT:

Khi dịch PNCKGT quy ước, nên cố gắng để nguyên hình thức – cú pháp, chọn dùng phương pháp dịch thẳng, và dịch đúng ý nghĩa cầu khiến trong phát ngôn.

Đôi khi chuyển dịch những PNCKGT phi quy ước nên linh hoạt hơn, có thể kết hợp nhiều phương pháp dịch như dịch ý nghĩa, đặt thêm nội dung hoặc chuyển đổi hình thức câu, để dịch chuẩn đích ngôn trung trong phát ngôn cụ thể.

5. Luận án góp phần làm rõ lý luận của HĐCKGT và PNCKGT, giúp ích nhiều vào việc thực tiễn như giảng dạy ngoại ngữ, dịch thuật, có giá trị đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ và tư duy, giao tiếp giao văn hoá. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tương lai của tác giả sau khi hoàn thành luận án này có thể tiếp tục ở các vấn đề sau:

Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ từ góc độ giao thoa văn hoá.

Nghiên cứu đối chiếu PNCKGT từ lý thuyết lịch sử.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Hiểu Long (2021), “Tìm hiểu chiến lược chuyển dịch phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán sang tiếng Việt từ góc nhìn dịch tương đương – lấy ví dụ từ bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết Mặc Ngôn <Ếch>”, *Tạp chí Học viện Hồng Hà (5)*, tr. 28-32.

2. Hoàng Hiểu Long, Lư Cẩm Anh (2023), “Tìm hiểu sự bỏ sót khi chuyển dịch phát ngôn cầu khiến gián tiếp tiếng Hán từ góc nhìn dịch mục đích– lấy ví dụ từ bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết Mặc Ngôn <Ếch>”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục (2)*, tr. 184-188.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Chử Thị Bích (2007), “Hành động ngôn ngữ gián tiếp Cho, Tặng trong giao tiếp của người Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (10), tr.40 – 51.
2. Phạm Thuỳ Chi (2006), *Sự hoạt động của những yếu tố thể hiện lịch sự trong câu cầu khiến tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ Khoa học ngữ văn, ĐHKHXH & NV, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Độ (1999), “Lời thỉnh cầu “bóng gió trong tiếng Anh và tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (6), tr.54 – 62.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Hải (2014), “Động từ ngữ vi cầu khiến trong ca dao người Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* (8) – 226, tr.53-58.
6. Dương Tuyết Hạnh (2006), “Hành vi hướng hàm ẩn trong tham thoại”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (6), tr.1 – 6.
7. Cao Xuân Hạo (1999), *Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Phạm Thị Như Hoa (2015), “Hành động ngôn ngữ gián tiếp hỏi – tranh biện được thực hiện trong thơ Chế Lan Viên”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (1), tr.69 – 77.
9. Bùi Mạnh Hùng (1999), “Những hình thức thể hiện hành động cảnh báo trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (3), tr.32 – 38 .
10. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Vũ Thị Thanh Hương (1999), “Gián tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (8), tr.34-43.
12. Vũ Lan Hương (2018), *Ứng dụng ngữ pháp giao tiếp trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, ĐHKHXH & NV, Hà Nội.
13. Đào Thanh Lan (2004), “Phân tích sắc thái ngữ nghĩa cầu khiến của các động từ Ra lệnh, Cấm, Cho phép, Yêu cầu, Đề nghị, Khuyến, Mời, Chúc, Xin trong câu tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (1), tr.13-18.
14. Đào Thanh Lan (2005), “Cách biểu hiện hành động cầu khiến gián tiếp bằng câu

- hỏi – cầu khiến”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (11), tr.28-32.
15. Đào Thanh Lan (2007), “Nhận diện hành động ngôn từ gián tiếp trên tư liệu lời hỏi – cầu khiến tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (11), tr.10-19.
16. Đào Thanh Lan (2009), “Nhận diện hành động Nài/ Nài nỉ trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (11), tr.38-42.
17. Đào Thanh Lan (2010), *Ngữ pháp và ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
18. Đào Thanh Lan (2011), “Về việc phân loại hành động cầu khiến tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (11), tr. 59 - 66.
19. Đào Thanh Lan (2012), *Một số vấn đề ngữ pháp – ngữ nghĩa của lời (trường hợp lời cầu khiến tiếng Việt)*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
20. Đào Thanh Lan (2019), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
21. Hoàng Long– Quang Hùng (2008), *Từ Điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Lương (2006), “Câu cầu khiến tường minh và câu cầu khiến nguyên cấp”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* (5) -127, tr.9 -12.
23. Nguyễn Thị Thanh Ngân (2012), *Các hành động thuộc nhóm cầu khiến tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
25. Lê Quang Thiêm (2004), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Thuận, Nguyễn Thị Hồng Toan (2015), “Hành động nói gián tiếp thực hiện bằng hành động hỏi trên tư liệu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* (3) -233, tr.14 – 21.
27. Lê Thị Tố Uyên (2019), *Nghiên cứu sự tiếp nhận và biểu đạt hành động cầu khiến của trẻ thiếu năng ngôn ngữ (3-6 tuổi)*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, ĐHKHXH & NV, Hà Nội.
28. Phan Trinh Vũ (2015), *Phát ngôn cầu khiến gián tiếp trong tiếng Việt (liên hệ với tiếng Hán)*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, ĐHKHXH & NV, Hà Nội.

Tiếng Anh:

29. Austin, J. L. (2002), *How to do things with words*, 外语教学与研究出版社, 北京.
30. J. L. Austin (1975), *How to do things with words (2 Edition)*, Clarendon Press, Oxford.
31. Katz, J. J & Postal, P.M. (1964), *An Intergrated Theory of Linguistic Descriptions*, MA: MIT Press, Cambridge.
32. Lyons (1977), *J.Samantics, Vol.2 [A]*. Cambridge: Cambridge University Press.
33. Ross, J.R (1970), *On declarative sentences*, R.A. Jacobs & P.S Rosenbaum. Readings in English Transformational Grammar. Waltham Ma: Gina, 1970: 222-272.
34. Searle, J. (1975), *Indirect Speech Act [A]*, Peter Cole and Jerry L. Morgan, *Syntax and Semantics (Vol.3) [G]*, Academic Press, New York

III. Tiếng Hán:

35. 陈艳丽 (2007), *现代汉语中隐性否定祈使句*, 汉语言文学硕士学位论文, 浙江师范大学.
36. 方文增 (2011), *现代汉语感叹行为语用研究*, 汉语言文学硕士学位论文, 浙江大学.
37. 冯广义 (1999), *语境适应论*, 湖北教育出版社, 武汉.
38. 高增霞 (1998), “疑问祈使句”, *语文学刊 (05)*, 35-37 页.
39. 何兆熊 (2000), *新编语用学概要*, 上海外语教育出版社, 上海.
40. 刘焕辉 (1988), *言语交际学*, 江西教育出版社, 南昌.
41. 林娟延 (2006), *正反问祈使义句的句法、语用分析*, 汉语言文学硕士学位论文, 北京语言大学.
42. 李圃 (2013), “祈使行为、祈使结构及祈使句”, *新疆大学学报 (哲学·人文社会科学版) (04)*, 132-135 页.

- 43.吕叔湘 (1942), *中国语法要略*, 商务印书馆, 北京.
- 44.托娅、杨倩 (2004), “论广告语的间接性指令及其礼貌原则”, *中国海洋大学学报 (社会科学版)* (01), 89-91 页.
- 45.商务国际辞书编辑部 (2020), *现代汉语词典*, 商务印书馆国际有限公司, 北京.
- 46.宋红晶 (2010), *现代汉语祈使句语力研究*, 汉语言文学硕士学位论文, 苏州大学
- 47.石佩雯 (1980), “四种句子的语调变化”, *语言教学与研究* (02), 71-81 页.
- 48.索振羽 (2014), *语用学教程*, 北京大学出版社, 北京.
- 49.索振羽 (2018), *语用学教程*, 北京大学出版社, 北京.
- 50.王擎擎 (2014), *现代汉语功能句型系统构建研究*, 汉语言文学博士学位论文, 华中师范大学.
- 51.王秀荣 (2001), “言语交际中‘祈使行为’的表达形式”, *北京教育学院学报* (02), 27-31 页.
- 52.许余龙 (2017), *对比语言学*, 上海外语教育出版社, 上海.
- 53.尹相熙 (2013), *现代汉语祈使范畴研究*, 汉语言文学博士学位论文, 复旦大学.
- 54.朱德熙 (1982), *语法讲义*, 商务印书馆, 北京.
- 55.赵微 (2005), *指令行为与汉语祈使句研究*, 汉语言文学博士学位论文, 复旦大学.
- 56.赵微 (2005), *指令行为与汉语祈使句研究*, 上海科学社科院出版社, 上海.

DANH MỤC NGUỒN TƯ LIỆU TRÍCH DẪN

Tiếng Việt:

1. Nguyễn Nhật Ánh (2008), *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Nhật Ánh (2013), *Trước vòng chung kết*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
3. Nguyễn Nhật Ánh (2015), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Nhật Ánh (2018), *Tôi là BêTô*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Nam Cao (2018), *Tuyển tập*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
6. Cửu Bả Đao (Lục Hương dịch) (2019), *Cô gái năm ấy chúng ta cùng theo đuổi*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội.
7. Trương Gia Giai> (Tân Văn, Lương Hiền dịch) (2020), *Ngang qua thế giới của em*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
8. Nguyễn Công Hoan (2019), *Ngựa người hay người ngựa*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
9. Nguyễn Công Hoan (2001), *Truyện ngắn*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
10. Nguyễn Công Hoan (2016), *Nợ nần*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
11. Nguyễn Công Hoan (2018), *Bước đường cùng*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
12. Khải Hưng (2018) , *Nửa chừng xuân*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
13. Cửu Dạ Hồi (Hàn Vũ Phi dịch) (2019), *Năm tháng vợ vã (Tập 1)*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
14. Cửu Dạ Hồi (Hàn Vũ Phi dịch) (2019), *Năm tháng vợ vã (Tập 2)*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
15. Nhiều Tuyết Mạn (Tạ Thu Ngân dịch) (2018), *Tai trái (Tập 1)*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
16. Nhiều Tuyết Mạn (Tạ Thu Ngân dịch) (2018), *Tai trái (Tập 2)*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
17. Mặc Ngôn (Nguyễn Trần dịch) (2017), *Éch*, NXB Văn Học, Hà Nội.
18. Hải Nham (Nguyễn Trần dịch) (2009), *Mãi không nhắm mắt*, Nxb Văn Hoá Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

19. Bảo Ninh (2005), *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
20. Vũ Trọng Phụng (2003), *Số đỏ*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
21. Vũ Trọng Phụng (2017), *Lục xì*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
22. Lỗ Tấn (2014), *AQ chính truyện*, Nxb Văn Học - Thông Tin, Hà Nội.
23. Lỗ Tấn (Trương Chính dịch) (2016), *AQ chính truyện*, Nxb Hội Văn Học, Hà Nội.
24. Nguyễn Huy Thiệp (2020), *Truyện ngắn*, Nxb Văn Học, Hà Nội.

Tiếng Hán

1. 鲍鲸鲸 (2011), 失恋 33 天[M].中信出版社, 北京.
2. 傅成劫 赵玉兰 祝仰修 余富兆 (2003), 越南现代小说选读[M].北京大学出版社, 北京.
3. 海岩 (2005), 永不瞑目 [M].作家出版社, 北京.
4. 九把刀 (2012), 那些年我们一起追过的女孩 (1)、(2) [M], 中国出版集团、现代出版社, 北京
5. 九夜茴 (2014), 匆匆那年[M], 凤凰出版传媒股份有限公司、江苏凤凰文艺出版社, 北京.
6. 鲁迅 (2014), 啊 Q 正传 [M].北京联合出版社, 北京.
7. 鲁迅 (2014), 鲁迅小说全集 [M].群言出版社, 北京.
8. 莫言(2009), 《蛙》 [M].上海文艺出版社, 上海.
9. 饶雪漫 (2015), 左耳 (1)、(2) [M].凤凰出版传媒股份有限公司、译林出版社, 北京.
10. 张嘉佳 (2019), 从你的全世界走过[M], 湖南文艺出版社, 长沙.

PHỤ LỤC

I Tư liệu tiếng Việt:

Phần tư liệu tiếng Việt bao gồm phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước và phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước, tổng cộng có 79 phiếu.

1. – (Chị ơi, hết mắt bò rồi.) Chị ăn phở gà được không? (Khẩu ngữ)
2. – Mẹ muôn con chăm chỉ học bài. (Khẩu ngữ)
3. – Lạnh quá! (Khẩu ngữ)
4. – Con ơi, con có cho mẹ vào không? (Khẩu ngữ)
5. Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:
– Có đi hay không? <Truyện Ngắn - Nguyễn Công Hoan >
6. – Phải, tôi cũng biết vậy.
– Thế thì nên trình quan biết chứ?
– Ô anh em còn phải dạy ông quan hay sao? <Cám chợ- Nguyễn Công Hoan>
- 7.– (Chị lại đi tắm bỏ rồi!) Tuần sau mình cũng ăn lẩu chứ? (Khẩu ngữ)
8. – Sáng mai mẹ về gửi cái váy, được không? (Khẩu ngữ)
9. – Xuống dưới nhà mở cửa cho chị, được không? (Xuống dưới nhà mở cửa cho chị nhé!)
– Dạ, vâng! (Khẩu ngữ)
- 10.– Đi tranh đấu với tụi quân Nhật, Phi đi ngay bây giờ có được không?
< Võ Bò -Nguyễn Đình Thi >
- 11.– Mẹ ơi, con muốn xem tivi, có được không ? (Khẩu ngữ)
12. – Có thể lấy hết sườn này giúp chi không? Sườn ngon mà. (Khẩu ngữ)
13. – (Chị ơi, em nói thật là thế, em là người học ngoại ngữ, không biết môn toán học ở đâu). Chị có thể dạy em làm bài môn này không? (Khẩu ngữ)
14. – Có thể lấy hết sườn này giúp chi không? (Sườn ngon mà.)

Khẩu ngữ

Họ dỡ tranh quăng xuống sân rào rào. Ninh chạy về:

– Ô hay! Sao các ông phá nhà tôi? < Tuyền Tập - Nam Cao>

16. Nhạc thấy thằng Tân ngồi bất động, vẻ mặt rầu rĩ pha lẫn hậm hực, anh nheo mắt hỏi:

– Sao em không vỗ tay? Bàn thắng vừa rồi không đẹp hả.

<Trước vòng chung kết – Nguyễn Nhật Ánh>

17. – Bố nói: “Sao vút đồ lung tung thế? Cái ghế là để mẹ ngồi để mẹ làm việc chứ. Sao lại để quần áo? Và cái ghế để ngồi chứ!” (Khẩu ngữ)

18. Tôi thấy nó ngồi lom khom một chỗ, sẫm soi cái gì đó trong tay.

– Mày ngồi làm gì đó, sao không hái củ gà đi, Tường?

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>

19. Đạp chạy về, nó vồ lấy bà, nhưng trông thấy đùm xôi ở tay Ninh, lại bỏ bà ra để vồ lấy đùm xôi. Ninh hất tay nó ra, mắng:

– Làm gì thế?

< Tuyển Tập - Nam Cao>

20. Nhìn thẳng Tường loay hoay đi tới đi lui, tôi chép miệng:

– Mày làm gì như con lật đật vậy, Tường?

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>

21. Mới thoát trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

– Ai kia? Ai ngồi làm gì kia?

– Chó nó ra, nó lòi mớ ra cho đấy? Sao mà bạo thế?

< Tuyển Tập - Nam Cao>

22. (Trời đã dừng mưa, đồ uống cũng dùng hết. Nhìn thấy cô giáo vội vàng về nhà, chủ quán nhìn thấy thì hỏi.)

– Cô về làm gì vội? Đã không mưa nữa rồi.

(Khẩu ngữ)

23. – Hay là đem ra chợ bán đi?

– Con không bán đâu. U già rồi sống được bao nhiêu lâu nữa. Để ăn cho nó biết mùi.

< Đất làng- Nguyễn Thị Ngọc Tú>

24. Tường có vẻ không bị tôi khuyết phục. Nó nhìn lên cảnh phượng đỏ rực bên kia đường:

– Hay mình hái nhụy hoa phượng chơi trò đá gà đi, anh.

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>

25. Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rét. Có lần tôi ái ngại quá, bảo anh:

- Ôm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không?(_Minh ôm, ai nữ nói)? < Tuyền Tập – Nam Cao >
26. Mấy hôm sau, tôi lại nhắn cho con Tuấn một tin nhắn mới. Cũng góp từ mẩu tin chú Nhiên gửi cô Linh:
- “Chiều nay chúng ta lai rai một chút chẳng? (Buồn ơi là sầu.)”
< Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ – Nguyễn Nhật Ánh >
- 27.– Cháu bảo: Chú uống ít rượu thì thôi, sợ lắm.
- Chú nói: Sợ gì mà sợ? (Rượu này uống ngon mà thấy bở.) (Khẩu ngữ)
28. Nghĩa chạy lại, giằng bút ra, nói:
- Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao?
<Tôi cũng không hiểu tại làm sao – Nguyễn Công Hoa >
- 29.– Em ơi, hôm nay tỉ giá đôi tiền nhân dân tệ là bao nhiêu nhi? Chi muốn đôi tiền.
(Khẩu ngữ)
30. – Không bác ạ. Chẳng lẽ tôi với bác, mà bác có việc, tôi lại đợi bác cho uống rượu rồi mới giúp bác hay sao?
- Không phải thế, nhưng tôi muốn mời chú uống chén rươu cho vui.
< Tuyền Tập - Nam Cao >
31. – Máy tính kêu to lắm!
– Mẹ cứ kệ, để con xử lý cho.
(Xử lý ngay.) (Khẩu ngữ)
- 32.– Ồi, đau em quá! <Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>
33. Rồi rung rúc lên khóc:
- .– Bác có kế gì cho tôi vào nhà được không?
< Nợ nần – Nguyễn Công Hoan >
34. – Cháu có thể xin bà một điều không?
< Người đàn bà đích thực –B.T. Bradford >
35. (Khi con ăn sáng, chỉ ăn đồ ăn mà không uống thứ gì.)
– Sao con không uống nước? Con uống nước trước đi. (Khẩu ngữ)
36. Nhìn thẳng Tường loay hoay đi tới đi lui, tôi chép miệng:

Sơn xoa tay:

– (Thôi, thôi, không được cãi trọng tài!) Hồi nãy tui tao không khiêu nại thì thôi chớ tui bây bầy đặt khiến nại làm cái cóc gì?

< Trước vòng chung kết - Nguyễn Nhật Ánh >

37. – Hay hôm nay mình đi phố cổ? (Khẩu ngữ)

38. – (Chị ơi, chị có quen bạn nào học ngành Quản Lý không? Em đang viết bài tiểu luận, nhưng thầy giáo không cho bọn em ppt.) Chị quen bạn nào có thể giúp em không? (Khẩu ngữ)

39. À hàng xén trợn mắt – Ai mượn các ông các bà chỗ mồm vào?

< Ba Giai – Tú Xuất – Lê Văn Trinh >

40. (Nhận được nhắn tin nhâm.)

– Tôi muốn anh gặp tôi để nói chuyện. (Khẩu ngữ)

41. – Con muốn đi chơi công viên nước.

42. – Ủ, đi chơi công viên nước, ăn kem hồ Tây nhé. (Khẩu ngữ)

43. (Con chó kêu to.)

– Úi! Ghê lắm! (Khẩu ngữ)

44. Chú Tám đưa tay ngoắt Tân:

– Ê, nhà trung phong số một! Lại đây chú mày mời ly đá chanh, chịu không cung?

< Trước vòng chung kết- Nguyễn Nhật Ánh >

45. – Me ơi, hôm nay có bạn đánh con. Con chẳng biết tên, có bạn áo vàng, bạn áo trắng và bạn áo gấu đánh con.

– Thế thì mách cô giáo! (Khẩu ngữ)

46. Ba tôi hăm he:

– Mày mà còn đánh cắp thức ăn trong tủ lần nữa là tao chặt tay mày nghe, cu Mùi!

< Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ – Nguyễn Nhật Ánh >

47. – Tôi cho bác rập, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đồng ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: “Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?”

< Tướng về hưu – Nguyễn Huy Thiệp >

48. Tôi nói:

– Sau này u có chết chỉ nhờ anh chị cho cỗ ván, thế là mãn nguyện.

Con Bách không nghe:

– Con là phận gái, chả báo hiếu được bà ngày nào. Bà để con nuôi bà lúc sống
chả hơn u? < Nờ Nân – Nguyễn Công Hoan >

49. Điện thoại của ban chỉ huy hỏi dồn thêm...

– Alô! Alô! Pháo binh đã tới chưa? ... Đến đâu rồi?... Sao thế?..

< Tuyên Tập - Nam Cao >

50. Chủ tịch đưa bàn tay úp sấp ra phía trước, gật đầu:

– Được rồi. Các đồng chí khác?

Các đội viên tranh nhau kể. Đại khái toàn là những câu nói nặng, những cử chỉ cục cằn.

< Tuyên Tập - Nam Cao >

51. – Hôm nọ bỏ luộc lại nó chín, như mới. Hôm nọ mẹ cũng luộc lại nó chín như mới.

– Không, con rán thôi. Còn chắm đường nữa.

– Ủ, rán có sợ nhiều mỡ không?

– Không, bình thường, sợ gì ạ?

(Khẩu ngữ)

52. Vừa xuống tới sàn nhà, tôi lại leo ngược trở lên, đứng cạnh nó:

– Thấy chưa! Rất dễ!

<Tôi là BêTô – Nguyễn Nhật Ánh >

53. Tôi nói và luôn tay xuống lưng nó thử ấn những ngón tay lên cột sống. Tường lại nhăn mặt:

– Đau em, anh hai!

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

54. – Đây là thuốc uống Can-xi của mẹ. (Con không uống được.) (Khẩu ngữ)

55. – Hết đau cái con khi! – Tôi mắng Tường và nghe mũi mình cay cay.

– Em hết đau thật mà. – Tường nói, lẩn tránh ánh mắt của tôi.

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

56. Bác sĩ Joyeux ngăn tôi lại, ra tủ sách một lần nữa, lấy một ít giấy in đưa cho tôi.

– Trong những vật liệu tôi trao cho ông, còn thứ này nữa mới là đủ.

<Lục Xi – Nguyễn Công Hoan >

57. Chợt bác Tân trai đến chơi. Thấy vợ chồng Pha đang to tiếng, thì bác ngờ ngợ, hỏi:

– Kìa, tôi tưởng chú dì đã xong nợ, tôi có hai đồng đây, định cho chú dì tiêu.

< Bước đường cùng – Nguyễn Công Hoan >

58. Nhớ lại phút chia ly ấy, Liễu nghẹn ngào.

Nhàn cànng tưởng chị uất ức vì chồng, an ủi:

– Thôi, bây giờ chịu khổ, bao giờ độc lập tha hồ mà sung sướng. Độc lập thì anh ấy làm to lắm.

< Tuyên Tập - Nam Cao >

59. Mẹ bảo - Cô Trang nói: “Đi học vui lắm, thế mà chẳng chịu đi học, suốt ngày ở nhà.”

(Khẩu ngữ)

60. Rồi con bé con lên nói:

– Thầy cháu mời các ông xuống dưới nhà nói chuyện.

< Chuyện chó chết cái thâm ý của anh chàng sợ vợ – Nguyễn Công Hoan >

61. – Mày không ăn, mẹ mày biết mẹ mày buồn lắm đó.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

62. Mẹ gọi: Đứng ra ngoài nhé, đi bây giờ nắng chết.

– Bà nói thêm: Trời nắng đi ra ngoài, da nó sẽ đen đấy, con ơi.

(Khẩu ngữ)

63. – Buông ra! Không đũa nào được bắt nạt bạn tao!

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh– Nguyễn Nhật Ánh >

64. Cả tốp trình sát soạt soạt rút dao găm. Kiên vội ngăn:

– Đứng! ấy chứ... Bon này chắc cũng muốn được la khóc đã rồi mới chết. Chết ngay thì chúng không thích đâu.

– Đ má! Giết thì giết đi - Một thằng rống lên - ăn thịt tụi tao đi. Giết liền đi? Tay tao nè, đổ lòm máu ba con nhỏ của tụi mày đó?

<Nỗi Buồn Chiến Tranh – Bảo Ninh>

65.– Là trò này này!

Sơn cười hề hề, hai bàn tay làm một cử chỉ hết sức tục tũ.

– Đồ mắt dạy! – Tôi đỏ mặt.

<Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh>

66. Tôi can:

– Mua làm gì nhiều thế?

– Để hút dãn.

– Tiền đâu mà có thế?

< Nợ nần – Nguyễn Công Hoan >

67. Bà bảo là “Úi, mười rưỡi cơ mà!”

Tôi bảo: “Mười rưỡi tao đã ăn rồi. Sang (nhà tao) ăn đi thôi.”

(Người nghe im.)

(Khẩu ngữ)

68. Chị Pha bĩu môi:

– Nếu học dễ như thế, thì nước Nam này ai không thể ra làm quan được.

< Bước đường cùng – Nguyễn Công Hoan >

69. (Bà hát bài ca cho em bé.)

Mẹ: Bà hát hay lắm! Hoan hô!

Em bé: A... a ...a!

(Khẩu ngữ)

70. Không biết quan Huyện có ái ngại cho tình cảm nhà bác hay không, mà bác vẫn thấy ngài bảo:

– Anh có của mà không biết dùng? Mấy trăm đồng bạc mà cứ để phí để hoài như thế?

< Truyện Ngán – Nguyễn Công Hoan >

71. Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diện Để. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: “Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?” Tôi chỉ lắc đầu.

< Thương nhớ hoàng lan – Trần Thủy Mai >

72. Mẹ bảo - Cô trang nói: “Đi học vui lắm, thế mà chẳng chịu đi học, suốt ngày ở nhà” .

– Đúng rồi, đi học vui mà con ơi. Có nhiều bạn bè chơi.

(Khẩu ngữ)

73. Thằng Tường nói:

– Miếng thịt gà này là của chị nè.

< Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh – Nguyễn Nhật Ánh >

74. – Lạy quan lớn, con xin khẩn một nén.

Quan cười:

– Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khứ hồi ô – tô tôi về đây cũng đáng một nén ròi. <Thịt người chết – Nguyễn Công Hoan>

75. Mãi sau, Tân mới phá tan sự im lặng:

– Nhưng em nghĩ bạn Hoàng không có bán đồ. Bạn ấy để thùng lưới hôm trước là do sơ sẩy. < Trước vòng chung kết- Nguyễn Nhật Ánh >

76. – Con làm ồn áo quá, làm thằng bé Bi không ngủ được, thằng bé mách bà ngoại đây! (Khẩu ngữ)

77. Chị đập chân, cựa tay:

– Ông buông tôi ra! Ông đều lắm! Tôi tự tử bây giờ!

< Sáng, chị Phu mỏ - Nguyễn Công Hoan>

78. Hai mắt long lên, cụ ký giờ năm đầu ngón tay:

– Ông thì vả vỡ tan họng mày ra bây giờ! Me mày chết, mày đã trình báo gì tao chưa, mà đã dám khóc?

< Công dụng của cái miệng– Nguyễn Công Hoan>

79. Bà bảo hấn rằng: “Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già.” < Tuyển Tập - Nam Cao>

Tư liệu tiếng Hán:

Phần tư liệu tiếng Việt bao gồm phát ngôn cầu khiến gián tiếp quy ước và phát ngôn cầu khiến gián tiếp phi quy ước, tổng cộng có 79 phiếu.

1. “看什么? 有什么好看的? 都回去上班!”

“Xem cái gì? Có gì hay ho mà xem chứ? Về phòng làm việc đi.”

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

2. 他答: “去, 我希望你也能去。他们谈他们的生意, 咱们可以聊聊天。”欧阳兰兰说: “行。要我去接你吗?”

Anh nói: “Đến, hy vọng em cũng đến, bọn họ nói chuyện làm ăn còn chúng ta thì nói chuyện phiếm.” Âu Dương Lan Lan nói: “Được. Anh có cần em đến đón không?” 《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

3. (闯红灯)

- 挨罚!

(Vượt đèn đỏ)

- Bi phạt!

(Khẩu ngữ)

4. - 龙姐, 明天下午咱们去游泳吗?

- 去呀!

- Cô Long ơi, chiều mai đi bơi không a?

- Đi chứ!

(Khẩu ngữ)

5. “象棋? 你们男生那边有带象棋来? 那等一下你把象棋拿到女生房间玩好不好?”沈佳仪有些惊讶, 似乎也会玩象棋。

“Cờ tướng? Bọn con trai các cậu mang cờ tướng đến à? Thế lát nữa cậu mang bàn cờ sang phòng con gái chơi được không?” Thẩm Giai Nghi thoáng ngạc nhiên, nghe giọng có vẻ cũng biết chơi tướng.

《那些年我们一起追过的女孩》-九把刀 (“Cô gái năm ấy chúng tôi cùng theo đuổi” - Cửu Bả Đao

6. “喂?” 我的声音不争气地抖着。

“在上班?”

“.....我们把这些对话省掉成吗?”

"A lô?". Giọng tôi run rẩy, ỉu xìu.

"Đang đi làm à?".

"... Chúng ta có thể bỏ qua mấy lời này được không?".

《失恋 33 天》-鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình”- Bào Kinh Kinh)

7. 他站起来, 想把卧室和客厅之间的门关上, 但文燕在黑暗中说:“别关门, 行吗?”

Anh đứng lên định đóng cửa phòng ngủ, bỗng nghe tiếng Văn Yến thì thầm trong bóng tối: Đừng đóng cửa!

《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

8. 我说: “我现在就住在蓝公子家里。”

他说：“欣欣你别这样，你能回来吗？”

– Em đang ở nhà Lam công tử đây này.

– Hân Hân, đừng thế mà, về với anh đi!

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Giai Giai>)

9. “我想请你帮个忙，我今年怕是回不去了，你去南山的时候，帮我给吧啦献上一束花。还有我妈妈的，我妈就喜欢玫瑰。你替我买粉色那种玫瑰，可以吗？”

“Anh nhờ em giúp một chuyện. E là năm nay anh không về được, khi em đến Nam Sơn thì mang cho Ba Lạp một bó hoa giúp anh. Cả mẹ anh nữa, mẹ anh thích hoa hồng. Em mua hộ anh hoa hồng màu hồng phấn ấy, được không?”

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

10. – 亮亮，你回家的时候可不可以顺便帮我拿一下快递？

– Anh Lương ơi, khi anh về nhà có thể tiện tay lấy hộ em kiện chuyển phát nhanh không? (Khẩu ngữ)

11. 林嘉茉惊讶地说，“这日子你都能忘！真是念书念傻了！”

“所以我找你，要不你陪我去买点？”方茴拉住她。

Lâm Gia Mạt sững sốt hỏi: “Ngày này mà cậu còn quên được à! Thật đúng là học nhiều quá đầu óc lú lẫn hết rồi!”

“Thế nên tớ mới đến tìm cậu, hay cậu đi mua cùng tớ nhé?”. Phương Hồi liền kéo cô lại.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

12. – 你是不是够年龄找个女朋友了？

– Có phải cháu đã đến tuổi tìm một người yêu rồi? (Khẩu ngữ)

13. 两人边说边走进校门，肖童说：“想不想去看看我的宿舍？”

Hai người vừa thả bộ vừa nói chuyện, Tiêu Đồng nói:

– Chị có muốn đi thăm ký túc xá của chúng tôi không?

《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

14. – 赵芬啊，依依怎么惹你生气了？干什么要这么骂小孩呢？

(发话人去安抚孩子。赵芬还在生气，但不再说什么了。)

– Triệu Phân à, bé Y Y làm thế nào cho cậu tức giận đấy? Sao phải mắng con bé như thế?

(Người nói đi an ủi con bé. Phân vẫn tức giận, nhưng không nói thêm gì cả.)

(Khẩu ngữ)

15. 我长叹一声道：你们为什么非要赶尽杀绝呢？ 弄死一个王仁美难道还不够吗？

王仁美是咎由自取。小狮子冷冷地说。

Tôi thở dài, nói: “Tại sao các người lại tuyệt tình đến như vậy? Làm chết một Vương Nhân Mỹ vẫn chưa đủ sao?”

“Vương Nhân Mỹ tự làm tự chịu!” Giọng “Tiểu sư tử” lạnh căm căm.

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

16. – 雷医生，49号床病人血压又增高了。

– 喊什么呀？ 我还正在开医嘱。

– Bác sĩ Lôi, bệnh nhân ở giường số 49 huyết áp lại tăng .

– Kêu gì? Tôi còn đang viết đơn thuốc cơ.

(Khẩu ngữ)

17. – 新娘子都进门了，你怎么还蹲在这里烧水？

– Cô dâu đã đến rồi đấy! Sao anh còn ngồi đây để đun nước?

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

18. 张晓华微笑着说，“贝贝，怎么不给方茴拿冰棍吃？”

Bà Trương Hiểu Hoa liền mỉm cười nói: “Bối Bối, sao không lấy kem mời Phương Hồi ăn con?”.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

19. – (那这样，我们先去游泳，再去菜市买虾。) 晚上吃白灼虾，怎样？

- 好耶！

- (Thế này nhé, mình đi bơi đã, rồi đi chợ mua tôm.) Tối này ăn tôm luộc, em

thấy thế nào?

- Nhất trí! (Khẩu ngữ)

20. – (周末我们打算去北海玩。) 你去不去?

– (Cuối tuần này chúng mình định đi chơi Bắc Hải.) Câu đi không?
(Khẩu ngữ)

21. “好好好! 我这就上国际饭店门口等着去!”

“(这都几点了?) 等什么等啊? (就算是他, 人家也得睡觉啊! 你先回家, 明天再来吧!)”

“Được rồi được rồi! Tớ sẽ sang công khách sạn International đợi đây!”.

“(Giờ là mấy giờ rồi!) Đợi gì mới được chứ! (Kể cả là cậu ta thì người ta cũng phải ngủ! Cậu về đi đã, ngày mai quay lại!)”.

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

22. – 晓龙老师, 你有韦丽华老师的电话号码吗?

– 有, 稍等啊。

– Cô Hiếu Long a, cô có số điện thoại của cô Vi Lệ Hoa không a?

– Có, chờ tý nhé. (Khẩu ngữ)

23. 魏依然坐在车里冲我喊: “上车吧?”我点点头, 拉开后座的车门, 坐了上去。

Nguy Y Nhiên ngồi trong xe gọi tôi, "Lên xe chứ?". Tôi gật đầu, mở cửa ghế sau, ngồi lên.

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

24. (老同学们在 KTV 聚会唱歌, 时间已经结束。有一位同学非要付钱继续唱。)

– 行啦! 难不成你还想唱到天黑吗? 该去吃火锅啦。

(Bạn bạn học cũ cùng lớp liên hoan tại KTV, đã hết giờ rồi nhưng có một bạn học cứ đi nộp tiền muốn hát tiếp.)

– Được rồi! Chẳng lẽ cậu muốn hát đến đêm hay sao? Đến lúc ăn rồi.

(Khẩu ngữ)

25. (女儿春节放假回家)

- 嘻嘻! 妈, 我想吃你做的扣肉啦。
- (Con gái được nghỉ Tết về nhà)
- Hihi! Me oi, con muốn được ăn món khâu nhục của mẹ nấu ý. (Khẩu ngữ)
26. - 你妈妈是希望你能当个称职的老师。
- 知道, 我也一直在为之努力, 所以愿意读博。
- Mẹ cháu là hy vọng cháu có thể trở thành một giáo viên xứng đáng.
- Dạ, cháu biết. Vì thế cháu sẵn sàng học, để lấy bằng tiến sĩ. (Khẩu ngữ)
27. (喝水太快)
- 呛着!
- (Uống nước nhanh quá)
- Cẩn thận sặc! (Khẩu ngữ)
28. - 妈, 这条裙子好漂亮啊!
- 好, 你喜欢就买给你。
- Mẹ ơi, chiếc váy này đẹp quá!
- Ừ, nếu con thích thì mẹ sẽ mua cho con. (Khẩu ngữ)
29. - 出去玩怎么录音得了?
- 那是你的事! 你帮不帮我录音的?
- Ra ngoài chơi làm sao mà ghi âm được?
- Đó là chuyện của mày! Mày có ghi âm giúp tao không? (Khẩu ngữ)
30. (两个好朋友正打电话聊天。)
- 明天下午我们去星巴克喝咖啡吧? 继续闲聊呗。
- 不错!
- (Hai bạn thân đang gọi điện nói chuyện.)
- Chiều mai mình đi starbucks uống cà phê chứ? Trò chuyện tiếp đi!
- Được nhé! (Khẩu ngữ)
31. “别再跟我说话了, 行吗?” 我不耐烦地打断他, “见不到就各自回家啊。”
- “Đừng nói chuyện với em nữa, được không?”. Tôi mất bình tĩnh ngắt lời anh,

"Không gặp thì ai nấy tự về nhà"

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

32. - 这本书借给我回去看，行吗？

- Cho em mượn quyển sách về nhà xem, có được không? (Khẩu ngữ)

33. - 赵姐，明天可以帮我买一点葱吗？

- 没问题。

- Chị Triệu, mai có thể mua giúp em ít hành lá không?

- Được, không có vấn đề! (Khẩu ngữ)

34. (“哎黄小仙儿，) 你怎么没去淘宝上买那个巨棒的叠衣服的板子啊？我都买三个了，没了它我活不成……”

"(Ôi, Hoàng Tiểu Tiên à,) sao cô không lên taobao mua tấm kê để gấp quần áo loại to ấy? Tôi mua ba cái rồi, không có nó, tôi không sống nổi…".

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

35. 老王惊呼：孩子们，你们干什么？(你们……吃煤？煤也能吃？)

Lão Vương kêu lên: “Các cháu! Các cháu làm gì thế? (Các Cháu ...ăn than? Than cũng có thể ăn được sao?)” 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

36. 你姑姑不是人，是妖魔！岳母跳出来说，这些年来，她糟蹋了多少性命啊？她的手上沾满了鲜血，她死后要被阎王爷千刀万剐！

你说这些干什么？ 岳父道，这是男人的事。

“Cô của cậu không phải là người, là loài yêu ma!” Mẹ vợ tôi hẳn học nói – “Mấy năm nay, bà ta đã hại chết bao nhiêu sinh mệnh? Đôi tay bà ta nhúng bao nhiêu là máu tươi, chết xuống âm phủ sẽ bị lão diêm vương băm vằm thân thể ra như cám cho mà xem!”

“Bà nói chuyện ấy làm gì? Đây là chuyện của đàn ông.” Bố vợ nói.

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

37. (天气渐渐炎热，吃饭时更热了。但是晓龙怕冷，平时不喜欢开空调。)

- 晓龙，是不是要开一下空调？

(Thời tiết dần nóng, khi ăn cơm thì càng thấy nóng. Nhưng Hiểu Long sợ lạnh, không thích dùng điều hoà.)

- Hiểu Long à, hay là bật điều hoà một chút? (Khẩu ngữ)

38. - 小黄妹妹, 明天晚上跟我们一起吃饭吗? (明天我们炖红烧牛腩)。

- Em gái Hoàng ơi, tối mai ăn cùng chúng tôi không? (Ngày mai chúng ta sẽ làm món nạm bò kho). (Khẩu ngữ)

39. - 月月这才恼火地起了床, “敲什么敲? (窗户敲坏了。)”

- Nguyệt Nguyệt tức giận đến nỗi thức dậy và kêu lên: “Gõ gì mà gõ? (Cửa sổ bị gõ hỏng rồi.)” 《你是一条河》- 池莉 (“Anh là một con sông” - Trì Lợi)

40. 蒋皎跟着我一直到了浴室的门口, 我问: “(要干吗?) 难道想看我洗澡啊?”

Tường Giao đi theo tôi đến tận cửa. Tôi hỏi, “(Muốn làm gì?) Chẳng lẽ định nhìn anh tắm?” 《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

41. 庆春应和着他: “(给你们带来的惊吓和麻烦我们深表歉意。) 希望你们能安抚一下你们公司的人, (另外也要做做通华工艺雕刻厂那几位的工作。我们表示感谢。)”

Khánh Xuân phụ hoạ:

(Đem đến cho các ông một sự kinh động và phiền phức, chúng tôi thành thật xin lỗi.) Hy vọng ông có thể làm yên lòng những người của công ty ông. (Ngoài ra ông cũng giúp chúng tôi thông cảm với những người thuộc Công ty Công nghệ phẩm Thông Hoa, chúng tôi vô cùng cảm tạ).

《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)

42. “(这样吧黄小姐, 你现在方便出来一下吗?) 我想带你看看我准备办婚礼的现场。 (今天只有我, 李可不来。)”

"(Như vậy nhé cô Hoàng, bây giờ cô tiện không,) tôi muốn đưa cô đi xem địa điểm chúng tôi chuẩn bị tổ chức hôn lễ. (Hôm nay chỉ có tôi, Lí Khả không tới)". 《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

43. (刚把整碗汤端上桌, 就看到女儿直接要喝汤。)

- (这汤还吃不了。) 太烫了!
(Vừa để bát canh trên bàn, thì nhìn thấy con gái cứ ăn canh.)
- (Canh này còn chưa ăn được.) Nóng quá! (Khẩu ngữ)
44. - (我今天出门忘了带钱包。) 你们还在教室吗?
- 在的, 我们有带钱包, 可以送钱去给你。
- (Hôm nay cô quên ví ở nhà.) Các em còn ở trong lớp không?
- Vâng ạ, cô. Chúng em có mang ví, có thể đưa tiền cho cô. (Khẩu ngữ)
45. - 妈妈, 何昊泽老追着我。
- 宝贝, 乖。弟弟只是想跟你玩。
- Mẹ ơi, Hà Hao Trạch cứ đuổi theo con mãi.
- Con ơi, ngoan đã nào. Em trai chỉ là muốn chơi với con thôi. (Khẩu ngữ)
46. - 我电脑又开不了机了!
- 你按开机键啊!
- Máy tính của tôi lại không mở được!
- Bạn cứ bấm sart đi! (Khẩu ngữ)
47. - 没看到妹妹渴了吗? 妹妹正喊喝水呢。
- Không thấy em gái rất khát hay sao? Em gái đang kêu muốn uống nước. (Khẩu ngữ)
48. 庆春说: “(不是, 有个朋友送了我两张今天晚上的芭蕾舞票,)你有兴趣吗?”
- (Có một người bạn tặng cho tôi hai tấm vé xem múa ballet tối nay.) Cậu có muốn đi xem không?
《永不瞑目》- 海岩 (“Mãi không nhắm mắt” - Hải Nham)
49. - 这个(菜)也蛮好吃的啊。(什么都试一下嘛。)
- Cái (rau) này cũng rất ngon. (Món gì cũng phải ăn thử mà.) (Khẩu ngữ)
50. 王小贱俯视着我, 一脸漠然, 过了半分钟, 他开口说: “你妆花了。”
Vương Tiểu Tiện cúi xuống nhìn tôi, vẻ mặt thờ ơ, nửa phút sau, anh ta mở miệng nói: Lớp trang điểm của cô bị nhòe rồi.

《失恋 33 天》- 鲍鲸鲸 (“33 ngày thất tình” - Bào Kinh Kinh)

51. “原来的张阿姨回老家看孙子去了，新来的阿姨是山东的，我怕你吃不惯，晚上在后海那边订了馆子，单屋单席，全是北京菜。估摸着你在外头也吃不了合胃口的，看看，这都瘦成什么样了。”

“Cô Trương giúp việc cũ về quê trông cháu rồi, cô giúp việc mới là người Sơn Đông, mẹ sợ con ăn không hợp đồ ăn cô nấu nên đã đặt chỗ ở nhà hàng bên Hậu Hải, phòng riêng chỗ ngồi riêng, toàn bộ là món ăn Bắc Kinh. Mẹ đoán con sang đó ăn cũng không hợp, coi này, gầy như que củi rồi!”

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

52. 她说：“误会嘛，解释不就完了。”

Cô ấy bảo:

– Chỉ là hiểu nhầm thôi mà, sao không giải thích cho rõ ràng?

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Giai Giai>)

53. 袁腮带着哭腔说，(您就饶了我吧。) 您的车把断了，篓子破了，我找人给您修；您的孩子跌碎了，我赔您钱。

Viên Tai như sắp khóc: “(Chú tha cho cháu,) chiếc xe của chú bị gãy càng, sot của chú bị hư. Nhất định cháu sẽ sửa cho chú. Những đứa con của chú bị vỡ, cháu sẽ bồi thường.”

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

54. 陈寻侧过脸来笑着说，“孙涛的一个哥们儿考下了导游证，现在在旅行社呢，他说可以安排咱们去郊区玩两天，吃住都便宜算。孙涛和杨晴叫咱们跟他们一起去呢！”

Trần Tâm ghé lại gần cô cười nói: “Một cậu bạn của Tôn Đào lấy được giấy chứng chỉ hướng dẫn viên du lịch, hiện đang làm ở hãng du lịch, cậu ấy bảo có thể sắp xếp cho bọn mình ra ngoại ô chơi hai ngày, ăn ở đều rẻ. Tôn Đào và Dương Tình rủ hai đứa mình đi cùng!”

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

55. 骆驼喝了两杯，我说：“再喝就睡不着了。”

Lạc Đà uống liền hai tách. Tôi bảo:

– Uống thêm là không ngủ được đâu.

《从你的全世界走过》- 张嘉佳 (“Ngang qua thế giới của em” – Trương Giai Giai>)

56. – 如果放学没见到你马上回家，两条腿都给你打断!

– Nếu tan học không thấy con về nhà ngay, mẹ sẽ đánh gãy cả hai chân của con!

(Khẩu ngữ)

57. “明天我会带方茴去。”陈寻直直地看着他说。

唐海冰愣了愣，把烟扔在地上狠狠踩了一脚大声说：“你丫还没死心啊！怎么就那么不进盐津味儿！方茴她……”

“Ngày mai tôi sẽ cho cả Phương Hồi đi”. Trần Tầm nhìn thẳng vào cậu ta nói.

Đường Hải Băng sững người ra một lát rồi ném ngay điều thuốc xuống đất, đi chân rồi nói lớn: “Sao ông vẫn không chịu từ bỏ ý định đó nhi! Gì mà nhu nhược thế! Con bé Phương Hồi đó...”

《匆匆那年》- 九夜茴 (“Năm tháng vội vã” - Cửu Dạ Hồi)

58. (去老婆家劝岳父把老婆送去医院做流产手术。)

- 您也是在部队干过的人，我对岳父说，军令如山倒，硬抗是不行的。

(Lên nhà vợ khuyên bố vợ đưa vợ mình đi bệnh viện làm phẫu thuật sảy thai.)

“Bố cũng người từng tham gia quân đội,” tôi nói với bố vợ - “Quân lệnh như sơn, kháng cự là không được.”

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

59. (两边家庭正准备结婚事宜，姑娘要求婆家给彩礼钱和三金，一样都不能少。)

– (得啦。) 哪家的天仙呢。要求那么高。

– 这关你啥事啊。闭嘴!

(Gia đình hai bên đang bàn về mọi chuyện về việc tổ chức đám cưới, cô gái

yêu cầu bên nhà chồng phải chuẩn bị đủ sính lễ, cả tiền mặt và các đồ trang sức vàng.)

– Được rồi! Tiên nữ của nhà nào đấy. Yêu cầu quá nhiều lại quá cao.

– Chuyện này có liên quan gì với chị không? Im đi! (Khẩu ngữ)

60. “两碗?”店里的伙计不相信地看着我。

“两碗!”我大声地重复。

“Hai bát à?” Phục vụ quán nhìn tôi khó tin.

“Hai bát!” Tôi lớn tiếng lặp lại.

《左耳》 - 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

61. 老王惊呼：孩子们，你们干什么？你们……吃煤？煤也能吃？

Lão Vương kêu lên: “Các cháu! Các cháu làm gì thế? Các Chau ...ăn than?

Than cũng có thể ăn được sao?”

《蛙》 - 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

62. 妈，妈，妈！（包子还烫吗？现在能吃了么？）

– 不烫啦，烫不坏你嘴了，吃吧！

（递上包子。）

–Mẹ ơi, mẹ! (Bánh bao còn nóng lắm không? Bây giờ ăn được chưa?)

– Không còn nóng nữa rồi, không nóng hỏng được miệng của con đâu, ăn đi!

（Đưa bánh bao cho con gái.）

（Khẩu ngữ）

63. “你想干什么？”我说。“打架我未必怕你。”

“不打。”黑人说，“打架是粗人干的事，我想请你喝酒，你敢去？”

“ Anh muốn làm gì?” Tôi nhìn anh ta, “ Nếu đánh nhau chưa chắc tôi đã sợ anh đâu.”

“ Không đánh,” Hắc Nhân nói, “ Chỉ những kẻ thô thiển mới đánh nhau. Tao muốn mời mày đi uống rượu, dám đi không?”

《左耳》 - 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

64. 她抽泣着：“你这孩子，从小就多病多灾，又没离开过我。你叫我怎么放心！”

“好啦，妈。”我低声说，“这里都是我们学校的学生，给人看见多不好意思啊。”

Mẹ nước nỡ, “ Con bé này từ bé đã lắm bệnh tật, lại chưa bao giờ xa mẹ,

“Thôi mà mẹ.” Tôi khẽ giọng, “Ở đây toàn là sinh viên trường con, để người ta nhìn nhiều ngại lắm.”

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

65. - 友女, 这家店今天打折耶!

- Câu ơi, cửa hàng này hôm nay có hoạt động khuyến mãi! (Khẩu ngữ)

66. 姑姑洗完手, 说: (饿死我了!) 今晚我要在你们家吃饭。

Rửa tay xong, cô nói: (Đói quá!) Nhất định tối nay tôi sẽ ăn cơm của mọi người.

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

67. “雅希姐请你去, 她打不通你的电话, 让我来跑一趟。”

“Chi Nhã Hy mời anh đến gặp. Chi ấy không gọi được cho anh nên bảo em đến.”

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

68. (看到孩子一直在吃一道菜, 看起来很好吃。)

- (我试试。哎哟, 这道菜好辣啊)。吃多明天都要喉咙发炎了。

(Thấy con cứ ăn một món xào, trông rất ngon.)

- (Mẹ cũng ăn thử xem nhé. Ái chà, món này cay quá!) Ăn nhiều ngày mai sẽ bị viêm họng lại. (Khẩu ngữ)

69. - 今天不来公司接我下班你就死定了!

- Hôm nay nếu anh không đến công ty đón em về nhà, anh sẽ chết!

(Khẩu ngữ)

70. - 几点钟了? 还在弹琴!

- Mấy giờ rồi? Còn chơi piano! (Khẩu ngữ)

71. “这个自修上有解答耶, 你自己看啦。”我肯定是脸红了

“如果我看得懂, 我就不用问你啦, 还是你不想教我?”李小华眨眨眼, 看着我。

“Câu này giờ tự học có đáp án đấy, cậu tự đi mà xem đi.” Tôi chắc chắn mặt mình đã đỏ tung bừng.

“Nếu tớ hiểu được thì hỏi cậu làm gì nữa, hay là cậu không muốn chỉ cho tớ?”

Lý Tiểu Hoa chớp chớp mắt nhìn tôi.

《那些年我们一起追过的女孩》-九把刀 (“Cô gái năm ấy chúng tôi cùng theo đuổi” - Cửu Bả Đao

72. – (来, 倒橙汁!) 周末愉快!

- 周末愉快!

– (Này, đổ nước cam vào đi!) Cuối tuần vui vẻ!

– Cuối tuần vui vẻ!

(Khẩu ngữ)

73. 张金牙上前, 揉了揉张拳一把, 道: 还不给万主任道歉!

Trương Kim Nha đá một cú thật mạnh vào mông Trương Quyền, quát lớn:
“Quỳ xuống ta tội với chủ nhiệm Vạn mau!” 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

74. “你敢动他, 你试试?” 我对黑人说, “我会跟你没完。”

“Anh thử động vào anh ấy xem.” Tôi nói với Hắc Nhân, “Tôi không để yên cho anh đâu. (Nên chuyển dịch thành: Em sẽ liêu mình với anh)”

《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

75. 掌柜也伸出头去, 一面说: “孔乙己吗? 你还欠十九个钱呢!”

Ông chủ quán cũng thò đầu ra nhìn và lên tiếng:

- Không Át Kỳ đấy à? Còn nợ mười chín đồng chinh đấy nhé.

《阿 Q 正传》- 鲁迅 (“AQ Chính Truyện” – Lỗ Tấn)

76. 袁脸说: 王脚, 还算个男子汉吗? 这么点小手术就把你吓成这样! 老子已经带头做了, 什么都不影响, 你若不信, 就让你老婆问我老婆去!

Viên Liễm nói: Vương Cước, ông mà cũng được xem là một nam nhi à? Chỉ một chút tiểu phẫu thuật mà lại khiến ông trở thành bộ dạng như thế này sao! Tôi đây đã xung phong làm đầu tiên rồi, không ảnh hưởng gì cả. Nếu ông không tin thì cứ bảo vợ ông sang hỏi vợ tôi thì biết. 《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)

77. “送我回家好吗?” 她说, “前面有段路很黑的, 你也知道, 我怕。”

“_Anh đưa em về nhé?” Tường Giáo nói, “Đằng trước có đoạn đường rất tối, anh biết là em sợ mà.” 《左耳》- 饶雪漫 (“Tai trái” - Nhiên Tuyết Mạn)

78. “九把刀，你会被打死！”义智把我拉到一旁，好心提醒我，“建伟喜欢的女孩子正在旁边看，喏，就是她。在这种情况下你根本就会被打着玩。”

“Cửu Bả Đao, mày sẽ bị đánh chết mất!” Nghĩa Trí kéo tôi sang một bên, tử tế nhắc: “Đứa con gái mà thằng Kiên Vĩ thích cũng đến xem, kia kia, chính là nó đấy. Kiểu này, mày sẽ bị nó đập cho một trận lấy le thôi.”

《那些年我们一起追过的女孩》-九把刀 (“Cô gái năm ấy chúng tôi cùng theo đuổi” - Cửu Bả Đao

79. 我岳父家的左邻右舍们，一窝蜂拥到他家大门前，拳打脚踢那门，扔破砖烂瓦到院里。有一个还拖来几捆玉米秸子，竖在他家房檐下，高叫：王金山，你不出来点火烧房子啦！

Láng giềng của bố mẹ vợ tôi ào đến cổng, bu kín lấy chiếc cổng như một đàn ong, người lay kẻ đẩy. Có người còn nhặt gạch vỡ ném thẳng vào mái nhà bố mẹ vợ tôi. Có người còn tìm đâu có một om cỏ khô, đứng bên ngoài kê lớn: “Vương Kim Sơn! Không mở cửa là chúng tôi phá cổng xông vào đốt nhà ông ngay bây giờ.”

《蛙》- 莫言 (“Ếch” - Mạc Ngôn)